17 | 2014

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

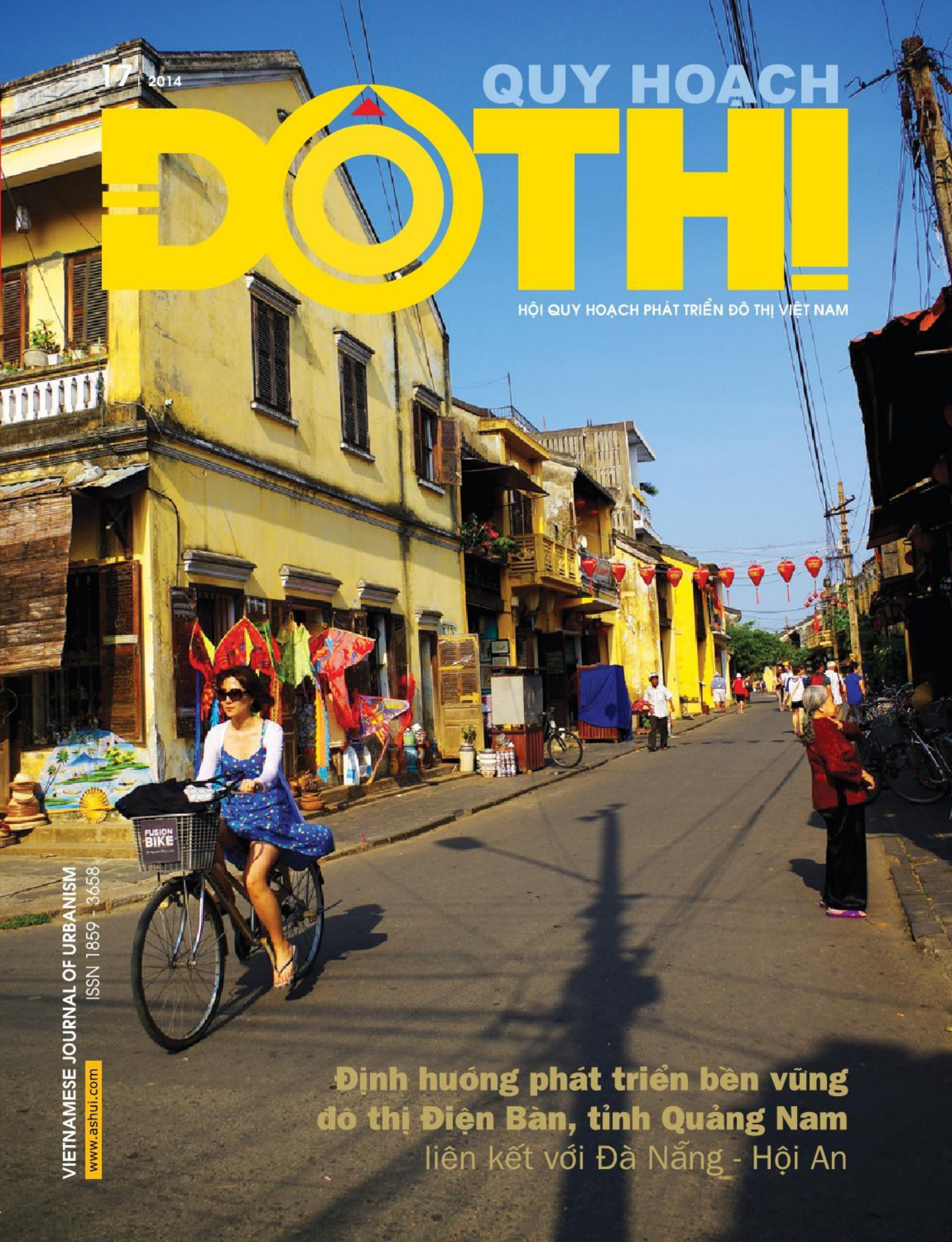

Định hướng phát triển bền vững đô thị Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

liên kết với Đà Nẵng - Hội An

VIETNAMESE JOURNAL OF URBANISM
ISSN 1859 - 3658
www.ashui.com

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TM VN ĐÀ THÀNH

Trụ sở chính: 258 đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 3624 667 - Fax: 0511 3797 815
Website: www.vndathanh.com.vn - Email: info@vndathanh.com.vn

Các đơn vị thành viên

Sàn giao dịch Bất Động Sản VN Đà Thành
Địa chỉ: Tầng 1, 258 đường 2/9, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Chi nhánh tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ: 240 Phạm Văn Đồng, TT.Núi Thành, H.Núi Thành, Quảng Nam

Chi nhánh Đà Nẵng I
Địa chỉ: Tầng 2, 258 đường 2/9, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Ban Quản lý dự án
Địa chỉ: Tầng 3, 258 đường 2/9, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Xí nghiệp Xây lắp số I
Địa chỉ: Tầng 4, 258 đường 2/9, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng
Địa chỉ: 103 đường 30/4, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Trung tâm Tư vấn quản lý dự án
Địa chỉ: 126 Lý Nhân Tông, P.Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Chi nhánh Buôn Hồ - Đắk Lắk
Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

VN Đà Thành - Chắp cánh cho khát vọng an cư

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
VIETNAMESE JOURNAL OF URBANISM

Tổng biên tập *Editor-in-Chief*
TRẦN NGỌC CHÍNH

Phó tổng biên tập *Deputy Editor-in-Chief*
LÊ VIỆT HÀ
ĐỖ HẬU
NGUYỄN TRỌNG HÒA

Hội đồng cố vấn *Advisor Board*
GS.TSKH.KTS NGUYỄN THẾ BÁ
TS ĐỖ HOÀNG ÂN
PGS.TS LƯU ĐỨC HẢI
KTS LƯU TRỌNG HẢI
GS.TS LÊ HỒNG KẾ
GS.TS HOÀNG ĐẠO KÍNH
GS.TS NGUYỄN LÂN
TS ĐÀO NGỌC NGHIÊM
TS NGUYỄN QUANG
PGS.TS NGUYỄN HỒNG THỤC

Ban biên tập *Editorial Board*
NGUYỄN ĐỖ DŨNG
NGUYỄN NGỌC HIẾU
NGUYỄN HOÀNG MINH
NGUYỄN BẮC
LÊ VIỆT SƠN

Đối tác truyền thông *Media partner*
ASHUI.com

Mỹ thuật *Designer*
DESIGN@ASHUI.COM

Trị sự, Phát hành, Quảng cáo *Contact*
Tầng 6 - Cung Trí thức Thành phố,
Khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84(4) 37823910 - Fax 84(4) 37624430
Email : tapchiquyhoachdothi@gmail.com

Giấy phép báo chí số 863/GP-BTTTT ngày 15/6/2010
Mã số chuẩn quốc tế: ISSN 1859 - 3658
In tại Công ty TNHH MTV In Tài chính - Bộ Tài chính
Phát hành tháng 06/2014
Giá 49.500 VND

Bạn đọc thân mến,

Nhận diện đô thị Điện Bàn để định hướng liên kết phát triển bền vững với Đà Nẵng và Hội An là chủ đề của hội thảo mới đây do UBND huyện Điện Bàn tổ chức nhằm trao đổi những nghiên cứu và đề xuất của các chuyên gia cho bài toán phát triển đô thị này. Tạp chí *Quy hoạch Đô thị* số 17 trân trọng gửi tới bạn đọc một số bài tham luận chọn lọc trong chuyên đề kỳ này.

Bên cạnh đó, mục *"Phát triển bền vững"* cũng đề cập đến những nghiên cứu giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu cho thành phố Đà Nẵng, không gian sinh thái Thủ đô Hà Nội và không gian kiến trúc cảnh quan của Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng những tin tức cập nhật trong ngành như thường lệ, *Quy hoạch Đô thị* số 17 dành đăng chi tiết nhiều kết quả giải thưởng được bạn đọc quan tâm như: *Giải thưởng Kiến trúc Pritzker 2014*, *Cuộc thi thiết kế công trình xanh FutuArc 2014* và *Giải thưởng Tòa nhà cao tầng Emporis 2013*.

Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam hướng đến Đại hội lần IV vào tháng 11 năm nay, cùng sự kiện hội thảo quốc tế chủ đề *"Triển vọng quy hoạch Vùng đô thị lớn"* do Hội đăng cai tổ chức, hy vọng sẽ nhận được nhiều sự quan tâm và đóng góp của bạn đọc tạp chí Quy hoạch Đô thị.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng biên tập
TRẦN NGỌC CHÍNH

www.ashui.com

Bìa 1: ***Hội An***. Ảnh: KTS Đặng Tuấn Trung

CONTENTS

Nội dung

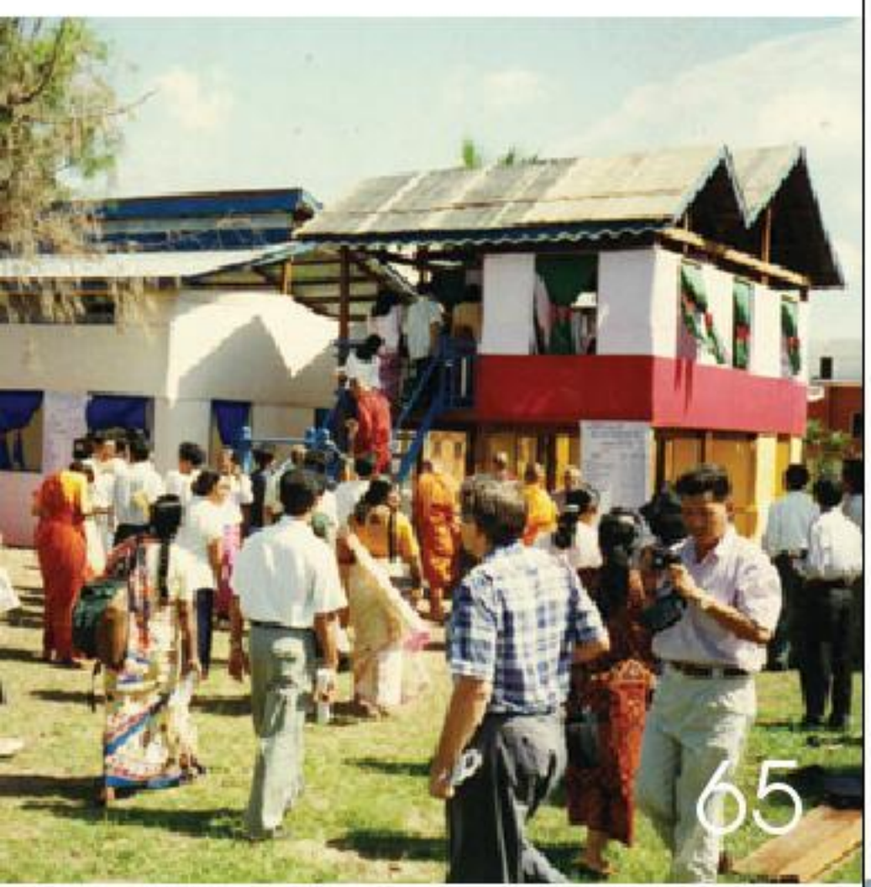

TIN TỨC

06. Tin trong nước
08. Tin thế giới
10. Tin bất động sản

CHUYÊN ĐỀ

12. Định hướng phát triển bền vững đô thị Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Lê Trí Thanh

14. Phát triển bền vững không gian đô thị huyện Điện Bàn
trong mối quan hệ với vùng phụ cận
TS.KTS. **Trương Văn Quảng**

19. Đô thị Điện Bàn - Định hướng và giải pháp đầu tư phát triển bền vững
KTS. **Trần Ngọc Chính**

23. Tiếp cận cạnh tranh trong chiến lược phát triển đô thị
ở huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam
TS. **Nguyễn Ngọc Hiếu**

28. Phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn
PGS.TS **Bùi Quang Bình**

33. Phát triển các khu,cụm công nghiệp huyện Điện Bàn
theo hướng công nghiệp sinh thái
TS. **Dương Đình Giám**

42. Xây dựng và phát triển đô thị mới Điện Bàn kinh nghiệm từ đô thị mới Phú Mỹ Hưng
Phan Chánh Dưỡng

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

46. Xây dựng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu:
bài học từ dự án mô hình ngập lụt thành phố Đà Nẵng
TS. **Trần Văn Giải Phóng**

50. Khai thác và quản lý không gian sinh thái thủ đô Hà Nội
GS. TS. **Lê Hồng Kế**

53. Phát triển đa dạng không gian kiến trúc cảnh quan tuyến phố thương mại dịch vụ khu Trung tâm cũ thành phố Hồ Chí Minh
ThS.KTS **Nguyễn Thị Bích Ngọc**

NHÌN RA THẾ GIỚI

57. Phát triển thành phố tri thức bài học từ các đô thị trên thế giới
KTS **Nguyễn Hoàng Linh**

CỘNG ĐỒNG

62. Quyền nhà ở Chiến lược Quy mô Toàn thành phố về nâng cấp và nhà ở dựa vào cộng đồng
Somsook Boonyabancha

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

68. Quảng trường - Trái tim của đô thị
Lê Hà Phong

CUỘC THI - GIẢI THƯỞNG

77. Kết quả cuộc thi thiết kế Công trình Xanh FuturArc Prize 2014

84. Giải thưởng Kiến trúc Pritzker 2014 - Kiến trúc sư Shigeru Ban

90. Giải thưởng tòa nhà cao tầng Emporis Skyscraper Award 2013

VUPDA

96. Hiệu quả của dự án "Xây dựng năng lực quản lý đô thị tại 10 quận nội thành thành phố Hà Nội"

98. Khóa đào tạo ngắn hạn "Quy hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu"

www.ashui.com

Diễn đàn Chính sách công châu Á 2014: Giao thông đô thị và sử dụng đất

Tại Diễn đàn Chính sách công châu Á 2014 diễn ra trong hai ngày 5 và 6/6/2014 tại TPHCM, các chuyên gia hàng đầu về quy hoạch, phát triển đô thị của Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia, Singapore, Đài Loan, Việt Nam... đã cùng thảo luận về vấn đề "giao thông đô thị và sử dụng đất tại các thành phố đang phát triển nhanh ở châu Á".

Diễn đàn Chính sách công châu Á là sự kiện hàng năm quy tụ các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và lãnh đạo từ khu vực kinh doanh và các tổ chức xã hội để cùng thảo luận về vấn đề ngày càng quan trọng trong khu vực.

Đơn vị tổ chức diễn đàn này là Chương trình Indonesia tại Trường Harvard Kennedy và Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright.

Ông Trần Ngọc Chính Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam được mời làm diễn giả danh dự của Diễn đàn này.

Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt

Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, phạm vi điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận bao gồm: Thành phố Đà Lạt và các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và một phần huyện Lâm Hà với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 335.930ha. Trong đó, thành phố Đà Lạt có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 39.440ha.

Hiện trạng dân số năm 2011 khoảng 529.631 người; dự báo đến năm 2030 tăng lên khoảng 700.000 – 750.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 450.000-500.000 người. Dự báo khách du lịch khoảng 9-10 triệu người.

Về mô hình phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, Quyết định nêu rõ sẽ phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận theo mô hình chuỗi các đô thị liên kết theo tuyến vành đai và xuyên tâm; kết nối với các vùng du lịch sinh thái, các vùng cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp; phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy tính đặc thù về tự nhiên và văn hóa - lịch sử.

Cấu trúc không gian là cấu trúc khung lưu thông bao gồm tuyến vành đai vùng đô thị, các tuyến xuyên tâm và hướng tâm kết nối với vùng thành phố Hồ Chí Minh, vùng duyên hải Nam Trung bộ (Nha Trang, Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết) và Tây Nguyên (thành phố Buôn Mê Thuột).

Phát động Giải thưởng Tài năng 2014 chủ đề "Biến đổi khí hậu qua ảnh"

Ngày 6/6 tại Đại sứ quán Đan Mạch, lễ phát động cuộc thi Giải thưởng Tài năng 2014 với chủ đề *"Biến đổi khí hậu qua ảnh"* đã diễn ra với sự tham dự của đông đảo báo giới và các nhiếp ảnh gia. Đại sứ John Nielsen khẳng định: *"Nghệ thuật nói chung đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển xã hội. Và nhiếp ảnh là một loại hình nghệ thuật được nhiều người vận dụng bao gồm cả các bạn trẻ sử dụng điện thoại thông minh. Nhiếp ảnh thú vị bởi vì nó nắm bắt ngay lập tức và phản ánh những khoảnh khắc và góc nhìn về sự phát triển của xã hội"*.

Và đó là lý do để Đại sứ quán Đan Mạch chính thức phối hợp với Ashui.com, Báo Thể thao & Văn hoá tổ chức cuộc thi Tài năng nhiếp ảnh 2014 với chủ đề về biến đổi khí hậu. *"Trong một thế giới đang phát triển nhanh chóng, chúng ta thường xuyên phải đối mặt với hậu quả của biến đổi khí hậu và những vấn nạn môi trường. Mục đích của cuộc thi là nhằm khám phá những vấn đề và hậu quả môi trường này được nhận thức và thể hiện qua nhiếp ảnh ra sao"*, Ngài John Nielsen cho biết.

Các bức ảnh được chọn sẽ được trưng bày tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối tháng 10 năm 2014. Lễ trao giải diễn ra vào cuối đợt triển lãm. Thời hạn nộp hồ sơ dự thi: từ ngày 06/06 đến 29/08/2014.

Website của cuộc thi: http://www.tainangnhiepanh.com

Anh và Hàn Quốc muốn hỗ trợ TP. HCM phát triển đường sắt đô thị

Ngày 27/5, Tổng lãnh sự quán Vương quốc Anh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu Đường sắt Hàn Quốc (KRRI) tổ chức hội thảo đường sắt đô thị Vương quốc Anh và Hàn Quốc nhằm thúc đẩy hợp tác phát triển mạng lưới đường sắt đô thị cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Ban Quản lý Đường sắt Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến metro số 5 là tuyến thứ ba của thành phố đã tìm được nguồn vốn để triển khai có tổng vốn đầu tư khoảng gần 2 tỷ USD, hiện các nhà tài trợ chỉ mới góp vốn giai đoạn một gần 860 triệu euro, số vốn còn lại Thành phố Hồ Chí Minh đang kêu gọi nguồn vốn từ Chính phủ Anh và Hàn Quốc cũng như các hình thức đầu tư khác.

Theo đại diện Tổng lãnh sự quán Vương quốc Anh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu Đường

sắt Hàn Quốc, doanh nghiệp hai nước có thể hợp tác để cùng hỗ trợ, tham gia vào dự án xây dựng tuyến metro số 5 này.

Hà Nội: Công bố điều chỉnh quy hoạch Khu trung tâm chính trị Ba Đình

Sáng 22/5, tại Trung tâm hội nghị Quốc tế, UBND thành phố Hà Nội và Bộ Xây dựng đã công bố điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu trung tâm chính trị Ba Đình, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/2.000.

Theo Quyết định số 2411/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ký phê duyệt, mục tiêu của việc điều chỉnh quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc ổn định lâu dài cho các cơ quan Trung ương, hoàn thiện không gian kiến trúc cảnh quan toàn Khu trung tâm chính trị Ba Đình.

Theo đó, quy mô lập quy hoạch điều chỉnh mở rộng là 134,5ha, phía Bắc được giới hạn bởi phố Phan Đình Phùng, đường Thanh Niên, hồ Tây, đường Hoàng Hoa Thám. Phía Nam là đường Trần Phú, Nguyễn Thái Học và Sơn Tây. Phía Đông là đường Nguyễn Tri Phương. Phía Tây là đường Ngọc Hà.

Bản điều chỉnh quy hoạch nêu rõ, khu Ba Đình được xác định là trung tâm chính trị, nơi làm việc của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ.

Đồng thời, đây là khu vực có nhiều giá trị mang tầm quốc gia về văn hóa, lịch sử không gian kiến trúc gắn liền với lịch sử phát triển đất nước và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là trung tâm quan trọng của Thủ đô, nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa trọng đại của cả nước và các hoạt động tham quan du lịch.

Cắm mốc thực địa cho các đồ án quy hoạch để dân giám sát

UBND TP.HCM vừa ban hành quy định về cắm mốc giới ngoài thực địa cho các đồ án quy hoạch đô thị sau khi phê duyệt.

Sau 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt đồ án quy hoạch, các cơ quan chức năng phải lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc ngoài thực địa. Các đồ án quy hoạch được cắm mốc là đồ án quy hoạch chung đô thị, đồ án quy hoạch phân khu và đồ án quy hoạch chi tiết.

Trong thực tế, các bản vẽ đồ án quy hoạch công khai thường xuyên tại UBND các phường nhưng không phải người dân nào cũng đọc được.

Ranh mốc giới ngoài thực địa cũng là một hình thức công khai quy hoạch, người dân có thêm điều kiện giám sát tốt hơn việc thực hiện quy hoạch của các cơ quan chức năng.

Thế giới đạt bước tiến lớn trong khai thác năng lượng tái sinh

Thêm 95 quốc gia đang phát triển thông qua các chính sách thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo trong năm 2013. Đây được coi là một năm kỷ lục của thế giới trong nỗ lực hướng tới sử dụng các nguồn năng lượng sạch với tổng cộng 144 quốc gia đã ban hành các chính sách và mục tiêu trong lĩnh vực này.

Theo báo cáo toàn cầu của Mạng lưới Chính sách Năng lượng Tái tạo Thế kỷ 21 (REN21) do Liên hợp quốc bảo trợ công bố ngày 4/6, số nước tham gia vào việc thúc đẩy sử dụng năng lượng tái sinh đã tăng vọt so với năm 2005 chỉ có 15 quốc gia.

Tổ chức có trụ sở tại Paris (Pháp) này cho biết loại năng lượng Xanh đã đóng góp 19% lượng năng lượng tiêu thu toàn cầu trong năm 2012 và con số này còn tiếp tục tăng trong năm ngoái. Đáng chú ý, lần đầu tiên, công suất của năng lượng Mặt Trời đã vượt gió, trở thành nguồn năng lượng tái tạo lớn nhất.

EU viện trợ 430 triệu euro giúp Cộng hòa Séc bảo tồn di sản văn hóa

Liên minh châu Âu (EU) sẽ viện trợ 430 triệu euro, được viện trợ trích từ ngân sách dài hạn mới (2014-2020), cho Cộng hòa Séc để quốc gia này thực hiện các dự án bảo tồn di sản văn hóa.

Theo đài Radio Praha, Cộng hòa Séc sẽ nhận được khoản viện trợ nói trên thông qua Chương trình hội nhập khu vực. Số tiền này sẽ được sử dụng vào việc bảo quản và trùng tu những báu vật kiến trúc cũng như bảo tồn cảnh quan độc đáo tại tất cả các địa phương của Cộng hòa Séc.

Nhờ khoản viện trợ trích từ ngân sách dài hạn của EU kỳ trước (2007-2013), Séc đã bắt đầu trùng tu một loạt công trình kiến trúc lớn.

Praha là một trong sáu thành phố ở châu Âu được du khách đến tham quan nhiều nhất, sau London, Paris, Rome, Madrid và Berlin. Năm 1992, trung tâm thành phố Praha được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Savills: New York và London đồng hạng nhất "Thành phố đẳng cấp thế giới"

Công ty nghiên cứu thị trường bất động sản Savills vừa công bố nghiên cứu *"Tương lai thị trường bất động sản của 12 thành phố đẳng cấp thế giới"*. Bản báo cáo đã tập trung nghiên cứu thị trường bất động sản ở các thành phố hàng đầu thế giới, những thành phố được hình thành bởi danh tiếng và sự giàu có.

Cụ thể, xếp hạng các thành phố đẳng cấp của Savills: New York và London cùng đứng ở vị trí thứ nhất, theo sau là Paris và Singapore.

Giám đốc Nghiên cứu Toàn cầu Savills

Yolande Barnes cho biết: "Thành phố đẳng cấp thế giới không chỉ dựa trên diện tích hoặc sự thịnh vượng kinh tế, mà còn tính đến yếu tố ít hữu hình như danh tiếng, sự nổi bật, tính kết nối toàn cầu và khả năng đầu tư – tất cả các yếu tố mà khi nhìn vào số liệu về dân số và GDP không thể nào thấy được".

Italy bán hàng trăm bất động sản quốc gia vì khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng kinh tế đã buộc Italy phải đưa ra những lựa chọn hết sức khó khăn đó là buộc phải đưa ra chào bán một số tài sản quốc gia là các công trình kiến trúc có giá trị.

Theo cơ quan quản lý bất động sản quốc gia, State Demanio, Italy, từ ngày 12/4/2014 đến hết ngày 6/5/2014, hàng trăm tài sản quốc gia với giá trị hàng chục triệu euro được chào bán.

Một số lâu đài, tu viện và thậm chí cả một hòn đảo nhỏ ở Venice, miền Đông Bắc Italy, cũng nằm trong số những tài sản đang được chính phủ Italy chào bán nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước và thu về những khoản tài chính cần thiết cho ngân sách quốc gia.

Holcim và Lafarge lập công ty xi măng lớn nhất thế giới

Hai tập đoàn ximăng hàng đầu thế giới là Holcim của Thụy Sĩ và Lafarge của Pháp đã chính thức xác nhận việc đồng ý sáp nhập để thành lập công ty xi măng lớn nhất thế giới.

Tuyên bố chung ngày 7/4 nêu rõ công ty mới sẽ được gọi là LafargeHolcim, giữ vị trí độc nhất tại 90 quốc gia và sẽ có sự cân bằng giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển với mức tăng trưởng mạnh.

Thỏa thuận này được mô tả là "một sự hợp nhất bình đẳng" trên cơ sở một cổ phần của Holcim tương đương với một cổ phần của Lafarge. Đây là một sự kiện lớn trong ngành công nghiệp xây dựng toàn cầu và là thương vụ lớn chưa từng có trong ngành sản xuất ximăng thế giới.

Ngành xây dựng Singapore tiếp tục phát triển mạnh

Cơ quan quản lý xây dựng (BCA) của Chính phủ Singapore cho biết năm 2013, ngành xây dựng của Đảo quốc Sư tử đạt giá trị sản lượng ở mức cao kỷ lục là 35,8 tỷ SGD (tương đương 28,6 tỷ USD) và dự báo nhu cầu xây dựng công sở và cơ sở hạ tầng lớn vẫn tiếp tục tăng mạnh trong năm 2014.

Theo BCA, các công trình do khu vực nhà nước thực hiện sẽ có giá trị từ 19 tỷ SGD đến 22 tỷ SGD, chiếm gần 60% tổng nhu cầu xây dựng trong năm nay.

Trong khi đó, giá trị sản lượng xây dựng của khu vực tư nhân sẽ dao động từ 12 tỷ SGD đến 16 tỷ SGD, giảm từ mức 21 tỷ SGD trong năm 2013.

BCA giảm dự báo nhu cầu của khu vực tư nhân do thị trường bất động sản tại Singapore tương đối bình ổn và do Chính phủ quyết định trong nửa đầu năm 2014 sẽ giảm bán đất để xây dựng nhà ở.

Ô nhiễm môi trường ở Bắc Kinh vượt xa tiêu chuẩn

Cục bảo vệ môi trường Bắc Kinh của Trung Quốc ngày 10/4 công bố báo môi trường hàng năm cho biết chỉ số về ô nhiễm môi trường ở Bắc Kinh trong năm 2013 vượt xa chỉ số môi trường cho phép.

Theo báo cáo, chỉ số PM 2.5 (chỉ số biểu thị hàm lượng tiêu chuẩn của các hạt bụi đường kính 2,5 micron trong một mét khối không khí) của năm 2013 trung bình ở thủ đô Bắc Kinh là 89,5 microgram/m³, vượt quá tiêu chuẩn của Trung Quốc về không khí sạch là 156%.

Báo cáo cũng chỉ ra rằng chính quyền Bắc Kinh đã thất bại trong việc xử lý tình trạng thiếu nước và ô nhiễm nguồn nước ở hạ lưu các con sông chảy vào Bắc Kinh.

Năm 2013 Bắc Kinh đã đưa ra hàng loạt biện pháp để giải quyết tình trạng ô nhiễm. Tháng 9/2013, chính quyền Bắc Kinh đã công bố kế hoạch 5 năm (2013-2017) để cải thiện chất lượng không khí, với việc cắt giảm lượng tiêu thụ than, tăng cường sử dụng năng lượng sạch. Trước đó là kế hoạch 3 năm (2013-2015) đưa ra tháng 5/2013 nhằm cải thiện chất lượng nước, xử lý và tái chế nước thải.

Đức có 3 trong số 10 thành phố đáng sống nhất thế giới (theo Mercer)

Trong số 10 thành phố có chất lượng sống tốt nhất trên thế giới, Đức có ba đại diện gồm các thành phố München, Düsseldorf và Frankfurt/Main.

Kết quả khảo cứu của Tổ chức nghiên cứu Mercer cho biết trong 10 thành phố đáng sống nhất, München xếp ở vị trí thứ 4, trong khi thành phố bên bờ sông Rhein Düsseldorf đứng ở vị trí thứ 6 và Frankfurt/Main đứng thứ 7.

Cuộc khảo cứu được tiến hành dựa trên 39 tiêu chí khác nhau theo 10 hạng mục, như nhà ở, dịch vụ công cộng, chăm sóc y tế, giao thông và giải trí.

Phát triển nhà ở xã hội phải tuân thủ quy hoạch

Bộ Xây dựng vừa ban hành Thông tư 08/2014/TT-BXD hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Theo đó, Thông tư quy định cụ thể về các cơ chế ưu đãi liên quan đến chính sách tài chính, thuế (miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật) và việc vay vốn ưu đãi áp dụng đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội và nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08/7/2014.

TP.HCM: duyệt Nhiệm vụ quy hoạch 1/500 khu phức hợp Cape Pearl

UBND TP HCM vừa ban hành Quyết định số 2595/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu phức hợp Cape Pearl tại phường 27, quận Bình Thạnh. Khu phức hợp Cape Pearl có phía Đông Bắc giáp đường nội bộ, phía Đông Nam giáp sông Sài Gòn, phía Tây Nam giáp kênh Thanh Đa, phía Tây Bắc giáp lô U cư xá Thanh Đa.

Theo nhiệm vụ quy hoạch, khu phức hợp Cape Pearl có tổng diện tích 19.542m2, khu vực được quy hoạch là khu dân cư xây dựng mới. Khu phức hợp Cape Pearl bao gồm trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp, biệt thự...

Khu phức hợp Cape Pearl do Tập đoàn SSG cùng TCty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) hợp tác làm chủ đầu tư.

Phải tính cả "giá trị triển vọng" khi định giá đất

Theo Nghị định 44/2014 của Chính phủ mới ban hành, áp dụng từ 1/7/2014, sẽ có 5 phương pháp định giá đất, gồm: so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất. Cụ thể, phương pháp so sánh trực tiếp được áp dụng để định giá đất khi trên thị trường có các thửa đất so sánh đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Phương pháp chiết trừ được áp dụng để định giá đối với thửa đất có tài sản gắn liền với đất trong trường hợp có đủ số liệu về giá các bất động sản, bao gồm đất và tài sản gắn liền với đất tương tự với thửa đất cần định giá đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Còn phương pháp thu nhập được áp dụng để định giá đối với thửa đất xác định được các khoản thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất.

Đối với thửa đất có tiềm năng phát triển do thay đổi quy hoạch hoặc chuyển mục đích sử dụng đất khi xác định được tổng doanh thu phát triển giả định và tổng chi phí ước tính thì được áp dụng phương pháp thặng dư để định giá.

Tập đoàn Nakheel (UAE) đầu tư 550 triệu USD triển khai dự án Hạ Long Star

Tin từ Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư tỉnh Quảng Ninh (IPA Quang Ninh) cho biết, vào tháng 6 này, lãnh đạo Tập đoàn Nakheel của Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE) sẽ tới Quảng Ninh để xúc tiến việc triển khai đầu tư dự án Khu đô thị - Du lịch Hạ Long Star.

Hạ Long Star có diện tích 125 ha, tổng vốn đầu tư 550 triệu USD, được động thổ vào năm 2007, với mục tiêu xây dựng một khách sạn 5 sao với 250 phòng, một khách sạn hạng sang 100 phòng, 226 biệt thự, 85 nhà phố, 114 căn hộ và trung tâm thương mại. Do gặp khó khăn về tài chính, dự án triển khai chậm hơn so với dự kiến.

Tuy nhiên, năm ngoái, trong chuyến công tác tới UAE, Bí thư Tỉnh ủy Phạm Minh Chính và ông Ali Rashid Lootah - Chủ tịch Tập đoàn Nakheel và Limitless đã ký biên bản ghi nhớ về việc tiếp tục triển khai xây dựng dự án này. Tại lễ ký vào thời điểm đó còn có sự xuất hiện của ông Nguyễn Thanh Hùng, Chủ tịch Hội đồng Sáng lập Sovico Holdings. Tháng 5/2013, Sovico Holdings đã ký hợp đồng liên doanh với đối tác UAE để cùng triển khai dự án này.

Điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương

UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vừa tổ chức Công bố quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Nam Hải Dương (tỷ lệ 1/500) và quyết định phê duyệt quy hoạch mặt bằng lô nhà ở xã hội thuộc KĐTM phía Nam thành phố Hải Dương (phân khu 2).

KĐTM phía Nam thành phố Hải Dương (phân khu 2) thuộc địa giới hành chính xã Liên Hồng, Gia Xuyên, Gia Tân và thị trấn Gia Lộc được điều chỉnh tăng 708m2 do điều chỉnh ranh giới tiếp giáp với khu dân cư xã Liên Hồng, nâng tổng số diện tích được quy hoạch là 198,88ha; quy mô dân số dự kiến theo quy hoạch điều chỉnh khoảng 16.700 người.

Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng và quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết KĐTM phía Nam thành phố, tỷ lệ 1/500 (phân khu 2) nhằm điều chỉnh diện tích một số lô đất ở diện tích dưới 70m2 để bố trí cho các hộ dân bị thu hồi đất ổn định cuộc sống và ổn định việc làm theo đề nghị của địa phương.

Cho phép thế chấp "nhà trên giấy"

Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa ban hành thông tư hướng dẫn cho phép thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai.

Theo đó, kể từ ngày 16/6/2014, tất cả các phân khúc nhà chung cư, biệt thự, liền kề đều có thể thế chấp với điều kiện phải có thiết kế kỹ thuật được phê duyệt, xây dựng xong phần móng và hoàn thành thủ tục mua bán, có hợp đồng ký với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Nhà được thế chấp phải không bị kê biên thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước.

Hà Nội đẩy nhanh phân bổ vốn cho xây nhà tái định cư

Đại diện Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cho biết từ đầu quý hai này, các sở, ngành và quận, huyện, thị xã của thành phố tập trung đẩy nhanh việc phân bổ vốn cho đầu tư xây dựng quỹ nhà tái định cư và tranh thủ nguồn vốn ODA để triển khai các công trình trọng điểm của thành phố.

Thành phố chỉ đạo các ngành liên quan rà soát lại toàn bộ nguồn vốn đầu tư, điều chỉnh cơ chế cụ thể, linh hoạt với những vấn đề phát sinh. Thành phố sẽ quản lý chặt chẽ vốn xây dựng cơ bản, thanh toán dứt điểm tình trạng nợ đọng.

Theo kế hoạch, năm nay, vốn đầu tư phát triển của thành phố Hà Nội là hơn 19.200 tỷ đồng (chỉ bằng 60% so với năm 2013 và đáp ứng 40% nhu cầu các dự án chuyển tiếp và trọng điểm của thành phố). Trong đó, thành phố đã ưu tiên phân bổ cho 10 dự án trọng điểm và đang phấn đấu hoàn thành trong giai đoạn 2014-2015; bố trí tập trung cho 46 dự án đã hoàn thành, bàn giao năm ngoái nhưng chưa được bố trí đủ vốn; dự án chuyển tiếp hoàn thành năm nay là 63 dự án.

TPHCM: Lotte đầu tư Khu phức hợp 2 tỷ USD ở Thủ Thiêm

Liên danh các nhà đầu tư Nhật Bản và Hàn Quốc vừa được chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng "Khu phức hợp thông minh" (Eco Smart City) tại khu lõi trung tâm (khu 2A) thuộc khu đô thị mới Thủ Thiêm, Q.2, TP.HCM.

Theo quy hoạch của Chính phủ về việc phát triển khu đô thị mới Thủ Thiêm trở thành trung tâm tài chính quốc tế, "Phố Đông" của Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai, Lotte hy vọng sẽ phát triển dự án "Khu phức hợp thông minh" tại khu đô thị mới Thủ Thiêm thành một công trình điểm nhấn không chỉ của TP.HCM mà còn của toàn khu vực Đông Nam Á.

"Khu phức hợp thông minh" với diện tích 10 ha được thiết kế gồm trung tâm thương mại cao cấp, khách sạn, khu căn hộ dịch vụ, văn phòng và căn hộ chung cư. Dự kiến, dự án sẽ hoàn thành quy hoạch chi tiết trong năm 2014 và phát triển dự án theo nhiều giai đoạn nhằm phù hợp với tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng của khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Định hướng phát triển bền vững đô thị Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

LÊ TRÍ THANH
chủ tịch UBND huyện Điện Bàn

Điện Bàn là huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Nam, giữa hai thành phố Đà Nẵng và Hội An, với diện tích 214,71 km², dân số qui đổi hiện nay gần 230.000 người. Năm 2013, huyện Điện Bàn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển KT-XH. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 9.216 tỉ đồng (giá cố định 1994), tăng 13,63% so với năm 2012, trong đó nhóm ngành công nghiệp-xây dựng tăng 12,91%; thương mại-dịch vụ tăng 19,44%; nông lâm thủy sản tăng 2,8%. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, ngành nông nghiệp chỉ chiếm tỉ lệ 4,88%, giảm 0,51%; lao động trong ngành còn 29,24%, giảm 2,61% so với năm 2012. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 718 tỉ, tăng 43,1% so với năm 2012. Tỉ lệ hộ nghèo còn 4,48%, giảm 1,55% và hộ cận nghèo còn 5,76%, giảm 0,7% so với năm 2012.

Huyện Điện Bàn đã đóng góp quan trọng để ổn định và phát triển tỉnh Quảng Nam với gần 12% tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả tỉnh, 25,5% giá trị sản xuất toàn nền kinh tế, 33% giá trị sản xuất công nghiệp, 15,4% giá trị sản xuất dịch vụ, 14% giá trị sản xuất nông nghiệp, 14,3% thu ngân sách, 42% kim ngạch xuất khẩu và 14,5% lực lượng lao động trong các ngành sản xuất.

Kết quả đạt được như trên, trong điều kiện tình hình KT-XH chung của cả nước đang còn nhiều khó khăn, thể hiện sự nỗ lực của Đảng bộ, Chính quyền và sự đồng thuận cao của nhân dân huyện Điện Bàn.

Ngày 14/01/2014, tại Hà Nội, Hội đồng thẩm định liên ngành gồm 17 thành viên dưới sự chủ trì của Bộ Xây dựng đã thống nhất thông qua Đề án đô thị Điện Bàn đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4. Ngày 03/3/2014, Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đồng ý bổ sung đô thị Điện Bàn vào danh mục nâng loại đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2015 trong Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020.

Trên cơ sở đó, ngày 10/3/2014, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-BXD công nhận đô thị Điện Bàn đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4.

Đây là niềm vui, niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và những người con của quê hương Điện Bàn, đồng thời cũng là niềm vui chung của tất cả những ai quan tâm và dành nhiều tình cảm cho huyện Điện Bàn – một quê hương có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, cống hiến hy sinh vô cùng to lớn trong kháng chiến và không ngừng tiên phong vượt khó vươn lên trong thời kỳ đổi mới. Kết quả này khẳng định ý chí và quyết tâm mạnh mẽ của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện nhà trên con đường đi lên Thị xã vào năm 2015.

Niềm vui rất lớn nhưng thách thức cũng rất nhiều. Diện mạo đô thị của Điện Bàn tuy có khởi sắc nhưng vẫn còn khá khiêm tốn, chương trình xây dựng nông thôn mới đang làm chuyển mình những vùng quê nhưng còn chưa sâu rộng và mạnh mẽ. Kết cấu hạ tầng tuy có bước phát triển nhưng

Lê Trí Thanh - chủ tịch UBND huyện Điện Bàn

chưa đáp ứng kịp yêu cầu tăng trưởng của đô thị và công nghiệp. Phát triển công nghiệp còn manh mún, sử dụng đất kém hiệu quả, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp. Dịch vụ du lịch chưa được khơi dậy tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Nông nghiệp còn bị động vào thời tiết, chưa có nhiều đột phá để sản xuất ổn định và gia tăng giá trị canh tác. Trật tự an toàn xã hội được giữ vững nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây bất an cho đời sống nhân dân.

Để huyện Điện Bàn hôm nay hay thị xã, thành phố Điện Bàn trong tương lai phát triển bền vững, có chiều sâu, trước hết ngoài sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân mình thì đô thị Điện Bàn cần phải có tầm nhìn xa hơn, lấy hợp tác liên vùng làm động lực phấn đấu, vừa khai thác, vừa bổ sung cho nhau để cộng hưởng cùng phát triển. "Đô thị mới" Điện Bàn có lợi thế nằm giữa hai

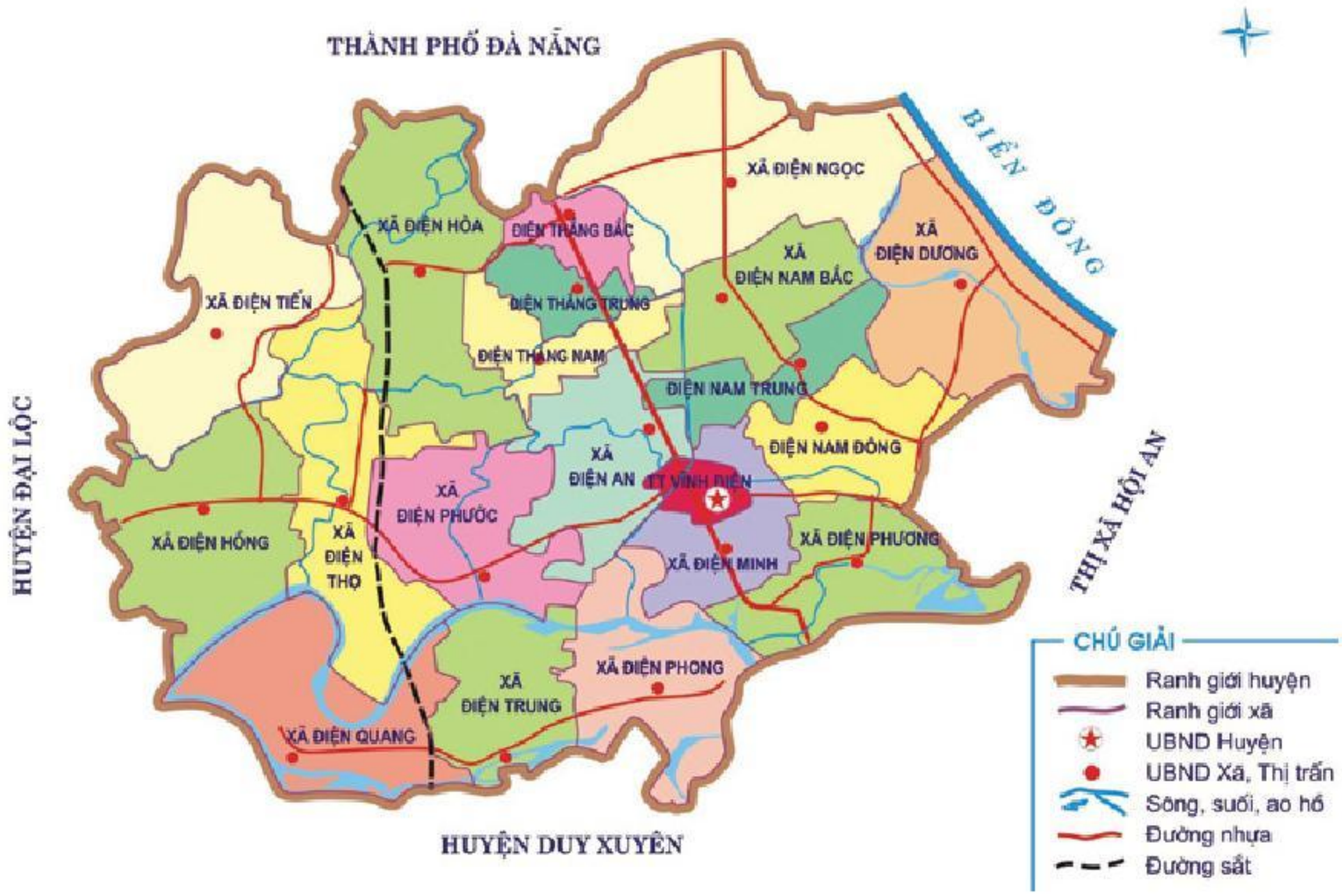

Bản đồ hành chính huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

đô thị hiện hữu đang định hình bản sắc độc đáo riêng, đó là "đô thị cổ" Hội An với mục tiêu xây dựng "thành phố văn hóa" và "đô thị trẻ" Đà Nẵng với mục tiêu xây dựng "thành phố đáng sống". Chính vị trí địa lý, nền tảng kinh tế cùng với sự đồng nhất về văn hóa và con người của vùng đất này sẽ tất yếu tạo cơ hội không chỉ cho Điện Bàn mà còn cả Đà Nẵng và Hội An có điều kiện để hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển, phân bố lại nguồn lực hợp lý trên cơ sở liên kết đầu tư hạ tầng đô thị, công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp, qua đó sẽ hình thành một trung tâm tăng trưởng mạnh mẽ, xứng tầm đóng vai trò động lực phát triển của khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đồng thời hướng đến xây dựng thương hiệu chung cho một khu vực đô thị năng động, sinh thái, văn hóa mang tầm cỡ Đông Nam Á.

Hội thảo "Định hướng liên kết phát triển bền vững đô thị Điện Bàn với Đà Nẵng và Hội An" chính là sự khởi động cho mục tiêu này với 4 nhóm vấn đề :

Một là, nhận diện đô thị Điện Bàn để định hướng đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội và không gian kiến trúc, kết nối hài hòa với hai đô thị Đà Nẵng và Hội An,

Hai là, **điều chỉnh phát triển** các khu - cụm công nghiệp theo **hướng công nghiệp sinh thái**, giảm thiểu tác động môi trường,

Ba là, khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử và tự nhiên của Điện Bàn để xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, có sức hấp dẫn cao,

Bốn là, phát triển nông nghiệp sạch phục vụ nhu cầu của đô thị, công nghiệp và du lịch.

Hội thảo hy vọng sẽ nhận được nhiều ý tưởng, đề xuất của các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý để định hướng cho sự phát triển của đô thị Điện Bàn trong hiện tại và tương lai theo hướng tăng trưởng xanh, giảm thiểu những thiệt hại không đáng có trong quá trình phát triển do tính chủ quan, duy ý chí hay tư duy nhiệm kỳ, tư tưởng lạc hậu, khép kín, cục bộ địa phương. Qua hội thảo, chúng tôi cũng mong muốn gửi thông điệp tích cực đến các cấp chính quyền, các tổ chức, các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp, các cơ quan thông tấn báo chí trong nước và nước ngoài cùng nhân dân cả nước về hình ảnh một Điện Bàn năng động, sáng tạo, đang đứng trước vận hội mới, với một tâm thế mới, sẵn sàng vượt khó đi lên trên tinh thần hợp tác, tạo dựng, tận dụng và chia sẻ mọi cơ hội phát triển vì lợi ích chung. ■

(Bài phát biểu tại Hội thảo "Định hướng liên kết phát triển bền vững đô thị Điện Bàn với Đà Nẵng và Hội An", tháng 5/2014)

Phát triển bền vững
không gian đô thị huyện Điện Bàn trong mối quan hệ với vùng phụ cận

TS.KTS. **TRƯƠNG VĂN QUẢNG**
Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia (VIUP)

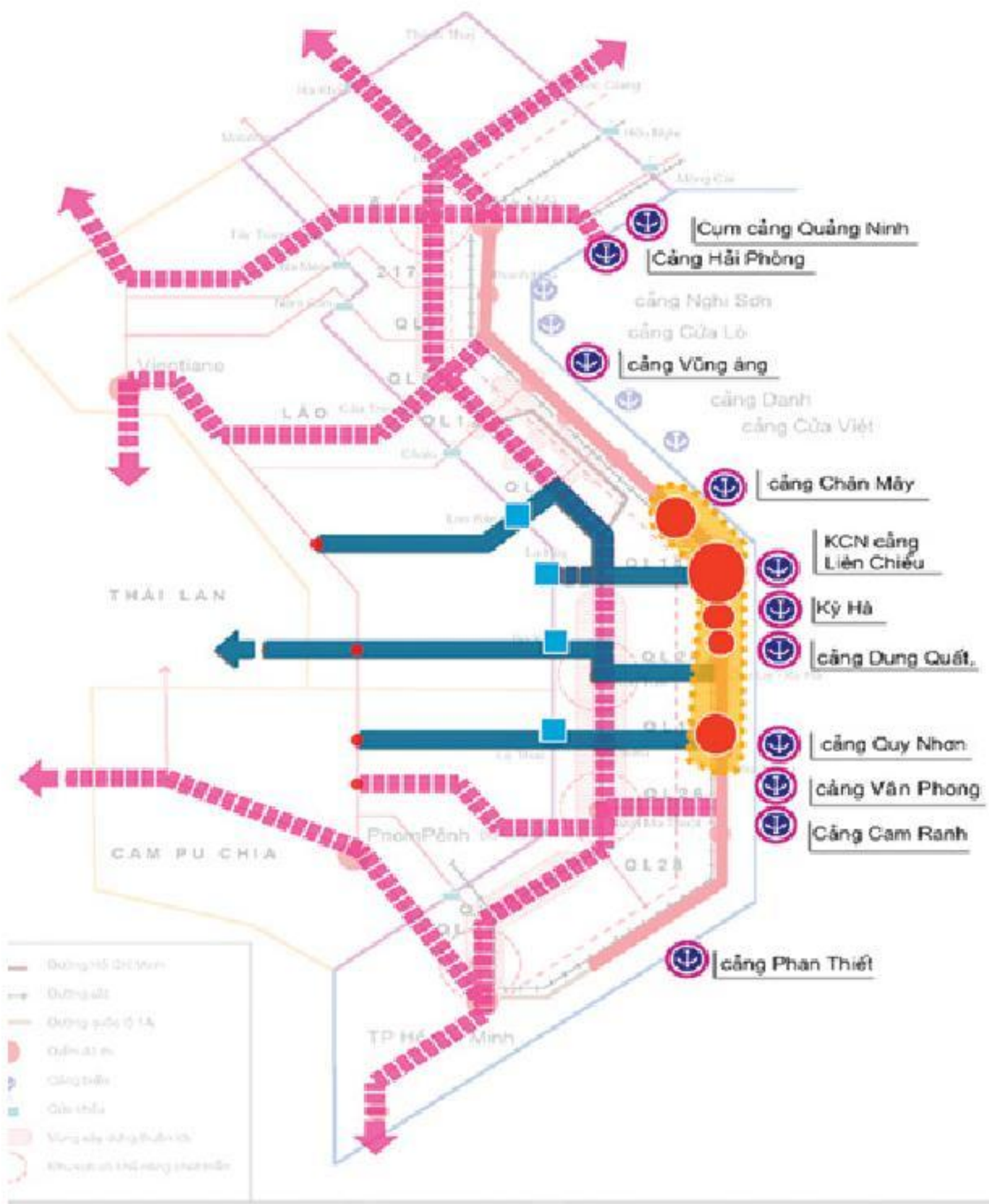

Vùng kinh tế trọng điểm miền trung (KTTĐMT) trong mối quan hệ quốc gia và quốc tế *(NguồnVIUP)*

1. Vai trò, vị thế trong mối quan hệ vùng

Quảng Nam nằm ở miền Trung của Việt Nam, cách thủ đô Hà Nội 860 km về phía bắc, cách Thành phố Hồ Chí Minh 865 km về phía nam. Phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng; phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía tây giáp các tỉnh Sekong (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào); phía đông giáp biển Đông. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh khoảng trên 1.000.000 ha. Địa hình đa dạng, thấp dần từ Tây sang Đông, chia làm 3 vùng rõ rệt: vùng núi - trung du, vùng đồng bằng và ven biển. Quảng Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Hệ thống sông ngòi tự nhiên dài khoảng 900 km, phân bố khá đều trong toàn tỉnh với 2 hệ thống sông chính là sông Thu Bồn và sông Tam Kỳ. Ngoài ra, tỉnh còn có nhiều hồ lớn, như: Phú Ninh, Khe Tân, Việt An, Thạch Bàn,... Đường bờ biển dài 125 km, ven biển có nhiều bãi tắm đẹp, nổi tiếng, như: Hà My (Điện Bàn), Cửa Đại (Hội An), Bình Minh (Thăng Hoa), Tam Thanh (Tam Kỳ), Bãi Rạng (Núi Thành)... Nhìn chung, điều kiện

Phân bổ không gian phát triển công nghiệp vùng KTTĐMT. *(NguồnVIUP)*

Kết nối không gian du lịch vùng KTTĐMT. *(NguồnVIUP)*

tự nhiên của Quảng Nam (thời tiết - khí hậu, địa hình, tài nguyên nước, biển) có nhiều tiềm năng thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội, giao thương kinh tế, văn hóa với các địa phương trong nước và quốc tế.

Điện Bàn là một huyện đồng bằng ven biển, có vị trí địa lý - kinh tế đặc biệt quan trọng của tỉnh Quảng Nam và vùng kinh tế trọng điểm miền trung.

Với vị trí tại cửa ngõ phía bắc của tỉnh Quảng Nam, (giáp ranh thành phố Đà Nẵng và thành phố Hội An), là vùng giao thoa của các hoạt động kinh tế, thương mại và du lịch tầm cỡ quốc gia, quốc tế thông qua hệ thống cảng Tiên Sa, sân bay quốc tế Đà Nẵng, hành lang giao thông Bắc -Nam, các khu công nghiệp tập trung, Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, hệ thống làng nghề phát triển và 2 di sản văn hóa thế giới là Hội An và Mỹ Sơn. Với những lợi thế chiến lược trên, trong thời gian qua Điện Bàn là điểm đến quan trọng và hấp dẫn đối với khu vực đầu tư du lịch, công nghiệp và dịch vụ của tỉnh.

Trong Chiến lược phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, huyện Điện Bàn được xác định có vai trò truyền tải và kết nối các hoạt động kinh tế - văn hóa và xã hội giữa thành phố Đà Nẵng, thành phố Hội An, giữa khu vực ven biển với các huyện phía tây của tỉnh, với chiến lược phát triển trọng tâm là kinh tế biển; hình thành trung tâm du lịch biển mang tầm vóc quốc gia, quốc tế với khả năng hình thành hành lang thương mại quốc tế.

Trong Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng KTTĐMT của Thủ tướng Chính phủ, cụm đô thị Đà Nẵng - Chân Mây - Hội An - Điện Nam Điện Ngọc được xác định là cụm đô thị động lực chính của vùng, là điểm cuối ra biển của tuyến Hành lang Đông Tây trên tuyến QL9 qua cửa khẩu Lao Bảo và tuyến QL4D qua cửa khẩu Nam Giang. Thành phố Đà Nẵng là đô thị hạt nhân, trung tâm vùng KTTĐMT; gắn kết với đô thị Chân Mây về phía bắc và đô thị Điện Nam Điện Ngọc về phía nam tạo thành chuỗi đô thị dịch vụ, công nghiệp động lực theo QL1A và đường cao tốc Dung Quất - Đà Nẵng, gắn kết với đô thị cổ Hội An dọc ven biển tạo thành chuỗi du lịch quốc

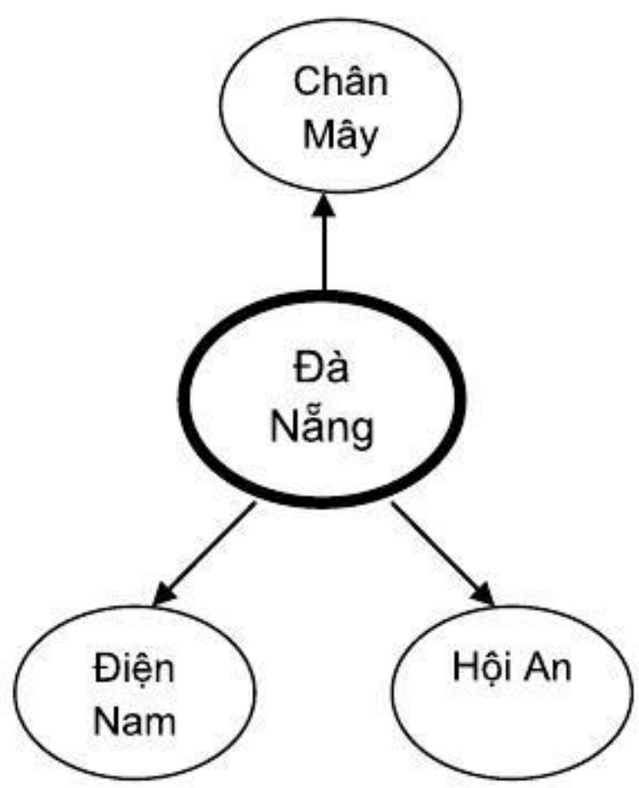

Phối cảnh dự án nhà ở Đô thị Điện Nam Điện Ngọc

gia, quốc tế Bạch Mã - Lăng Cô - Non Nước - Hội An. Đô thị Chân Mây phát triển hỗ trợ và chia sẻ với Đà Nẵng các chức năng về cảng, dịch vụ cảng, du lịch, công nghiệp công nghệ cao. Đô thị Điện Nam Điện Ngọc phát triển hỗ trợ và chia sẻ với Đà Nẵng các chức năng về công nghiệp tập trung, đào tạo nghề, nhà ở và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đô thị Hội An hỗ trợ Đà Nẵng các dịch vụ về du lịch và dịch vụ du lịch.

Đối với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tiềm năng, thế mạnh của các tỉnh trong vùng khá tương đồng với nhau cả về tiềm năng du lịch, tiềm năng biển và ven biển, tiềm năng phát triển cảng và các khu công nghiệp tập trung quy mô lớn nhưng hiện tại tính liên kết trong vùng để cùng phát huy lợi thế cạnh tranh còn rất lỏng lẻo, thậm chí còn cạnh tranh mạnh mẽ trong nội bộ vùng đã và đang là cản trở cho sự phát triển.

Về phía tỉnh Quảng Nam cũng chủ động lập Quy hoạch xây dựng phát triển vùng Đông Quảng Nam, với quy mô trên 1.000 km^2, dân số khoảng 80 vạn người, bao gồm 60 xã của 6 huyện, 2 thành phố Hội An và Tam Kỳ, trong đó khu vực huyện Điện Bàn là 15 xã với diện tích trên 1.500 km^2, dân số trên 15 vạn người. Trong đó xác định khu vực Điện Bàn có quan hệ mật thiết với phía nam thành phố Đà Nẵng. Với định hướng phát triển về phía đông là đô thị, dịch vụ và du lịch, phía tây phát triển công nghiệp khai thác lợi thế hạ tầng vùng sẵn có như quốc lộ 14B và hệ thống đường cao tốc Liên Chiểu - Dung Quất, đường sắt Bắc - Nam, phía nam giáp ranh với thành phố Hội An sẽ có chức năng mở rộng các hoạt động du lịch gắn với vùng ngoại thành như vùng trồng rau Trà Quế, làng nghề mộc Kim Bồng, làng gốm Thanh Hà...

Để tạo điều kiện phát triển, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nhằm xây dựng huyện Điện Bàn nói riêng và khu vực phía bắc tỉnh Quảng Nam nói chung trở thành trung tâm phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch và công nghiệp của tỉnh, trong những năm qua tỉnh Quảng Nam đã tập trung trí tuệ, nguồn lực để xây dựng phát triển Điện Bàn tương xứng với vị thế, tiềm năng vốn có của huyện... Điện Bàn đã trở thành huyện phát triển nhất hiện nay của tỉnh, với khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, với thị trấn Vĩnh Điện sầm uất. Kinh tế - xã hội Điện Bàn đã có những bước phát triển mạnh và vững chắc. Vì vậy, việc xây dựng Điện Bàn trở thành một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa lớn với các chức năng cơ bản là một trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ của Bắc Quảng Nam; trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo của khu vực là tất yếu khách quan nhằm tranh thủ thời cơ và khai thác lợi thế vốn có của huyện.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của huyện còn thấp, lao động được đào tạo nghề chiếm tỷ lệ nhỏ trong các doanh nghiệp. Đặc biệt là môi trường tự nhiên có nguy cơ ngày càng ô nhiễm bởi rác thải từ các khu công nghiệp, du lịch, dân cư chưa được giải quyết triệt để. Cùng với đó là nạn khai thác trái phép cát lòng sông và xâm hại rừng đầu nguồn; tình trạng sạt lở, cuốn trôi, bồi cát tại khu vực ven sông làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống nhân dân các xã Điện Hồng, Điện Phước, Điện Thọ, Điện Quang, Điện Trung, Điện Phong... Kinh tế hộ sản xuất nhỏ, manh mún, không thích ứng được với sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường...

2. Tầm nhìn trong bối cảnh phát triển mới

Trong xu thế phát triển chung, tuy có nhiều khó khăn thách thức nhưng với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội thuận lợi, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, Điện Bàn tiếp tục khẳng định giữ vai trò động lực của khu vực Bắc Quảng Nam.

Trong thời gian tới, để khai thác thế mạnh, tăng cường khả năng liên kết vùng, Điện Bàn cần phải xác định cho mình Chiến lược phát triển không gian khoa học, hợp lí, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo tồn di sản và bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, khẳng định hơn nữa vai trò, vị thế của mình trong vùng tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt vai trò vị thế trong cụm đô thị động lực Đà Nẵng - Chân Mây - Hội An - Điện Nam - Điện Ngọc... Theo đó, huyện Điện Bàn cần phát triển theo cấu trúc một đô thị - thị xã, với tầm nhìn Điện Bàn trở thành trung tâm công nghiệp - thương mại dịch vụ văn hoá và du lịch phát triển năng động phía Bắc Quảng Nam; Có không gian hợp lý mang đặc thù đô thị ven biển và phải có sự khác biệt về ý tưởng, gắn kết hài hòa với các không gian du lịch, dịch vụ, công nghiệp, làng nghề kết hợp dịch vụ du lịch, hệ thống di tích văn hóa - lịch sử và cảnh quan tự nhiên.

3. Cấu trúc và định hướng phát triển không gian

Trên cơ sở đặc điểm điều kiện tự nhiên, tiềm năng, vai trò, vị thế và tác động của mối quan hệ vùng, cấu trúc không gian chiến lược phát triển huyện Điện Bàn được quy hoạch thành hai khu vực phát triển chính. Cụ thể:

- Khu vực 1: Khu vực có địa hình cao ráo, được xác định là toàn bộ khu vực phía đông của hành lang đường cao tốc Liên Chiểu - Dung Quất ra đến biển và phía bắc của sông Thu Bồn. Phía bắc giáp với khu vực Non nước, Cẩm Lệ của thành phố Đà Nẵng, phía nam giáp với khu vực sản xuất nông nghiệp của thành phố Hội An. Với lợi thế về kết nối với đường cao tốc, QL1A, Hành lang Đông - Tây, trục ven biển... Là khu vực ưu tiên phát triển đô thị (nội thị), tạo động lực phát triển kinh tế, dịch vụ và thương mại của khu vực Bắc Quảng Nam với hạt nhân phát triển là khu du lịch biển, khu Đại học Quảng Nam, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc... Đóng vai trò thúc đẩy đô thị hóa cho khu vực phía tây và các huyện lân cận. Hệ thống khung phát triển chính là bờ biển, sông Cổ cò, sông Vĩnh Điện và hệ thống giao thông vùng bao gồm: Trục ven biển, trục 607, 608 và trục đông tây nối với đường cao tốc và QL14B. (Khu vực phía đông đường sắt của xã Điện Hòa là khu vực dự trữ mở rộng của đô thị khi các đô thị phía đông đã phát triển. Do có lợi thế tiếp giáp với địa bàn Đà Nẵng, gần trục Đông Tây và khu vực xã Điện Phước là khu vực sẽ nhanh chóng đô thị hóa).
- Khu vực 2: là khu vực phía tây của trục đường cao tốc và toàn bộ phía nam của sông Thu Bồn, phía tây tiếp giáp với huyện Đại Lộc và phía nam giáp

Phân vùng phát triển không gian huyện Điện Bàn. *(Nguồn: VIUP)*

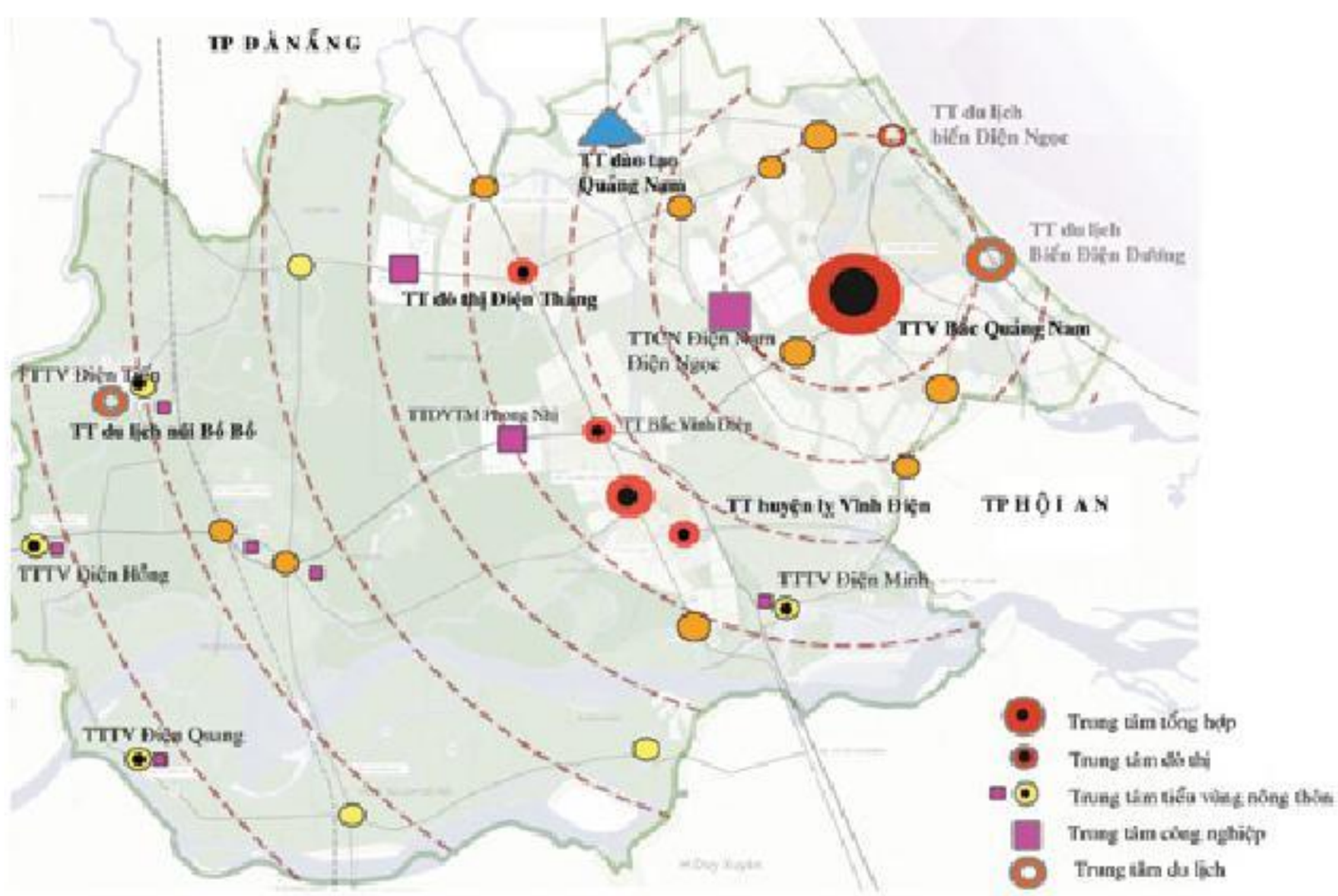

Phân bổ hệ thống trung tâm huyện Điện Bàn. *(Nguồn: VIUP)*

www.ashui.com

với huyện Duy Xuyên. Là khu vực có điều kiện đất đai phì nhiêu, hệ thống làng nghề và công trình di tích lịch sử, có lợi thế về sản xuất lương thực, thực phẩm, lao động và các dịch vụ du lịch sinh thái phục vụ cho khu vực phát triển đô thị, tương lai là khu vực ngoại thị). Đây là vùng phát triển mô hình nông thôn mới, vùng sản xuất và chế biến nông sản, lương thực và dự trữ phát triển. Hệ thống khung phát triển chính là hệ thống các sông trong khu vực và hệ thống giao thông vùng bao gồm trục 609, 610, 605 và hệ thống đường liên xã.

Với cấu trúc địa hình khác nhau giữa khu vực ven biển và khu vực đồng bằng dọc QL1A đến phía đông đường cao tốc, định hướng không gian phát triển cụm đô thị của vùng huyện bao gồm: (1) Vệt đô thị ven biển trên nền tảng là đô thị Điện Nam - Điện Ngọc, sẽ tiếp nối không gian đô thị và du lịch biển của Đà Nẵng và Hội An, được tái cấu trúc hệ thống giao thông và "không gian xanh" để tối ưu hóa (mở rộng, nâng cấp không gian) cảnh quan biển và sông Cổ Cò cho các hoạt động của đô thị. Điều chỉnh cấu trúc giao thông giúp cho khả năng tiếp cận đến không gian biển, sông Cổ Cò và không gian xanh đô thị thuận lợi nhất từ nhiều hướng. (2) Vệt đô thị ven sông Vĩnh Điện sẽ có cấu trúc phân tán hạn, chủ yếu theo cấu trúc đông - tây đảm bảo duy trì khả năng thoát nước mặt theo hướng Đông - Tây của toàn vùng. Khu vực ưu tiên phát triển là các vị trí đầu mối giao thông vùng. Không gian cảnh quan ven sông Vĩnh Điện là không gian công cộng chính của đô thị gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí văn hóa. Đô thị Điện Thắng là không gian cửa ngõ với thành phố Đà Nẵng, tiếp nối không gian đô thị của quận Ngũ Hành Sơn. Đô thị cửa ngõ Vĩnh Điện là không gian tiếp nối với di sản phố cổ Hội An và thánh địa Mỹ Sơn. Nên các chức năng tổ chức tiếp đón, quảng bá, dịch vụ trung chuyển sẽ được khai thác phát triển tại đây. Trong đó: (1) Trung tâm vùng Bắc Quảng Nam là Trung tâm tổng hợp đa chức năng bao gồm hành chính, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng khách sạn văn phòng có vai trò tạo điều kiện phát triển các lợi thế của khu vực và tập trung nguồn lực tại khu vực Điện Bàn. Trung tâm sẽ được gắn kết với mạng lưới động lực phát triển của vùng Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An như dải du lịch biển, khu Đại học Quảng Nam, sân bay Quốc tế Đà Nẵng, thành phố Hội An để đảm bảo vị thế cạnh tranh về thương mại, dịch vụ... (2) Hệ thống Trung tâm cấp đô thị (Trung tâm đô thị Điện Nam - Điện Ngọc; Điện Thắng; Thị trấn huyện lỵ Vĩnh Điện; Trung tâm dịch vụ thương mại Bắc Vĩnh Điện; Trung tâm dịch vụ thương mại Phong Nhị) có vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa, thương mại của đô thị, là hạt nhân phát triển, động lực thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực...

Tại vùng phát triển đô thị chỉ bố trí các khu công nghiệp gắn kết với đô thị, không phát triển mô hình cụm công nghiệp để tạo động lực phát triển, việc làm đi đôi với phát triển khu dân cư, dịch vụ đô thị, cung cấp hạ tầng, hạn chế ảnh hưởng từ các hoạt động công nghiệp tới môi trường: (1) Khu công nghiệp Điện Nam - Điện ngọc gắn với đô thị du lịch biển nên cần kiểm soát về tính chất công nghiệp, khuyến khích các ngành sản xuất sạch, công nghệ cao. (2) Khu công nghiệp Trảng Nhật gắn với đô thị cửa ngõ phía bắc, đô thị Điện Thắng khu công nghiệp. Tính chất công nghiệp tiêu dùng, lắp ráp, vật liệu xây dựng...

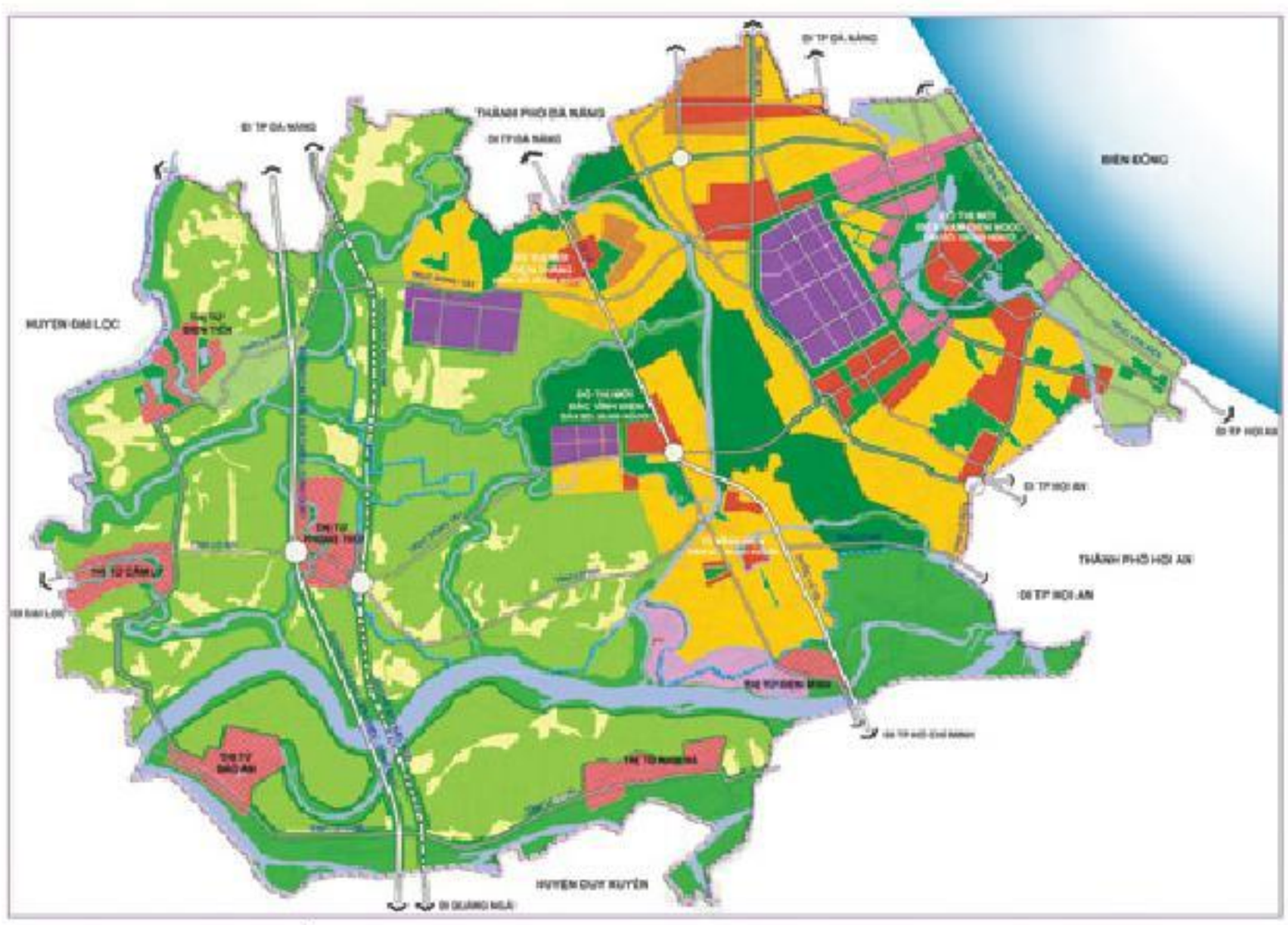

Định hướng phát triển không gian huyện Điện Bàn. *(Nguồn: VIUP)*

4. Thay cho lời kết

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, tăng cường khả năng liên kết vùng, nhất là với Đà Nẵng và Hội An, Điện Bàn cần có các chiến lược phát triển không gian khoa học, hợp lí, với Tầm nhìn sớm trở thành trung tâm công nghiệp – thương mại dịch vụ du lịch, văn hoá phát triển năng động phía Bắc Quảng Nam; có không gian hợp lý mang đặc thù đô thị ven biển, có sự khác biệt về ý tưởng, gắn kết hài hòa giữa các không gian du lịch, dịch vụ, công nghiệp, làng nghề, hệ thống di tích văn hóa - lịch sử và cảnh quan tự nhiên. Khẳng định vai trò, vị thế, thương hiệu của tỉnh trong vùng, vùng KTTĐMT, đặc biệt vai trò, vị thế trong đô thị động lực Đà Nẵng - Chân Mây - Hội An - Điện Nam Điện Ngọc... hướng tới phát triển thịnh vượng, bền vững. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy hoạch xây dựng vùng KTTĐMT (VIUP)
2. Quy hoạch chung vùng huyện Điện Bàn (VIUP)
3. Quy hoạch xây dựng phát triển vùng Đông Quảng Nam.

Sân golf Montgomerie Links, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. *(Nguồn: internet)*

Đô thị Điện Bàn
Định hướng và giải pháp đầu tư phát triển bền vững

KTS. **TRẦN NGỌC CHÍNH**
Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam

Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung mà thành phố Đà Nẵng là đô thị trung tâm của vùng có vị thế quan trọng trong quá trình đô thị hóa của cả nước.

Việc quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng, đô thị loại I quốc gia cần phải có nghiên cứu về vùng đô thị lớn điều đó tác động đến sự phát triển của các đô thị trong vùng mà địa bàn Quảng Nam là không gian địa lý và kinh tế quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ quy hoạch vùng lãnh thổ của thành phố lớn - Đô thị Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam có địa thế hành chính giáp ranh với thành phố Đà Nẵng về phía Nam, án ngữ vùng không gian quan trọng nhất trong quá trình đô thị hóa, bởi vậy việc nghiên cứu qui hoạch xây dựng đô thị Điện Bàn không thể tách rời quá trình đô thị hóa của thành phố Đà Nẵng và ngược lại.

NHẬN DIỆN ĐÔ THỊ ĐIỆN BÀN

1. Cụm động lực số 2 – Đô thị Điện Bàn có vị thế quan trọng trong sự phát triển bền vững

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã xác định các cụm đô thị động lực trên cơ sở các đô thị hạt nhân của vùng hoặc tiểu vùng phát triển các ngành kinh tế gắn với việc đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Trong đó, đô thị Điện Bàn nằm trong cụm động lực số 2, bao gồm: Chân Mây – Đà Nẵng – (Điện Ngọc – Điện Nam) (trong đô thị Điện Bàn) và Hội An mà thành phố Đà Nẵng là trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Tỉnh Quảng Nam có diện tích khá lớn: 10.406 km2, có vị thế chiến lược quan trọng trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Quốc gia, có bờ biển dài, có đường biên giới quốc gia với nước bạn Lào, có khu kinh tế mở Chu Lai. Mặt khác, Quảng Nam là tỉnh duy nhất có hai di sản văn hóa thế giới là phố cổ Hội An và tháp chàm Mỹ Sơn. Quảng Nam có truyền thống văn hóa lịch sử và đấu tranh anh dũng kiên cường.

Đô thị Điện Bàn ở phía Bắc tỉnh Quảng Nam có bờ biển và nằm giữa

www.ashui.com

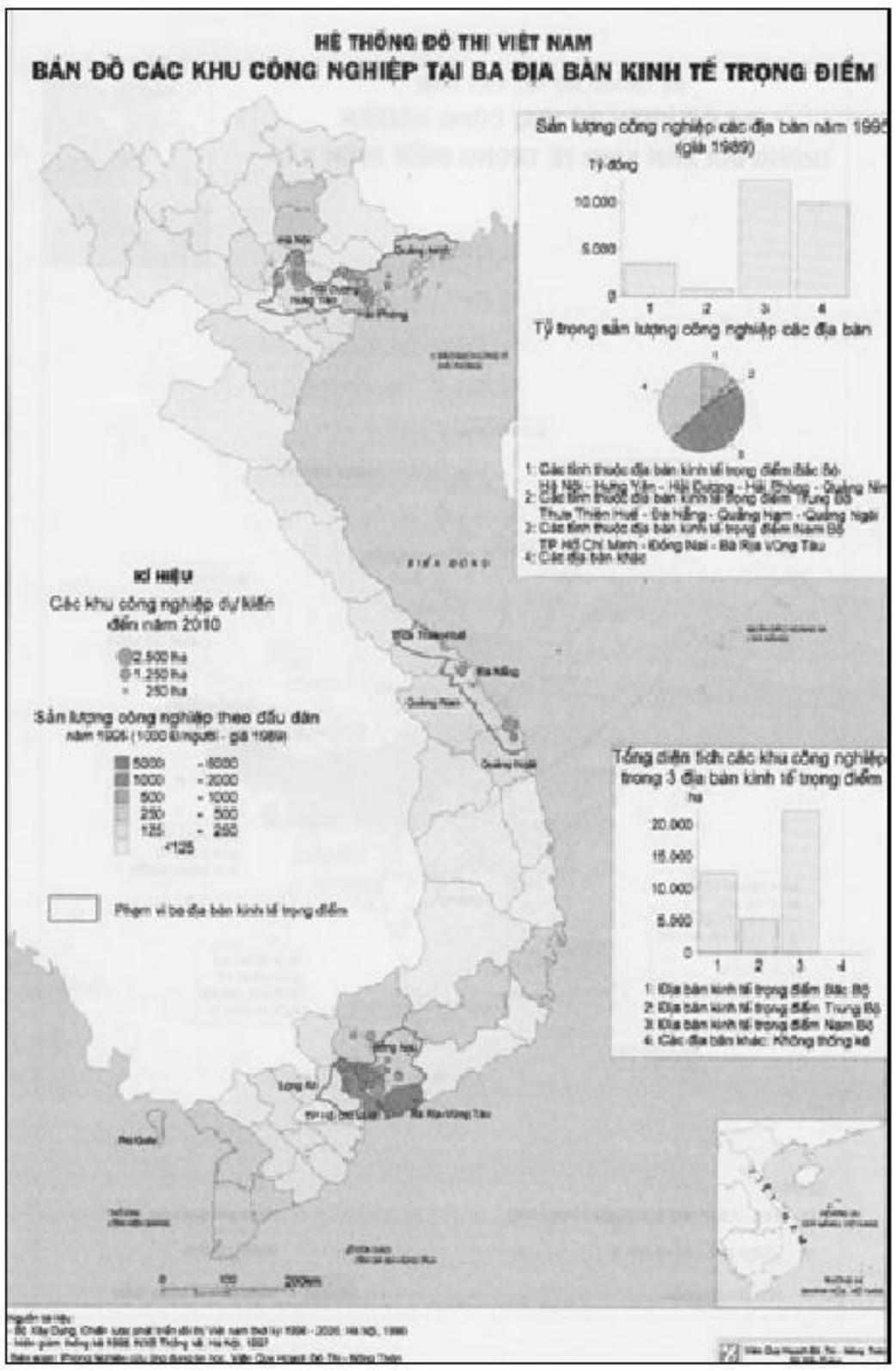

hai đô thị Đà Nẵng và Hội An có các đường giao thông quốc gia quan trọng (đường sắt quốc gia, đường QL1A, đường cao tốc quốc gia, đường ven biển Sơn Trà - Hội An, và sân bay Đà Nẵng cách hơn 20km. Có hệ thống sông tạo điều kiện phát triển giao thông đường thủy và cung cấp nước

Đô thị Điện Bàn nằm ngay trung tâm trục đô thị hóa quan trọng nhất của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, cách đều khoảng 75km về phía Bắc là khu kinh tế Chân Mây và 75km về phía Nam là khu kinh tế mở Chu Lai - Dung Quất, cách đường Hồ Chí Minh về phía tây 45km.

Với diện tích 214,71 km2 và dân số 217.214 người với 20 đơn vị hành chính là địa bàn khá đa dạng phong phú được quy hoạch, phát triển nhằm phát huy hiệu quả việc khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý với việc bảo vệ môi trường ; một đơn vị hành chính cấp huyện được quy hoạch nâng cấp lên đô thị toàn huyện (Điện Bàn) hội đủ các chức năng cần thiết để quy hoạch phát triển trở thành một đô thị sinh thái phát triển năng động theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

Về công nghiệp và tiểu công nghiệp:

dự kiến năm 2013 – 2015 đạt 13-14% đạt trên 7.500 tỷ đồng vào năm 2015 chiếm 61,6% tỷ trọng trong cơ cấu ngành kinh tế toàn huyện. Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc với diện tích 390 ha đã cơ bản được lấp đầy, đã có 420 doanh nghiệp đăng ký sản xuất với vốn đầu tư 1.276 tỷ đồng và 312,7 triệu USD đã có 30 doanh nghiệp đi vào sản xuất và đã giải quyết cho khoảng 23.000 lao động là những con số rất ấn tượng cho mô hình một đô thị phát triển.

Vùng Kinh tế trọng trọng điểm Miền Trung

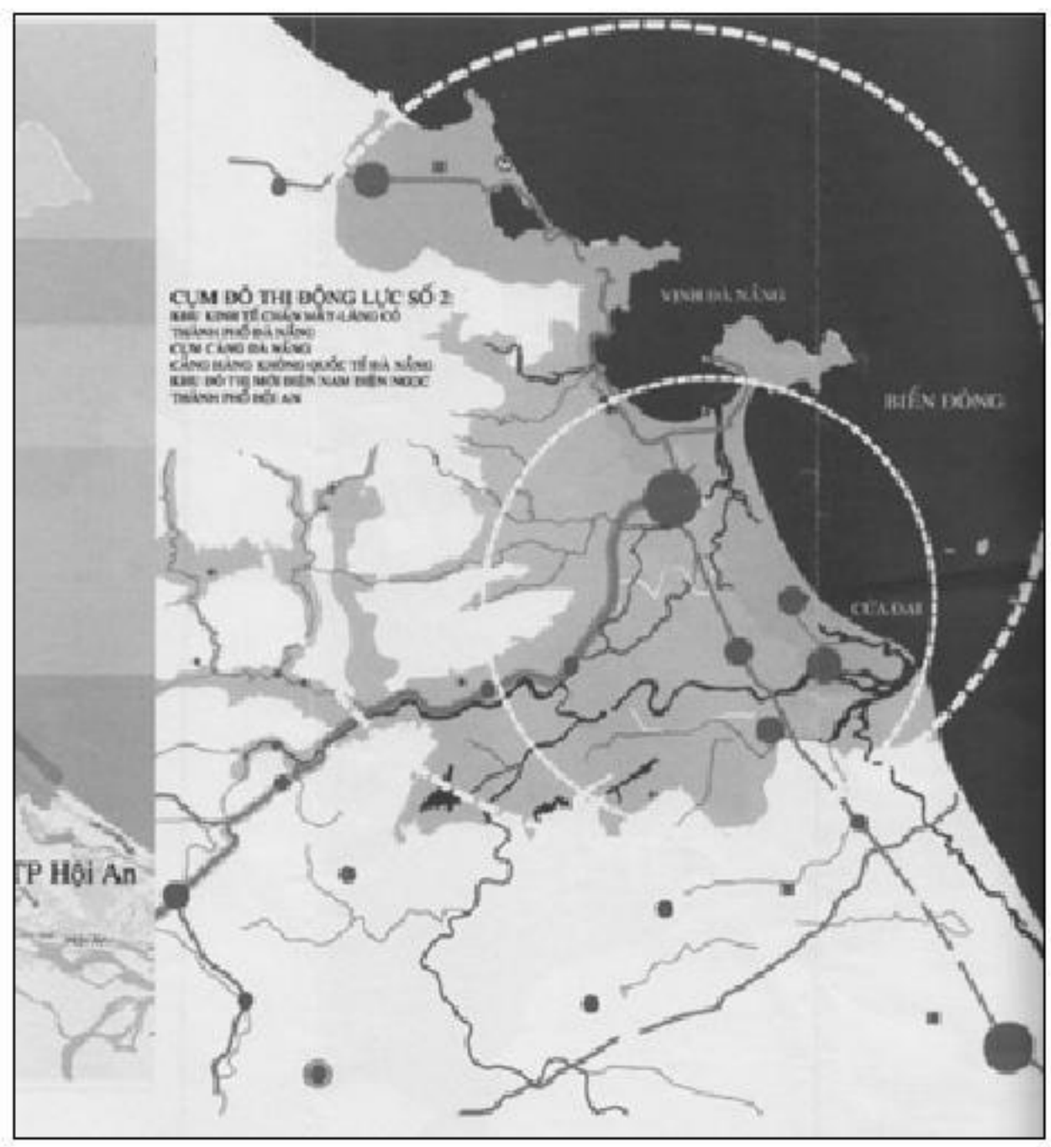

Cụm đô thị động lực số 2

Về thương mại – du lịch – dịch vụ :
Điện Bàn có tới 8.874 cơ sở kinh doanh đang hoạt động với 33.240 người tham gia lao động – ngành thương mại dịch vụ và đã tạo ra 1.571 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 19,37% so với giá trị sản xuất toàn huyện.
Hàng may mặc da giầy tăng 11,4 % với tổng kim ngạch 356,3 triệu USD.
Điện Bàn có bãi biển đẹp, nhiều khu du lịch, bãi biển nổi tiếng, bãi tắm Hà My, Resort LeBclHaMy – Resort Nam Hải và có sân golf đẹp vào bậc nhất Việt Nam như sân golf Montgomerie Links. Ngoài ra, Điện Bàn còn có nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng như nước mắm Hà Quảng, làng đúc đồng ở Phúc Kiều, làng chiếu chẽ ở Triêm Tây, bánh tráng Phú Triêm.

2. Định hướng quy hoạch và xây dựng

Việc định hướng phát triển thị trấn Vĩnh Điện mở rộng (Đô thị Điện Bàn) thành đô thị loại IV đã được xác định từ rất sớm. Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc (thuộc huyện Điện Bàn) đến năm 2020 với mục tiêu hình thành tại đây một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục, đào tạo, du lịch và nghỉ mát của tỉnh Quảng Nam và khu vực miền Trung. Năm 2006 tỉnh Quảng Nam đã phê duyệt đề án phát triển đô thị toàn tỉnh, theo đó đối với đô thị Điện Bàn, năm 2014 là đô thị loại IV. Năm 2012, quy hoạch vùng Đông tỉnh Quảng Nam được phê duyệt trong đó định hướng đô thị Điện Bàn đạt tiêu chuẩn đô thị III giai đoạn đến năm 2020. Năm 2013, đồ án Quy hoạch chung đô thị Điện Bàn được phê duyệt với mục tiêu phát triển đô thị Điện Bàn theo hướng trở thành thị xã mới năm 2015. Qua nhiều giai đoạn, mô hình phát triển đô thị đơn lẻ (Điện Nam – Điện Ngọc, dải ven biển, Vĩnh Diện, Điện Thắng) đã chuyển đổi theo hướng mở rộng, sáp nhập, phù hợp với điều kiện thực trạng, xu hướng phát triển đô thị đa cực, phù hợp với yêu cầu tiết kiệm đất canh tác, vốn đầu tư trong chương trình phát triển.

KẾT NỐI VỚI ĐÔ THỊ HIỆN HỮU ĐÀ NẴNG - HỘI AN VÀ GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đô thị Điện Bàn phát triển theo mô hình cụm đô thị giữa khu đô thị ven biển, các khu đô thị dọc quốc lộ 1A, được phân cách bằng các dải cây xanh và hệ thống sông Vĩnh Điện, Cổ Cò và khu vực phát triển nông thôn, nông nghiệp. Ngoài ra, khu vực nông thôn đưuọc định hướng phát triển thành các tiểu vùng Điện Tiến, Điện Hồng, Điện Quang, Điện Phong và Điện Trung (gọi chung là tiểu vùng gò nổi).

1. Về tổ chức không gian lãnh thổ

a). Định hướng ranh giới khu vực nội thị
- Là địa giới các xã, thị trấn: Điện Thắng Bắc, Điện Thắng Trung, Điện Thắng Nam, Điện An, Vĩnh Điện, Điện Minh, Điện Phương, giới hạn cơ bản về phía Đông là sông Vĩnh Diện, phát triển gắn với các trục QL1A, trục Đông Tây và sông Vĩnh Điện. Hướng phát triển thành khu đô thị Điện Thắng, khu đô thị Phương An.
- Là địa giới các xã vùng cát, không gian cơ bản từ biển Đông đến trục 607A.
Khu vực ngoại thị là các vùng còn lại, được phát triển theo mô hình nông thôn mới.

b). Phân vùng phát triển.
- Khu vực đô thị trung tâm dọc quốc lộ 1A từ Điện Phương tới Điện thắng. Cấu trúc phân tán theo hướng thành các khu đô thị Điện Thắng và khu đô thị Phương An. Các khu đô thị có định hướng phát triển theo hướng Đông – Tây theo dòng chảy tự nhiên.
Khu đô thị ven biển dựa trên nền tảng của khu đô thị Điện Nam – Điện Ngọc với tuyến song Cổ Cò là tuyến phân vùng phát triển.
- Không gian xanh đô thị: Vùng phát triển du lịch sinh thái văn hóa gồm tiểu vùng Gò Nổi, phân vùng Đông Vĩnh Diện và các điểm dân cư truyền thống, các khu cảnh quan sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, trồng hoa, trang trại sản xuất sinh thái thuộc khu vực các xã phía Đông QL1A.
Vùng du lịch Gò Đồi thuộc khu vực đồi Bồ Bồ, Điện Tiến.
Không gian du lịch biển từ bờ biển đến sông Cổ Cò và lan tỏa trong các không gian về phía Tây.

Định hướng quy hoạch phát triển đô thị Điện Bàn đến năm 2030

www.ashui.com

2 Định hướng phát triển các khu chức năng chính

a). Trung tâm vùng Bắc Quảng Nam

Là trung tâm tổng hợp đa chức năng, bao gồm hành chính thương mại, dịch vụ tài chính, du lịch biển, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, sân golf, văn phòng đại diện của các tập đoàn kinh tế liên quốc gia và liên vùng ngân hàng khách sạn văn phòng: 150ha.

- Hệ thống trung tâm trong đô thị

Trung tâm đô thị Điện Nam – Điện Ngọc: 50 ha (hành chính, thương mại, thể dục thể thao, y tế, văn hóa).

Trung tâm đô thị Điện Thắng: 25ha (hành chính, thương mại, thể dục thể thao, y tế, văn hóa).

Trung tâm đô thị Vĩnh Diện: 15 ha (hành chính, thương mại, thể dục thể thao, y tế, văn hóa).

Trung tâm Bắc Vĩnh Diện: 90ha (hành chính, thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, văn hóa, y tế...)

Trung tâm Thanh Chiêu: 50 ha.

Có chức năng phát triển với hệ thống làng nghề truyền thống, di tích, các công tình dịch vụ du lịch...

Trung tâm giáo dục đào tạo: 200 ha tại khu vực ven biển giáp thành phố Đà Nẵng. (đào tạo Đại học, Viện nghiên cứu, cao đẳng, nghề, giáo dục thường xuyên).

Tại khu đô thị Phương An: 15ha (Đào tạo cao đẳng, nghề, giáo dục thường xuyên).

b). Hệ thống công nghiệp – tiểu thủ công

Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc gắn với đô thị du lịch biển (Khu công nghiệp sach, công nghệ cao...)

Khu công nghiệp Tráng Nhật gắn với khu công nghiệp Điện Thắng (công nghiệp tiêu dung, lắp ráp, vật liệu xây dựng).

3. Lựa chọn đầu tư phát triển bền vững nhằm kết nối với Đà Nẵng và Hội An

- Quá trình đô thị hóa tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã đặt thành phố Đà Nẵng vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển. Thực tế trong nhiều năm qua, Đà Nẵng đã phát huy vị thế của mình đã bứt lên và đạt được nhiều thành tích trong xây dựng và mở rộng thành phố theo dự kiến quy mô dân số thành phố trong các giai đoạn phát triển từ 1,2 lên đến 1,5 triệu người. Trong khi đó Đà Nẵng không còn quỹ đất để phát triển. Hướng duy nhất để phát triển là hướng Nam (vùng Bắc của Điện Bàn). Đà Nẵng cần quỹ đất để phát triển các khu đào tạo lớn, các viện nghiên cứu, các khu công nghiệp kết hợp thể thao, triển lãm hội chợ có quy mô cấp Quốc gia, đất để xây dựng các khu đô thị mới, các khu công nghệ cao và các viện nghiên cứu quan trọng... Mặt khác, cần diện tích lớn để xây dựng các cơ sở hạ tầng, kỹ thuật đô thị như các trạm xử lý kỹ thuật, các nhà ga, bến đỗ, các trạm giao thông phục vụ quá trình đô thị hóa.
- Đô thị cổ Hội An – di sản văn hóa thế giới càng trở nên quan trọng đối với quá trình hội nhập về văn hóa, du lịch quốc tế đã chú ý nhiều đến Hội An và thực tế những năm qua nhu cầu phát triển vượt trội so với thực tiễn nhằm phục vụ khách quốc tế, phục vụ phát triển của đô thị cổ với nhiều loại hình dịch vụ : Khách sạn, nhà hàng, bến chợ, công viên, thương mại, các khu du lịch kết nối với Cửa Đại – Cù Lao Chàm và quy mô phát triển đô thị không ngừng tăng. Trong khi đó, quỹ đất của Hội An rất hạn chế khi yêu cầu của công tác quy hoạch là hạn chế việc xây dựng có quy mô lớn gần kề đô thị cổ sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững.
- Xét cơ hội cho đô thị Điện Bàn trong quá trình hội nhập kết nối với vùng mà thực tiễn là thành phố Đà Nẵng và Hội An – Đô thị Điện Bàn là nơi duy nhất để đón nhận sự phát triển của vùng và Đà Nẵng - Hội An trong tương lai.

Sự lựa chọn:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị Đại học (đầu tư tri thức là sự đầu tư được lựa chọn hàng đầu cho mọi quốc gia ...)
- Xây dựng hạ tầng khu đại học diện tích 200ha. Chuẩn bị cho xây dựng các trường đại học, các viện nghiên cứu, trường cao đẳng, học nghề, các trường Đại học quốc tế, văn hóa nghệ thuật, sân khấu điện ảnh...
- Tiếp tục đầu tư dự án khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc: 2.700 ha, trong đó có khu công nghiệp 390 ha là sự lựa chọn tốt về phát triển công nghiệp (ở đây dễ thu hút đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế).
- Đẩy nhanh tiến độ dự án khai thác song Cổ Cò vào mục đích phát triển du lịch và sinh thái của đô thị.
- Tổ chức quản lý và khai thác tốt nhất vùng đất ven biển và dải bờ biển chạy dài 10km. Phân vùng cho các khu resort và các khu bãi tắm công cộng. Xây dựng cầu tàu cho du thuyền nhằm kết nối Đà Nẵng – Hội An và Cù Lao Chàm, tiến hành lập dự án công viên sinh thái cồn cát ven biển và xây mới sân golf thứ hai tại xã Điện Dương giáp sông Cổ Cò.
- Tập trung quy hoạch và xây dựng dự án một số làng nghề nổi tiếng vừa khôi phục và phát triển mà là địa danh kết nối cho du lịch mang tính văn hóa địa phương mà du lịch quốc tế đang hướng đến.
- Diện tích nông nghiệp là rất lớn. Cần có phương thức chuyển đổi về cơ cấu cây trồng sang hướng nông nghiệp kỹ thuật cao, nông nghiệp sinh thái, vùng rau quả và làng hoa phục vụ cho đô thị.
- Kết nối giao thông đường sắt nội vùng, đường ô tô buýt nhanh, đường sông, cho tổ hợp đô thị Đà Nẵng – Điện Bàn – Hội An vận chuyển hành khách khối lượng lớn, tuyến xe ô tô buýt đến tận các khu công nghiệp, kết nối và nạo vét mở rộng sông Vĩnh Diện – sông Cổ Cò trong việc tạo cảnh quan giao thông và cấp thoát nước cho đô thị.
- Phát triển đô thị gắn với chương trình giảm thiểu biến đổi khí hậu toàn cầu.
- Triển khai dự án chính trị đối với hệ thống sông Vu Gia – sông Thu Bồn, vùng Cửa Đại nhằm chủ động trong công tác quy hoạch xây dựng và triển khai dự án có hiệu quả.

Nhận diện đô thị Điện Bàn để định hướng liên kết phát triển bền vững với Đà Nẵng và Hội An là hướng đi rất quan trọng quá trình đô thị hóa. Đà Nẵng – Điện Bàn – Hội An là tập hợp đô thị có tầm chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trọng điểm miền Trung và cả nước. ■

TIẾP CẬN CẠNH TRANH

trong chiến lược phát triển đô thị ở huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam

TS. **NGUYỄN NGỌC HIẾU,**
Học viện Hành chính

BỐI CẢNH CẠNH TRANH ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC TỚI SỰ CHỌN LỰA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, BAO GỒM CẢ QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC ĐỊNH CƯ CỦA MỖI ĐÔ THỊ HAY VÙNG ĐỊNH CƯ. BÀI VẾT NÀY THẢO LUẬN VỀ VIỆC ĐỐI MẶT VỚI VẤN ĐỀ CẠNH TRANH NHẰM CUNG CẤP MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆC CHUẨN BỊ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở ĐIỆN BÀN.

Huyện Điện Bàn là một đơn vị hành chính lãnh thổ, một khu vực sản xuất và tiêu thụ, và là một khu vực định cư đang chuyển thành đô thị nằm trong vùng phát triển kinh tế nhanh có tốc độ cao nằm trong một khu vực động lực phát triển với hai đầu là hai đô thị lớn là Đà Nẵng và Hội An. Nằm trong một khu vực có sự cạnh tranh về địa điểm trong sự tương đồng về văn hóa, về ưu đãi của thiên nhiên của cả vùng định cư, sản xuất, và sinh thái, việc lựa chọn cách thức để vươn lên là một đô thị không đơn giản khi đã có những thành công ở khu vực lân cận. Đây là những yếu tố phải tính đến trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, và chiến lược phát triển địa phương xét cả từ góc độ đô thị hay vùng định cư và sản xuất. Bài viết nhấn mạnh việc xem xét các lựa chọn trên nền tảng phân tích cạnh tranh trong quá trình lập kế hoạch và chiến lược phát triển cho đô thị và cả vùng lân cận.

Bối cảnh cạnh tranh trong không gian vùng và đô thị[1]

Điện Bàn phải cạnh tranh với các đô thị đã phát triển trong vùng

Bối cảnh cạnh tranh có thể được hiểu *là bối cảnh mà mỗi sản phẩm hay dịch vụ cung cấp đều có các lựa chọn thay thế, có*

www.ashui.com

các đối thủ khác và tiềm tàng có thể giành thị phần của mình, giá bán quy định bởi mặt bằng các nhà cung cấp, và không phải những gì đã đúng trong quá khứ với mình sẽ tiếp tục đúng *mãi* [2]. Bản chất của nền kinh tế thị trường và cũng là lợi ích của tự do cạnh tranh là giảm thiểu độc quyền và lợi dụng vị thế độc quyền để trục lợi, dẫn đến các doanh nghiệp phải tối ưu hóa các hoạt động phân bổ và sử dụng nguồn lực hữu hạn, làm hài lòng và giữ được khách hàng.

Trong lĩnh vực địa kinh tế, bối cảnh cạnh tranh diễn ra không chỉ trong các ngành hàng hay sản phẩm cụ thể mà còn là cạnh tranh ở quy mô địa điểm phát triển hay các vùng lãnh thổ và các đô thị sản xuất hay tiêu thụ sản phẩm. Nói cách khác, sự cạnh tranh diễn ra trên các địa bàn khác nhau hay cách xa nhau hàng ngàn cây số nhưng cùng cung cấp các mặt hàng hay dịch vụ tương đồng hay 'thú vị vì sự khác biệt' cho những khách hàng có sự lựa chọn giữa các địa điểm khác nhau về mặt địa lý nói trên.

Các đô thị hay vùng cạnh tranh nhau bằng cách tối ưu hóa trên nhiều giác độ để doanh nghiệp trên địa bàn đó có thể sản xuất ra các sản phẩm rẻ hơn và khác biệt về giá trị xứng đáng hơn. Theo Giáo sư Michael Porter, chiến lược cạnh tranh cần được hiểu là chiến lược để làm cho lợi thế cạnh tranh của mình được phát huy hoặc sự khác biệt và vượt trội về sản phẩm của mình so với các đối thủ khác được duy trì (Porter 2008). Điều này cũng có nghĩa là họ phải tạo điều kiện để đô thị hay vùng đó khai thác được các lợi thế cạnh tranh của địa phương đó trước mắt những nhà đầu tư tiềm năng hay các chủ thể có quyền lựa chọn địa điểm để sinh sống và phát triển.

Lợi thế cạnh tranh của mỗi vùng đất có thể hiểu là sự khác biệt tự nhiên và nhân tạo. Về tổng thể, mỗi vùng địa lý ở quy mô nhất định luôn có tính duy nhất của vị trí và điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó, một số yếu tố khác không phải hình thành từ tự nhiên cũng thăng hoa theo địa bàn bởi các yếu tố văn hóa của vùng đã tối ưu hóa theo vùng đất. Các điều kiện sản xuất (kể cả hạ tầng khung), thói quen và phong cách tiêu dùng, hay nhu cầu thị trường tại chỗ và sức mua cũng có thể được hình thành gắn với vùng đất cụ thể. Các điều kiện nhân tạo bao gồm cách thức tổ chức lực lượng lao động, thể chế, cơ sở hạ tầng, điều kiện vận hành thị trường, và chất lượng môi trường. Đây là những yếu tố có thể thay đổi rất lớn do lãnh đạo và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp tại vùng đó sau một thời gian.

Tuy nhiên, việc khai thác tính duy nhất cũng như thay đổi để tạo ra lợi thế không phải đơn giản. Việc đầu tiên là phải tìm đúng lĩnh vực để khai thác và phát huy thế mạnh của vùng/đô thị. Điều này giống như việc nhận diện đúng vị trí (*positioning*) của địa phương mình trên bản đồ các địa danh khác trong sản xuất trên thị trường. Đối với từng sản phẩm riêng lẻ thì đây là việc của doanh nghiệp nhưng việc định vị sản phẩm của vùng thường đòi hỏi vai trò lãnh đạo và hỗ trợ của các hiệp hội và đặc biệt là chính quyền các cấp.

Sau khi tìm được đúng lĩnh vực, cần phải duy trì thế mạnh này bởi các hoạt động dẫn đến ảnh hưởng lợi thế cạnh tranh như xâm hại tài nguyên ảnh hưởng thế mạnh của vùng, làm giả thương hiệu vùng v.v.. diễn ra thường xuyên đòi hỏi chính quyền ra tay.

Ngoài ra, do các địa phương khác cũng luôn vận động và sáng tạo nên vị thế cạnh tranh cũng biến đổi theo thời gian. Điều này đòi hỏi sự sáng tạo và thích ứng của lãnh đạo và các nhà quản lý một cách liên tục. Cách tiếp cận liên tục thích ứng đối với các vấn đề bất định nhưng mục tiêu kiên định để xác định vị trí và chỗ đứng có thể hiểu là tiếp cận chiến lược để cạnh tranh.

Tất nhiên, có một vấn đề thực tiễn là cạnh tranh luôn không hoàn hảo. Luôn có sự bất đối xứng về thông tin, về không cân bằng trong quyền lực chính trị, về nhận thức và khả năng hiện thực hóa mục tiêu của từng địa phương, hay sự khác biệt về văn hóa, về cơ hội phát triển. Sự không hoàn hảo của tính cạnh tranh thể hiện rất rõ sự khác biệt về địa kinh tế và địa chính trị của mỗi vùng đất. Một khu vực đôi khi có lợi thế duy nhất đối với vùng hay đô thị lân cận và việc đầu tư hay phát triển lĩnh vực gì là tương đối xác định đối với nhiều doanh nghiệp hay chủ thể phát triển khác. Vị trí đó trở thành độc quyền hoặc ngược lại, là vị trí bất lợi phải hứng chịu khó khăn và ít có những lựa chọn khác tương đương. Môi trường không cạnh tranh hoàn hảo cũng là một yếu tố phải tính đến trong lập các bài toán phát triển.

Việc lựa chọn đúng lĩnh vực có tính cạnh tranh và duy trì nó là việc làm quy hoạch và chiến lược hành động cùng với quá trình giám sát. Ưu điểm hay khó khăn cũng cần phải làm rõ để các kế hoạch đầu tư hạ tầng, ưu đãi chính sách và thuế để có thể hiện thực hóa lợi thế sẵn có để thu hút doanh nghiệp. Chúng ta cùng bàn về vấn đề này.

Lập quy hoạch trong bối cảnh cạnh tranh

Điện Bàn cần lập quy hoạch để thực hiện chiến lược phát triển.

Việc lập kế hoạch và quy hoạch phát triển thường bắt đầu bằng nghiên cứu hiện trạng và lập quy hoạch dựa trên các phân tích dự báo căn bản như tăng trưởng dân số và mục tiêu tăng trưởng GDP kỳ vọng. Các yếu tố tăng trưởng khác như nguồn lực đất đai, vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở và lao động thường được phân bổ xuôi chiều[3] nhằm hiện thực hóa mục tiêu GDP nói trên. Cách làm trên mặc dù không phải là tất cả nhưng khá đại diện cho hầu hết các địa phương và các đô thị hiện nay.

Vấn đề của quy hoạch truyền thống là quá trình lập kế hoạch thường chỉ chú ý tới vấn đề trong phạm vi một vùng nghiên cứu, đánh giá các yếu tố phát triển chủ yếu diễn ra bên trong đô thị/vùng nghiên cứu mà ít xây dựng kịch bản dựa trên triết lý cạnh tranh từ các chủ thể phát triển ngoài nhà nước và đô thị khác. Có thể nhận thấy vấn đề này ở ba khía cạnh:

Thứ nhất, quá trình lập quy hoạch ít đầu tư phân tích xác định rõ các mặt hàng của địa phương mình cạnh tranh với ai. Nếu thị trường tiêu thụ hoặc cấu phần quan trọng của sản phẩm

địa bàn tham gia gia công không nằm trong địa bàn thì phải làm rõ những chủ thể nào khác cũng có thể làm ra sản phẩm tương tự hoặc cũng có thể trở thành đối thủ cạnh tranh khi các nhà đầu tư lựa chọn;
Thứ hai, địa phương/đô thị có đánh giá các đối thủ cạnh tranh (có thể là đô thị hay địa bàn lân cận và tương tự) về các điều kiện sản xuất tương đương tại địa bàn của họ. Việc đánh giá này chủ yếu là lợi thế và điều kiện tự nhiên để tạo ra sản phẩm. Cũng có thể xét cả các yếu tố con người như quyết tâm của lãnh đạo hay tiềm lực về vốn, lao động, hay công nghệ tại chỗ.
Thứ ba, địa phương có lập kế hoạch theo dạng chiến lược, tức là thường xuyên cập nhật để hoàn thiện mình không. Do các đối thủ cạnh tranh cũng thường xuyên đổi mới, sáng tạo và điều chỉnh thường xuyên các cách thức vận hành và tổ chức để cạnh tranh. Việc lập kế hoạch không tính tới các nỗ lực và khả năng điều chỉnh thường xuyên của các đối thủ cạnh tranh khác trong lĩnh vực, trong khu vực, hay trong từng giai đoạn cụ thể cũng là thiếu sự liên hệ với bối cảnh cạnh tranh.
Muốn kế hoạch phát triển gần với thực tiễn hơn, các bản quy hoạch và kế hoạch hay chiến lược cần tiếp cận từ bản chất cạnh tranh của thực tiễn phát triển – khi các chủ thể phát triển không phải chỉ có duy nhất một lựa chọn.
Tiếp cận này đòi hỏi các kịch bản tăng trưởng và dự báo phải làm giống phân tích cạnh tranh giống cách làm của doanh nghiệp. Thiếu cách tiếp cận này, rất có thể điệp khúc nông dân được mùa rớt giá, sự hình thành của các đô thị 'ma' ven đô, và đầu tư theo phong trào để bất động sản đóng băng sẽ tiếp diễn bởi các chủ thể phát triển đã thiếu cái nhìn so sánh với các đối thủ ở xa nhưng vẫn giành mất thị phần trong phạm vi ảnh hưởng của mình.

Tính cạnh tranh của đô thị trung bình
*Điện Bàn sẽ **cạnh tranh từ giác độ một đô thị trung bình.***
Nếu nhấn mạnh khía cạnh kinh tế thì cạnh tranh được hiểu là sự cạnh tranh về sức mạnh kinh tế giữa các đô thị và vùng đô thị hay thậm chí quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa (Harris 1997). Tuy nhiên, đây chỉ là cuộc chơi của các vùng đô thị lớn còn các đô thị trung bình thường chỉ cạnh tranh ở một số mặt hàng cụ thể và đặc biệt là cạnh tranh về chất lượng môi trường sống. Nếu xét riêng trong vấn đề môi trường sống, việc duy trì chất lượng môi trường sống tốt (livable cities) đã phản ánh đầy đủ ý nghĩa của cạnh tranh. Những nỗ lực cải thiện điều kiện cho những ai đang ở trên địa bàn của mình làm cho cư dân muốn chuyển đến sinh sống, muốn phát triển lâu dài bởi sự đảm bảo về tương lai. Qua đó, người dân và chính quyền đô thị có thu nhập và cạnh tranh hơn (Robert J.Rogerson 1999).
Một trong những cách tiếp cận để làm rõ tính cạnh tranh của một vùng đất hay một đô thị là phương pháp xác định giá trị tài sản (*assets*). Đối với đô thị, tài sản có thể là công trình công cộng, cơ sở hạ tầng, nhưng đặc biệt đó cũng là những giá trị cảnh quan tự nhiên, sự trong sạch của môi trường, hệ sinh thái, hình ảnh đô thị, hay thậm chí nét đẹp văn hóa ứng xử bản địa. Trong nhiều trường hợp, giá trị của các tài sản này có sự khác biệt lớn giữa các bên trong định giá. Việc định giá đúng sẽ giúp đem lại đánh giá đúng thế mạnh của đô thị cũng như có thể tìm được phương án phát triển phù hợp với tập quán của địa phương.
So với các đô thị lớn, đô thị nhỏ có lợi thế về các 'tài sản' liên quan đến du lịch cảnh quan, sinh thái, hay đảm bảo chất lượng cuộc sống như ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, tắc nghẽn giao thông, an ninh trật tự, và chi phí đắt đỏ về nhà ở và sinh hoạt. Ngược lại, đô thị nhỏ thường bất lợi hơn về cơ hội việc làm và thu nhập cao và tiếp cận đến các dịch vụ cao cấp như giải trí, chữa bệnh. Trên thực tế, chất lượng sống cao nhất không ở các siêu đô thị mà thường ở các đô thị trung bình city quality (City mayors 2014).
Việc đo lường chất lượng sống và so sánh có nhiều cách khác nhau, xong tham khảo phương pháp đánh giá về chất lượng cuộc sống (*livable index*) của công ty Mercer thì các đô thị có thể được đánh giá trên 10 nhóm chỉ tiêu như sau (Mercer Surveys 2014):

1. Môi trường chính trị và xã hội (ổn định chính trị, tội phạm và cưỡng chế pháp luật)
2. Môi trường kinh tế (các điều khoản quy định về tỉ giá ngoại hối, dịch vụ, và ngân hàng)
3. Môi trường văn hóa-xã hội (mức độ kiểm duyệt, hạn chế tự do cá nhân)
4. Sức khỏe và vệ sinh (dịch vụ y tế, bệnh truyền nhiễm, hệ thống thoát nước và quản lý chất thải rắn)
5. Trường học và giáo dục (tiêu chuẩn và sự sẵn có của các trường quốc tế)
6. Chất lượng dịch vụ công và giao thông (điện, nước, giao thông công cộng, và tắc nghẽn giao thông)
7. Giải trí nghỉ ngơi (nhà hàng, rạp hát, chiếu bóng, thể thao, và giải trí)
8. Các hàng tiêu dùng (sẵn có của thực phẩm, các hàng hóa thông thường)
9. Nhà ở (nhà cửa, thiết bị gắn kèm, đồ nội thất, chất lượng bảo trì)
10. Chất lượng môi trường tự nhiên (khí hậu, thảm họa tự nhiên)

(Mercer)

www.ashui.com

Xếp hạng 2012	Thành phố	Quốc gia	Xếp hạng 2014	Thành phố	Quốc gia
1	**Vienna**	Austria	**1**	**Vienna**	Austria
2	**Zurich**	Switzerland	**2**	**Zurich**	Switzerland
3	**Auckland1**	New Zealand	**3**	**Auckland**	New Zealand
4	**Munich**	Germany	**4**	**Munich**	Germany
5	**Vancouver**	Canada	**5**	**Vancouver**	Canada
6	**Düsseldorf**	Germany	**6**	**Düsseldorf**	Germany
7	**Frankfurt**	Germany	**7**	**Frankfurt**	Germany
8	**Geneva**	Switzerland	**8**	**Geneva**	Switzerland
9	**Copenhagen**	Denmark	**9**	**Copenhagen**	Denmark
10	**Bern**	Switzerland	**10**	**Sydney**	Australia

Bảng 1: Xếp hạng 10 đô thị có chất lượng sống tốt nhất năm 2012 và 2014. *Nguồn: http://www.mercer.com/press-releases/quality-of-living-report-2014*

Căn cứ theo hệ thống tiêu chí này, hàng trăm đô thị trên thế giới để xếp hạng so sánh với thành phố New York. Các đô thị của Việt Nam có chỉ số khoảng 60/100 điểm, đứng thứ 140-150 so với các đô thị tốt nhất trong những năm gần đây. Nhìn chung, đây các thành phố có chất lượng sống tốt nhất đều thuộc nhóm các thành phố trung bình hoặc lớn (không phải các siêu đô thị), được hình thành từ lâu, được quản lý tốt, có sức thu hút về du lịch, sinh thái, thường có các công trình kiến trúc cổ, các di sản độc đáo về văn hóa (*bảng 1*). Với sự đánh giá toàn diện, để đảm bảo chất lượng sống tốt và ổn định, chính quyền các đô thị đều phải có hệ thống đánh giá và đo lường nỗ lực quản lý của mình. Hệ thống này ở mỗi quốc gia có thể khác nhau, xong nhìn chung chúng luôn là cơ sở để khắc phục nhược điểm và phát huy lợi thế. Việc xây dựng những hệ thống đánh giá này trên thế giới đã được hình thành từ lâu do nhiều tổ chức quốc tế và chính quyền địa phương áp dụng hieu (Hieu 2012).

Gần đây, việc áp dụng hệ thống đánh giá nỗ lực quản lý và đánh giá cạnh tranh hiện nay cũng đang được phát triển ở Việt Nam (ACVN and UN-Habitat 2010;Hieu 2011). Nếu được đem vào áp dụng, kỳ vọng rằng hệ thống này sẽ cung cấp những cơ sở tin cậy hơn cho các nhà quản lý và quy hoạch khi đánh giá thế mạnh và lợi thế cạnh tranh cũng như có thể giúp lựa chọn các phương án quy hoạch và phát triển (xem ví dụ đánh giá ở hình bên). Hệ thống này áp dụng ở diện rộng cũng cho phép đánh giá so sánh về mức độ cạnh tranh giữa các đô thị về chất lượng sống và nhiều mặt khác.

Hình 1: Hồ sơ đô thị Sơn Tây – đánh giá tổng hợp một số chỉ tiêu cơ bản về quản lý đô thị năm 2011. *Nguồn: Đề tài Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng quản lý đô thị, Học viện Hành chính, 2012*

Tuy nhiên, dù cho còn có những khiếm khuyết mặt này hay khác thì không nên coi các tiêu chí trở thành chỉ tiêu đạt tới như một hình tròn, phải tốt đều mọi hướng. Trên thực tế, rất khó có thể đảm bảo các yếu tố tốt như nhau bởi nguồn lực là có hạn. Hơn nữa, mỗi đô thị có bản sắc riêng và từng địa phương sẽ luôn có những thứ mà họ tự hào và làm cho du khách đáng nhớ.

5. Kết luận

Một số vấn đề gợi ý trong tiếp cận chiến lược đối với sự cạnh tranh trong phát triển

Bối cảnh cạnh tranh là luật chơi của thời đại mà các nhà quản lý không thể bỏ qua trong kỷ nguyên thông tin, dân chủ, tự do, và toàn cầu hóa như hiện nay. Tùy thuộc vào tầm cỡ, quy mô, trình độ kinh tế, và đặc điểm riêng của từng đô thị mà người tham gia cuộc

chơi này sẽ khác nhau. Trước hết, việc quy hoạch, lập kế hoạch cho Điện Bàn và vùng cần đảm bảo phương pháp tiếp cận và tính toán chiến lược đã tính đến các yếu tố cạnh tranh.

Cách thức để cạnh tranh có nhiều, xong quản lý đô thị để cạnh tranh chính là tự hoàn thiện cách thức quản lý, huy động và sử dụng nguồn lực; tìm ra sự khác biệt và sáng tạo để phát huy tốt nhất lợi thế sẵn có cũng như thu hút các nguồn lực 'động' để có được khách hàng và vị thế tốt hơn trên các 'sân chơi' trong nước và quốc tế. Sự hoàn thiện mình ở đây không đơn thuần chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, mà là tạo điều kiện để cư dân ở đây có cuộc sống tốt hơn, đáng sống hơn, bảo vệ và gia tăng giá trị 'tài sản đô thị', và giúp doanh nghiệp kinh doanh tốt hơn. Các đô thị và vùng định cư phát triển sau có tính kết nối như Điện Bàn là đô thị mới, đi sau thì sự khác biệt và sáng tạo có lợi thế về mặt ít bị ràng buộc bởi những giá trị cũ nhưng cũng là thách thức bởi không dễ tạo dựng những giá trị mới.

Lợi thế cạnh tranh của Điện Bàn cần làm rõ sự khác biệt không chỉ là tính độc quyền về vị trí. Đối với các đô thị quy mô kinh tế không lớn, sự cạnh tranh đương nhiên là sự tương đồng về các điều kiện sống, nhưng vẫn cần có những sự khác biệt. Với vị trí đặc thù so với khu vực lân cận như Đà Nẵng – Hội An và khu vực nhiều di sản và nằm giữa hai đầu có thể là sự khác biệt đặc thù, nhưng địa phương cần tìm được lợi thế cạnh tranh thực sự khi khai thác vị trí này thông qua sản phẩm cụ thể. Đặc biệt là sản phẩm ít gắn với quy mô kinh tế. Bên cạnh đó, Điện Bàn khó có thể cạnh tranh về tính mới so với Đà Nẵng hay tính cổ kính của Hội An nên sự khác biệt, giá trị 'tài sản' và điểm nổi trội có những khó khăn nhất định. Muốn tạo ra và giữ lợi thế cạnh tranh, Điện Bàn cần có các hệ thống theo dõi và đánh giá cập nhật, so sánh với các đô thị khác **bằng con số và có độ tin cậy**. Đó chính là các chuẩn mực phản ánh kết quả quản lý và định hướng sự hoàn thiện và cạnh tranh.

Thẩm quyền để tạo sự khác biệt cũng là điều đáng lưu ý. Do UBND thị xã Điện Bàn là tương đương cấp huyện nên có thể chưa được trao đầy đủ thẩm quyền hành chính trong quản lý quy hoạch và chiến lược, chính sách, việc xây dựng kế hoạch. Trước khi cơ chế mới về chính quyền đô thị hay Thị trưởng bầu trực tiếp đi vào cuộc sống, chính quyền cấp thị xã cần có sự liên kết và tranh thủ sự ủng hộ của cấp trên và liên minh với các đô thị lân cận một cách chủ động để đảm bảo lợi thế từ sự khác biệt của địa phương phát huy. Đương nhiên, chính quyền không trực tiếp cạnh tranh mà chỉ **tạo điều kiện để doanh nghiệp phát huy khả năng cạnh tranh ở** các sân chơi tiềm năng. Dù sao, thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ này cũng vẫn là điểm lưu tâm trong câu chuyện chính sách và thể chế hiện nay.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ACVN & UN-Habitat Ky yeu hoi thao xay dung chi so do thi, Ninh Binh.

City mayors. Quality survey on livable city. 2014. Ref Type: Online Source

Harris, N. 1997. Cities in a global economy: structural change and policy reactions. *Urban Studies*, 34, (10) 1693

Hieu, N. N. 2011, *Building criteria for assessing urban management performance*, Academy of Public Administration, Hanoi, Vietnam.

Hieu, N.N. 2012. Canh tranh do thi. *Quy hoach do thi*, 11, Hoi quy hoach va phat trien do thi Vietnam.

Mercer Surveys 2014, *2014-global quality-of-living report* London.

Porter, M. Vietnam Competitiveness. 2008. Ref Type: Slide

Robert J.Rogerson 1999. Quality of Life and City Competitiveness. *Urban Studies*, 36, 969-985

Chú thích:

1. Trong bài viết này, khái niệm vùng và đô thị đôi khi được dung có tính thay thế bởi các đô thị mới hình thành từ huyện như Điện bàn có hình thức giống như một vùng đô thị, mặc dù vẫn là một đô thị thuộc nhóm trung bình nhỏ.
2. Định nghĩa của tác giả.
3. Xuôi chiều có nghĩa là chủ yếu từ mục tiêu tăng trưởng chi phối nhu cầu đầu tư và chuyển đổi đất đai, ít khi là từ đất đai tính ngược về tăng trưởng GDP.

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG - ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CÔNG NGHIỆP HÓA. VỚI ĐẶC THÙ CẤP HUYỆN, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯỜNG KHÓ KHĂN HƠN DO CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỀU NHÂN TỐ CẢ BÊN TRONG BÊN NGOÀI, CẢ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH. NHỮNG NĂM QUA, ĐIỆN BÀN ĐÃ CÓ NHIỀU NỖ LỰC TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÃ THÀNH CÔNG NHẤT ĐỊNH. NHỮNG SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở ĐÂY CÒN NHIỀU VẤN ĐỀ PHẢI LÀM RÕ TỪ ĐÓ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CHO HUYỆN. ĐÓ CHÍNH LÀ MỤC TIÊU CỦA BÀI VIẾT.

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP huyện Điện Bàn

PGS.TS **BÙI QUANG BÌNH**
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Ảnh minh họa. *Nguồn: UBND tỉnh Quảng Nam*

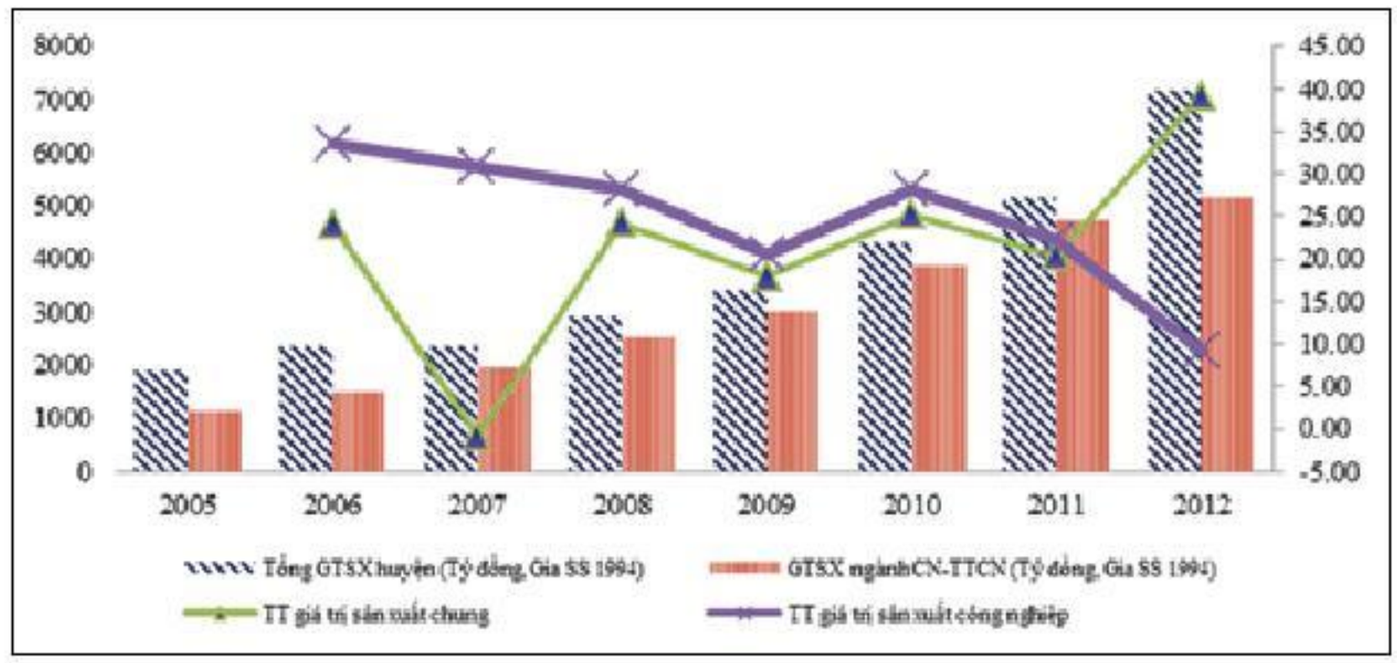

Hình 1: Quy mô và tốc độ tăng trưởng GTSX chung và công nghiệp huyện Điện Bàn

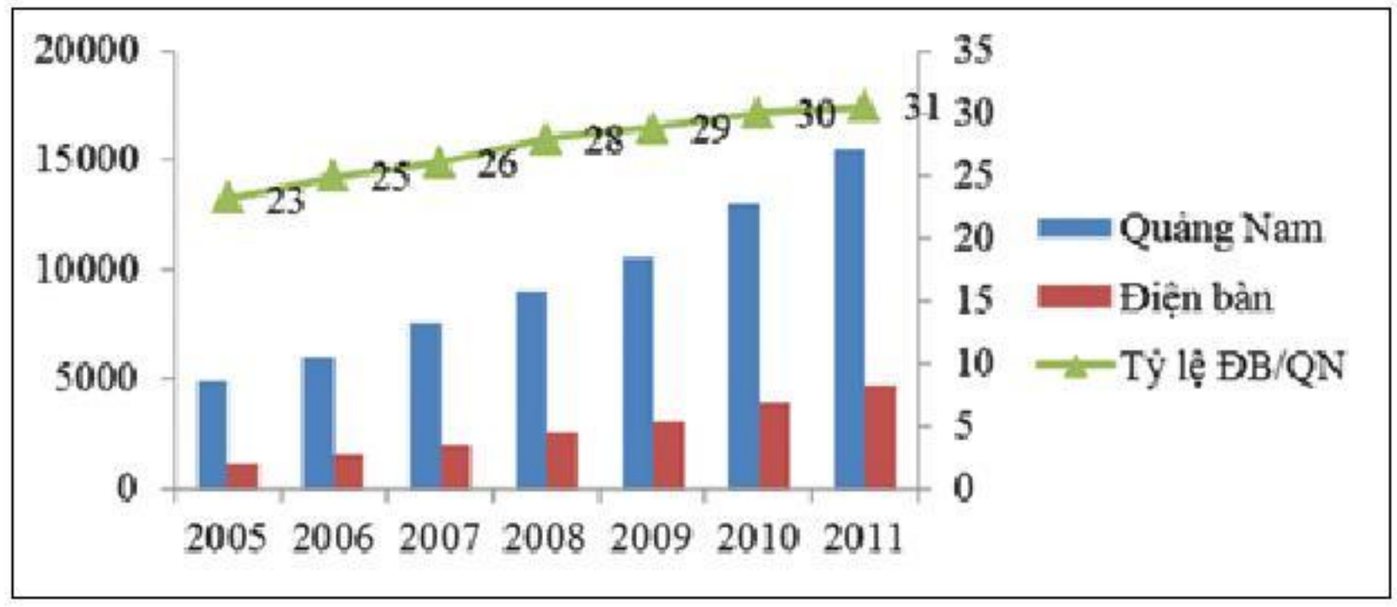

Hình 2: Vị thế công nghiệp huyện Điện Bàn trong công nghiệp của tỉnh

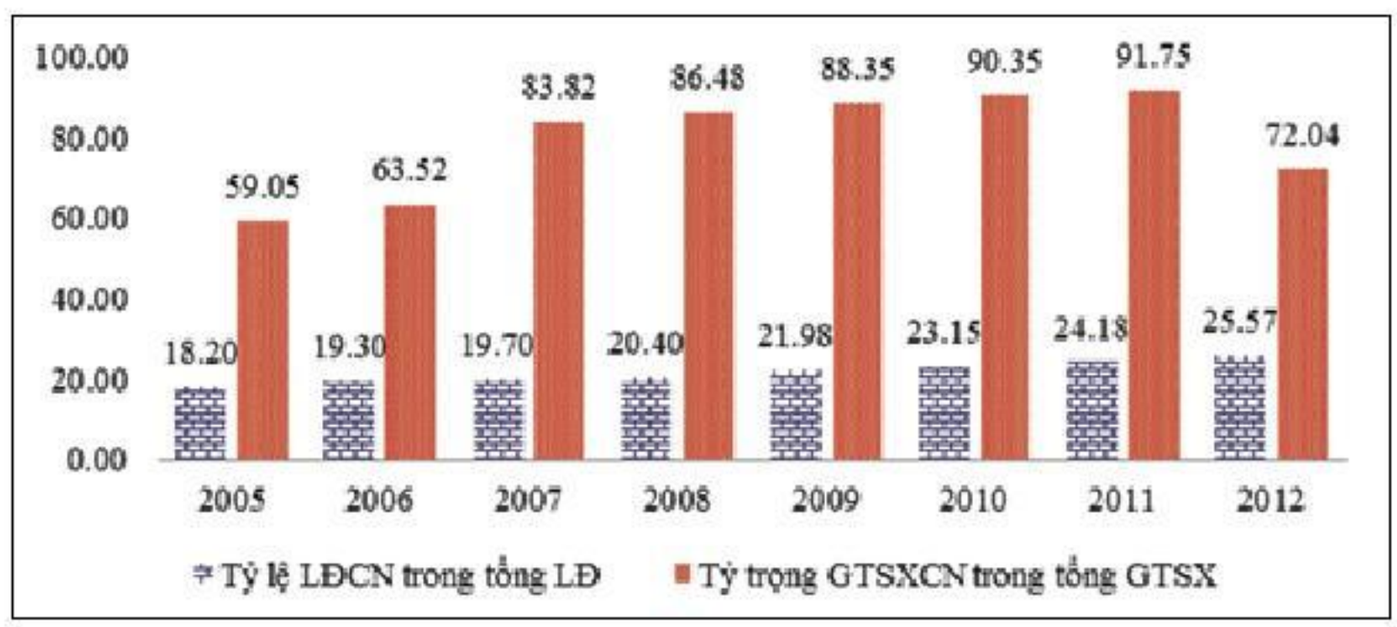

Hình 3: Đóng góp của công nghiệp vào GTSX và tạo ra việc làm cho lao động của huyện

1. Đặt vấn đề

Việc lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia hay vùng lãnh thổ thường tập trung vào chính sách phát triển công nghiệp. Đây vừa là chìa khóa thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa vừa là nền tảng cho sự phát triển bền vững của mỗi nền kinh tế. Huyện Điện Bàn đang nỗ lực tập trung phát triển công nghiệp để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên sự phát triển công nghiệp ở đây vẫn chưa như kỳ vọng đặt ra như phát triển chậm, chưa thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa ở đây và kèm theo đó là nhiều vấn đề như: (i) Định hướng phát triển công nghiệp chưa hợp lý; (ii) Sự phát triển công nghiệp vẫn dựa vào nguồn lực bên ngoài là chính mà chưa huy động được yếu tố nội lực; (iii) Quy mô của các doanh nghiệp chủ yếu là nhỏ, năng lực yếu; (iv) Trình độ phát triển thấp và (v) Phân bố phân tán khó khăn cho phát triển hạ tầng... Đánh giá đúng tình hình phát triển công nghiệp huyện cùng với các vấn đề tồn tại sẽ rất cần thiết cho hoạch định chính sách phát triển trong thời gian tới ở đây. Đây cũng là mục đích của bài viết này.

2. Những đóng góp của công nghiệp trong nền kinh tế của huyện

Phần này sẽ đánh giá vài trò của sản xuất công nghiệp thông qua đóng góp vào giá trị sản xuất (GTSX) chung và việc làm cho lao động của huyện.

Số liệu cho thấy quy mô sản xuất của nền kinh tế và quy mô sản xuất công nghiệp gần như song hành, chỉ riêng năm 2012 hơi khác biệt. Nếu năm 2005 GTSX công nghiệp là hơn 1.100 tỷ đồng thì GTSX chung là hơn 1.900 tỷ đồng, năm 2011 các giá trị lần lượt là 4.734 tỷ đồng và 5.160 tỷ đồng (Hình 1). Tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện những năm 2006 - 2008 và chịu ảnh hưởng ít

từ tăng trưởng GTSX công nghiệp như những năm 2009 - 2011, trung bình từ 2005 - 2012 tăng trưởng GTSX công nghiệp là 24% năm thì giá trị sản xuất chung là 20%. Điều này thể hiện rõ hơn thông qua cơ cấu tỷ trọng của GTSX công nghiệp trong GTSX chung.

Vị thế ngành công nghiệp của huyện Điện bàn có vai trò ngày càng cao trong công nghiệp tỉnh Quảng Nam. Hình 3 cho thấy quy mô sản xuất công nghiệp của huyện tăng theo và thúc đẩy sự phát triển chung của công nghiệp của tỉnh Quảng Nam. Với tốc độ tăng nhanh hơn tăng trưởng công nghiệp chung nên tỷ trọng GTSX công nghiệp của huyện tăng từ 23% năm 2005 lên 30% năm 2011.

Trong nền kinh tế huyện, ngành công nghiệp đóng góp vào GTSX chung này càng lớn. Hình 3 cho thấy tỷ trọng của công nghiệp đã tăng liên tục từ gần 60% năm 2005 lên gần 92% năm 2011. Năm 2012 do tăng trưởng đột biến của dịch vụ và bản thân tăng trưởng chậm lại của công nghiệp nên tỷ trọng chỉ còn 72%. Về việc làm, sự phát triển nhanh của công nghiệp từ 2005 tới 2012 đã tạo ra lượng việc làm cho lao động và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động của huyện. Tuy nhiên tỷ lệ lao động trong công nghiệp từ 18,2% năm 2005 tăng dần và đạt 25,57% năm 2012 hay tăng khoảng 7%.

Với những phân tích trên cho thấy sự phát triển nhanh của Điện Bàn đã từng bước cho nền kinh tế này thực hiện được một số tiêu chí của công nghiệp hóa, tuy nhiên định hướng phát triển công nghiệp ở đây chưa thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập trực tiếp cho lao động. Những điểm này sẽ được bổ sung bằng những kết quả phân tích ở phần dưới đây.

3. Tình hình phát triển công nghiệp của huyện Điện Bàn

Hãy xem xét qua chính sách phát triển công nghiệp của huyện. Phát triển công nghiệp được coi là hướng ưu tiên tập trung để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng. Chính sách phát triển công nghiệp thống nhất với định hướng của tỉnh nhưng có tính tới những đặc thù của huyện và tập trung vào: (i) Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản - đây là ngành công nghiệp thế mạnh của huyện, có nguồn nguyên liệu dồi dào và đa dạng tại địa phương; (ii) Sản xuất tơ tằm và dệt lụa; (iii) Ngành dệt may; (iv) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; (v) Phát triển các làng nghề thủ công mỹ nghệ.

Hình 1 cho thấy tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của huyện những năm qua. Quy mô sản xuất công nghiệp (SXCN) tăng liên tục, nhưng tốc độ tăng trưởng rất không ổn định và xu thế đi xuống năm 2009 và trong giai đoạn 2010 - 2012. Xu thế này đã gián tiếp nói rằng trong sự phát triển công nghiệp huyện đang có những nguyên nhân khiến sự phát triển mang nhiều yếu tố bất ổn.

Cơ cấu GTSX công nghiệp theo thành phần kinh tế thể hiện trên hình 3. Khu vực công nghiệp trong nước (gồm cả khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước) giảm đáng kể, từ tỷ trọng chiếm hơn 90% năm 2006 giảm chỉ còn chưa tới 45%. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực này đã tăng từ hơn 20% năm 2006 lên 51% năm 2012. Điều này cũng hàm ý rằng huyện đã thu hút được nguồn đầu tư nước ngoài khá lớn cho phát triển công nghiệp, khu vực này đang tạo ra số lượng hơn ½ việc làm trong công nghiệp và sự phát triển công nghiệp huyện phụ thuộc vào nguồn lực bên ngoài ngày càng rõ. Công nghiệp chế biến chiếm đại đa số trong sản xuất công nghiệp, với tỷ trọng từ 97 -98% giá trị sản xuất toàn ngành hình 4. Ngoài ra ngành này cũng chiếm tới 99% lao động làm việc trong công nghiệp.

Công nghiệp chế biến có tới 16 ngành sản xuất khác nhau. Theo cơ cấu các ngành sản xuất trong công nghiệp chế biến ở Điện Bàn cho thấy tỷ trọng của các ngành như: Thuộc da, sơ chế da và giày dép da; Thực phẩm và đồ uống; Sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chiếm tỷ trọng lớn nhất, cả ba ngành này chiếm tới hơn 80% giá trị sản xuất công nghiệp (bảng 5). Ngành thuộc da, sơ chế da và giày dép da có tốc độ tăng nhanh và tỷ trọng tăng nhanh, đến năm 2012 tỷ trọng đạt hơn 41% năm 2012. Ngành thực phẩm và đồ uống có tốc độ tăng nhanh và giữ tỷ trọng ổn định ở khoảng 27 - 28%. Ngành Sản phẩm

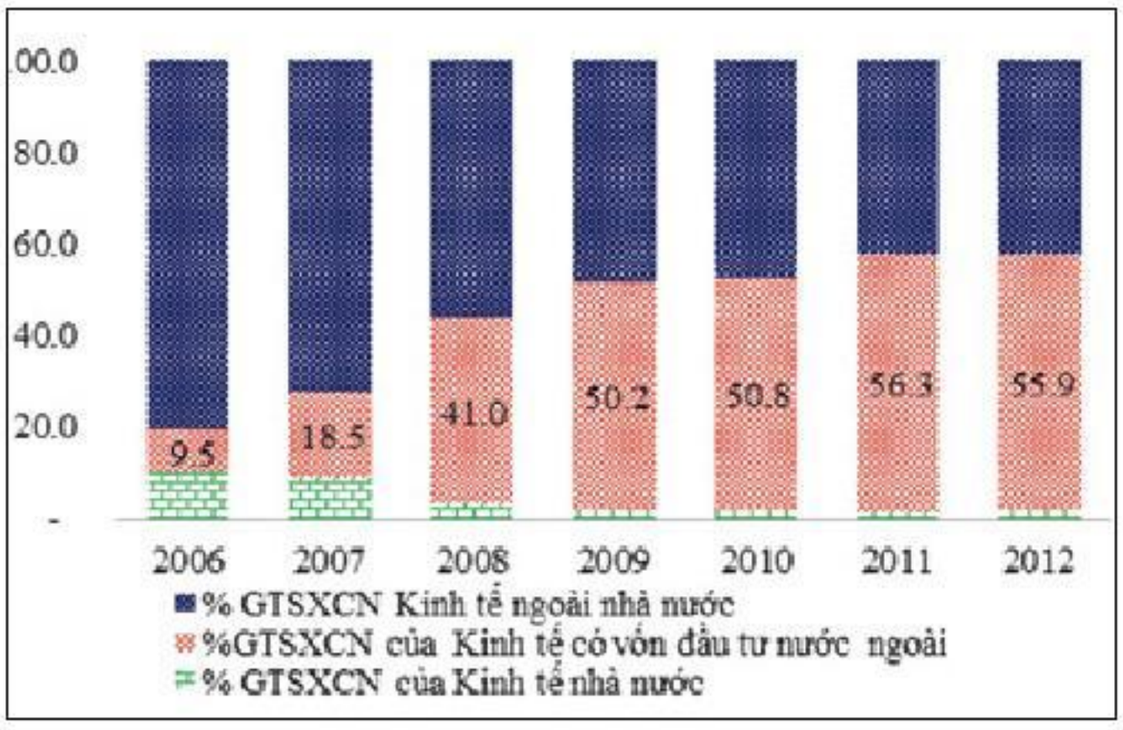

Hình 4: Cơ cấu GTSXCN theo thành phần KT

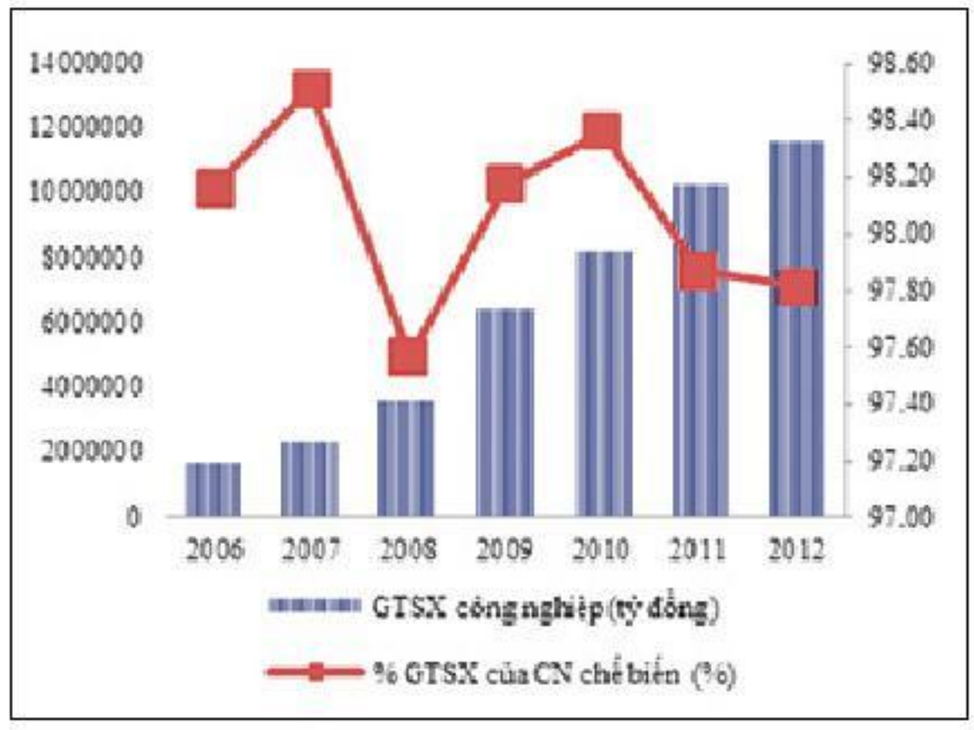

Hình 5: Cơ cấu GTSXCN theo ngành

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
GTSXCN chế biến (1000 tỷ đồng)	1668,3	2272,6	3517,9	6294,3	8075,4	10061	11336
Trong đó tỷ trọng của:							
Thực phẩm và đồ uống	27,1	21,7	18,1	25,5	29,1	28,4	28,1
May đo	3,7	5,1	4,3	2,6	3,4	3,5	3,8
Thuộc da, sơ chế da, giày dép da	6,4	14,0	32,6	42,8	39,1	42,8	41,6
Chế biến gỗ, tre mây, chiếu...	1,3	1,2	0,8	0,6	1,0	0,7	0,9
Giấy và sản phẩm từ giấy	1,6	2,5	2,4	2,4	1,4	1,2	0,9
Cao su, nhựa	1,3	2,0	1,6	1,0	1,0	1,1	1,9
Sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại	43,7	33,8	27,0	18,0	16,3	11,9	11,1
Sản xuất kim loại	1,9	4,2	3,0	2,7	2,7	2,0	1,6
sản phẩm từ kim loại	1,7	1,0	1,1	0,7	1,4	3,1	4,5
Sản xuất sản phẩm máy móc, thiết bị điện	3,0	5,3	2,0	0,2	1,5	2,8	3,3
Giường tủ, bàn ghế	5,9	7,6	5,4	2,7	2,5	2,1	1,7
Khác	8,3	9,3	7,0	3,6	3,1	2,5	2,2

Bảng 5. Tỷ trọng các ngành trong công nghiệp chế biến huyện Điện Bàn

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Lao động ngoài khu công nghiệp (người)	6314;	7332	9610	9942	9429	9812	9031
Lao động khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc (người)	11370	13322	13626	14522	16855	17813	20440
Quy mô lao động/doanh nghiệp trong khu công nghiệp	516,8	532,9	504,7	500,8	561,8	556,7	584,0
Quy mô lao động/doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp	4,4	4,6	6,1	6,1	5,1	5,2	4,8

Bảng 6: Số lượng lao động và quy mô lao động/doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp

từ chất khoáng phi kim loại có tốc độ tăng chậm nên tỷ trọng giảm dần chỉ còn hơn 11% năm 2012. Các ngành khác có quy mô nhỏ, có tốc độ tăng ổn định và chiếm tỷ trọng thấp từ 2 - 4 %. Công nghiệp chế biến của Điện Bàn chủ yếu tập trung các ngành công nghiệp giai đoạn đầu sản xuất hàng hóa thiết yếu như chế biến lương thực thực phẩm và các ngành công nghiệp giai đoạn giữa như chế biến cao su, đồ da, dày dép... mà chưa có ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất. Tình hình này sẽ rõ hơn qua danh mục sản phẩm công nghiệp chủ yếu của huyện như phụ lục cuối.

Phân bố các cơ sở sản xuất công nghiệp của huyện tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến và phân bố không tập trung gây khó khăn cho phát triển cơ sở hạ tầng. Số cơ sở sản xuất công nghiệp cũng giống như tình hình GTSXCN, tuyệt đại đa số cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc công nghiệp chế biến. Phân bố theo không gian của các cơ sở sản xuất công nghiệp không tập trung vào các một trung tâm hay khu vực mà thay vào đó là hầu khắp tất cả các xã của huyện. Ngay khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc cũng chỉ có 35 cơ sở sản xuất năm 2012. Điều này cũng sẽ dẫn tới tình trạng khó khăn về cơ sở hạ tầng nhất là việc xử lý ô nhiễm môi trường.

Quy mô doanh nghiệp của huyện phần lớn có quy mô nhỏ, quy mô ít. Bảng 6 cho thấy phần lớn doanh nghiệp trong khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc có quy mô lớn, trung bình lao động trong một doanh nghiệp trên 500 và gần 600 người. Doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp là doanh nghiệp có quy mô nhỏ chỉ 4 - 5 lao động.

Phần lớn cơ sở công nghiệp ở huyện phân bố vào các khu và cụm công nghiệp nhỏ, trong khu vực chế biến rất khó khăn cho phát triển cơ sở hạ tầng nhất là xử lý ô nhiễm môi trường. Hiện tại trong 2.000 cơ sở thì trong KCN Điện Nam - Điện Ngọc là 35 còn phần lớn tập trung ở tất cả các xã trong các cụm công nghiệp nhỏ hay riêng lẻ. Theo thành phần kinh tế, như phần trên đã đánh giá lao động đã được tập trung ngày càng cao cho khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo nhóm ngành công nghiệp thì tập trung lao động và các yếu tố khác chủ yếu trong công nghiệp chế biến.

4. Các vấn đề trong phát triển công nghiệp

Từ phân tích trên cho thấy dù công nghiệp huyện Điện Bàn đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển của huyện

nhưng cũng còn nhiều vấn đề tồn tại cần phải giải quyết. Đó là:

Thứ nhất, định hướng phát triển công nghiệp của huyện với mục tiêu mong muốn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa bằng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong giá trị sản xuất và chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp đang bộc lộ những bất hợp lý. Sự phát triển công nghiệp dường như không thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn mạnh mẽ khi không tạo ra sự chuyển biến thực sự về trình độ kỹ thuật - công nghệ sản xuất, thúc đẩy phân công lao động, phát triển hạ tầng nói chung và công nghiệp nói riêng. Định hướng phát triển công nghiệp đã không phát huy được những lợi thế vị trí địa lý, tài nguyên và con người của huyện.

Thứ hai, quy mô sản xuất công nghiệp ngày càng cao và chiếm vị thế nhất định trong công nghiệp của tỉnh nhưng sản xuất ngành ngày càng phụ thuộc vào nguồn bên ngoài và tập trung vào công nghiệp chế biến nhằm thác lợi thế lao động giá rẻ của địa phương

Thứ ba, doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp dân doanh - động lực chính phát triển công nghiệp nhưng quy mô nhỏ và có năng lực sản xuất yếu khó thúc đẩy sự phát triển công nghiệp đồng thời sự phân bố có khoảng cách khá lớn.

Thứ tư, công nghiệp chế biến khá đa dạng, một số ngành có quy mô khá lớn, nhưng mới ở giai đoạn đầu quá trình phát triển công nghiệp, cấu trúc sản phẩm công nghiệp ở đây phản ánh cấu trúc chuyên môn hóa, liên kết kém.

Thứ năm, các cơ sở công nghiệp phân bố khá phân tán sẽ là thách thức cho việc phát triển cơ sở hạ tầng nói chung và công nghiệp nói riêng.

5. Một vài kiến nghị định hướng và giải pháp phát triển công nghiệp huyện

Thứ nhất, phải định hướng lại sự phát triển công nghiệp của huyện theo hướng phát huy thế mạnh về tài nguyên, về nông nghiệp và con người thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nông nghiệp, nông thôn thay cho định hướng phát triển công nghiệp chỉ để thay đổi cơ cấu kinh tế. Tránh nhầm lẫn coi chuyển dịch cơ cấu là mục tiêu phát triển công nghiệp vì đây thực chất là phương thức thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp.

Thứ hai, kết hợp thu hút nguồn lực bên trong và bên ngoài hợp lý để không chỉ khai thác lợi thế tài nguyên và lao động giá rẻ mà cần phát huy nhân tố chiều sâu, đẩy mạnh chuyên môn hóa và chuyển dịch mạnh lao động.

Thứ ba, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo mối liên kết giữa các doanh nghiệp lớn trong khu công nghiệp và cách doanh nghiệp nhỏ cung ứng đầu vào, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Thứ tư, chuẩn bị các điều kiện để chuyển dần từ giai đoạn đầu sang giai đoạn giữa trong quá trình phát triển công nghiệp huyện.

Thứ năm, khuyến khích sự phát triển khu công nghiệp nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn làm cơ sở bố trí lại sản xuất, đồng thời duy trì và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn nhằm tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập để giúp lao động "ly nông" nhưng không ly hương. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Bình. 2011. Miền Trung khai thác tiềm năng biển đảo để phát triển, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia "Khai thác tiềm năng biển đảo vì sự phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung" do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và UBND tỉnh Quảng Ngãi tổ chức ngày 10.5.2011, NXB Từ điển Bách khoa - Quý II năm 2012 Tr. 60 -73, ISBN 9786049006173.
2. Bùi Quang Bình. 2013. Phát triển công nghiệp các tỉnh duyên hải miền Trung: Vấn đề và giải pháp, Kỷ yếu hội nghị Xúc tiến đầu tư vùng duyên hải miền Trung tổ chức ngày 21.3 - 22.3.2013 tại Đà Nẵng trang 197 - 206
3. Bùi Quang Bình. 2012. Tăng trưởng kinh tế miền Trung – Tây Nguyên trong điều kiện tái cấu trúc kinh tế Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo thuộc Chương trình TRIG - Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung, Tây Nguyên gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng tổ chức tại Đà Nẵng 26.6.2012.
4. Cục Thống kê các tỉnh duyên hải miền Trung, Niên giám thống kê các tỉnh duyên hải miền trung năm 2006 - 2012.
5. Tổng cục Thống kê. Tổng điều tra dân số Việt Nam năm 2009

Ảnh minh họa. Nguồn: UBND tỉnh Quảng Nam

Phát triển các khu, cụm công nghiệp huyện Điện Bàn theo hướng **công nghiệp sinh thái**

TS. **DƯƠNG ĐÌNH GIÁM**
Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp - Bộ Công Thương

TỔNG QUAN VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Khái niệm khu công nghiệp (KCN) sinh thái được hai nhà khoa học Mỹ là Frosch và Gallopoulos đề xuất vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Hai ông cho rằng, khu công nghiệp sinh thái được hình thành trên cơ sở sinh thái học công nghiệp sản xuất sạch, quy hoạch, kiến trúc và xây dựng bền vững, tiết kiệm năng lượng và hợp tác các doanh nghiệp.

KCN sinh thái là KCN được thiết kế với cơ sở hạ tầng có thể tạo thành một chuỗi những hệ sinh thái hòa hợp với hệ sinh thái tự nhiên trên toàn cầu (Tibbs, 1992). Khái niệm sinh thái công nghiệp còn được xem xét ở khía cạnh tạo thành mô hình hệ công nghiệp bảo toàn tài nguyên. Theo Karamanos (1995), sinh thái công nghiệp là chiến lược có tính chất đổi mới, nhằm phát triển công nghiệp bền vững dựa trên thiết kế hệ thống công nghiệp theo hướng giảm tối thiểu chất thải phát sinh và tăng tối đa khả năng tái sinh-tái sử dụng nguyên liệu và năng lượng. Sinh thái công nghiệp là một hướng mới, tiến đến đạt được sự phát triển bền vững bằng cách tối ưu hóa mức tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên và năng lượng; đồng thời giảm thiểu sự phát sinh chất thải. Hay nói cách khác, khái niệm sinh thái công nghiệp còn bao hàm tái sinh, tái chế, tuần hoàn các loại phế liệu, giảm thiểu chi phí xử lý, tăng cường áp dụng các giải pháp ngăn ngừa ô nhiễm như sản xuất sạch hơn và xử lý cuối đường ống.

Hiện tại, khái niệm sinh thái công

www.ashui.com

nghiệp chưa có một định nghĩa thống nhất, nhưng trong nhiều kết quả nghiên cứu, các tác giả đều thống nhất khái niệm sinh thái công nghiệp phải thể hiện những quan điểm chính sau:
- Là tổ hợp thống nhất và toàn diện các thành phần của hệ công nghiệp và các mối quan hệ với môi trường xung quanh.
- Sinh thái công nghiệp nhấn mạnh việc xem xét các hoạt động điều khiển của con người nhằm phát triển công nghiệp theo hướng bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- Sinh thái công nghiệp xem quá trình cải tiến công nghệ sản xuất là yếu tố quan trọng để chuyển tiếp từ hệ công nghiệp không bền vững hiện tại sang hệ sinh thái công nghiệp bền vững trong tương lai.

Vai trò của khu công nghiệp sinh thái đối với sự phát triển KT - XH của địa phương, quốc gia

1. Về kinh tế

- KCN sinh thái sẽ tạo ra động lực phát triển kinh tế công nghiệp của địa phương và khu vực, vùng lãnh thổ: tăng giá trị SXCN, dịch vụ, thu hút đầu tư, cơ hội tạo việc làm cho người lao động.
- Tạo điều kiện hỗ trợ và phát triển các ngành công nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp hỗ trợ và các làng nghề truyền thống cùng tồn tại và phát triển.
- Thúc đẩy quá trình đổi mới, nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học, tăng nhanh tốc độ triển khai công nghệ mới.
- Giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất từ quá trình tiết kiệm, tái chế, tái sử dụng nguyên - vật liệu và năng lượng: tái chế và tái sử dụng chất thải.
- Đạt hiệu quả kinh tế cao hơn nhờ chia sẻ chi phí cho các dịch vụ chung: quản lý chất thải, đào tạo nhân lực, nguồn cung cấp và hệ thống thông tin môi trường cùng các dịch vụ hỗ trợ khác.
- Đối với các doanh nghiệp trong KCN và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN sinh thái: gia tăng giá trị cạnh tranh, giá trị thương hiệu và bất động sản cũng như lợi nhuận chủ đầu tư KCN sinh thái.

2. Về xã hội

- KCN sinh thái là một động lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực lân cận, sẽ thu hút đầu tư từ các tập đoàn lớn trong nước và quốc tế.
- Tạo động lực hỗ trợ các dự án phát triển mở rộng của địa phương: đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phát triển nhà ở, cải tạo và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng,...
- Tạo một bộ mặt mới, một môi trường trong sạch và hấp dẫn cho toàn khu vực, làm thay đổi cách nhìn thiếu thiện cảm cố hữu của cộng đồng đối với sản xuất công nghiệp lâu nay.
- KCN sinh thái tạo điều kiện hợp tác với các cơ quan nhà nước trong việc thiết lập các chính sách, luật môi trường và kinh doanh ngày càng thích ứng với xu thế hội nhập và phát triển bền vững.

3. Về môi trường

- Giảm các nguồn gây ô nhiễm cho môi trường, giảm lượng chất thải cũng như giảm nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên: hạn chế ô nhiễm, tiết kiệm năng lượng, quản lý chất thải, tái tạo tài nguyên và các phương pháp quản lý môi trường và công nghệ mới khác.
- Đảm bảo cân bằng sinh thái trong suốt quá trình hình thành và phát triển KCN sinh thái: từ việc chọn địa điểm, quy hoạch, xây dựng, lựa chọn doanh nghiệp, quá trình hoạt động, quản lý,... đều phù hợp với các điều kiện thực tế và đặc điểm sinh thái của khu đất xây dựng và khu vực xung quanh.
- Tất cả vì mục tiêu môi trường, mỗi KCN sinh thái có một mô hình phát triển và quản lý riêng để không ngừng nâng cao đặc trưng cơ bản của nó về bảo vệ môi trường.

Các tiêu chí xây dựng KCN sinh thái

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản về sinh thái công nghiệp và kinh nghiệm của các nước đi trước, xem xét điều kiện của Việt Nam, các tiêu chí cơ bản xây dựng KCN sinh thái gồm 6 nhóm tiêu chí:
- Sự tự nguyện tham gia của doanh nghiệp trong KCN và các thành phần khác (nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản,...) (gọi chung là doanh nghiệp) trong KCN. Bản thân từng doanh nghiệp trong KCN chủ động giảm thiểu chất thải tại nguồn.
- Tính đa dạng về loại hình công nghiệp đầu tư vào KCN;
- Tính tương thích về loại hình công nghiệp trên phương diện "trao đổi chất thải";
- Tương thích về quy mô;
- Giảm khoảng cách (địa lý) giữa các cơ sở và tăng đến mức tối đa khả năng sử dụng chung các cơ sở hạ tầng trong KCN;

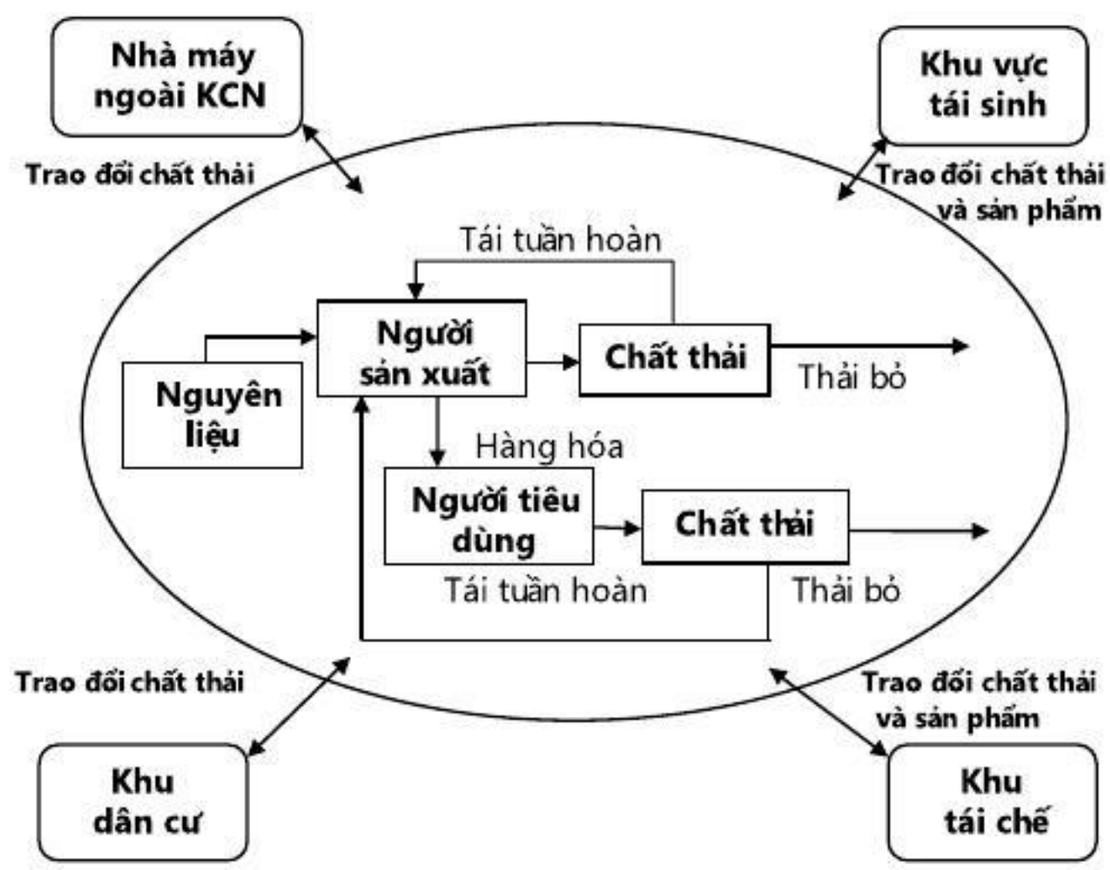

Hình 1: Sơ đồ chức năng hệ sinh thái công nghiệp

- Kết hợp giữa phát triển công nghiệp với các khu vực lân cận (vùng nông nghiệp, khu dân cư,...) trong chu trình trao đổi vật chất (nguyên liệu, sản phẩm, phế phẩm, chất thải);

Trong 6 nhóm tiêu chí trên, thì sự tự nguyện tham gia của các doanh nghiệp trong KCN được thiết lập đóng vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại ổn định và lâu dài của hệ thống. Vì các doanh nghiệp này sẽ liên kết với nhau trên cơ sở trao đổi nguyên vật liệu (bao gồm cả sản phẩm, phế phẩm và chất thải) và năng lượng (nhiệt thừa, nhiên liệu,...) với nhau và với môi trường tự nhiên, nên mỗi cơ sở là một "mắt xích" trong một "chuỗi" vật chất khép kín. Chỉ cần một "mắt xích" nào bị phá vỡ (vì bất cứ lý do gì), toàn hệ thống sẽ bị phá vỡ theo và phải mất một thời gian dài mới có thể thiết lập lại. Không ai khác, ngoài các doanh nghiệp sản xuất sẽ phải thực thi các phương án công nghệ để có thể hình thành mạng lưới trao đổi vật chất trong KCN cũng như giảm thiểu đến mức thấp nhất sự tiêu thụ cũng như phát sinh chất thải. Do đó, chỉ khi nào doanh nghiệp sản xuất tự nguyện trở thành thành viên của KCN sinh thái, họ mới nỗ lực duy trì vai trò "mắt xích" của mình vì sự tồn tại của cả hệ thống. Không có sự tự nguyện tham gia của các doanh nghiệp sản xuất, các giải pháp công nghệ giảm thiểu chất thải tại nguồn cũng như trao đổi chất thải, cho dù đơn giản đến đâu đi nữa, cũng trở nên ít khả thi.

Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

1. KCN sinh thái Lalundborg, Đan Mạch

Thành phần chính trong hệ sinh thái công nghiệp này là Nhà máy Điện Asnaes (công suất 1.500 MW). Hầu hết các trạm phát điện sử dụng nhiên liệu hoá thạch, hiệu suất cực đại chuyển hoá năng lượng từ than thành điện chỉ đạt 40%, 60% còn lại được thải ra môi trường dưới dạng nhiệt (hơi nước và khí Ethane và Methane), xỉ than, tro bụi,... Phần năng lượng dư thừa và chất thải này được sử dụng có hiệu quả cho các nhà máy trong cùng KCN, không thải ra môi trường.

2. KCN sinh thái Fairfield, Baltimore, Maryland, USA

KCN Fairfield nằm ở phía Đông-Nam thành phố Baltimore, có diện tích 880 ha tập trung các ngành công nghiệp: dầu khí, hóa chất hữu cơ (sản xuất và phân phối asphalt, các công ty dầu và hóa chất) và những cơ sở sản xuất nhỏ (lắp ráp lốp xe, sản xuất thùng chứa,...). Fairfield được xem là một hệ kinh tế "carbon" (Cornell University Work and Environment Initiative, 1995), nơi tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tái sinh, tái chế các hợp chất hữu cơ. Đó là một trong những lý do khiến cho KCN này trở thành bằng chứng đáng tin cậy, rằng Baltimore đang trở thành mô hình phát triển công nghiệp lý tưởng trong tương lai.

KCN sinh thái Fairfield được phát triển không chỉ giúp các cơ sở sản xuất hiện hữu mở rộng quy mô, công suất mà còn bổ sung thêm các cơ sở sản xuất khác phù hợp với hệ sinh thái công nghiệp theo những hướng chính như sau:

- Công nghệ sản xuất phù hợp với hệ sinh thái công nghiệp hiện tại (sản xuất hóa chất, film, photo,...);
- Phù hợp với công nghệ môi trường đang áp dụng;
- Đóng vai trò của cơ sở tái sinh, tái chế và trao đổi chất thải.

Bằng cách này, KCN sinh thái Fairfield đạt được mục đích phát triển, nhưng không gây ra các tác động tiêu cực mới đối với môi trường. Phát triển kinh tế bền vững và bảo đảm công ăn việc làm cho người dân được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển KCN này.

3. KCN sinh thái ở Thái Lan

Thái Lan đã xây dựng thành công hàng loạt các KCN sinh thái, như: Amata Nakorn I.E, Khon Kean, Learm Chabang, Pin Thong, Amata City I.E,... Thái Lan đứng thứ hai trên thế giới về số lượng KCN sinh thái (29) chỉ sau Mỹ (40). Thành công của mô hình KCN sinh thái Thái Lan là bài học kinh nghiệm thiết thực cho phát triển bền vững phát triển KCN sinh thái của Việt Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng.

4. Bài học cho Việt Nam

a) Nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Tăng trưởng cần gắn với mục tiêu phát triển. Mỗi quốc gia, địa phương đều phải trải qua giai đoạn lấy mục tiêu tăng trưởng công nghiệp làm trọng, nền tảng cho các bước tiếp theo của quá trình CNH, HĐH. Tuy nhiên, chúng ta cũng đều biết rằng, đi cùng với sự tăng trưởng trong sản xuất

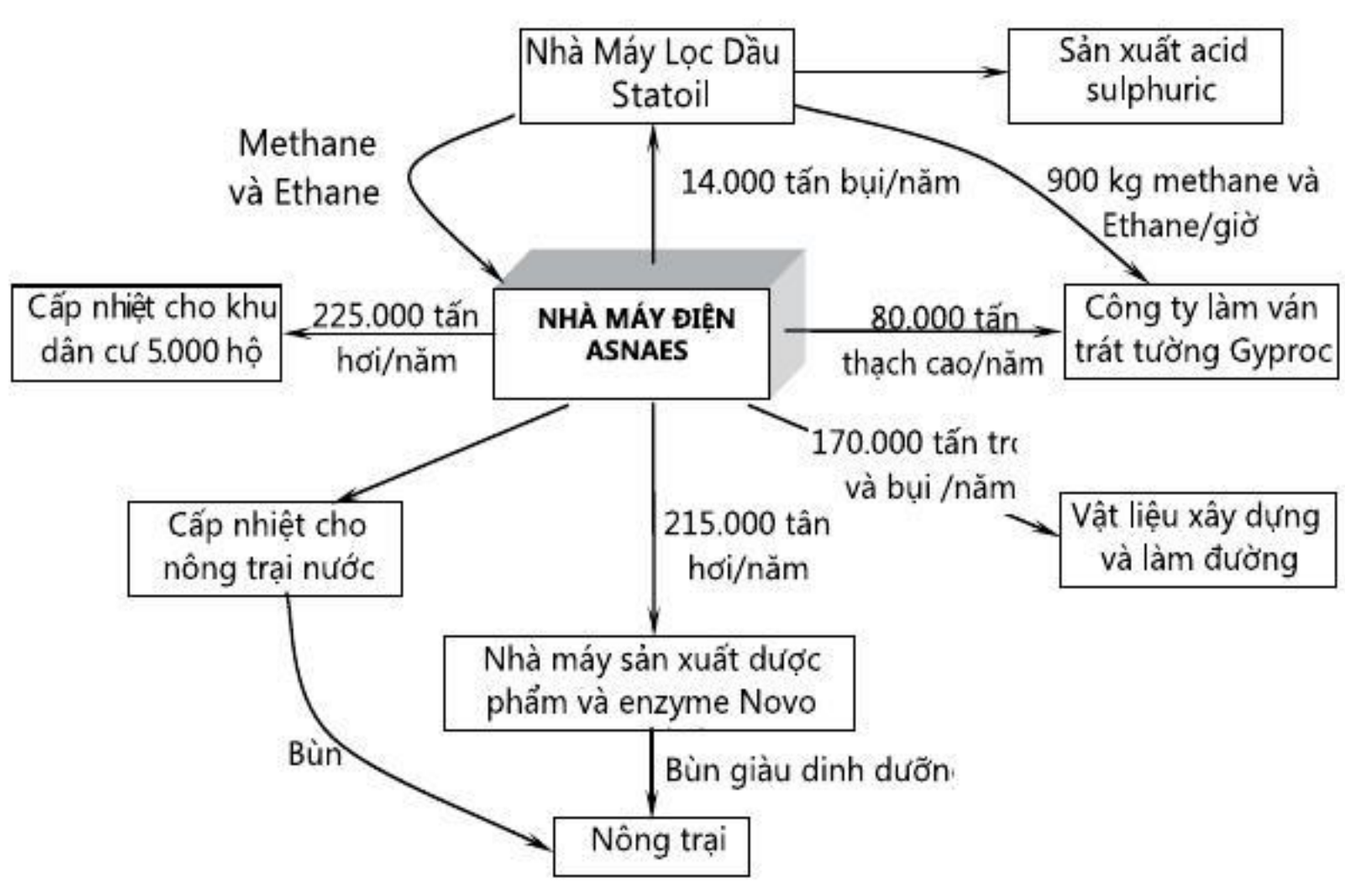

Hình 2: Hệ sinh thái công nghiệp - KCN Kalundborg, Đan Mạch

công nghiệp thì những hệ lụy về môi trường cũng nảy sinh; và chính chúng ta đã phải bỏ ra nhiều nguồn lực cả vật chất và tinh thần để khắc phục những hệ lụy này.

Ngày nay, nhận thức của con người đã được nâng lên. Chúng ta không còn đặt mục tiêu tăng trưởng bằng mọi giá. Ở một cách tiếp cận khác, chính sự phát triển bền vững lại mở ra cho chúng ta nhiều cơ hội hợp tác để cùng chia sẻ thành công. Vì vậy, cần tạo sự đồng thuận trong cả cộng đồng, từ các nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân về nhận thức trong lĩnh vực này. Có như vậy, mới có thể đạt được cả hai mục tiêu là tăng trưởng và phát triển.

b) Có những bước đi phù hợp

Việc xây dựng các KCN sinh thái khó khăn hơn nhiều so với việc phát triển các KCN tổng hợp, chỉ với mục tiêu thu hút đầu tư lấp đầy diện tích được quy hoạch. Ở các KCN sinh thái, việc thu hút đầu tư phải bảo đảm các tiêu chí (6 nhóm), trong đó, tính tương thích về loại hình công nghiệp trên phương diện "trao đổi chất thải" được xem là tiêu chí khó khăn nhất. Chính vì vậy, việc xây dựng quy hoạch cần có tầm nhìn xa, với quy mô vùng và liên vùng (chứ không thể trong phạm vi nhỏ lại xây dựng được nhiều KCN sinh thái với các định hướng công nghệ khác nhau).

Nguồn lực cho việc xây dựng và triển khai các KCN sinh thái cũng là một trong những trở ngại cần phải vượt qua. Ở các KCN thông thường, việc vận chuyển hay xử lý chất thải có thể được thực hiện chung hoặc độc lập theo từng doanh nghiệp. Còn trong các KCN sinh thái, công việc này, chẳng những phải tuân thủ sự tương thích về mặt công nghệ, như đã nói ở trên, mà cả về mặt quy mô, để đảm bảo cho hệ thống vận hành trơn chu, ổn định.

Ngoài ra, sau khi quy hoạch, việc thu hút đầu tư theo định hướng công nghệ này đòi hỏi thời gian, không được nóng vội, để có thể thu hút được các đối tượng doanh nghiệp phù hợp.

c) Các thuận lợi và khó khăn khi chuyển KCN thông thường thành KCN sinh thái

Trong thực tế, việc xây dựng và phát triển các KCN sinh thái đôi khi lại bắt đầu bằng việc chuyển đổi các KCN truyền thống thành KCN sinh thái. Quá trình này gặp phải những thuận lợi và khó khăn sau:

- Thuận lợi: Việc chuyển đổi từ mô hình KCN truyền thống sang mô hình KCN sinh thái trên nền tảng của vị trí khu đất hiện có, không cần một địa điểm mới, do vậy không ảnh hưởng tới quỹ đất đô thị và không bị chi phối bởi sự bành trướng của quá trình đô thị hoá cũng như không xâm phạm tới đất đai nông nghiệp có giá trị.

Có thể sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật có sẵn và hệ thống giao thông nội bộ KCN cũng như hệ thống kết nối với bên ngoài và liên vùng.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này cũng gặp phải những khó khăn sau:

- Khó xây dựng được hệ sinh thái công nghiệp đối với các loại bán thành phẩm, phụ phẩm, chất thải, nguyên liệu, năng lượng ở đầu vào, đầu ra vận chuyển trong một số doanh nghiệp hiện hữu và chuyển đổi sang công nghệ bảo vệ môi trường.
- Khó giải quyết các mâu thuẫn của các doanh nghiệp có sẵn hoặc tham dự mới vào KCN sinh thái.
- Khó xác định được chính xác năng lực của hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu và các hệ thống dịch vụ khác để chuyển đổi sang hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo chủ đề môi trường đã xác định.
- Thật sự khó khăn đối với các doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn là doanh nghiệp thành viên của KCN sinh thái, buộc phải di dời hoặc chuyển đổi để trở thành thành viên của KCN sinh thái.

d) Cơ chế, chính sách, mô hình quản lý

Quá trình phát triển KCN gắn liền với quá trình đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, mô hình quản lý đầu tư nói chung và KCN, cụm CN nói riêng. Quy chế đầu tiên về quản lý KCN được quy định tại Nghị định 192/CP ngày 28/12/1994 của Chính phủ đến Quy chế quản lý KCN, KCX, KCNC ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 là một bước tiến quan trọng trong hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với KCN của Việt Nam. Các quy định tại Nghị định 36/CP đã bao quát nhiều khía cạnh trong thực tiễn hoạt động của KCN, bao gồm: cơ chế xây dựng, kinh doanh hạ tầng; quyền hạn, trách nhiệm của Ban Quản lý KCN; quy định phát triển KCN theo quy hoạch và cơ chế, chính sách đã được thống nhất trên cả nước. Các văn bản pháp quy này đã khẳng định chủ trương xây dựng KCN thành một mô hình đột phá để đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước qua việc áp dụng những chính sách mới, mang tính đặc thù về cơ chế ưu đãi, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bước đầu triển khai cơ chế ủy quyền cho Ban Quản lý KCN, KCX thực hiện quản lý nhà nước đối với KCN trên các lĩnh vực.

Tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về KCN, KCX, KKT đã tiếp tục hoàn thiện thêm một bước cơ chế, chính sách đối với KCN, như: thống nhất các quy định liên quan tới KCN nằm rải rác ở các văn bản pháp luật trước đây vào một văn bản. Nghị định đã cụ thể hóa chủ trương tăng cường phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp tỉnh và Ban quản lý KCN thực hiện đầu mối quản lý nhà nước KCN trên các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường, thương mại... thực hiện triệt để cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa, tại chỗ".

Về cơ sở pháp lý về phát triển công nghiệp bền vững: Một cách tổng quát, các văn bản pháp quy hiện nay của Việt Nam chưa đề cập cụ thể, trực tiếp đến việc phát triển mô hình công nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến: (1) bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, (2) giảm phát sinh chất thải, giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính, (3) tăng cường tái sử dụng, thu hồi, tái chế chất thải, (4) tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và năng lượng, (5) phát triển thân thiện với môi trường đều được đưa vào

các văn bản pháp quy đã ban hành. Những nội dung này, mặc dù không trực tiếp đề cập đến yêu cầu bắt buộc phát triển theo mô hình công nghiệp sinh thái, nhưng việc thực thi các yêu cầu này đã thực sự hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động "tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và năng lượng", "giảm phát sinh chất thải tại nguồn", "thu hồi, tái sử dụng, tái chế chất thải (3R)", "trao đổi chất thải", "phát triển thân thiện với môi trường, bảo đảm nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe cộng đồng". Đây là những yếu tố cần thiết, đặc trưng và định hướng cho việc phát triển khu công nghiệp cùng với khu dân cư xung quanh khu công nghiệp theo định hướng công nghiệp sinh thái trong tương lai.

Cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường và thực thi pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng trong tiến trình cải thiện chất lượng môi trường của Việt Nam. Không nắm rõ hoặc chủ ý không thực hiện quy định luật pháp về bảo vệ môi trường là nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm do công nghiệp gây ra. Tuân thủ các quy định pháp lý về bảo vệ môi trường là yêu cầu tối thiểu đối với một KCN (cùng với khu dân cư xung quanh) với chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Mức độ đạt được các yêu cầu pháp lý về mặt môi trường được đánh theo những quy định hiện hành trong các văn bản pháp luật chính sau đây: (1) Luật Bảo vệ môi trường 2005; (2) các Nghị định, thông tư, quyết định liên quan đến quản lý chất thải như Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, Thông tư 08/2006/TT-BTNMT, Nghị định 59/2007/NĐ-CP, Nghị định 59/2007/NĐ-CP, Nghị định 21/2008/NĐ-CP, Nghị định 29/2011/NĐ-CP; Thông tư 48/2011/TT-BTNMT, Thông tư 12/2011/TT-BTNMT; Thông tư 26/2011/TT-BTNMT và (3) các quy chuẩn/tiêu chuẩn Việt Nam.

PHÁT TRIỂN CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Khái quát hiện trạng phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn

Trên địa bàn huyện Điện Bàn hiện có 1 KCN và 11 cụm công nghiệp. Sơ bộ hiện trạng phát triển của các khu, cụm công nghiệp này như sau:

1. Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc

KCN Điện Nam - Điện Ngọc được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập năm 1996, theo quyết định số 806/TTg ngày 31/10/1996, với diện tích là 145 ha. Sau khi lấp đầy cơ bản giai đoạn 1, thực hiện chủ trương mở rộng giai đoạn 2 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành QĐ số 2771/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Điện Nam – Điện Ngọc giai đoạn 2 với diện tích 245 ha. Tổng vốn đầu tư cả 2 giai đoạn là 425,08 tỷ đồng (giai đoạn 2 là 254,58 tỷ đồng). Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư là các ngành công nghiệp điện, điện tử; chế biến nông - lâm - thủy sản; dệt may, hóa mỹ phẩm... Tính đến thời điểm này, KCN Điện Nam - Điện Ngọc đã cho các nhà đầu tư thuê khoảng 201,2 ha đất sản xuất, cơ bản lấp đầy giai đoạn 1 và khoảng 90% giai đoạn 2. Hiện đã thu hút được 49 dự án đầu tư vào KCN với tổng vốn đầu tư hơn 2.104,8 tỷ đồng và 289,117 triệu USD; giải quyết việc làm trực tiếp cho hơn 23.000 lao động. Năm 2013, giá trị SXCN của KCN Điện Nam - Điện Ngọc đạt 6.588 tỷ đồng, tăng 23,67% so với năm 2012 và chiếm tỷ trọng 37,86% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh Quảng Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 249 triệu USD, chiếm tỷ trọng 41,78% giá trị kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.[1]

KCN Điện Nam - Điện Ngọc là KCN trọng điểm tại Quảng Nam, hầu hết các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và kinh doanh tại KCN đều có hiệu quả.

2. Các cụm công nghiệp

Tính đến tháng 12/2013, trên địa bàn huyện hiện có 11 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích quy hoạch 332 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp 213,52 ha. Tỷ lệ lấp đầy tại các CCN đạt khoảng 43,56%. Các CCN huyện Điện Bàn đã thu hút được 43 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 2.133,65 tỷ đồng; vốn thực hiện được 714,74 tỷ, chiếm 33,49% tổng vốn đăng ký; Giải quyết việc làm trực tiếp cho 3.206 lao động. Có thể kể đến một số CCN lớn, như: CCN Tráng Nhật 1-2 nằm trên địa bàn xã Điện Thắng Trung - Điện Thắng Nam - Điện Hòa, có quy mô diện tích khoảng 104,17 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 38,69%; CCN-Dịch vụ Thương Tín 1-2 nằm trên địa bàn xã Điện Nam Đông, có quy mô diện tích 70,2 ha, tỷ lệ lấp đầy khoảng 20%; CCN An Lưu nằm trên địa phận xã Điện Nam Đông, có quy mô diện tích 51,66 ha, tỷ lệ lấp đầy 31,07%; CCN Nam Dương nằm trên địa bàn 2 xã Điện Dương và Điện Nam Đông, có quy mô diện tích 48,9 ha, tỷ lệ lấp đầy 20%....[2]

Sự cần thiết phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo hướng sinh thái

Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, đặc biệt là trên địa bàn huyện Điện Bàn, cần phải được phát triển theo hướng sinh thái bởi các căn cứ sau:

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 15/10/2010 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2010-2015 về lãnh đạo xây dựng huyện Điện Bàn trở thành thị xã vào năm 2015;
- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 18/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc tỉnh Quảng Nam;
- Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (vùng KTTĐMT-vùng Trung Trung Bộ);
- Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Điện Bàn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

www.ashui.com

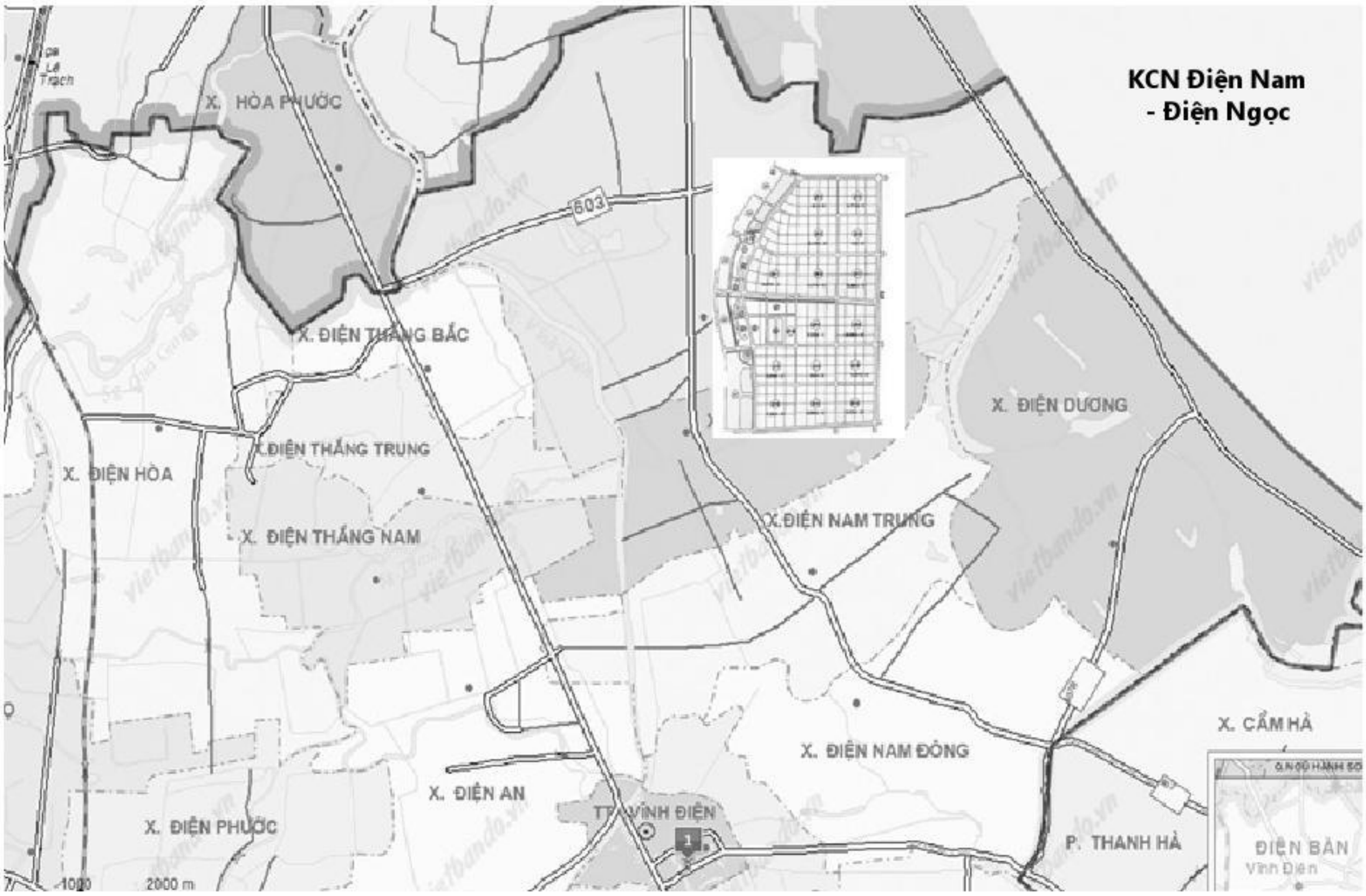

Hình 3: Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc

- Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND huyện phê duyệt Đề án thu gom và xử lý chất thải rắn trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.
- Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/6/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung mạng lưới cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2015.

2. *Các định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

a) Định hướng phát triển chung

- Phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp sử dụng công nghệ cao.
- Phát triển tiểu thủ công nghiệp, du lịch làng nghề gắn với việc hình thành các doanh nghiệp đầu đàn.
- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới.
- Giải quyết ảnh hưởng môi trường đối với các doanh nghiệp đang gây ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa.

b) Quy hoạch phát triển khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn

- Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc gắn với khu đô thị du lịch biển. Khuyến khích các ngành sản xuất sạch, công nghệ cao.
- Chuyển đổi các cụm công nghiệp phía Nam khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc thành dịch vụ hoặc sản xuất công nghiệp công nghệ cao.
- Phát triển cụm công nghiệp Trảng Nhật gắn với khu đô thị Điện Thắng. Thu hút công nghiệp sả xuất hàng tiêu dùng, lắp ráp, vật liệu xây dựng.

c) Đối với KCN Điện Nam - Điện Ngọc

KCN có vị trí tại xã Điện Nam và xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn; nằm kề tỉnh lộ 607 nối thành phố Đà Nẵng với phố cổ Hội An, cách sân bay quốc tế Đà Nẵng 20km, cảng Tiên Sa 29 km về phía Bắc; cách sân bay Chu Lai, cảng Kỳ Hà, khu lọc hóa dầu Dung Quất 100 km. Do đặc điểm KCN nằm kề cận với bờ biển Điện Ngọc - Điện Dương phía Đông và gần Đà Nẵng, đô thị cổ Hội An, nên các loại hình công nghiệp được khuyến khích thu hút đầu tư là các ngành công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến.

Việc chuyển đổi từ mô hình KCN truyền thống sang mô hình KCN sinh thái trên nền tảng của vị trí khu đất hiện có, không ảnh hưởng tới quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Ngoài ra, việc chuyển đổi này có những thuận lợi cơ bản sau:

- Sử dụng có hiệu quả của hệ thống hạ tầng kỹ thuật có sẵn trong KCN: Hiện tại, KCN đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung công xuất 5.000 m^3/ngày đêm với vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng, khối lượng nước thải xử lý hiện tại đạt 1.700 m^3/ ngày đêm.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, chất thải công nghiệp của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu

công nghiệp cũng đã được tiến hành có nề nếp: 100% nhà máy trong khu công nghiệp đã ký kết hợp đồng vận chuyển rác thải thông thường với Công ty Môi trường đô thị Quảng Nam và cam kết đấu nối nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Sử dụng mạng lưới giao thông vận chuyển hiện hữu của vùng và kết nối với mạng lưới giao thông thuỷ, đường bộ, đường sắt và đường hàng không quốc gia và quốc tế.
Tuy nhiên, do KCN này về cơ bản đã hoàn thành lấp đầy tới 90% diện tích của giai đoạn 2, nên việc điều chỉnh theo định hướng phát triển công nghiệp sinh thái sẽ gặp không ít khó khăn.

Quan điểm và các mục tiêu phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo hướng sinh thái

1. Quan điểm

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng, bao gồm cả các cấp quản lý, doanh nghiệp và người dân về định hướng phát triển bền vững. Coi định hướng phát triển bền vững là tất yếu của quá trình CNH, HĐH đất nước hiện nay.
- Việc xây dựng và phát triển các KCN sinh thái phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương, với hoàn cảnh thực tại và nguồn lực của địa phương; bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển.
- Huy động mọi nguồn lực, cả trong và ngoài địa phương, cho mục tiêu xây dựng và phát triển các KCN sinh thái, bảo đảm các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật và có tầm nhìn dài hạn.

2. Mục tiêu

- Đến năm 2020 xây dựng được 1 đến 2 cụm công nghiệp hoạt động theo hướng sinh thái.
Có thể chọn 1 đến 2 cụm công nghiệp (trong số các cụm công nghiệp phía nam khu đô thị Điện Nam – Điện Ngọc) đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển theo định hướng sinh thái; hoặc chọn 2 cụm công nghiệp sau:
+ Cụm công nghiệp Tràng Nhật 2 xã Điện Hòa, diện tích đất quy hoạch 49,65 ha; đã giao đất đạt 34,62%. Ngành nghề chủ yếu trong cụm công nghiệp là chế biến lâm sản xuất khẩu.
+ Cụm công nghiệp Nam Dương xã Điện Nam Đông và xã Điện Dương, diện tích đất quy hoạch là 48,90 ha; đã giao đất đạt 20%. Ngành nghề chủ yếu trong cụm công nghiệp là chế biến nông, thủy sản.
- Các cụm công nghiệp còn lại, tiếp tục rà soát quy hoạch để có những điều chỉnh thu hút đầu tư phù hợp theo định hướng phát triển bền vững.

Các giải pháp đảm bảo cho phát triển các khu, cụm công nghiệp huyện Điện Bàn theo hướng sinh thái

1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển và quản lý các khu, cụm công nghiệp

Với hiện trạng và quy hoạch phát triển công nghiệp và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Điện Bàn, khi lựa chọn mô hình khu, cụm công nghiệp sinh thái phát triển từ các khu, cụm công nghiệp đã có, cần lưu ý những đặc điểm sau đây:
- Các khu dân cư xung quanh các khu, cụm công nghiệp không là nguồn cung cấp nguyên liệu sản xuất chính cho các cơ sở sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp này. Điều này dẫn đến khó tìm được sự liên kết để phát triển các ngành công nghiệp chế biến;
- Phế liệu từ các doanh nghiệp sản xuất thường được bán cho các doanh nghiệp tái chế bên ngoài các khu, cụm công nghiệp nhằm tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất tái chế này đã hình thành từ trước đây và được phân bố ở 3 xã khác nhau, không tập trung trên địa bàn có các khu, cụm công nghiệp phát triển. Việc vận chuyển các loại chất thải với cự ly xa, dễ gây ra thêm các phát tán ô nhiễm cho các khu vực lân cận.
Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất phát sinh chất thải thường ký hợp đồng trọn gói với các công ty có chức năng để thu gom, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, tiêu hủy chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại và kèm theo là bán phế liệu cho các công ty này. Nếu phát triển các khu, cụm công nghiệp theo hướng sinh thái, thì đây cũng là một trong những nguyên nhân làm thay đổi "mắt xích liên kết" trong chuỗi trao đổi chất thải công nghiệp giữa cơ sở sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp với khu vực xung quanh. Điều này cũng dẫn đến những hạn chế trong khả năng chuyển đổi từ khu, cụm công nghiệp thường sang khu, cụm công nghiệp theo định hướng sinh thái.
- Mối liên hệ giữa các khu, cụm công nghiệp (doanh nghiệp sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp này) và khu dân cư xung quanh, như trên đã nói, là ít được hình thành trên cơ sở trao đổi nguyên vật liệu, mà chủ yếu là: (i) "trao đổi nguồn nhân lực", (ii) "nâng cấp cơ sở hạ tầng xung quanh", (iii) sự ra đời của các dịch vụ đi kèm trong khu dân cư phục vụ nhu cầu của người lao động trong các khu, cụm công nghiệp, như nhà trọ, chợ, quán ăn, cửa hàng tạp hóa, nhà trẻ, trường học, trạm y tế,... (iv) "chất lượng môi trường xung quanh của khu dân cư bị thay đổi".
Khu dân cư xung quanh là một trong những nguồn cung lao động sẵn có đối với các khu, cụm công nghiệp. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào trình độ lao động, khả năng chuyên môn của người lao động mà nguồn lực sẵn có này có đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng hay không. Mặt khác, cũng tùy thuộc vào yêu cầu của người lao động và khả năng đáp ứng của nhà tuyển dụng mà họ có đồng ý làm việc cho các cơ sở sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp này hay không. Do đó, trong thực tế thường xảy ra trường hợp người lao động đáp ứng nhu cầu của các khu, cụm công nghiệp không phải là dân địa phương, họ đến từ những khu vực lân cận và chỉ tạm trú ở khu dân cư xung quanh các khu, cụm công nghiệp, để tiện cho việc đi lại, làm việc trong các khu, cụm công nghiệp này.
Từ những lưu ý trên, các hoạt động chính được triển khai cần có sự tham gia, phối hợp của cả các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Cụ thể:

a) Đối với các cơ quan lý nhà nước (Ban Quản lý các khu, cụm công nghiệp, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và môi trường...)

- Rà soát ngay quy hoạch phát triển

www.ashui.com

các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Điều chỉnh các mục tiêu tăng trưởng phù hợp với định hướng phát triển bền vững.
- Xây dựng lộ trình cụ thể (có lựa chọn) chuyển các khu, cụm công nghiệp hiện có sang hoạt động theo định hướng sinh thái, từ đó có kế hoạch hỗ trợ việc di dời hoặc điều chỉnh hoạt động của một số doanh nghiệp liên quan.
- Xây dựng cơ sở quản lý dữ liệu doanh nghiệp online (trên Website của Ban Quản lý các khu, cụm công nghiệp), trong đó có quản lý các dữ liệu về môi trường. Các cơ quan quản lý nhà nước cần quy định các doanh nghiệp phải định kỳ (3 tháng) khai báo các dữ liệu về sử dụng năng lượng, lượng chất thải rắn, lỏng, khí... theo các biểu mẫu quy định sẵn, để tiện cho việc theo dõi, xử lý các tình huống vi phạm.
- Kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp trong diện bắt buộc phải kiểm toán năng lượng, khuyến khích các doanh nghiệp khác thực hiện kiểm toán năng lượng (thông qua việc hỗ trợ kinh phí kiểm toán). Đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị năng lượng cho các doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện các giải pháp theo chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Xí nghiệp xử lý nước thải của các khu, cụm công nghiệp thực hiện nghiêm ngặt việc kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý chung, bảo đảm chất nước thải khi ra khỏi các khu, cụm công nghiệp đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Có cơ chế phù hợp để huy động các nguồn lực trong và ngoài Nhà nước cho việc xây dựng các hạ tầng xã hội phục vụ cho lao động làm việc trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn (nhà ở, chợ, trường học, nhà trẻ...) góp phần duy trì sự ổn định về mặt xã hội, bảo đảm cảnh quan phục vụ công tác du lịch và mục tiêu phát triển bền vững...

b) Đối với các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp

- Tăng cường sử dụng chung hoặc chia sẻ công nghệ, thiết bị và chuyên môn trong tái sử dụng và trao đổi chất thải, kết hợp với ứng dụng các công nghệ thân thiện môi trường và các giải pháp đổi mới để giải quyết các vấn đề về môi trường.
- Áp dụng một số giải pháp quy hoạch, kiến trúc cơ bản để gia tăng hiệu quả tái sử dụng nước mưa, giải quyết vấn đề thông thoáng và chiếu sáng tự nhiên, tận dụng năng lượng mặt trời cho việc gia nhiệt đối với các doanh nghiệp cần sử dụng nguồn hơi phục vụ sản xuất,... giúp giảm thiểu việc sử dụng năng lượng.
- Áp dụng một số giải pháp tổ chức sử dụng đất và giao thông để tăng cường hiệu quả hệ thống giao thông giữa các khu, cụm công nghiệp và khu dân cư, giảm thiểu nhiên liệu và phát thải từ giao thông.

c) Đối với các cơ sở thu hồi, tái chế và xử lý chất thải (công nghiệp và sinh hoạt)

- Áp dụng các giải pháp công nghệ để tăng đến tối đa hiệu quả thu hồi, tái chế chất thải cũng như xử lý chất thải một cách an toàn và hợp vệ sinh.
- Bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường do hoạt động tái chế chất thải.
- Áp dụng một số giải pháp quy hoạch, kiến trúc cơ bản để giải quyết vấn đề thông thoáng và chiếu sáng tự nhiên, tận dụng năng lượng mặt trời, giúp giảm thiểu năng lượng sử dụng trong quá trình xử lý chất thải.

d) Đối với khu dân cư xung quanh các khu, cụm công nghiệp

- Tăng cường hoạt động tái chế và trao đổi chất thải phát sinh từ sinh hoạt của người dân và từ hoạt động sản xuất của các khu, cụm công nghiệp. Hoạt động tái chế và xử lý chất thải cần được thực hiện một cách hiệu quả và không gây ô nhiễm môi trường thứ cấp.
- Áp dụng các giải pháp kỹ thuật phục vụ tốt công tác thu gom, thu hồi, tái chế và trao đổi chất thải sinh hoạt từ khu dân cư; xử lý hợp vệ sinh các chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của người dân trong khu dân cư, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.
- Áp dụng một số giải pháp quy hoạch, kiến trúc cơ bản để giải quyết vấn đề thông thoáng và chiếu sáng tự nhiên, tái sử dụng nước mưa, giảm thiểu lượng nước sinh hoạt sử dụng, giúp giảm thiểu năng lượng sử dụng cho sinh hoạt hằng ngày của khu dân cư. Bên cạnh đó, khu dân cư còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức đến cộng đồng.

UBND tỉnh Quảng Nam và UBND huyện Điện Bàn sẽ ban hành chính sách khuyến khích các thành viên trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tự nguyện tham gia phát triển mô hình này

Đổi mới xúc tiến đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, nâng cao chất lượng đánh giá và thẩm định các dự án

- UBND tỉnh xây dựng chiến lược, kế hoạch, bố trí kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư theo từng giai đoạn (xúc tiến đầu tư tại chỗ và xúc tiến đầu tư ra nước ngoài) phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh, của vùng theo định hướng phát triển bền vững;
- Ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm chủ lực, lộ trình kêu gọi đầu tư, chú ý chọn lọc các ngành nghề có sự liên thông về công nghệ với công nghệ tiên tiến, sử dụng nhiều lao động có kỹ năng (không chạy theo số lượng dự án) bảo đảm phát triển bền vững.
- Các cơ quan công quyền thường xuyên tiếp xúc với các nhà đầu tư, đối thoại để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của các nhà đầu tư, giúp cho mục tiêu phát triển bền vững được thực hiện.

3. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các khu, cụm công nghiệp

Phát triển các khu, cụm công nghiệp theo hướng sinh thái, đòi hỏi việc thu hút đầu tư có lựa chọn. Chính vì vậy, nguồn nhân lực được sử dụng trong các khu, cụm này cũng cần được tuyển chọn kỹ càng.

a) Đối với các cơ sở đào tạo

Các cơ sở đào tạo trong tỉnh, ngoài các giải pháp cơ bản, truyền thống nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề (như nâng cao cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, năng lực đội ngũ giáo viên, mở rộng ngành nghề...), cần căn cứ vào

nhu cầu của các ngành nghề, lĩnh vực cần thu hút đầu tư, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực phù hợp. Chú trọng đào tạo cho nhân lực trên địa bàn để giảm nhu cầu di dân cơ học, gây áp lực cho việc bổ sung và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng xã hội.

b) Đối với các đối tượng được đào tạo (người lao động và cán bộ quản lý)

- Các cơ quan quản lý cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp phổ thông trung học nhằm định hướng nghề phù hợp với nhu cầu của địa phương.
- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, trước hết là cán bộ của Ban Quản lý các khu, cụm công nghiệp, cần thường xuyên được tham gia thực tập hoặc giao lưu học tập tại các khu, cụm công nghiệp (phát triển theo hướng sinh thái) của các địa phương, kể cả ngoài nước, để tăng thêm kiến thức thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng quản lý.

4. Hoàn thiện cơ chế chính sách hài hòa giữa khuyến khích đầu tư và bảo đảm an sinh xã hội ở các khu, cụm công nghiệp

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng và ban hành "Bộ tiêu chí xây dựng khu, cụm công nghiệp sinh thái và khung kế hoạch hành động xây dựng khu, cụm công nghiệp sinh thái tại Quảng Nam".
- Rà soát, bổ sung chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phù hợp với lộ trình phát triển và lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo định hướng sinh thái.
- Có cơ chế khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp khi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn quan tâm tới việc phối hợp với địa phương bảo đảm hạ tầng xã hội cho lực lượng lao động, góp phần phát triển ổn định và bền vững.

KẾT LUẬN

Kinh nghiệm phát triển thành công mô hình KCN sinh thái ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là của Thái Lan cho thấy khả năng ứng dụng hiệu quả mô hình KCN sinh thái tại tỉnh Quảng Nam nói chung và huyện Điện Bàn nói riêng là khả thi.

Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Điện Bàn ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tỉnh Quảng Nam. Do vậy, nếu điều chỉnh để phát triển các khu, cụm công nghiệp này theo định hướng sinh thái, bên cạnh những lợi ích kinh tế trước mắt, về lâu dài, nó còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng bền vững, nâng cao vị thế của tỉnh nhà và góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững của cả vùng, khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Nam. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ernest A. Lowe (2001), Eco-industrial Park Hanbook for Asian Developing Countries, Report to Asian Development Bank.

Nguyễn Cao Lãnh (2005), Khu công nghiệp sinh thái - Một mô hình cho phát triển bền vững ở Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật;

Trần Thị Mỹ Diệu và Phan Thu Nga (2010), Cơ sở khoa học và thực tiễn lựa chọn mô hình đô thị - công nghiệp sinh thái áp dụng tại TP. HCM. Báo cáo khoa học đăng trên tạp chí Bảo hộ lao động số 1/2010, trang 11-17và số 2/2010, trang 28-34.

Phan Thu Nga, Phạm Hồng Nhật (2007), Xây dựng và phát triển KCN thân thiện môi trường ở Việt Nam - những cơ hội và thách thức, Tạp chí người xây dựng, tháng 6/2007.

Lê trọng Phú, Ứng dụng mô hình khu công nghiệp sinh thái tại các khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Tạp chí Xây dựng, T.3/2008.

UBND huyện Điện Bàn (2013), Kế hoạch phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn giai đoạn 2014 – 2015.

UBND huyện Điện Bàn (2013), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2014.

UBND huyện Điện Bàn (2013), Báo cáo tình hình hoạt động ngành Công nghiệp năm 2013, nhiệm vụ, giải pháp năm 2014.

UBND huyện Điện Bàn (2013), Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản namư 2013 và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014.

UBND tỉnh Quảng Nam (2009) quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Điện Bàn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020;

UBND tỉnh Quảng Nam (2013) Đề án đề nghị công nhận thị trấn Vĩnh Điện mở rộng (đô thị Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Chú thích:

(1). Báo cáo của Ban Quản lý KCN Điện Nam – Điện Ngọc

(2). Báo cáo của Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Điện Bàn

www.ashui.com

Xây dựng và phát triển đô thị mới Điện Bàn kinh nghiệm từ đô thị mới Phú Mỹ Hưng

PHAN CHÁNH DƯỠNG
Giảng viên Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fullbright

Quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa một đất nước hay một địa phương tất yếu kéo theo sự đô thị hóa. Đây là một quy luật tất yếu đã và đang diễn ra tại nước ta. Các thị trấn hay các thành phố của nước ta trước đây trong suốt 20 năm qua không ngừng phát triển. Những thành phố như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ đã được xây dựng hiện đại, trở thành những đô thị động lực phát triển kinh tế cho cả khu vực chung quanh. Trong khi đó các thị trấn nhỏ trước đây từng bước cũng phát triển thành những đô thị cấp trung và giữ vai trò động lực phát triển của một tỉnh hay một vùng. Ngoài ra cũng có nhiều đô thị mới được xây dựng mới như thành phố Tam Kỳ (Quảng Nam), thành phố Cao Lãnh (Đồng Tháp), thành phố Điện Biên (tỉnh Điện Biên)....

Việc phát triển một đô thị, ngoài sự tự phát tự nhiên do dân số gia tăng, điều kiện kinh tế phát triển thuận lợi thúc đẩy sự mở rộng đô thị theo năm tháng như thời xưa kia, thì ngày nay sự phát triển đô thị đều có sự tính toán quy hoạch trước của con người, đó là sự quy hoạch phát triển đô thị. Và sự chủ động quy hoạch đô thị luôn do các nhà lãnh đạo của địa phương đề ra nhằm mục đích thông qua việc xây dựng đô thị để tạo ra động lực phát triển kinh tế xã hội cho địa phương đó.

Như vậy để xây dựng phát triển một vùng đất, người ta có thể xây dựng một đô thị để làm động lực phát triển. Điều này nói lên rằng một đô thị được hình thành và phát triển bền vững phải đảm nhận được vai trò tạo công ăn việc làm cho người dân, thể hiện qua sức sản xuất (công nghiệp nông nghiệp dịch vụ) không ngừng phát triển. Từ đó dân cư không ngừng gia tăng. Đặc tính và hình thái phát triển cũng như vai trò được thể hiện rõ trong quy hoạch như sau:

- Cơ cấu và phân khu chức năng đô thị phù hợp với mục tiêu chức năng của đô thị, mạng lưới giao thông hợp lý tiện lợi. Người dân sống với nhiều ngành nghề, gắn kết và bổ sung cho nhau, tạo năng suất lao động cao. Do đó các phân khu chức năng thể hiện qua quy hoạch địa dung được cân nhắc hợp lý và ổn định.
- Khả năng tổ chức kinh tế, xã hội phát triển theo mô hình hiện đại, tiên tiến. Sự phân công lao động trong mọi tầng lớp xã hội càng ngày càng rõ ràng. Thể hiện rõ chức năng mục tiêu chúng ta đề ra.
- Khả năng gắn kết giữa đô thị với vùng nông thôn chung quanh và các đô thị khác là nguồn sống cũng như động lực phát triển của đô thị đó.
- Chọn lựa vị trí đúng, khả thi và một kế hoạch xây dựng hợp lý với một đối tác đầu tư có kinh nghiệm sẽ là yếu tố quyết định không chỉ cho việc tập trung vốn của xã hội mà còn đảm bảo cho việc xây dựng đô thị đúng quy hoạch, thu hút được doanh nghiệp và dân cư cùng tham gia ngay từ đầu khởi công xây dựng đề án.
- Dự kiến ngay một bộ máy quản lý đô thị và tham gia ngay vào đề án với chức năng ban đầu là đại diện cho chính quyền địa phương hỗ trợ về thủ tục hành chính, tham gia quản lý thi công, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến tham gia

Chúng ta muốn xây dựng đô thị Điện Bàn trên cơ sở gắn kết phát triển với hai đô thị hiện có (Đà Nẵng và Hội An) điều này khá giống với mô hình xây dựng của thành phố Thâm Quyến hay khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng. **Ý tưởng chủ đạo là mượn lực có sẵn của đô thị hiện có và xây dựng một đô thị mới bổ sung cho những giới hạn của đô thị hiện có, tạo ra chuỗi đô thị liên kết phát triển bền vững**.

Để tìm ra nội dung chức năng của đô thị mới theo yêu cầu nêu trên, chúng ta phải có cuộc khảo sát kỹ về những giới hạn của hai đô thị hiện có (Đà Nẵng và Hội An), những ưu thế của huyện Điện Bàn từ đó sơ phát nội dung quy hoạch đô thị mới Điện Bàn. Sau đó đưa ý kiến sơ phát này ra thị trường tìm đối tác đầu tư. Như vậy ta vừa thăm dò thị trường vừa tìm ra

Bản đồ vị trí huyện Điện Bàn

(- Kinh nghiệm xây dựng khu đô thị Thâm Quyến, đây là khu đô thị được chọn ở vị trí nằm bên cạnh thành phố Hồng Kông và trên tuyến đường Hồng Kông Quảng Châu. Là đề án thí điểm mở cửa thu hút đầu tư đầu tiên của Trung Quốc).

(- Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, là một phần của đề án khu đô thị mới nam Sài Gòn, chỉ cách Quận 1, Quận 5 của Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 4 km và là đề án quan trọng nhất trong chiến lược phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tiến ra Biển Đông).

đối tác chiến lược (doanh nghiệp vừa có vốn vừa có kinh nghiệm).

Khi đã tìm được đối tác chiến lược, chúng ta cùng đối tác sẽ xây dựng lên phương án quy hoạch cho toàn huyện và đô thị chính Điện Bàn, hướng gắn kết cụ thể giữa đô thị mới với hai đô thị hiện có. Đây là kinh nghiệm cách làm của chúng tôi khi xây dựng khu chế xuất Tân Thuận, khu đô thị Nam Thành phố Hồ Chí Minh tại Thành phố Hồ Chí Minh 22 năm trước đây.

NHẬN DẠNG BAN ĐẦU VỀ KHU ĐÔ THỊ MỚI ĐIỆN BÀN

Trước khi trình bài vài kinh nghiệm về quá trình xây dựng khu đô thị Phú Mỹ Hưng, tôi xin có vài ý kiến qua cái nhìn trực giác đối với đô thị mới Điện Bàn như sau:

Với vị trí địa lý và thông tin sơ bộ của huyện cung cấp, huyện có diện tích 214 km^2, dân số khoảng 217 ngàn người trong đó 62% sống ở các khu thị trấn và đô thị. Về kinh tế huyện có một khu công nghiệp (Điện Nam - Điện Ngọc) rộng 390 ha và 11 cụm công nghiệp, đây cũng là khu công nghiệp lớn của tỉnh sau Khu kinh tế mở Chu Lai.

Về giao thông, huyện đang có 3 tuyến dọc là Quốc lộ 1A, chia huyện ra làm hai phần, phần phía đông trải dài đến bờ biển đông có diện tích chiếm 1/3, và phía tây chiếm khoảng 2/3. Phía đông có đường dọc theo bờ biển, tuyến du lịch. Và cuối cùng là tuyến giữa (đường Lê Hồng Phong). Như vậy từ 3 tuyến giao thông dọc ta có thể chia huyện ra thành 3 vùng đất:

- Dọc theo tuyến đường biển là vùng kinh tế du lịch biển.
- Từ Quốc lộ 1A về phía tây (chiếm 2/3 diện tích huyện) là vùng kinh tế nông nghiệp.
- Tuyến giữa là vùng công nghiệp dịch vụ dân cư đô thị.

Như vậy khu đô thị phải được chọn ở vị trí vùng ở giữa, lấy tuyến giao thông giữa (đường Lê Hồng Phong mở rộng thành trục chính của khu đô thị). Nếu sau này đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi chạy dọc phía tây đường Quốc lộ 1A, thì ta chỉ cần xây đường nối kết đô thị mới lên đường cao tốc là xong, lúc đó Quốc lộ 1A chỉ còn giữ vai trò như đường liên tỉnh. Nếu đường cao tốc chạy dọc phía đông Quốc lộ 1A thì dãy đất giữa sẽ bị ảnh hưởng (diện tích hẹp lại). Khu đô thị mới có lẽ phải quy hoạch theo hai giai đoạn, giai đoạn 1 xây dựng dãy phía đông đường cao tốc, giai đoạn 2 mới xây dựng dãy phía tây đường cao tốc.

Đối với dãy đất ven biển xem như dãy phát triển du lịch, huyện phải giữ cho được từ 50-30% mặt tiền biển để làm khu công cộng (phần này không cho doanh nghiệp thuê), đây là phần hơi thở sống còn của khu đô thị. Nếu không có phần này khu đô thị xem như bị bóp mũi bịt mặt. Tương lai phát triển của khu đô thị sẽ bị hạn chế!

Đối với vùng phía tây, đây là vùng phát triển nông nghiệp xanh, sạch, vùng sinh thái thiên nhiên. Đây cũng là vùng đất cho chúng ta xây dựng mô hình nông thôn mới.

Ngoài ra, mọi quy hoạch tính toán cho đề án trên đều phải đưa vào yếu tố biến đổi khí hậu, yếu tố rủi ro về môi trường do con người tạo ra trên thượng nguồn các dòng sông hiện nay.

www.ashui.com

Quy hoạch khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

KINH NGHIỆM XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ HƯNG

Khu đô thị mới Nam Thành phố Hồ Chí Minh

- Nằm vắt ngang qua hai quận là quận 7 và huyện Bình Chánh diện tích rộng 2.600 ha gồm: Tuyến đường Nguyễn Văn Linh chạy xuyên suốt 17,8 km với chiều rộng lộ giới là 120 m, 10 làn xe và 20 phân khu chức năng (trong đó công ty liên doanh PMH chịu trách nhiệm xây dựng tuyến đường và 5 khu chức năng). Đề án được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 749/TTg ngày 8.12.1994.
- Khu đô thị Phú Mỹ Hưng có diện tích rộng 433 ha, là một trong 20 phân khu đó.

Ý tưởng xây dựng khu đô thị Nam Thành phố Hồ Chí Minh

- Là một trong chuỗi đề án nhằm đưa Thành phố Hồ Chí Minh phát triển về phía nam hướng ra biển Đông (như Khu chế xuất Tân Thuận, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu đô thị mới Nam Thành phố Hồ Chí Minh, KCN Hiệp Phước, cảng Hiệp Phước...)
- Khu đô thị Nam Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng như một đô thị song song với nội thành Sài Gòn cũ. Với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh hiện đại nhằm bổ sung cho khu đô thị hiện có
- Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng rộng 433 ha, là một phần khu quan trọng nhất của khu đô thị nam Thành phố Hồ Chí Minh

Vai Trò của Khu Đô Thị Phú Mỹ Hưng

- Là mũi đột phá quan trọng nhất trong 20 phân khu chức năng, có chức năng kinh tế xã hội tổng hợp với tiêu chuẩn chất lượng tầm quốc tế hiện đại.
- Là đầu kéo cho các phân khu chức năng còn lại của khu đô thị Nam Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành công của khu đô thị Phú Mỹ Hưng sẽ cung cấp những kinh nghiệm cho chương trình đô thị hóa, hiện đại hóa của chúng ta.

Những vấn đề đáng được nghiên cứu

- Sự phát triển kinh tế đưa đến đô thị hóa và vấn đề quy hoạch đô thị mới
- Vai trò của ngành bất động sản trong quá trình đô thị hóa hay nói rộng hơn là trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- Vai trò nhà đầu tư nước ngoài (FDI) trong các chương trình đầu tư xây dựng đô thị mới (đô thị mới Phú Mỹ Hưng)
- Nhận định ý tưởng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về hướng nam ra biển Đông.

Tôi xin trình bài một nội dung trong 4 nội dung nêu trên đó là: ***"Sự phát triển kinh tế đưa đến đô thị hóa và vấn đề quy hoạch đô thị mới*** qua kinh nghiệm xây dựng khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng" với 5 vấn đề sau:

1. **Phát triển kinh tế đưa đến đô thị hóa**

a). Những khó khăn do đô thị hóa

- Đô thị hóa thường là sự tập trung dân cư vào một đô thị hay một thị trấn đang phát triển công nghiệp, hay dịch vụ thương mại. Hệ quả là làm cho cơ sở hạ tầng nơi đó trở nên quá tải.
- Mở rộng cơ sở hạ tầng cho một thành phố cũ thường gặp nhiều khó khăn nhất là công tác quy hoạch mở rộng đô thị thiếu tầm nhìn, hay không đáp ứng

được tốc độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó thường phải giải tỏa nhà đất của dân, gây khó cho dân. Các nước thường giải quyết vấn đề trên bằng cách xây dựng đô thị mới (đô thị vệ tinh) bên cạnh.

b). Hầu hết các nước phát triển đều đi qua quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Công nghiệp hóa sẽ đưa đến đô thị hóa. Năm 1992 khi KCX Tân Thuận được xây dựng tại huyện Nhà Bè (vùng đất ngập mặn nghèo khó ít dân của Thành phố Hồ Chí Minh), không bao lâu vùng này bắt đầu tập trung dân cư và vùng đất đô thị hóa này được tách ra thành Quận 7 ngày nay.

c). Khu đô thị Nam Thành phố Hồ Chí Minh hay đô thị Phú Mỹ Hưng được xây dựng với mục đích giải quyết khó khăn trên của Thành phố Hồ Chí Minh.

2 **Những yếu tố tạo ra ý tưởng quy hoạch đô thị mới Nam Thành phố Hồ Chí Minh**

a). Tìm hiểu quy luật hình thành thành phố Sài Gòn cũ cách đây 300 năm. Nắm bắt qui luật phát triển của thành phố Sài Gòn (xưa); phát triển hướng theo dòng, theo điều kiện giao thông. Từ quy luật này, thiết kế quy hoạch xây dựng thành phố theo hướng phát triển ra biển Đông.

b). Rút kinh nghiệm của các khu đô thị mới trên thế giới về tính toán mật độ dân cư, quy mô cơ sở hạ tầng, vấn đề môi trường, các điều kiện phải có của hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện, vui chơi giải trí, vấn đề an ninh, sinh hoạt cộng đồng...

c). Khu đô thị mới phải là nơi tạo ra công ăn việc làm mới, một cơ hội làm ăn cho cư dân, là một cơ hội mở ra thị trường đầu tư kinh doanh bất động sản.

d). Về thị trường, phải đánh giá khả năng khách hàng trong tương lai, thiết kế những sản phẩm phù hợp nhu cầu, tâm lý và xu thế tiêu thụ vươn lên của khách hàng.

3. **Chuẩn bị các điều kiện nội dung xây dựng một đô thị mới**

a). Xây dựng đô thị mới khác với việc đô thị hóa một khu dân cư hay một thị trấn đã hiện hữu. Càng không phải tìm ra một mặt bằng rồi xây đường ngang đường dọc để phân lô bán nền để dân mạnh ai nấy xây nhà. Như vậy sẽ không tạo được một đô thị hiện đại.

b. Chúng ta phải bắt đầu bằng xác định mục tiêu kinh tế xã hội (phần nội dung) Sau đó mới quy hoạch địa dụng, phân khu chức năng (quảng trường, công viên, khu hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu văn hóa thể thao, vui chơi, khu dân cư (cao cấp, trung, bình, khu nhà cao tầng, thấp tầng...) Từ đó xem xét cảnh quan đường xá, hướng tuyến (ánh sáng hướng gió), mật độ dân cư đi lại để tính ra độ rộng của mỗi tuyến đường.

c). Xây dựng một đô thị đòi hỏi nhiều thời gian ít nhất là từ 20 năm đến hằng trăm năm. Do đó việc đảm bảo quy hoạch được thực hiện xuyên suốt nhiều nhiệm kỳ lãnh đạo là yếu tố hết sức quyết định giữ cho đô thị đó có kết cấu xây dựng hài hòa nhất quán.

d). Phải tìm ra đối tác chiến lược, vừa có kinh nghiệm xây dựng đô thị vừa có khả năng huy động vốn trong xã hội. Trên cơ sở thống nhất mục tiêu nội dung quy hoạch, xây dựng bộ máy quản lý xây dựng và kinh doanh đủ tầm, mới đảm bảo được đề án thành công.

4. **Phần "mềm" hay sức sống của đô thị mới**

a). Sức sống của một đô thị là sự thu hút của đô thị đó đối với doanh nghiệp và dân cư. Đô thị có hình thành và phát triển lớn mạnh hay không hoàn toàn tùy thuộc vào sức hấp dẫn này, đây là phần "Hồn" của đô thị. Do đó phải tạo điều kiện để cho khách hàng tham gia ngay từ đầu chương trình xây dựng thì mới có thể thành công. Do đó nội dung quy hoạch phải được công khai, và tiếp thu ý kiến góp ý của khách hàng.

b). Tạo mọi điều kiện thu hút người dân đến tham quan qua tổ chức các lễ hội nhằm giới thiệu nội dung hoạt động của đô thị trong tương lai. Đảm bảo khách hàng đến trước sẽ được ưu tiên hưởng lợi ích trước. Do đó trong quá trình xây dựng tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, cho dân cư tham gia sinh sống và hưởng lợi. Do đó hạ tầng xã hội sẽ được xây dựng song song với hạ tầng kiến trúc.

c). Phải có bộ máy quản lý đô thị phù hợp kịp thời phục vụ khách hàng với tinh thần của một đô thị mới. Đưa cải cách hành chính vào làm thí điểm, giải quyết vấn đề hộ khẩu, đăng ký cho con em học hành... Khi có dân cư tương đối còn phải tổ chức khu phố tự quản. Tổ chức nhiều lễ hội khác nhau để tạo nên không khí văn minh cho đô thị mới.

d). An ninh cũng như vệ sinh môi trường đô thị phải được đảm bảo ngay từ đầu, tạo nên bộ mặt của đô thị mới hấp dẫn, tạo uy tín với khách hàng. (Ở nước ta trong khi xây dựng ít quan tâm đến vệ sinh môi trường, hay bỏ bảo đảm an ninh cho dân khi vào một khu dân cư mới còn ít dân)

5. **Suy nghĩ về phát triển đô thị bền vững**

- Đô thị phát triển bền vững đó là đô thị được quy hoạch và xây dựng đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của một địa phương trước mắt cũng như lâu dài, đảm bảo hệ thống hạ tầng cơ sở kiến trúc cũng như hạ tầng xã hội hoàn thiện theo tiến độ đề ra.
- Dành mọi lợi ích cho khách hàng đến trước để thu hút khách hàng tiếp theo. Đảm bảo cho người dân tin rằng họ đã chọn đúng nơi an cư lạc nghiệp.
- Đô thị đó phải là hạt nhân phát triển cho vùng chung quanh. Quy hoạch quy mô và chức năng của nó đáp ứng được yêu cầu cần thiết khi nó phát triển hoàn chỉnh, không tạo nên sự lãng phí cho xã hội.
- Hệ thống giao thông gắn kết với những đô thị hiện có luôn được ưu tiên xây dựng đảm bảo thông thoáng trong mọi lúc. Các công trình vui chơi giải trí công cộng, các dịch vụ thương mại luôn nhắm tới phục vụ cho cư dân của các đô thị, các vùng nông thôn kết nối chung quanh. Đây chính là sức sống của đô thị mới cần phải có.
- Mô hình đô thị mới Phú Mỹ Hưng có được các yếu tố nêu trên, đáng được chúng ta tham khảo như một đô thị đang xây dựng theo hướng phát triển bền vững.
- Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng đã được Bộ Xây dựng phong tặng là khu đô thị mới kiểu mẫu của Việt Nam. ■

www.ashui.com

Xây dựng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu: **bài học từ dự án mô hình ngập lụt thành phố Đà Nẵng**

TS. **TRẦN VĂN GIẢI PHÓNG**
Viện chuyển đổi môi trường và xã hội

1. Bối cảnh Đà Nẵng

Đà Nẵng, thành phố ven biển miền Trung, đang trong quá trình phát triển nhanh với dân số ngày càng tăng và nền kinh tế ngày càng đa dạng hóa. Phần lớn các khu đô thị mới theo quy hoạch tổng thể của thành phố nằm ở vùng thoát lũ trũng thấp ở phía nam trung tâm thành phố (xem Hình 1). Việc san lấp mặt bằng để phát triển đô thị ở vùng thoát lũ từ 2-4 m đã làm cản trở đường thoát lũ đồng thời đẩy nước lũ ra khỏi khu vực trữ lũ, làm tăng nguy cơ ngập lụt ở thượng nguồn và các khu lân cận. Cộng đồng dân cư ở lưu vực Vu Gia - Hàn phía trên hoặc gần kề với khu vực mới san lấp sẽ bị ngập lụt trầm trọng hơn. Quá trình đô thị hóa này đã thay đổi hình thái ngập lụt ở thành phố. Việc san lấp, phát triển đô thị ở vùng thoát lũ, vùng thấp trũng gia tăng kéo theo những biến đổi về rủi ro và nguy cơ ngập lụt đến người dân, cơ sở hạ tầng và hoạt động kinh tế ở những vùng trũng thấp. Trong khi đó, hiểm họa ngập lụt cũng sẽ gia tăng do biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH sẽ làm tăng mực nước biển và có khả năng làm thay đổi cường độ mưa, góp phần gây ngập lụt ở Đà Nẵng.

2. Các thách thức mà thành phố Đà Nẵng phải đối mặt

2.1. Tăng tần suất và cường độ lũ

Tần suất và cường độ lũ ở thành phố Đà Nẵng đang gia tăng do quy hoạch sử dụng đất, giao thông, và các cơ sở hạ tầng khác gây cản trở hoặc làm chệch đường thoát nước ra những khu vực không có nguy cơ ngập lụt trước đây và do tác động của BĐKH làm cho tần suất và lượng mưa tăng. Đà Nẵng là nơi thường xuyên chịu tác động của ngập lụt từ các trận mưa lớn kết hợp với triều cường và nước dâng do bão. Trong 15 năm

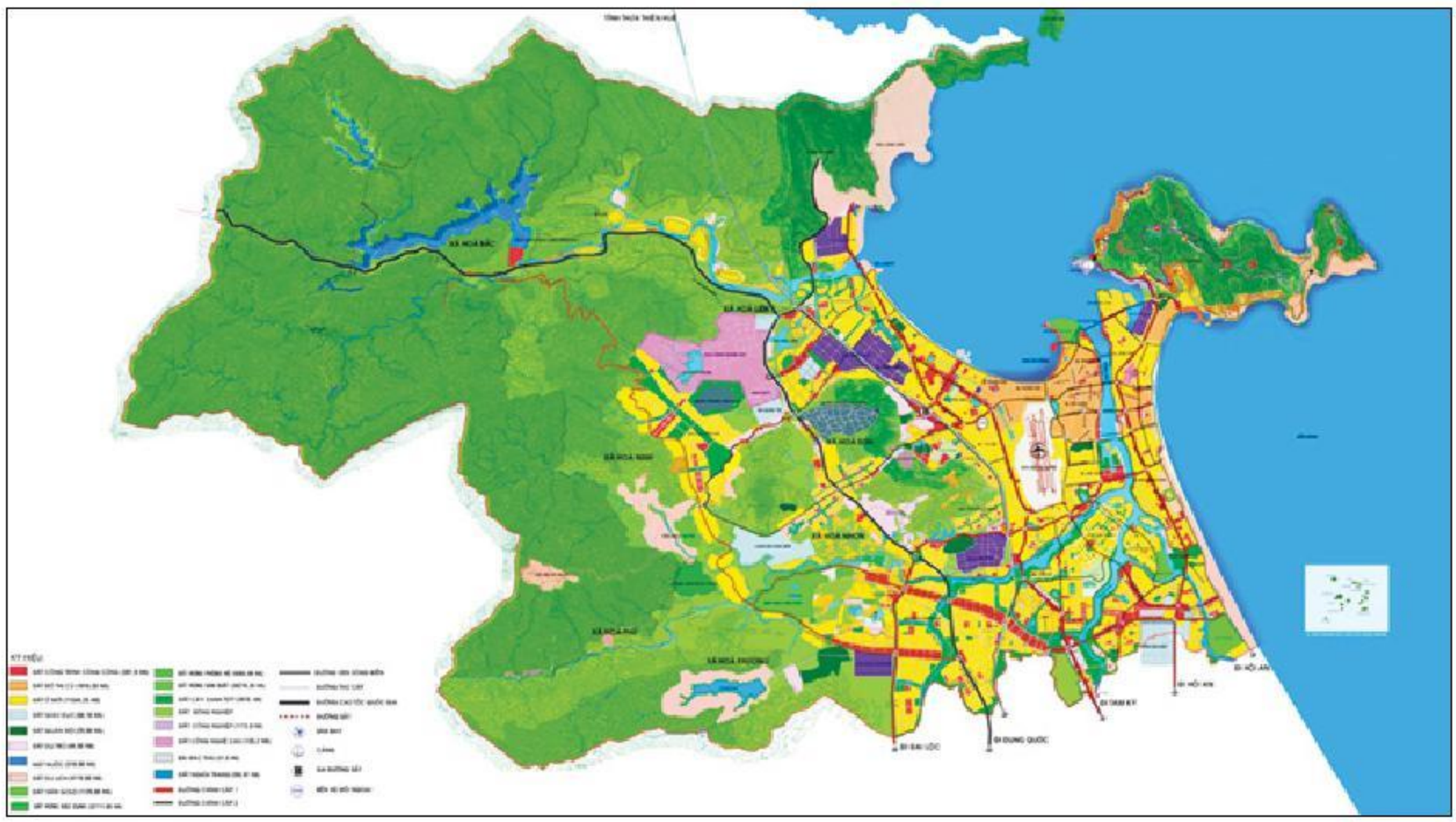

Hình 1: Quy hoạch Tổng thể Thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

THÔNG ĐIỆP CHÍNH:

- PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VÙNG THOÁT LŨ, VÙNG TRŨNG THẤP SẼ GÂY NGẬP LỤT TRẦM TRỌNG HƠN Ở NHỮNG KHU VỰC VỐN ĐÃ THƯỜNG XUYÊN NGẬP LỤT TẠI ĐÀ NẴNG VÀ QUẢNG NAM;
- BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (BĐKH) SẼ LÀM TĂNG CƯỜNG ĐỘ VÀ TẦN SUẤT CÁC ĐỢT MƯA CỰC TRỊ Ở ĐÀ NẴNG VÀ CÁC KHU VỰC XUNG QUANH;
- NẾU RỦI RO NGẬP LỤT KHÔNG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT, NGƯỜI DÂN Ở VÙNG THẤP LỤT VÀ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SẼ CHỊU SỰ GIA TĂNG VỀ THIỆT HẠI VÀ CHI PHÍ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DO NGẬP LỤT GÂY RA;
- NGẬP LỤT LÀM ẢNH HƯỞNG TỚI VỊ THẾ CỦA THÀNH PHỐ CŨNG NHƯ GIÁ ĐẤT TRONG TƯƠNG LAI, ĐỒNG THỜI CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ SẼ TỐN NHIỀU CHI PHÍ ĐỂ KHẮC PHỤC THIỆT HẠI CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ;
- CÁCH LÀM TRUYỀN THỐNG VỀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, THIẾT KẾ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN VỀ SAN LẤP NỀN XÂY DỰNG DỰA TRÊN KINH NGHIỆM VÀ SỐ LIỆU TỪ CÁC TRẬN LỤT TRONG QUÁ KHỨ SẼ GẶP THÁCH THỨC TRƯỚC CÁC HIỂM HỌA TƯƠNG LAI;
- QUY HOẠCH TỔNG THỂ HIỆN NAY CỦA THÀNH PHỐ THEO HƯỚNG MỞ RỘNG VỀ KHU VỰC THOÁT LŨ Ở PHÍA NAM CÓ THỂ GÂY THIỆT HẠI NHIỀU HƠN VỀ KINH TẾ VÀ CẢ VỀ NGƯỜI Ở CÁC KHU VỰC ĐÔ THỊ HIỆN CÓ VÀ KHU VỰC MỚI PHÁT TRIỂN;
- THEO KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VỀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG "THÀNH PHỐ XANH," VIỆC BẢO VỆ NHỮNG VÙNG ĐẤT THẤP, VÙNG THOÁT LŨ ĐỂ LÀM NƠI TRỮ LŨ KHẨN CẤP LÀ CẦN THIẾT. CÁC KHU VỰC NÀY CHỈ DÀNH CHO MỤC ĐÍCH VỀ GIẢI TRÍ VÀ NÔNG NGHIỆP. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VÙNG THOÁT LŨ VÀ VÙNG ĐẤT THẤP TRŨNG TRONG BỐI CẢNH BĐKH LÀ KHÔNG BỀN VỮNG.

qua, thành phố đã phải gánh chịu nhiều thiệt hại to lớn từ các trận lụt năm 1999, 2007, và 2009. Trước đây, phần lớn diện tích ngập lụt tập trung ở khu vực phía bắc trung tâm thành phố dọc theo sông Cu Đê, và vùng trũ lũ phía nam giữa sông Cẩm Lệ và sông Quá Giáng. Dựa trên tính toán của các chuyên gia ARUP[2], khả năng thoát lũ của hạ du hệ thống sông Vu Gia và Thu Bồn thấp hơn 20 lần so với khả năng cần thiết để giảm thiểu các tác động của các đợt lũ có thể xảy ra. Vấn đề này ngày càng trầm trọng hơn trong tình trạng san lấp ở khu vực thấp trũng. Đây là thách thức thực sự đối với quy hoạch tổng thể hiện nay đang nhắm đến phát triển ở vùng đất thấp.

Theo kết quả của dự án xây dựng mô hình ngập lụt do Sở Xây dựng Đà Nẵng, trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Viện Nghiên cứu Thủy lợi Miền Nam, và ISET thực hiện, nếu quy hoạch tổng thể đến năm 2030 được thực hiện đầy đủ như đã vạch ra, thì ngay cả trong các đợt lũ tần suất 10% (tức xảy ra 10 năm một lần), rất nhiều diện tích trong khu vực mới phát triển cũng có thể bị ngập sâu từ 0,3-0,5 m, và các khu thấp trũng lân cận có thể ngập trong lũ sâu tới 3 m.

2.2. Tăng lượng mưa cực trị

Phân tích của chúng tôi chỉ ra rằng BĐKH có khả năng làm tăng cường độ các trận mưa vừa và mưa lớn ở Đà Nẵng và các khu vực xung quanh. Các trận mưa nhỏ hơn, xảy ra trung bình khoảng 10 năm một lần hoặc ít hơn, có thể sẽ không thay đổi nhiều. Bảng 1 cho thấy những thay đổi có thể xảy ra đối với cường độ mưa từ nay đến những năm 2020 và 2050, so sánh với giai đoạn 1961 - 1999, trong các trận mưa đã gây ngập lụt ở Đà Nẵng.

2.3. Quy hoạch đô thị dựa trên kinh nghiệm quá khứ đang gặp thách thức

Theo quy hoạch tổng thể thành phố, cốt nền xây dựng tối thiểu phải bằng tần suất lũ 1-5% (lũ 20-100 năm một lần) tùy theo vị trí dựa trên số liệu mức ngập lụt quá khứ. Cốt nền xây dựng ở khu đô thị mới phía nam tương ứng với xác suất lũ 5% (tần suất 20 năm). Do đó, cốt nền ở các khu dân cư mới đã được nâng lên từ 1 đến 6 m so với cốt nền hiện tại tùy từng địa điểm (xem Hình 2). Việc nâng cốt nền xây dựng là nguyên nhân gây thêm thiệt hại cho cả khu vực khi lụt xãy ra. Tăng cốt nền

Sự kiện	Cường độ 1961-1999	% thay đổi các năm 2020	% thay đổi các năm 2050
1999	10,4 mm/h	9,1 – 29,4%	13,1 – 48,1%
2007	6,7 mm/h	3,0 – 23,6%	26,4 – 63,2%
2009	3,5 mm/h	-4,9 – 13,8%	3,1 – 22,9%
2010	2,7 mm/h	-10,6 – 4,0%	-0,6 – 14,9%

Bảng 1: Thay đổi cường độ mưa từ nay đến những năm 2020 và 2050, so sánh với giai đoạn 1961–1999, trong các trận mưa đã gây ngập lụt ở Đà Nẵng [3]

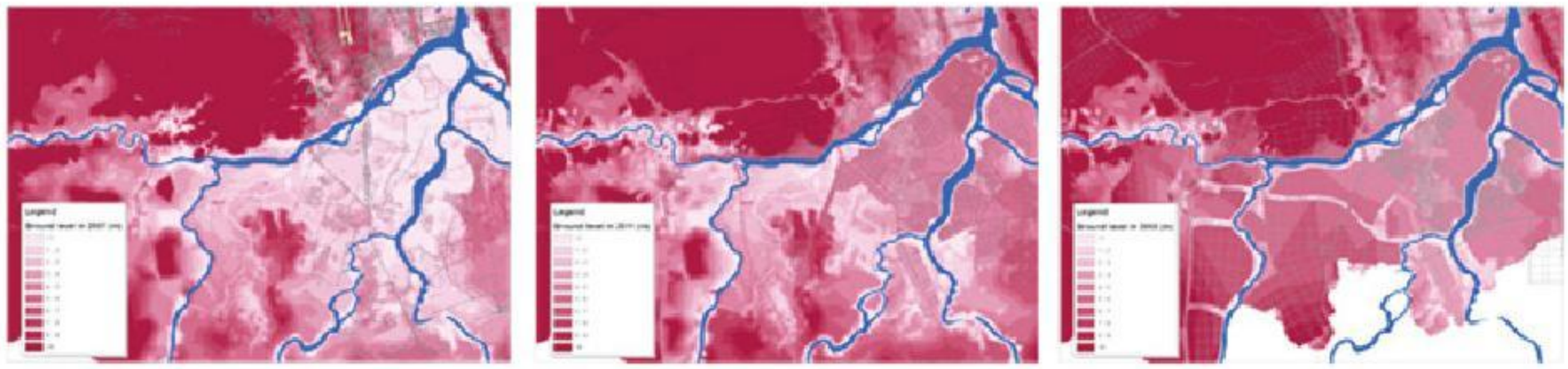

Hình 2: Độ cao nền ở phía nam Đà Nẵng năm 2007, 2011 và tầm nhìn năm 2050. *(Nguồn: Sở Xây dựng Đà Nẵng 2013)*

tức là cản đường nước thoát, lấy đi khu vực trữ lũ để nước có thể tràn rộng ra và chảy chậm lại, và khiến nước sông chảy xiết hơn khi chảy về các quận trung tâm thành phố.

Theo báo cáo tổng kết dự án "Xây dựng mô hình thủy văn-thủy lực và mô phỏng phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng" do Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ Môi trường – Đại học Đà Nẵng thực hiện, BĐKH sẽ làm tăng mực nước ở trạm Cẩm Lệ lên 0,105 m vào năm 2030, như vậy là nhỏ hơn rất nhiều so với tác động của phát triển đô thị (khoảng 0,62 m). Cụ thể, khi khu vực Hòa Xuân và các khu vực khác được để ngỏ, mực nước ở quận Cẩm Lệ là 3,98 m. Khi các khu vực này được san lấp, mực nước ở Cẩm Lệ sẽ là 4,6 m. Đây là một vấn đề lớn cần xét tới trong quá trình xây dựng chiến lược quy hoạch và phát triển đô thị. Ngập lụt sẽ nghiêm trọng hơn khi có thiên tai lớn xảy ra, khi có BĐKH, và phát triển đô thị. Điều đó một lần nữa khẳng định rằng quy hoạch hiện tại sẽ tạo ra những khu dân cư chịu nguy cơ cao trong vùng thấp trũng.

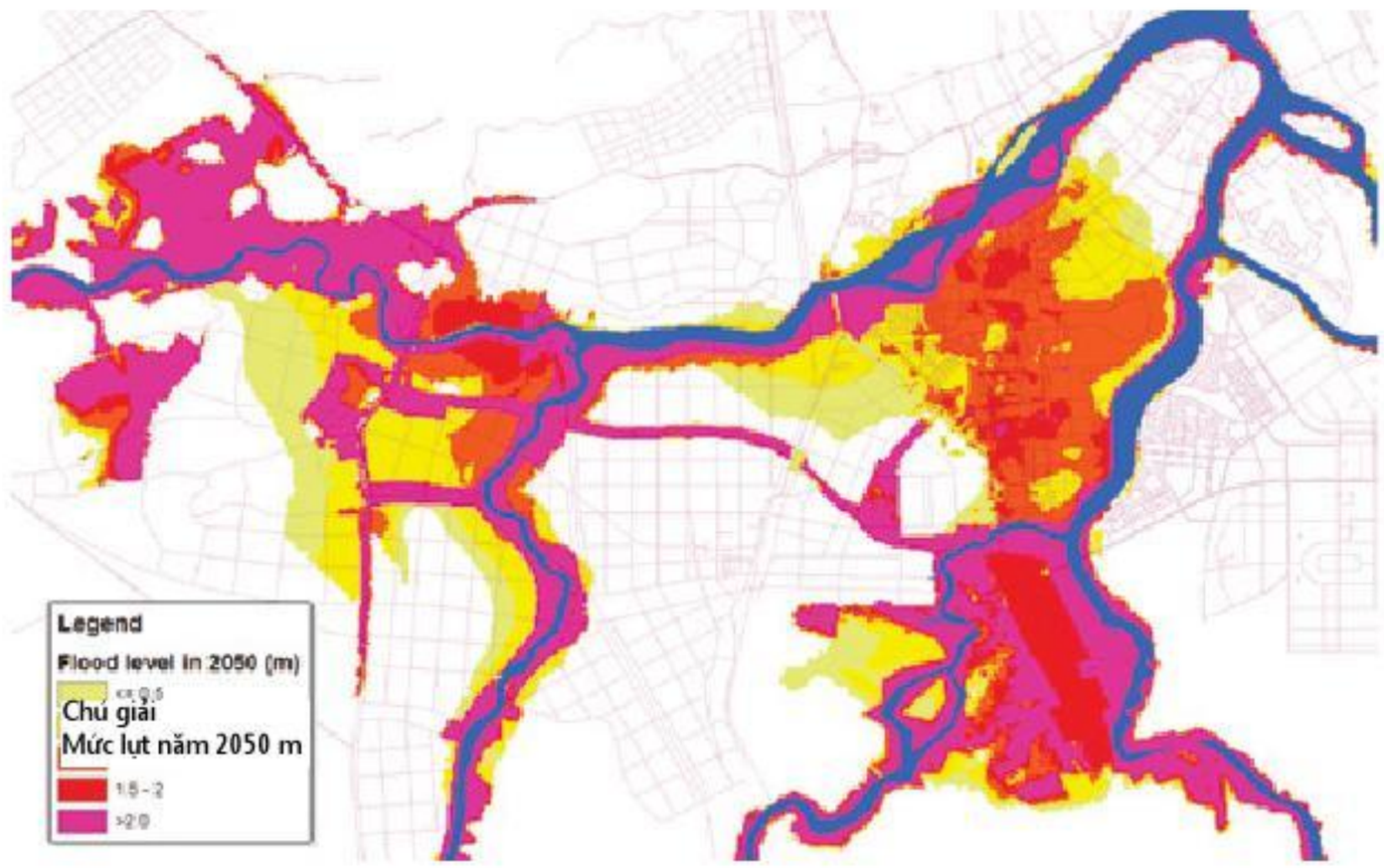

Hình 3: Bản đồ ngập lụt dựa trên tầm nhìn về san lấp mặt bằng đến năm 2050, lượng mưa trong đợt lũ năm 2007 cộng với lượng mưa tăng và nước biển dâng

2.4. Thiệt hại kinh tế và nguy cơ thiệt hại về người trầm trọng hơn trong quy hoạch tổng thể hiện nay

Mô hình ngập lụt cho thấy việc phát triển đô thị trong tương lai nếu hoàn tất như trong bản kế hoạch tổng thể đề xuất đến năm 2050, thì diện tích ngập lụt sẽ tương đối lớn, bao phủ hầu như toàn bộ khu vực phía nam của thành phố mặc dù khu vực này đã được nâng nền. Mực nước sẽ dâng cao ở những xã thượng nguồn gần kề với khu vực mới tôn nền, và sinh kế, nhà ở, tài sản và cơ sở hạ tầng ở những xã nông nghiệp này sẽ chịu tác động nặng nề của lũ lụt. Một vùng dân cư rộng lớn mới phát triển cũng sẽ bị ngập trong nước sâu từ 1-1.5 m, gây thiệt hại cho nhà cửa, làm giảm giá trị, giá cả đất đai và sức hút với các nhà đầu tư. Những khu vực ngập hơn 2 m sẽ bị thiệt hại nặng nề vì ngập sâu kéo dài. Hệ thống đường giao thông, chủ yếu là đường bê tông ở những khu thấp trũng có khả năng bị tê liệt hoàn toàn trong lũ, gây cản trở công tác sơ tán, cứu hộ và ứng phó khẩn cấp.

3. Giải pháp bảo vệ phát triển đô thị trong tương lai

Có thể kết luận rằng phát triển thành phố Đà Nẵng ở vùng thoát lũ hạ du sông Vu Gia-Hàn sẽ tạo nút thắt cổ chai đối với dòng nước chảy sang phía đông và làm giảm khả năng điều hòa nước lũ. Vì thế, nó làm tăng ngập lụt ở những xã dễ bị tổn thương ở thượng nguồn khu vực tỉnh Quảng Nam và các khu vực hay có lũ ở thành phố Đà Nẵng. Khi mưa lớn xảy ra, nước lũ sẽ bị chặn lại phía sau các con đường và tràn qua các khu dân cư đã được san lấp trong khu vực thoát lũ trước đây. Việc giảm thiểu các vật cản trong khu vực thoát lũ, đồng thời, quản lý hành lang thoát lũ và cải thiện tiêu thoát nước là biện pháp bền vững duy nhất nhằm giảm thiểu mối hiểm họa gắn liền với ngập lụt, cả trong hiện tại lẫn trong tương lai lâu dài dưới những tác động của BĐKH. Hệ thống đê bao và việc san lấp đất để ngăn lũ cho các khu đô thị sẽ chuyển dịch rủi ro từ một khu vực sang các khu vực khác. Nó không thể ngăn chặn được lũ lụt. Vì thế, trong thực tế, các chiến lược thích ứng truyền thống với BĐKH chỉ dựa vào đê kè hoặc nâng nền sẽ chỉ phân bố lại rủi ro chứ không thể giảm thiểu được rủi ro. Thứ hai, sẽ luôn luôn tồn tại hiểm họa từ lũ lụt, dù có hay không một hệ thống chống ngập. Nếu thành phố phát triển

về phía khu vực trũng thấp và vùng thoát lũ, nó sẽ phải đối mặt với những thổn thất nghiêm trọng về kinh tế và có thể cả về người khi có lũ lụt lớn xảy ra. Mặt khác, lũ nhỏ hàng năm cũng mang lại lợi ích cho nông nghiệp và giúp kiểm soát độ mặn của nước. Về nguyên tắc, cơ sở hạ tầng chống ngập và thủy lợi cần cho phép lũ mùa xảy ra, đồng thời bảo vệ người và tài sản trước những tai biến khí hậu có khả năng đe dọa tính mạng của người dân. Thứ ba, nếu quy hoạch tổng thể hiện nay của thành phố được triển khai mà không có sửa đổi gì, thì lũ lụt sẽ còn diễn biến trầm trọng hơn và mức độ thiệt hại về tính mạng và tài sản từ một cơn lũ tương tự như lũ 2007 sẽ còn to lớn hơn nữa.

Dựa vào những kết luận trên, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị cho hành động của chính quyền địa phương nhằm giảm thiểu nguy cơ lũ lụt hiện tại, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng với BĐKH trong tương lai. Từng hành động của đề xuất này cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn và thiết kế thật tỉ mỉ, nhưng tất cả đều nằm trong tầm năng lực và chức năng nhiệm vụ của các sở ngành chuyên môn của thành phố hiện nay. Thứ nhất, trên thực tế, việc xây dựng các khu đô thị mới cao hơn mực nước lũ đã làm gia tăng ngập lụt bởi nó tạo ra các tường cản mới và cao hơn, ngăn không cho nước đổ về hạ lưu sông Hàn. Cầu xây không đủ rộng, các đường mới hạn chế dòng chảy tràn, các khu dân cư mới xây ngay giữa đường thoát lũ, và việc nâng nền ở các công trình xây dựng đã hướng dòng nước chảy về các khu dân cư cũ trước đây chưa có ngập lụt nghiêm trọng xảy ra. Những biện pháp này cần được điều chỉnh nhằm để tránh cho nguy cơ lũ lụt không trở nên trầm trọng hơn trong tương lai. Việc làm cấp thiết với các sở ngành liên quan và lãnh đạo thành phố Đà Nẵng hiện nay là điều chỉnh lại quy hoạch không gian, trong đó kiểm soát chặt chẽ bất kỳ công trình xây dựng nào sẽ chiếm mất phần không gian cho nước. Thứ hai, nếu quy hoạch tổng thể và các công trình dự án được hoàn thành như trong đề xuất, kết quả sẽ là gia tăng ngập lụt, gia tăng tổn thất về người và của. Hạn chế xây dựng mới ở khu vực đất thấp phía nam là một đòi hỏi rất khó khăn, nhưng thực sự cần thiết. Hạn chế xây dựng, song song với cải thiện thoát nước sẽ giảm thiểu và phân chia nguy cơ lũ lụt một cách đồng đều hơn. Dưới đây là một số ý tưởng gợi ý cho việc điều chỉnh quy hoạch (Hình 4). Mục đích là tạo ra các tuyến thoát lũ dọc theo các dòng sông và trong những khu vực thấp trũng, và phát triển những vùng tập trung nhà cao tầng, nhằm giảm thiểu việc cản nước, trong đó các khu thấp trũng có mật độ dân cư thấp và nhà thấp tầng cũng có thể đóng vai trò thoát lũ. Các công trình xây trên cọc cũng có thể được coi là một mô hình sống chung với lũ ở những khu vực này. Trong đề xuất này, các cầu cần được mở rộng và đường mới xây cần được xây trên trụ phía trên đường thoát lũ, hoặc xây thấp để lũ có thể tràn qua.

Ở những thành phố phát triển hàng đầu thế giới phải chịu nguy cơ lũ lụt gia tăng do BĐKH, người ta đang ngày càng quan tâm đến việc bảo vệ không gian cho nước lũ trong những tình huống xấu nhất, bởi họ nhận thức được rằng không phải lúc nào cũng ngăn chặn được lũ lụt khi điều kiện tương lai thay đổi. Để cho phép chống chịu với những hiện tượng cực đoan chưa từng xảy ra trước đây, nhiều khả năng sẽ xảy đến trong vòng 40-50 năm nữa, thành phố Đà Nẵng cần phải vạch ra nhiều biện pháp khác nhau để thích nghi với tình trạng mực nước cao và tránh làm vấn đề xảy ra nghiêm trọng hơn. Một thành phố làm trầm trọng thêm nguy cơ lũ lụt do quy hoạch yếu kém và phát triển đô thị thiếu định hướng đúng đắn sẽ nhanh chóng đánh mất vị thế của mình là một "thành phố xanh." ■

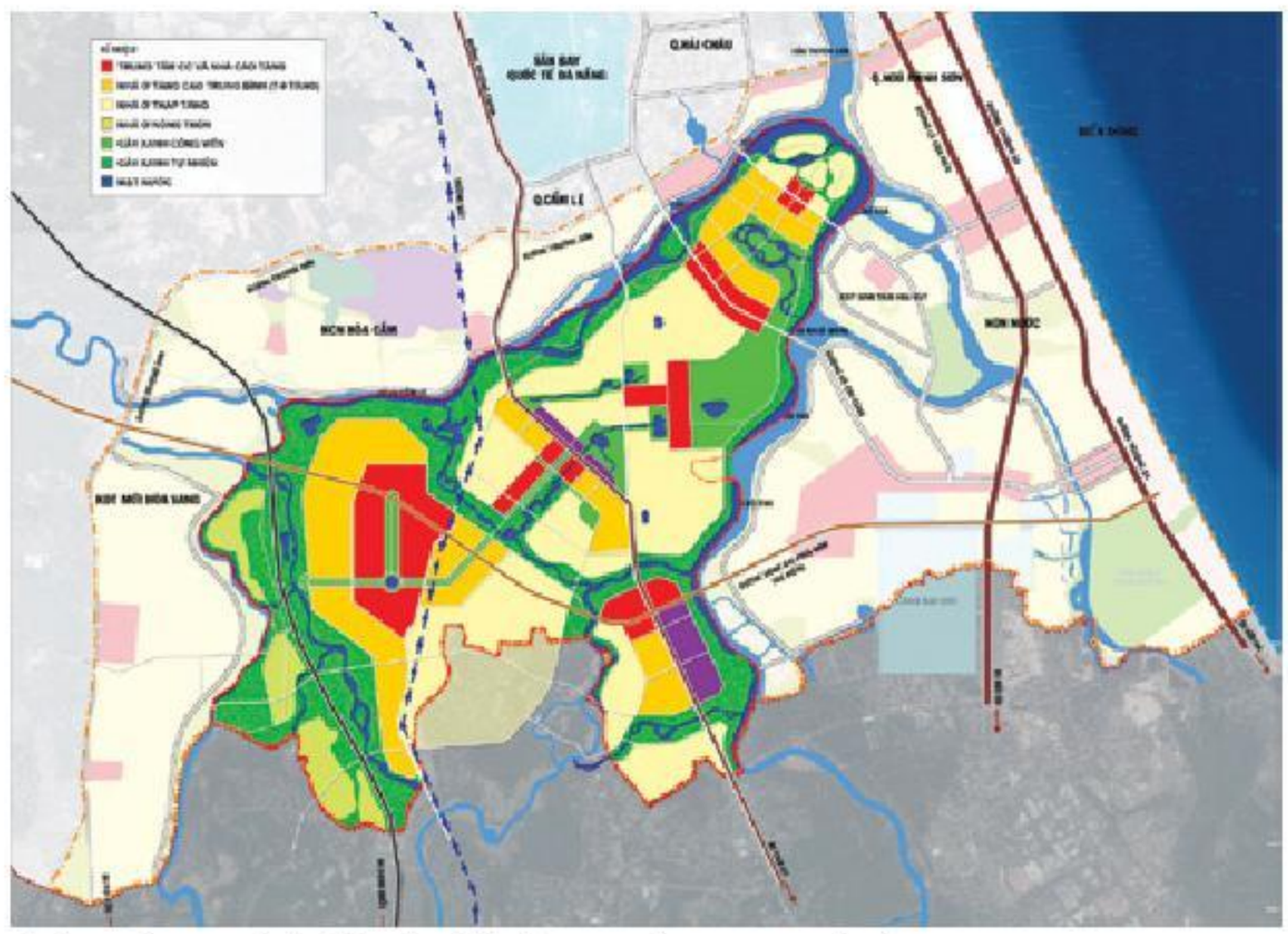

Hình 4: Phương pháp tiếp cận thích ứng (Nguồn: ISET-Quốc tế, 2013)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ARUP, "Giải pháp quản lý ngập lụt thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu dân cư mới của thành phố Đà Nẵng," tại Diễn đàn chính sách Đà Nẵng, ngày 01/04/2013.
2. Sarah Opitz Stapleton, Mưa cực trị và Biến đổi khí hậu ở Đà Nẵng đến các năm 2020 và 2050. Ấn bản của ISET, 2012
3. Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ Môi trường, Đại học Đà Nẵng, "Xây dựng mô hình thủy văn-thủy lực và mô phỏng phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng", 2012

Chú thích:

(1). Trong vùng khoanh tròn là khu vực đề xuất phát triển mở rộng khu dân cư ở khu vực đồng bằng trữ lũ phía nam

(2). Bài trình bày của ARUP về "Giải pháp quản lý ngập lụt thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu dân cư mới của thành phố Đà Nẵng," tại diễn đàn chính sách Đà Nẵng ngày 01/04/2013.

(3). Sarah Opitz Stapleton, mưa cực trị và BĐKH ở Đà Nẵng đến các năm 2020 và 2050.

Khai thác và quản lý **không gian sinh thái thủ đô Hà Nội**

GS. TS. **LÊ HỒNG KẾ**
Viện Nghiên cứu Môi trường và QHPTBV,
Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam

Câu chuyện sinh thái và hệ sinh thái vừa là cốt lõi vừa là bản chất quan trọng nhất trong những khái niệm có liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ cuối thế kỷ thứ XIX, năm 1866, thuật ngữ ***"sinh thái học"*** đã được các nhà khoa học định nghĩa:

"Hệ sinh thái là một cấu trúc không gian chức năng và thời gian mà trong đó bao gồm bất kỳ một cộng đồng nào của sự sống và môi trường của chúng".

Trải qua gần 2 thế kỷ, khái niệm về sinh thái học và hệ sinh thái đã đi vào cuộc sống xã hội ngày càng đem lại nhiều hiệu quả tích cực trên mọi phương diện: kinh tế, xã hội, cân bằng các hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội và phát triển kinh tế xã hội bền vững và phát triển đô thị bền vững.

Cho đến nay, nhiều nước trên thế giới, sinh thái học đã được đưa vào chương trình giảng dạy như là một môn học cơ sở ở bậc tiểu học. Và tại nước ta, khoa học sinh thái cũng bắt đầu tiếp cận ngay từ bậc học phổ thông.

Tại ***Australia,*** các thành phố lớn như thủ đô Canberra, thành phố Sydney, thành phố Melbourne, thành phố Brisbanne... đều có nhiều công trình khai thác như các công viên sinh thái tự nhiên, khu công viên động vật hoang dã được xây dựng và khai thác từ những năm 50 của thế kỷ trước. Hiệu quả đem lại cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, cân bằng các hệ sinh thái và bảo vệ môi trường nói riêng và phát triển ngành du lịch thật hết sức to lớn cho mọi thời đại.

Tại ***Anh,*** khi có đạo luật về bảo tồn các hệ sinh thái ra đời, đã có trên 14 công viên sinh thái quốc gia nhằm bảo tồn các vùng sinh thái nông thôn cho người dân được khai thác sử dụng nhiều hơn, nhưng vẫn đem lại hiệu quả kinh tế và bảo tồn các hệ sinh thái nông thôn tốt hơn, bền vững hơn. Những ý tưởng chủ yếu của các công viên này là làm cho *"...các vành đai xanh trở nên xanh hơn, đẹp hơn bằng cách cải tạo và xây dựng mới nhiều công viên sinh thái nông thôn, và nông dân cần được khuyến khích nhượng lại đất có các loài chim hoang dã và động vật có vú"*.

Tại ***Hà Lan,*** theo đạo luật về bảo tồn thiên nhiên có các loại hình công viên sinh thái về các loài chim hoang dã, các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu sinh thái đắt ngập nước,... Ở Hà Lan, vườn *"Quốc gia sinh thái mạng"* sẽ có diện tích rộng đến 6 triệu hecta, trong đó có Biển Wadden và Ijsselmeer. Ngoài ra, Hà Lan còn có 20 công viên sinh thái quốc gia, như các danh lam thắng cảnh đặc trưng, từ cồn, bãi triều và thung lũng cho đến sông, suối, rừng... Các công viên sinh thái quốc gia ở Hà Lan được xem như là một ngành kinh tế du lịch mũi nhọn, đóng góp to lớn trong tổng GDP của quốc gia.

Tại ***Nhật Bản,*** là một quốc gia có rất nhiều loại hình bảo tồn và phát huy giá trị về các khu sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội hết sức hấp dẫn. Tại thủ đô Tokyo Nhật Bản, đô thị cổ Kyoto hay các thành phố Kobe, Toyo, Fukushima... đâu đâu cũng có rất nhiều các khu công viên sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội, lịch sử, kiến trúc hiện đại và kiến trúc cổ, kết hợp với quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của Nhật Bản. Các cảnh quan thiên nhiên như sông, suối, hồ, thác, ghềnh, cây xanh, các loại hoa theo mùa..., các chất liệu gần gũi với thiên nhiên như sỏi, cát, đá cuội, gỗ, nứa, tre, mây... đều được khai thác tối đa trong các công trình du lịch tại các khu sinh thái.

Tại ***Trung Quốc,*** công viên sinh thái Thiên Tân là một trong những công trình sinh thái khá thành công. Ra đời cách đây không quá lâu, nhưng đó là một dự án thành công nhất trong lịch sử về đầu tư của Trung Quốc. Trung Quốc còn có khu sinh thái *"Lạc Mãn Địa"* ở Quế Lâm, là một tuyệt tác vào bậc nhất về bảo tồn các khu rừng thiên nhiên nguyên thuỷ, các hồ nước rộng lớn, các đồi núi nhấp nhô lượn sóng..., Những không gian ấy, đã thu hút hàng triệu lượt khách du lịch trong năm, đóng góp không nhỏ về kinh tế cho địa phương và cả nước.

Tại ***Singapore,*** Bộ trưởng cấp cao Singapore Goh-Chok-Tong đã đánh giá *"Toàn bộ ý tưởng của Trung quốc sẽ được nhân rộng ở Singapore.* Và rằng, *"Chính phủ Singapore sẽ xem xét để xây dựng và phát triển một nhiều dự án sinh thái như Thiên Tân"*. Điều này, ngày nay đã trở thành hiện thực trên khắp một ***„đảo quốc"*** xinh đẹp vào bậc nhất, nhì trên thế giới hiện nay.

Ở nước ta, công viên sinh thái đã xuất hiện tại nhiều nơi, nhất là trong vài năm gần đây như:

Đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, là đảo có diện tích 562 km², lớn nhất nước ta, nằm trong vịnh Thái Lan. Trên đảo có nhiều hệ sinh thái tự nhiên đa dạng, phong phú như Rừng ngập mặn (120 ha), rừng Tràm (3000 ha) với 470 loài

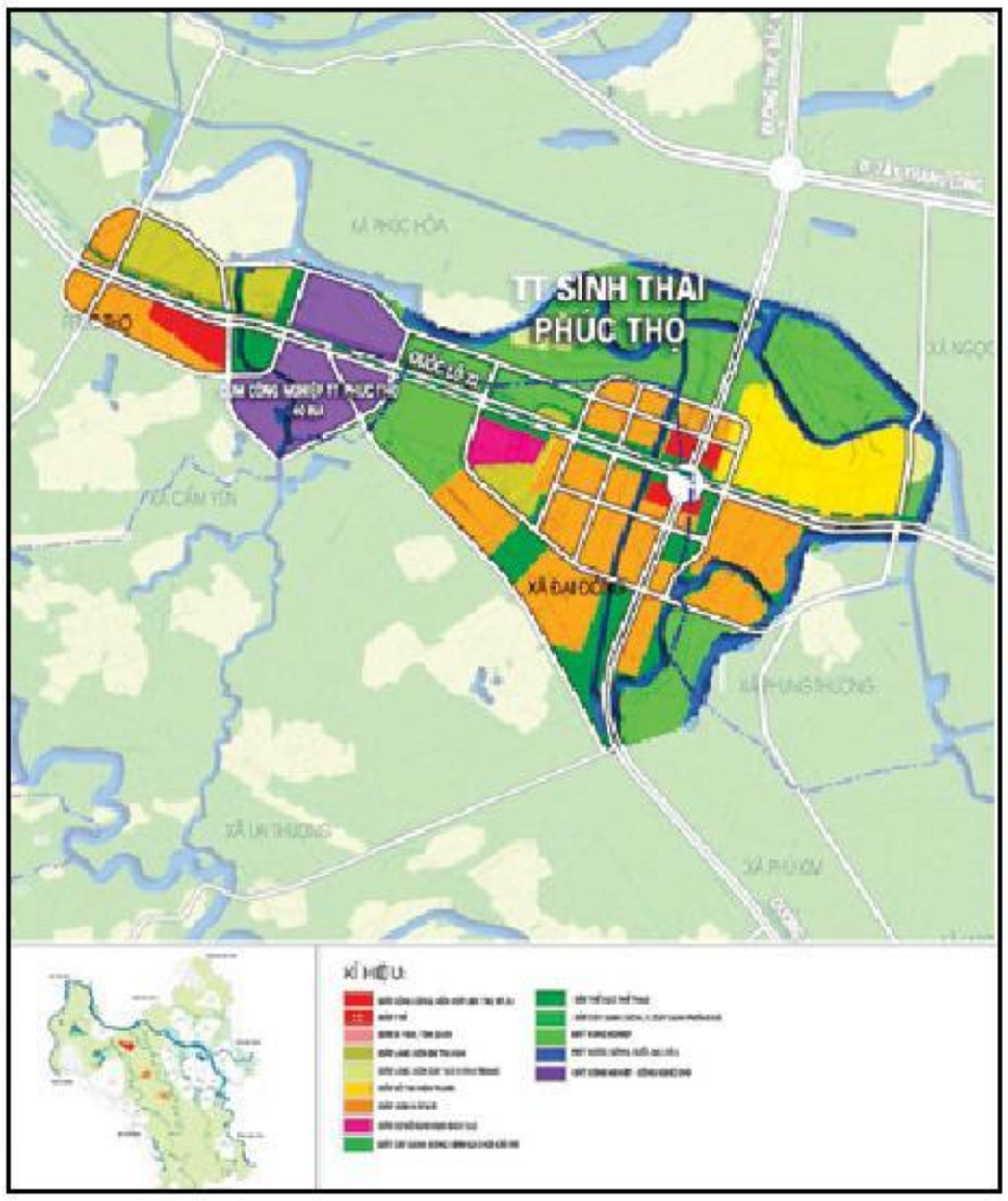

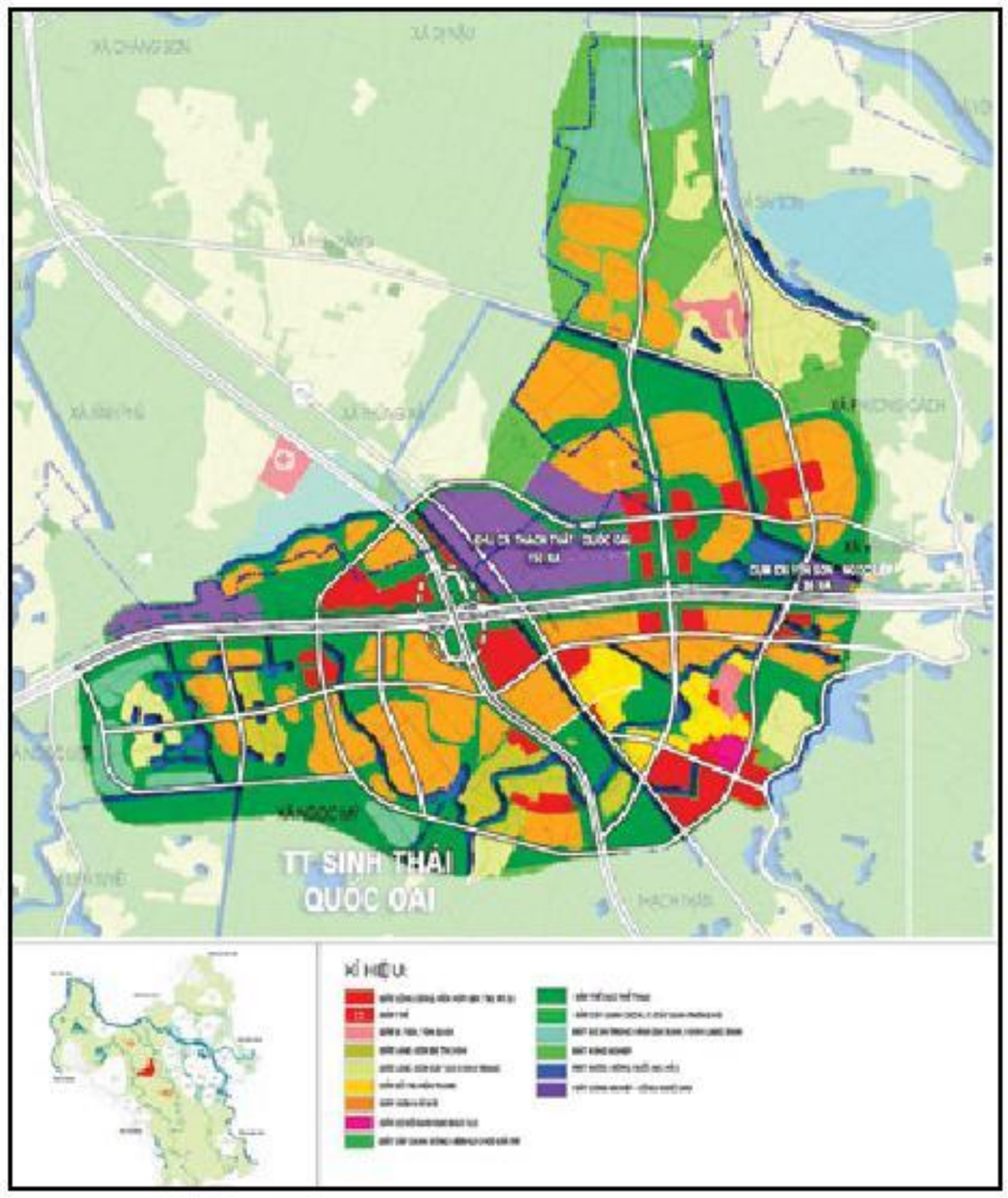

Đô thị sinh thái Phúc Thọ (trái) và đô thị sinh thái Quốc Oai, Sơn Tây *Nguồn: Quy chế quản lý Quy hoạch và Kiến trúc chung thành phố Hà Nội*

thực vật bậc cao... Phú Quốc còn có hệ sinh thái nông nghiệp có diện tích gần 7000 ha với nhiều loại cây canh tác đa dạng,... là một tài nguyên sinh thái tự nhiên đặc biệt, rất hấp dẫn, cho công cuộc phát triển theo hướng sinh thái hiệu quả và bền vững nhất.

Thành phố Hà Nội, với tiềm năng của mình, đã có một nguồn tài nguyên sinh thái hết sức to lớn. Theo quy hoạch chung Hà Nội đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 2011 đã, đang và sẽ có một tiềm năng sinh thái to lớn, với đầy đủ ý nghĩa như thế.

Hà Nội sẽ có 05 đô thị vệ tinh: Sóc Sơn, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai và Phú Xuyên và 03 đô thị sinh thái là thị trấn Phúc Thọ, thị trấn Quốc Oai và thị trấn Chúc Sơn.

Không gian các đô thị này chủ yếu bám theo các không gian truyền thống hiện có. Mạng lưới cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, sẽ được cải tạo và xây dựng mới sao cho vừa phù hợp với ý nghĩa sinh thái, vừa đáp ứng các yêu cầu sản xuất, sinh hoạt và vui chơi giải trí cho cuộc sống đô thị của thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, điều quan trọng là, việc hình thành, quy hoạch, xây dựng và phát triển các đô thị này sao cho đúng với ý nghĩa đô thị sinh thái theo Quy hoạch chung thủ đô Hà Nội.

Đấy là việc khai thác các mô hình quy hoạch không gian xanh, mặt nước, cảnh quan tại các hành lang dọc các sông Đà, sông Tích, sông Đuống, sông Cà Lồ, sông Thiếp, sông Nhuệ và sông Đáy;

Ba đô thị sinh thái Phúc Thọ, Quốc Oai và Chúc Sơn vừa mang tính sinh thái tự nhiên, vừa mang tính sinh thái xã hội, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và phát triển đô thị bền vững. Chúng cũng sẽ vừa tạo nên sự cân bằng tự nhiên trong các hệ sinh thái thành phố Hà Nội, vừa tạo nên những không gian đô thị vừa hiện đại nhưng vừa rất gần gũi và hài hòa với thiên nhiên. Đó là ý nghĩa khoa học quan trọng không những đối với khoa học tự nhiên mà còn mang ý nghĩa to lớn đối với công cuộc quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị nói chung. Tại khu vực ngoại thành, với 16 huyện, 3.766.700 người, chiếm 59,30% dân số Hà Nội. Theo dự kiến, đến năm 2020 sẽ giảm dần, còn khoảng trên 3.094.000 người, chiếm 41,30% vào năm 2020 và 3.081.000 người, chiếm 31,38% vào năm 2030. Như vậy, khu vực nông thôn Hà Nội mở rộng sẽ hình thành các hệ sinh thái như hệ sinh thái đồng ruộng, hệ sinh thái các điểm dân cư nông thôn, nông lâm trường, hệ sinh thái các làng nghề truyền thống, rau xanh, cây cảnh; vừa mang tính sinh thái tự nhiên, lại vừa mang tính sinh thái nhân tạo. Sinh thái tự nhiên bao gồm các loại đối tượng như đồng ruộng, mặt nước, thảm thực vật nông nghiệp như lúa, ngô, khoai sắn... vừa mang tính thái nhân tạo như những tác động của con người trên đồng ruộng, trong làng xóm, các mối quan hệ họ hàng, nghề nghiệp...

Không gian thành phố Hà Nội còn có các dãy núi, ngọn đồi, cánh rừng,... nằm trong số 70% diện tích nông nghiệp, với tư cách là hệ sinh thái tự nhiên. Những hệ sinh thái tự nhiên này không những tạo nên những cảnh quan thiên nhiên vừa đẹp vừa hấp dẫn trong thành phố, vừa cải thiện điều kiện vi khí hậu rất hiệu quả cho một thành phố có quy mô

www.ashui.com

lớn mà còn góp phần làm sinh động gấp nhiều lần cho một thủ đô văn minh hiện đại môi trường bền vững, có lịch sử hàng nghìn năm văn hiến.

Các không gian đặc thù này là những không gian mà thiên nhiên ban tặng cho thành phố Hà Nội, như một ưu đãi đặc biệt, cần có sự bảo tồn và khai thác phục vụ con người một cách bài bản, hợp lý. Quy hoạch chung Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, ít nhất có 4 xã là Đông Sơn, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung, thuộc huyện Lương sơn, tỉnh Hoà Bình và 1 xã thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, hầu hết là đồng bào các các dân tộc ít người, điều kiện sinh hoạt và cuộc sống còn nhiều khó khăn, phong tục tập quán phức tạp, trình độ văn hóa thấp... Đây là mô hình của một hệ sinh thái xã hội đặc thù cần được nghiên cứu giữ gìn, bảo tồn những nét tinh hoa, độc đáo, đồng thời cải tiến và khắc phục những tập tục lạc hậu để cùng phát triển hài hòa trong cộng đồng dân cư các dân tộc ít người tại thủ đô Hà Nội. Tại Australia, nhiều dân tộc ít người vẫn tồn tại mang tính bản sắc rất cao giữa lòng thủ đô Canberra xinh đẹp và hiện đại.

Thành phố Hà Nội, với chiều dày lịch sử *"Ngàn năm văn hiến"*, loại hình sinh thái phi vật thể khác như lịch sử hình thành, phong tục, tập quán, hội hè, đình đám, tâm linh... rất phong phú, đa dạng; rất cần được bảo tồn, khai thác và phát huy trong quá trình phát triển của thủ đô Hà Nội. Chính những yếu tố mang tính xã hội học rất cao này là linh hồn cho một dân tộc, một địa phương cần được nghiên cứu giữ gìn và phát huy trong suốt quá trình phát triển. Mặt khác, nó còn là cơ sở và sự minh chứng cho sự khác biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa địa phương này với địa phương khác... trong một tổng thể thống nhất, hài hòa.

Mô hình cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho các loại mô hình sinh thái nêu trên nhất thiết phải phù hợp và đảm bảo sự cân bằng cần thiết cho các loại hình sinh thái. Không thể đưa các thiết bị hiện đại chưa được *"sinh thái hoá"* vào các đơn vị sinh thái nêu trên. Cần nghiên cứu và khai thác các dạng tài nguyên thiên nhiên hoang dã như nước suối, sông; không gian xanh thiên nhiên, năng lượng mặt trời, năng lượng gió thwo hướng sinh thái. Trong việc tạo nên các không gian ở, làng xóm, không gian công cộng..., cần hạn chế việc khai thác địa hình, canh quan thiên nhiên, mặt mước, hành llang xanh...

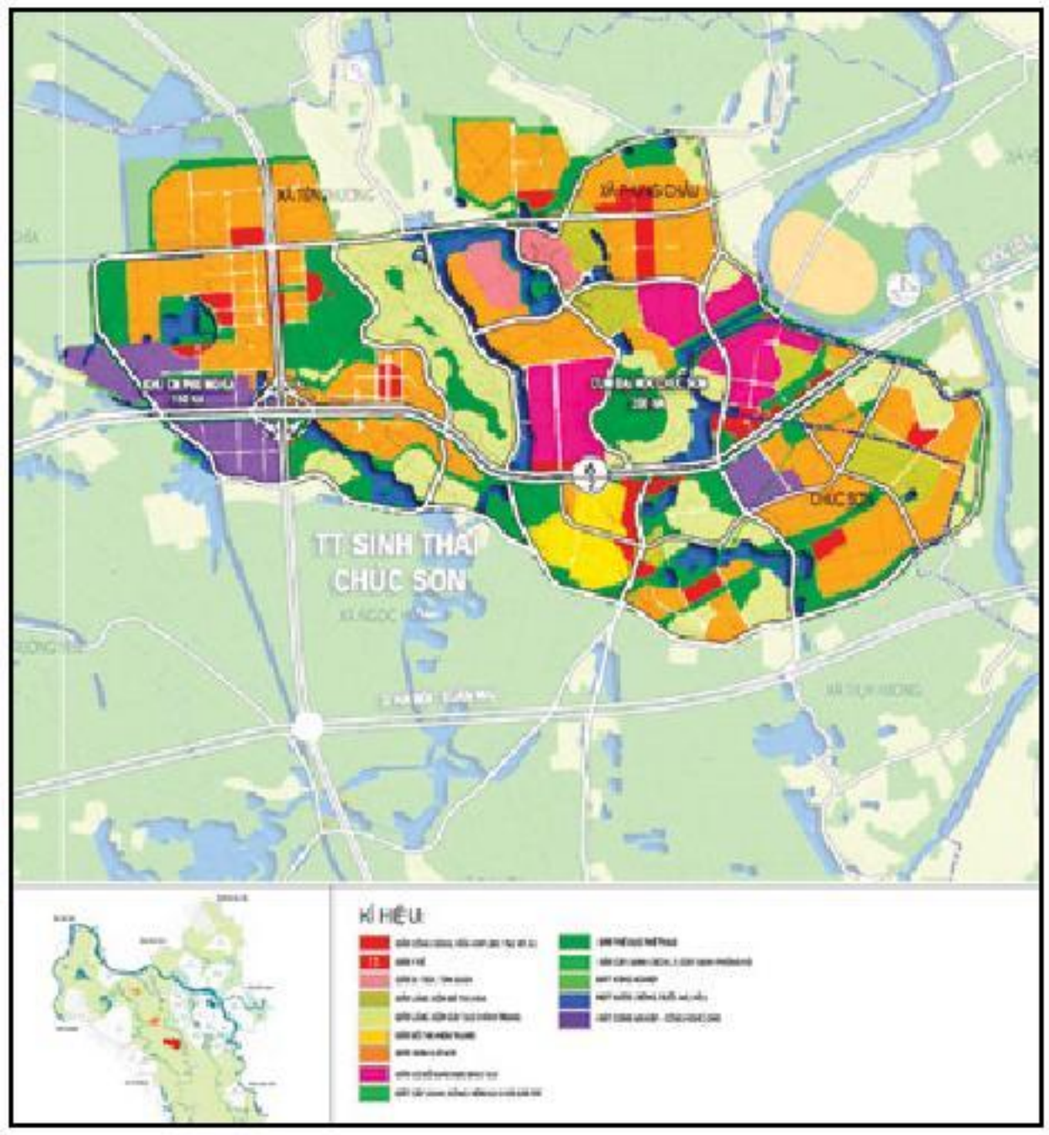

Đô thị sinh thái Chúc Sơn
Nguồn: Quy chế quản lý Quy hoạch và Kiến trúc chung thành phố Hà Nội

Ngoài hệ sinh thái đô thị nói trên, thành phố Hà Nội còn một số hệ sinh thái cần được nghiên cứu, khai thác, phát triển và quản lý đầy đủ hơn. Đó là các không gian sinh thái nông nghiệp, không gian sinh thái gò đồi, núi thấp, không gian sinh thái, không gian sinh thái các quần cư người dân tộc; không gian sinh thái các làng nghề, phố cổ, phố cũ;...và trên tất cả, tổng hợp hơn cả là không gian sinh thái đô thị thủ đô Hà Nội, cần được tiếp tục nghiên cứu theo hướng bảo tồn và phát triển bền vững trong công cuộc hiện đại hóa thủ đô Hà Nội theo hướng sinh thái bền vững.

Tóm lại, việc tiếp cận với khoa học sinh thái và hệ sinh thái đã khó, việc thực hiện và quản lý theo đúng với ý nghĩa khoa học của nó trong việc phát hiện, quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý trong quá trình vận hành các khu sinh thái tại đô thị nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng càng khó hơn.

Vì thế, hơn bao giờ hết các dự án quy hoạch phát triển cần được thực hiện đúng với ý nghĩa khoa học của hệ sinh thái, nhằm đem lại lợi ích lâu dài và bền vững cho việc duy trì các hệ sinh thái trước khi quá muộn. Chỉ có như thế mới có thể đóng góp to lớn cho đất nước nói chung, khu vực đô thị và thủ đô Hà Nội, một tài nguyên về các đô thị sinh thái vô giá, nói riêng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Định hướng Chiến lược Phát triển Bền Vững ở Việt Nam* - **Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam – Hà nội, tháng 8, năm 2004.**
2. *Dự thảo 5 „Quy ché quản lý Quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà- Nội"- Viện Nghiên cứu Môi trường*
3. *Phân bố dân cư trong quá trình Đô thị hóa trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời kỳ 2000 – 2020* - **Đề tài NCKH cấp Nhà nước – Nhà xuất bản Trung tâm khoa học kỹ thuật quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội, năm 2009.**
4. *The Impact of Culture on Urban Management: Experiences from Nonthaburi, Thailand,* **Gunnar Wiessner, UMP-Asia Occasional Paper No. 51, Kuala Lupur, Malaysia, 2001.**
5. *Le Hong Ke – Analysis impacts of Urbanization policies to Sustainable Development of Vietnam,* **Ministry of Planning and Investment, National Agenda 21 of Vietnam, Project VIE-01-021, Hanoi - 2006.**

Phát triển đa dạng không gian kiến trúc cảnh quan tuyến phố thương mại - dịch vụ **khu trung tâm cũ Thành phố Hồ Chí Minh**

ThS.KTS **NGUYỄN THI BÍCH NGOC**
Khoa Quy hoạch - Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh

CÁC KHÁI NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CẢNH QUAN TRONG ĐÔ THỊ

1. Khái niệm đa dạng và lý tưởng phát triển đa dạng

a) Khái niệm đa dạng:

Khái niệm đa dạng được nhắc đến khá nhiều trong lĩnh vực sinh học với cụm từ " đa dạng sinh học". Trong lĩnh vực kiến trúc và đời sống, một khu vực được cho là đa dạng khi nó có sự tập hợp để cùng tồn tại của những đối tượng có điều kiện kinh tế, văn hóa, chủng tộc, giới tính, tuổi tác, lối sống khác nhau...Để các khu vực này có thể hình thành và tồn tại được dựa trên các yếu tố: lịch sử, kinh tế, xã hội, chính sách và các yếu tố vật lý (vị trí, kiến trúc, môi trường...) ("Design for Diversiry"- Emily Talen)

Có rất nhiều định nghĩa khác về tính đa dạng. Thời báo New York Times mô tả "đa dạng" như là một từ mang tính " thời thượng" (Feedman, 2004) hay một học giả văn hóa như David Brooks (2004) thì mô tả đa dạng là "một vùng văn hóa không ngừng tham vọng".

b) *Lý tưởng phát triển đa dạng:*

Ở các nước phương Tây, nơi đã trải qua một thời gian dài của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, từ cuối thế kỷ 20 đã dấy lên phong trào ủng hộ cho lý tưởng đa dạng, từ đa dạng thành phần dân cư cho đến đa dạng không gian sống, đa dạng thể chế xã hội... Một trong những người tiên phong mạnh mẽ cho lý tưởng này, bất chấp mọi sự cản trở, là nhà nghiên cứu người Mỹ nổi tiếng Jane Jacobs (1916-2006). Bà đã dành cả đời để nghiên cứu và đấu tranh vì lợi ích của tầng lớp dân nghèo đô thị. Nghiên cứu tiêu biểu nhất của bà là *" The death and life of great American cities"* và mô hình *Greenwich Village*. Sau khi vấp phải rất nhiều phản đối thì lý tưởng này dần được sự ủng hộ nhiệt liệt của mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là cộng đồng cư dân nghèo đô thị. Về sau, lý tưởng này được tiếp nối và thể hiện trong rất nhiều nghiên cứu của các học giả phương Tây như Emily Talen (Mỹ), Ian Bentley (Anh)... Còn ở phương Đông, tại một số quốc gia như Nhật Bản hay HongKong, do những đặc tính văn hóa xã hội khác biệt nên lý tưởng đa dạng đã hòa quyện vào các lĩnh vực đời sống một cách tự nhiên và tất yếu như một thứ chủ nghĩa. Một số nhà nghiên cứu tiêu biểu trong lĩnh vực này là Yoshinori Ashihara (Nhật Bản), William S.W.Lim (Singapore)

Tiếp nối những nền móng đầu tiên của Jane Jacobs, đã có khá nhiều các nghiên cứu và thiết kế theo lý tưởng đa dạng, hình thành nên một xu hướng mạnh mẽ trên khắp thế giới. Các tiêu chí đa dạng mà Jane Jacobs đưa ra vẫn thường được nhắc đến và xem là nền tảng trong các nghiên cứu lý luận và thiết kế hiện nay (bao gồm: pha trộn các sử dụng, pha trộn lứa tuổi, khối ngắn, mật độ). Trong nghiên cứu về chất lượng hình thái cư trú, Ian Bentley (Giáo sư đại học Oxford, Anh) đưa ra bốn tiêu chuẩn chính là Đa dạng-Sức sống-Thông suốt-Rõ ràng (*Responsive Enviroment,2012*). Nhà nghiên cứu Emily Talen(Mỹ) thì đưa ra quan điểm cần thiết phát triển đa dạng các khu dân cư đô thị Mỹ theo tiêu chí Kết hợp-Kết nối-An ninh (*Design for Diversity, 2008).* Nhà nghiên cứu Yoshinori Ashihara (Nhật Bản) thì đưa ra quan điểm đánh giá lối quy hoạch và thiết kế cảnh quan Nhật Bản là theo lối "tiếp cận từng phần", điều đó giúp tạo nên chất lượng không gian (The Aesthetics of Tokyo-Chaos and Order,1998). Nhà nghiên cứu William S.W.Lim (Chủ tịch Hội kiến trúc sư Châu Á) đưa ra quan điểm phê phán việc "phá hủy và làm lại' ở Singapore và ủng hộ lối thiết kế

đô thị theo hướng " rộng mở và linh hoạt" ở HongKong hay " sự dung thứ văn hóa và tự nhiên" ở Bangkok (*Quy hoạch đô thị theo đạo lý Châu Á, 2007*). Nhà nghiên cứu Kim Quảng Quân (Trung Quốc) cũng đưa ra quan điểm "thiết kế linh hoạt" bao gồm việc: phân vùng khích lệ, chuyển nhượng quyền khai thác trên cao, liên hợp khai thác đơn vị quy hoạch... là những phương pháp thiết kế đa dạng cho đô thị (*Thiết kế đô thị, 2000*). Điều này cho thấy thiết kế đa dạng đang trở nên một xu hướng mới mẻ nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ trên toàn thế giới từ Đông sang Tây.

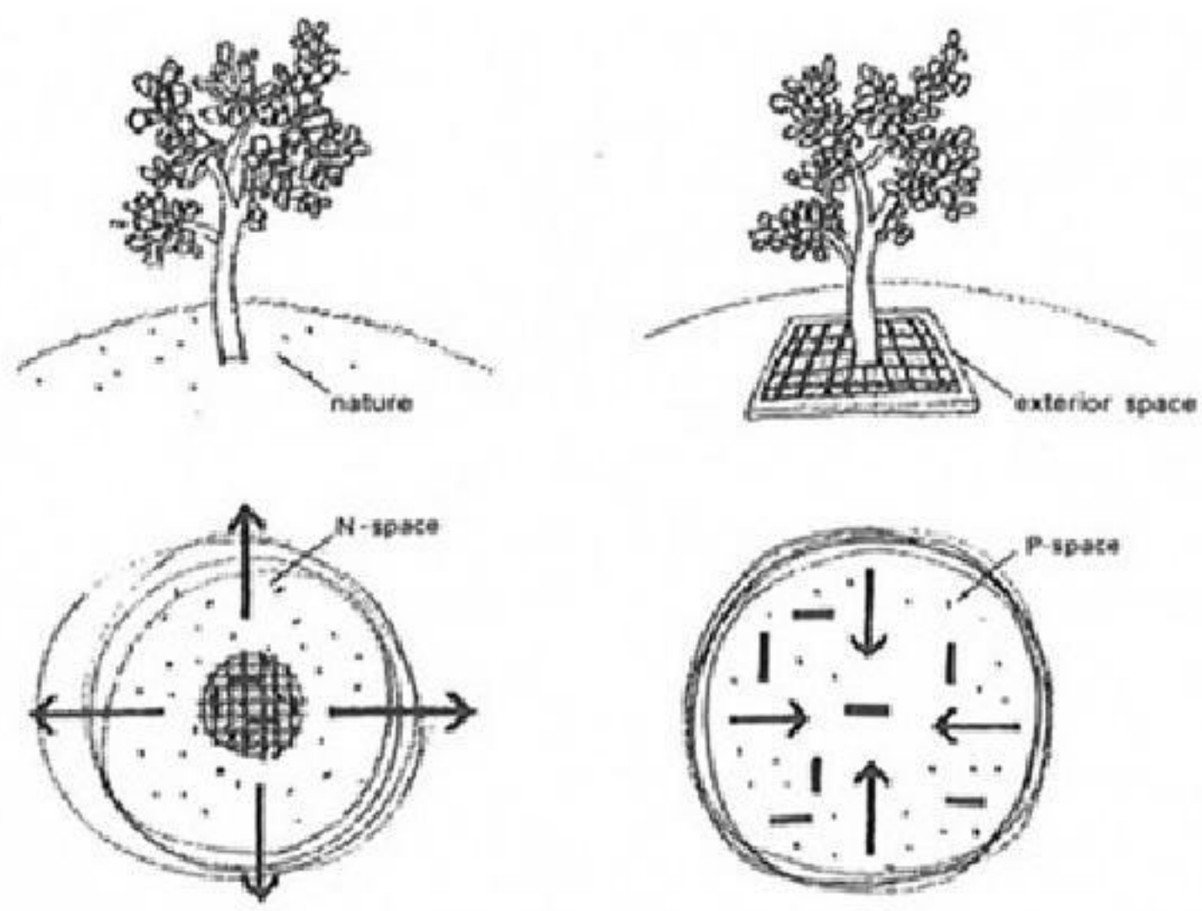

Sơ đồ của lối tiếp cận từng phần và tiếp cận tổng thể (Mỹ học đô thị Tokyo, Yoshinobu Ashihara, 1998)

c) Ý nghĩa của sự phát triển đa dạng

Nghiên cứu của Jane Jacobs đã làm rõ các kết nối cơ bản giữa địa điểm và đa dạng. Bà đưa ra quan điểm rằng sự đa dạng tương ứng với hình thái vật chất và các mô hình duy trì sự tương tác của con người - các mối quan hệ và mô hình của các mối quan hệ. Định nghĩa của bà về sự đa dạng bao gồm một kết hợp sử dụng, bao gồm nhiều loại trong "cơ hội văn hóa", bao gồm "một loạt những phong cảnh", và "một sự khác biệt rõ rệt trong dân cư và những người sử dụng khác" (Jacobs, 1961). Về ảnh hưởng của môi trường vật lý đối vớisự đa dạng của con người, bà đã khẳng định rằng: phẩm chất vật lý tạo ra sự đa dạng trong việc sử dụng và người sử dụng, và đó là cơ sở của một thành phố hoạt động tốt, quan trọng và lành mạnh. Các tiêu chí của bà về sự đa dạng là: *pha trộn cách sử dụng, pha trộn lứa tuổi, khối ngắn, mật độ* - là nguyên tắc hướng dẫn cho các nhà quy hoạch mới vực dậy các giá trị đô thị.

Sự đa dạng sẽ tạo nên một số điểm đặc trưng và là thế mạnh của khu vực như sau:

- Sức sống (kinh tế, hệ sinh thái và tính bền vững)
- Công bằng xã hội

Trong thiết kế đô thị, khi kiến tạo một nơi chốn, người ta cũng hay đề cập đến tính đa dạng bên cạnh những yếu tố khác như tính kết nối, tính thông suốt, tính rõ ràng (Ian Bentley, Giáo sư đại

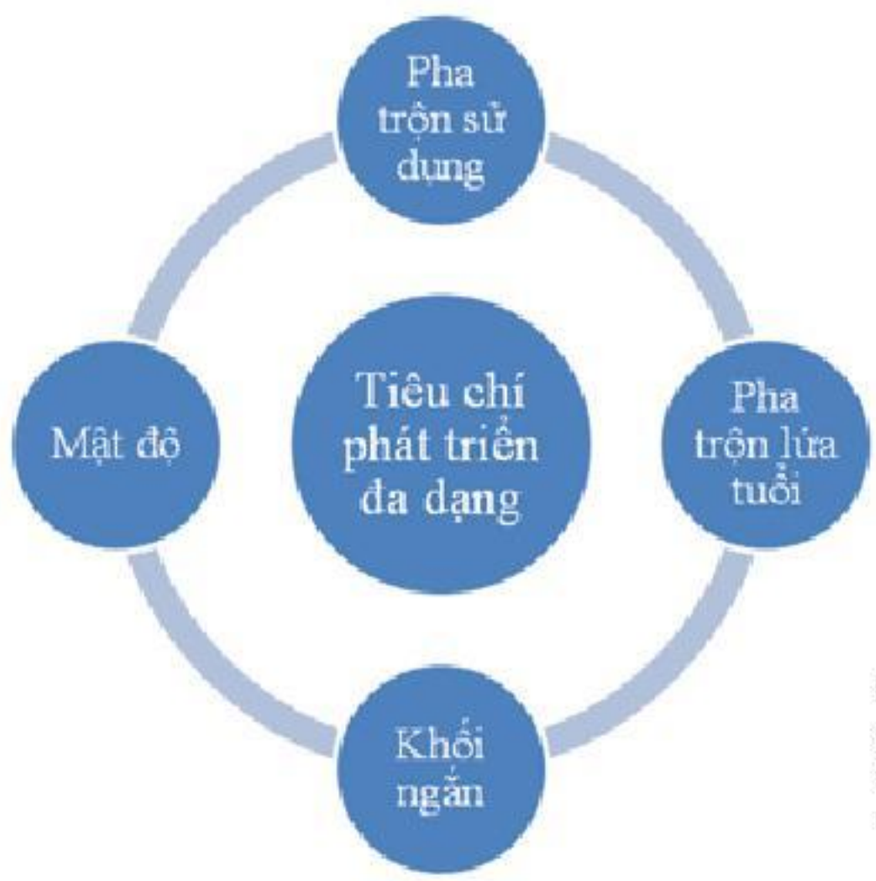

Bốn tiêu chí phát triển đa dạng của Jane Jacobs: pha trộn cách sử dụng, pha trộn lứa tuổi, khối ngắn, mật độ (1961)

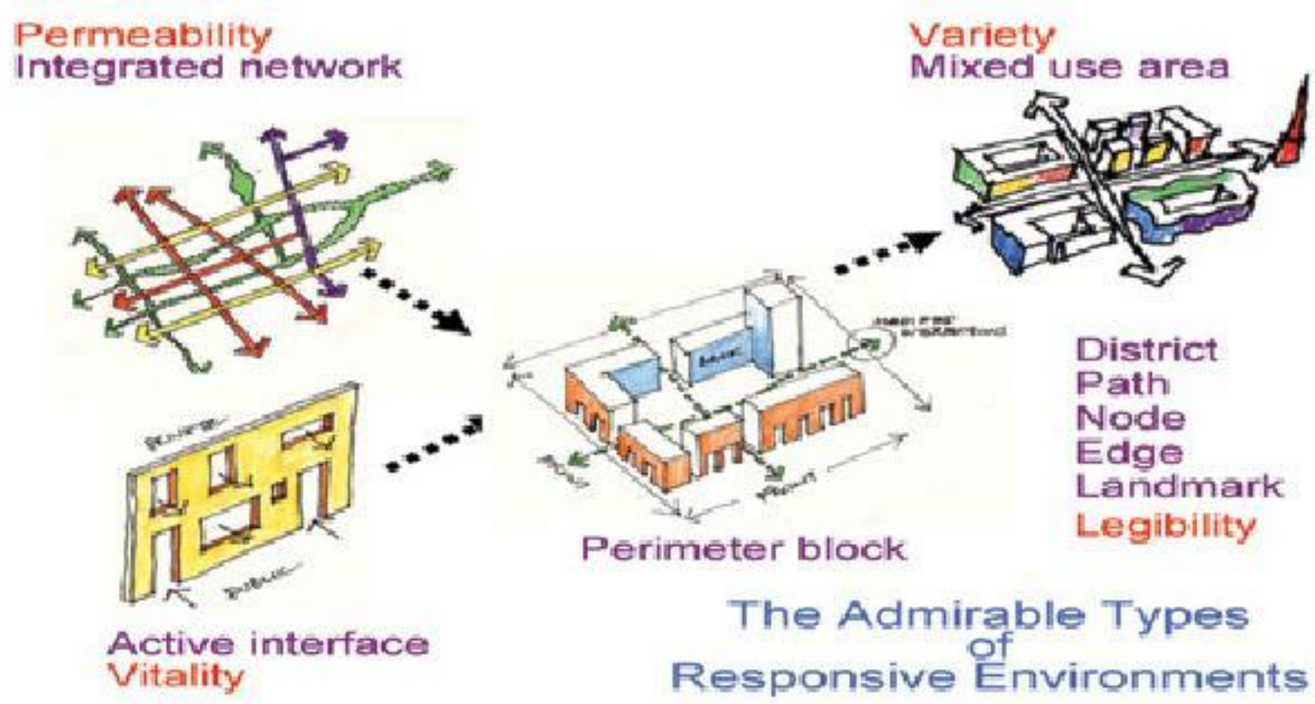

Các tiêu chí chất lượng hình thái cư trú: Thông suốt – Sức sống – Đa dạng – Rõ ràng (Responsive Environments – Ian Benley)

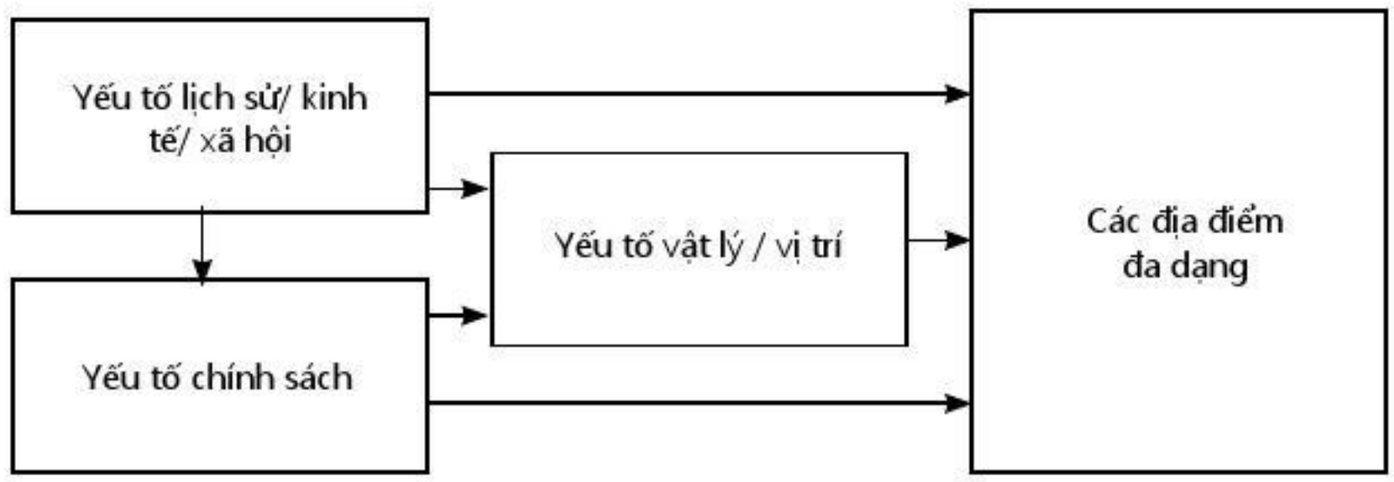

Khung khái niệm của các yếu tố phát triển đa dạng(Diversity, Emily Talen)

học Oxford-Thành viên sáng lập Urban Design Group, Anh) như là những yếu tố tạo nên chất lượng không gian đô thị. Có thể nói rằng tính đa dạng là một xu hướng phát triển tất yếu của đô thị hiện đại.

2. Khung khái niệm các yếu tố phát triển đa dạng

Trong khi không có định nghĩa rõ ràng về "khu vực đa dạng xã hội", người ta xem xét sự pha trộn các khu vực bằng chủng tộc / sắc tộc, mức độ thu nhập, tuổi tác, loại hình chức năng và yếu tố hình khối... Theo nghiên cứu về phát triển đa dạng cho thành phố. Chicago (Mỹ) của Emily Talen, một khu phố đa dạng có thể dựa trên ba yếu tố: lịch sử / kinh tế / xã hội, chính sách, và yếu tố vật lý / vị trí. Tất nhiên, những yếu tố này liên quan đến nhau. Yếu tố lịch sử / kinh tế / xã hội ảnh hưởng đến chính trị và các yếu tố lịch sử / kinh tế / xã hội và chính sách ảnh hưởng đến các yếu tố vật lý / vị trí. Những tương tác này được khái niệm hóa như sau:

3. Khái niệm đa dạng kiến trúc cảnh quan tuyến phố Thương mại dich vụ

a) Đa dạng kiến trúc cảnh quan:

Kiến trúc cảnh quan là yếu tố mang tính vật lý để góp phần tạo nên sự đa dạng. Trong kiến trúc cảnh quan đa dạng thì đặc điểm đầu tiên là không gian kiến trúc cảnh quan đa dạng. Ngoài ra còn có yếu tố đa dạng về hoạt động con người trong môi trường cảnh quan. Nếu so sánh với khung các yếu tố của sự đa dạng do Emily Talen đưa ra thì có sự tương đồng như sau:

- Yếu tố vật lý / vị trí : thể hiện qua các yếu tố không gian hình khối trong cảnh quan.
- Yếu tố lịch sử / kinh tế / xã hội, chính sách : thể hiện qua yếu tố hoạt động xã hội trong cảnh quan.

Như vậy, đa dạng kiến trúc cảnh quan bao gồm sự đa dạng của các yếu tố

+ *Đa dạng cảnh quan các yếu tố không gian hình khối;*

+ *Đa dạng cảnh quan các yếu tố hoạt động xã hội;*

Các tuyến phố thương mại-dịch vụ ở Thành phố Hồ Chí Minh có đầy đủ điều kiện để sự đa dạng cảnh quan hình thành, tồn tại và phát triển. Đây là một thực tại và là yếu tố quan trọng trong quá trình nghiên cứu phát triển không gian kiến trúc cảnh quan.

THỰC TRẠNG CỦA TUYẾN PHỐ THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ TP.HCM THÍCH ỨNG VỚI XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CẢNH QUAN

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị mang nhiều đặc trưng của Đô thị đa dạng, thỏa mãn các yếu tố đa dạng: ***Đa dạng không gian, đa dạng văn hóa*** *(Urban Diversity: Space, Culture, and Inclusive Pluralism in Cities Worldwide - Caroline Wanjiku Kihato, Blair A. Ruble, Mejgan Massoumi).* Vì vậy các tuyến phố thương mại-dịch vụ khu trung tâm cũ đô thị Tp.HCM cũng thể hiện tính đa dạng rất rõ nét.

1. Cảnh quan đa dạng của các yếu tố không gian hình khối

- *Kiến trúc (công trình, trang trí, giao thông, hạ tầng kỹ thuật):* Do ảnh hưởng của cả ba nền kiến trúc Pháp, Mỹ, Trung Quốc vì vậy có sự pha trộn giữa kiến trúc Đông-Tây và kiến trúc địa phương, nên cảnh quan kiến trúc vô cùng sinh động và đa dạng từ phong cách kiến trúc, đặc điểm hình khối, màu sắc, bảng hiệu ...Ngoài ra, hình thức kiến trúc còn phong phú vì có nhiều chức năng công trình khác nhau. có nhiều loại công trình thương mại dịch vụ từ cao cấp đến bình dân, có tổ chức đến tự phát... bên cạnh chức năng chính là thương mại-dịch vụ thì hầu hết các tuyến phố còn mang nhiều chức năng khác (ở, hành chính, văn hóa, giáo dục). Các tranh tượng trang trí thường xuyên và tạm thời cũng khá phổ biến. Hình thái cấu trúc không gian tuyến phố cũng bao gồm nhiều hình thức chia lô, hỗn hợp, cao tầng, thấp tầng... Các yếu tố tạo hình ảnh đô thị như nút, điểm, khu vực, cạnh biên ở hầu hết các tuyến phố đều thể hiện rất rõ ràng, sống động. Các tuyến giao thông phân làn và không phân làn, đi bộ và cơ giới đan xen nhau cũng khá đa dạng.
- *Mặt nước:* do có hệ thống kênh rạch chằng chịt, các phố chợ đa phần đều được hình thành tại các bến sông, nên cảnh quan mặt nước rất phổ biến. Tuy nhiên hiện nay các kênh rạch đã bị san lấp rất nhiều. Đây là một nét đặc trưng quý giá cần phôi phục trong tương lai để trả lại tính đa dạng vốn có của cảnh quan mặt nước Tp.HCM. Hiện nay chính quyền Tp.HCM cũng đã có định hướng khai thông, nạo vét các tuyến kênh còn lại thay vì san lấp như trước.

+ *Cây xanh:* Hệ thống cây xanh, đặc biệt là cây bóng mát tại các tuyến phố trung tâm vô cùng đa dạng và có giá trị cảnh quan cao. Cây xanh trang trí gần đây cũng bắt đầu được trồng trên một số tuyến phố và cho thấy sự thích ứng của khá nhiều loại cây đối điều kiện tự nhiên Tp.Hồ Chí Minh.

- *Địa hình* : Về mặt địa hình tự nhiên lớn là khá bằng phẳng, không có sự phong phú đa dạng. Tuy nhiên trong một

www.ashui.com

số công trình trung tâm như Kumho, Vincom đã tạo được một số dạng địa hình nhỏ làm cảnh quan sinh động hơn.
- *Không gian trống:* Không có các không gian trống lớn, nhưng có nhiều không gian trống nhỏ được tạo bởi các quảng trường nhỏ, công viên mini, vỉa hè lớn, đảo giao thông và các khu đất dự án chưa thực hiện... tạo các không gian mở nhỏ xen kẽ trên các tuyến phố.

2. Cảnh quan đa dạng của các yếu tố hoạt động xã hội

- *Hoạt động giao thông:* Các hoạt động chức năng khác của tuyến phố như hoạt động giao thông hầu hết cũng có sự pha trộn giữa nhiều loại hình tổ chức giao thông trên cùng một tuyến phố (một chiều, hai chiều, phân làn...) và phương tiện giao thông (cá nhân, công cộng). Ngoài ra, hoạt động giao thông cũng có nhiều thay đổi theo các thời gian trong ngày, trong tháng hay trong năm về mật độ tham gia giao thông, thời gian, phương tiện...
- *Hoạt động kinh tế:* Các hoạt động kinh tế trên các tuyến phố thương mại trung tâm hầu hết đều rất phong phú, đa dạng. Hầu như ít có tuyến phố nào chỉ có một loại hình chức năng công trình, mà hầu hết đều có sự có mặt của các loại hình thương mại khác nhau, từ trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng cho đến bán hàng rong, các loại dịch vụ từ bình dân đến cao cấp...
- *Hoạt động văn hóa- xã hội:* Do các cộng đồng cư dân gốc Hoa khá đông đảo sống hòa hợp cùng người Việt từ mọi miền đất nước hội tụ về đây sinh sống, hình thành nên khu chợ lớn (China Town) khiến cho đời sống văn hóa xã hội Tp.HCM hết sức phong phú. Hiện nay với chính sách kinh tế xã hội cởi mở và sự hình thành các khu ở hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế tiếp tục thu hút thêm một số lượng lớn người Nhật, Hàn Quốc và các nước khác đến sinh sống, lập nghiệp. trên các tuyến phố thương mại khu trung tâm cũ thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện rất nhiều cửa hàng của người nước ngoài, thậm chí có những tuyến phố hầu hết đều là các cửa hàng do người nước ngoài lập ra, bán các mặt hàng ngoại nhập, và đối tượng khách hàng cũng phần lớn là người ngoại quốc. Các hoạt động khác như: du lịch, dạo chơi, thư giãn, nghiên cứu, học tập... cũng thường xuyên diễn ra.

3. Sự cần thiết của việc phát triển đa dạng kiến trúc cảnh quan tuyến phố thương mại dịch vụ Tp.Hồ Chí Minh

Qua thực trạng đô thị Tp.HCM cho thấy đây là một đô thị có sự pha trộn của nhiều nền văn hóa, phong cách kiến trúc và lối sống khác nhau. Điều này khiến cho đô thị Tp.HCM hội tụ nhiều đặc trưng của Đô thị đa dạng, thỏa mãn các yếu tố đa dạng về: ***Đa dạng không gian, đa dạng văn hóa***. Quá trình phát triển theo xu hướng đa dạng cũng đã và đang diễn ra rất sôi động, tạo nên nhiều không gian và tuyến phố thương mại dịch vụ mang đặc trưng khác nhau. Tuy nhiên, việc phát triển này cho đến nay vẫn mang tính tự phát, thiếu sự quản lý và định hướng gây nên một số hệ quả xấu đối với cảnh quan và đời sống cư dân đô thị.

Các nghiên cứu lý luận về phát triển đa dạng cảnh quan cũng cho thấy xu hướng phát triển đa dạng cũng đang là xu hướng phát triển tất yếu và phù hợp với những đô thị có môi trường văn hóa, kinh tế và cảnh quan pha trộn đa dạng, phức tạp tương tự như đô thị Tp.HCM. Việc duy trì và phát triển tính đa dạng trong những đô thị loại này không chỉ giúp giữ gìn đặc trưng đô thị mà còn làm tăng thêm sự công bằng và ổn định xã hội. Ở một số đô thị châu Á, tính đa dạng được hình thành tự nhiên và duy trì một các hữu hiệu đang được xem là thành công đáng học tập đối với các đô thị khác trên thế giới (*Quy hoạch đô thị theo đạo lý châu Á, William S.W.Lim, 2007*). Ở một số đô thị Châu Âu và Mỹ, đã có sự nhìn nhận lại về các lý thuyết đô thị hiện đại và khích lệ xu hướng chuyển đổi từ phương thức quy hoạch "khuôn mẫu" sang quy hoạch "đa dạng, thích ứng" (*The Death and Life of Great American Cities - Jane Jacorbs, 1961*). Trong quá trình chuyển đổi mô hình đô thị để thích ứng với những biến đổi xã hội của các quốc gia từ Đông sang Tây đã đem lại nhiều bài học quý giá. Một số đô thị đã có sự thay đổi theo các mô hình đô thị đa dạng, linh hoạt và hoạt động hiệu quả như *"Tiếp cận từng phần"* (Tokyo, Nhật Bản), *"Hướng đến lý tưởng đa dạng"* (Mỹ), *"Rộng mở và linh hoạt"* (HongKong). Trong khi đó, một số đô thị trong quá trình chuyển đổi đã phải chịu những tổn thất nhất định cho sự trì trệ hay bắt chước rập khuôn lối quy hoạch cứng nhắc, kém linh hoạt hay linh hoạt quá mức như *"cuộc chiến cho công bằng xã hội"* (Paris, London), *"Phá hủy và làm lại"* (Singapore), *"Khoan dung để cùng tồn tại"* (Bangkok) (*William S.W.Lim, Quy hoạch đô thị theo đạo lý Châu Á, 2007*)

HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN TUYẾN PHỐ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TP.HỒ CHÍ MINH

Từ lý luận và thực tiễn cho thấy để xây dựng mô hình phát triển đa dạng kiến trúc cảnh quan tuyến phố thương mại dịch vụ tại khu trung tâm cũ Tp.HCM, đầu tiên cần đánh giá đặc trưng đa dạng cảnh quan để chắc chắn rằng các khu vực nghiên cứu nào có đặc tính đa dạng cảnh quan mang lại giá trị cảm thụ cao, các yếu tố hình thái nào tạo nên đặc tính đa dạng cảnh quan đó; tiếp theo là xây dựng các tiêu chí để duy trì và phát triển đặc tính đa dạng đó của khu vực, cuối cùng là tạo sự kết nối giữa đặc tính sẵn có và tiêu chí phát triển để xây dựng mô hình. Vì vậy, trình tự nghiên cứu mô hình phát triển đa dạng cảnh quan tuyến phố thương mại dịch vụ Tp.HCM cần bao gồm các bước nghiên cứu sau:

(1) Đánh giá đặc trưng đa dạng cảnh quan tuyến phố;

(2)Xây dựng hệ thống tiêu chí phát triển đa dạng cảnh quan;

(3) Xây dựng mô hình phát triển đa dạng cảnh quan ■

Khu đô thị One North Singapore, *nguồn: west8.com*

Phát triển thành phố tri thức
bài học từ các đô thị trên thế giới

KTS **NGUYỄN HOÀNG LINH**
Viện nghiên cứu không gian đô thị, Đại học Southeast, Trung Quốc

Thế kỷ 20 chứng kiến sự thăng trầm và những đột phá của các đô thị trên thế giới, quá trình toàn cầu hóa làm mờ đi sức ảnh hưởng của địa giới hành chính, biên giới lãnh thổ và mở rộng cánh cổng thương mại, giao dịch giữa các quốc gia và các vùng kinh tế. Các nước phát triển tìm ra những cơ hội đầu tư ở những thị trường mới phía bên kia đại dương. Lần lượt Mỹ rồi các nước Tây Âu chuyển cơ sở sản xuất công nghiệp của họ sang Mỹ Latinh, Trung Quốc, hay Đông Nam Á ~ những quốc gia theo đuổi mục tiêu công nghiệp hóa, có thị trường tiêu thụ lớn và nguồn nhân công giá rẻ. Tuy vậy, sự thiếu hụt các cơ sở sản xuất công nghiệp trong nước khiến các quốc gia phát triển gặp nhiều khó khăn trong việc vực dậy nền kinh tế sau khủng hoảng dẫn đến nạn thất nghiệp diễn ra ở nhiều nơi trên lục địa già.

Tại châu Á, sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, HongKong, Singapore và các nước Trung Đông đã và đang làm giảm đi lực cạnh tranh của các quốc gia Tây Âu trên trường quốc tế. Vùng đô thị Tokyo và HongKong dần trở thành những khu vực kinh tế lớn thứ 2, thứ 3 trên thế giới - quy tụ nguồn lực tài chính toàn cầu, có sức cạnh tranh mạnh mẽ và sức hút lớn đối với nguồn lao động tri thức. Ở hướng nhìn khác, đoàn tàu kinh tế Trung Quốc cũng đang lớn mạnh hơn bởi sức kéo của những đầu tàu mạnh mẽ, đặc biệt là những thành phố quốc tế hóa như Thượng Hải, Bắc Kinh hay Thẩm Quyến. Năng lực cạnh tranh của những thành phố này không còn dựa trên nguồn nhân công giá rẻ mà xuất phát từ những ngành công nghiệp chế tạo với lợi thế của một thị trường quốc nội rộng lớn.

Đứng trước những thách thức đến từ nền kinh tế dần chững lại và sự lớn mạnh của các đối thủ cạnh tranh, nhiều thành phố

www.ashui.com

tại Mỹ và châu Âu đã tiến hành tái cơ cấu nền kinh tế dựa vào những ưu thế của họ là nguồn tri thức chuyên sâu (knowledge intensive) và sức sáng tạo đột phá (high-quality innovation). Đó là ý tưởng nhằm chuyển hóa nguồn trí tuệ và sáng tạo từ giáo dục và nghiên cứu nhằm ứng dụng vào các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành công nghiệp hay công nghệ thông tin.Ra đời cuối thế kỷ 20, học thuyết kinh tế tri thức (knowledge economy) sau đó đã trở thành nền tảng cơ bản cho sự phát triển của những thành phố tri thức tại phương tây, đến nay mô hình này đã được vận dụng và phát triển tại nhiều đô thị trên toàn thế giới.

Khái niệm thành phố tri thức (knowledge city) ra đời từ những năm 90 của thế kỷ 20 tại các quốc gia phát triển, nơi mà quá trình đô thị hóa đã đạt đến mức thành thục. Đó là đường lối phát triển mới được xây dựng nên nền tảng của lý luận kinh tế tri thức(KBUD), đánh dấu sự chuyển mình của các đô thị trên thế giới nhằm gia tăng vị thế cạnh tranh về tài chính và nhân lực trên trường quốc tế. Mô hình kinh tế tri thức nhấn mạnh việc chuyển hóa các nguồn trí tuệ trong đô thị trở thành động lực phát triển thông qua việc kết nối những hạ tầng văn hóa giáo dục sẵn có với nền kinh tế và các ngành sản xuất nhằm xây dựng nên một hệ thống gắn kết chặt chẽ, bao gồm: nghiên cứu – sản xuất – không gian đô thị và chất lượng đời sống.

Diễn đàn thành phố tri thức tại Barcelon năm 2004 (Knowledge City Manifesto) đúc kết: thành phố tri thức thành công

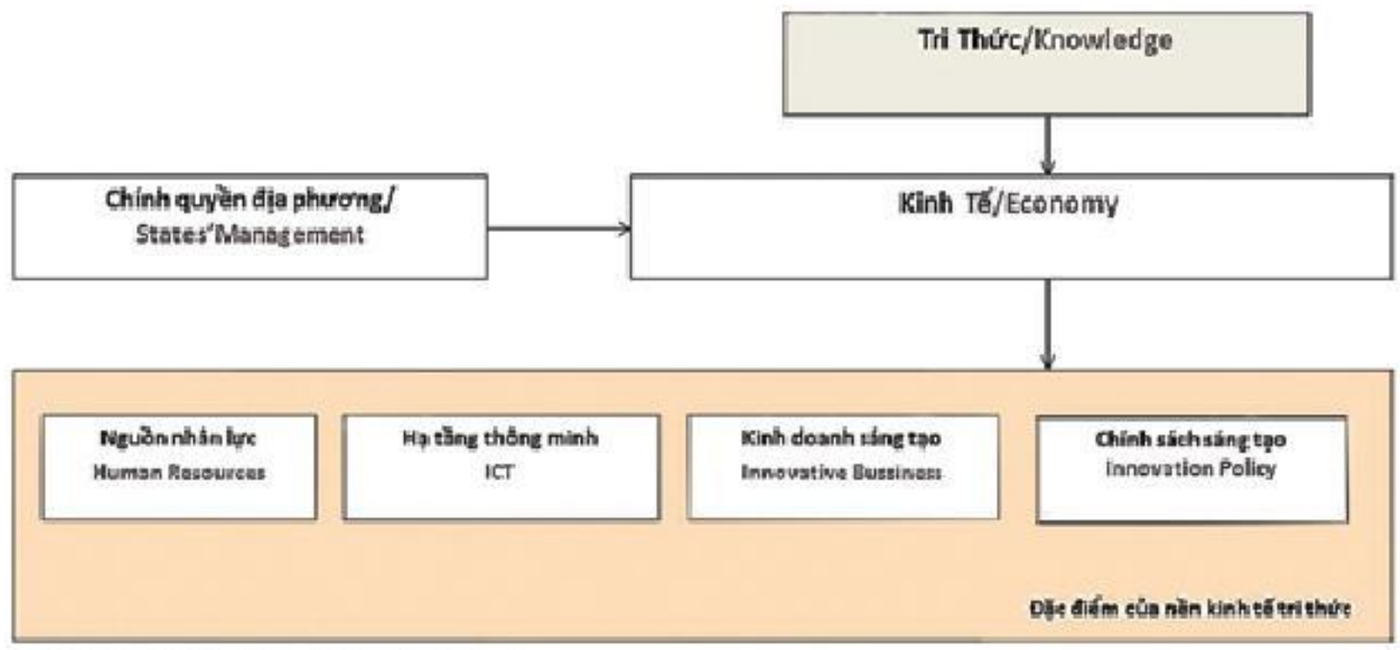

Mô hình khái niệm kinh tế tri thức

cần có kết cấu kinh tế vững chắc dựa trên nền tảng trí tuệ và nền văn hóa đa dạng. Đó là những đô thị quy mô tầm trung song có sự tương tác với toàn cầu, chất lượng đời sống cao, bản sắc không gian của đô thị gắn liền với tri thức.

Những đặc điểm của thành phố tri thức

1. Thành phố được hình thành trên nền tảng hệ thống giáo dục đào tạo đẳng cấp quốc tế và được vận hành, phát triển bởi nền kinh tế tri thức. Đó là hệ thống có sự tương tác mạnh mẽ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và các khu sản xuất, chế tạo.
2. Thành phố tri thức được cấu thành bởi một xã hội dân trí cao, trong đó trí tuệ và tư duy sáng tạo là yếu tố chính tạo nên hình ảnh của đô thị.
3. Thành phố tri thức có sức hút và lực canh tranh mạnh mẽ trên trường quốc tế.Thông thường, các thành phố này tạo ra những nguồn việc làm hấp dẫn để thu hút nguồn lao động chất xám trên toàn cầu.
4. Chất lượng sống trong thành phố tri thức thường đạt tiêu chuẩn rất cao, đô thị được xây dựng trên cơ sở hạ tầng xã hội phong phú, nơi tri thức hiện diện trên mọi nẻo đường phố, tại không gian công cộng hay trong các thư viện, bảo tàng.Toàn thành phố được kết nối với cổng thông tin mở thông qua mạng lưới công nghệ thông tin hiện đại.

BÀI HỌC TỪ CÁC THÀNH PHỐ TRI THỨC TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI

1.Boston-Phát huy tài nguyên trí tuệ gắn với ngành công nghiệp tri thức

Boston là thủ phủ bang Massachusetts miền đông bắc nước Mỹ, đồng thời là thành phố cảng khẩu lớn nhất khu vực này. Thành phố Boston có diện tích 121.7 km² với quy mô 636 nghìn dân, quy tụ 16 trường đại học danh tiếng như đại học Harvard, M.I.T và nhiều trung tâm nghiên cứu đầu não quốc gia như trung tâm nghiên cứu ứng dụng điện tử thuộc cơ quan hàng không vũ

Thành phố Boston, Hoa Kỳ, *nguồn :Wikipedia*

trụ Mỹ (NASA) hay viện nghiên cứu khoa học quốc gia (NAS)...
Là đô thị đầu tiên được xây dựng bởi các tín đồ cơ đốc giáo di dân từ châu âu (1627), Boston nổi tiếng với bề dày lịch sử, văn hóa và giáo dục, tuy vậy sau chiến tranh thế giới thứ hai, tình trạng kinh tế của thành phố lại không hề khởi sắc. Năm 1958, chính quyền Boston bắt tay thực hiện cuộc quy hoạch cải cách thành phố với quy mô lớn. Song sự phát triển không gian của đô thị này chịu nhiều hạn chế từ dải núi phía tây, do đó, Boston không thể tận dụng tài nguyên đất đai như một lợi thế cạnh tranh. Giai đoạn những năm 70 của thế kỷ 20, nền kinh tế thành phố không ngừng tuột dốc, mãi đến những năm 80, sự phát triển của các ngành khoa học kỹ thuật đem đến những cơ hội mới, đi đầu là sự ra đời của khu khoa học công nghệ 128 (Route 128). Sự đột phá này đã vực dậy Boston, tỷ lệ thất nghiệp của thành phố giảm từ 15% xuống còn 3,5% trong khi mức thu nhập bình quân từ top những thành phố thu nhập thấp đã vượt qua mức trung bình của nước Mỹ. Bước vào những năm 90 thế kỷ 20, dưới sự vận hành của nền kinh tế tri thức, Boston chuyển mình trở thành một đô thị phồn thịnh, nền kinh tế tăng trưởng đều đặn và dần trở thành trung tâm kinh tế đồng thời dẫn dắt sự phát triển của các thành phố lân cận trong khu vực New England.
Thành công của Boston trên con đường chuyển hóa trở thành thành phố tri thức là thành quả của việc phối hợp chặt chẽ giữa tài nguyên tri thức và các ngành công nghệ. Các giáo sư và sinh viên tích cực hợp tác với các doanh nghiệp trong khu vực nhằm chuyển hóa những nghiên cứu khoa học của họ ứng dụng vào thực tiễn. Các tập đoàn và tổ chức chính phủ (đặc biệt là chính phủ liên bang)như bộ quốc phòng hay NAS đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua những khoản đầu tư để nghiên cứu, thí nghiệm và tổ chức triển lãm. Nhiều nghiên cứu sau đó được chuyển hóa thành sản phẩm và đưa ra thị trường. Mô hình kinh tế tri thức tại Boston là ví dụ điển hình

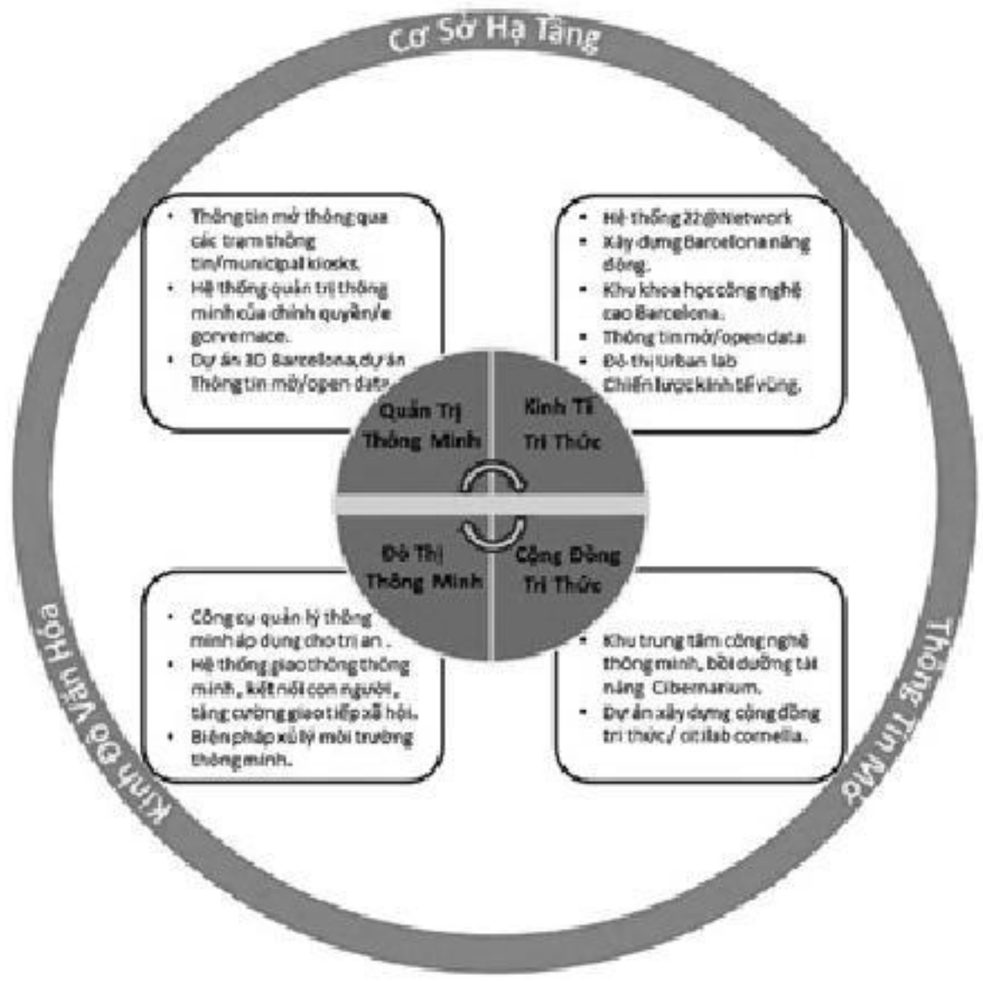

Mô hình kinh tế tri thức tại Barcelona. *Nguồn: morethangreen.es*

Thành phố Barcelona, Tây Ban Nha, *nguồn :prweb.com*

Dự án khu đô thị 22@Barcelona, *nguồn: morethangreen.es*

về việc vận dụng tài nguyên trí tuệ nhằm thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thành phố, cùng với thung lũng Silicon, khu công nghệ Route 128 trở thành biểu tượng cho trí tuệ và tính sáng tạo của nước Mỹ.

2.Barcelona- cơ chế quản lý thông minh của chính quyền đô thị (smart governance)

Barcelona được mệnh danh là kinh đô văn hóa và là một trong những thành phố thông minh (smart city) đầu tiên của châu Âu. Năm 1999, Hội đồng nhân dân thành phố thông qua quy hoạch phát triển chiến lược dựa trên nền tảng của mô hình kinh tế tri thức. Dưới sự dẫn đường và tích cực vận động của chính phủ, kế hoạch này đã thu hút sự tham gia của 160 vạn cư dân và hơn 200 tổ chức xã hội. Chính quyền thành phố đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức mô hình cộng tác đa phương với sự tham gia của

www.ashui.com

các tập đoàn, doanh nghiệp cá nhân và các viện nghiên cứu, qua đó phát huy nguồn lực xã hội xây dựng nên hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông minh (ICT), đồng thời nâng cao chất lượng sống của đô thị với cơ sở giao thông, giáo dục và dịch vụ y tế hiện đại.
Khu đô thị thông minh 22@Barcelona là hạng mục tiêu biểu cho hình ảnh đô thị tri thức. Dự án đã chuyển hóa khu công nghiệp cũ với diện tích 200 hecta trong trung tâm thành phố trở thành khu vực giàu sức sáng tạo và thu hút nguồn lao động trí tuệ bậc nhất châu Âu. Dưới nỗ lực của chính quyền thành phố, các trường đại học, viện nghiên cứu, cùng với nhiều tập đoàn danh tiếng đã thành lập cơ sở trong phạm vi dự án. Đến nay, dự án đã tạo ra hơn 55.000 cơ hội việc làm, hơn 4000 đơn vị ở với tổng cộng hơn 1500 công ty và viện nghiên cứu, 12 trường đại học và trung tâm giáo dục.
Sự thành công của dự án khu đô thị 22@Barcelona được tổng kết bởi 3 điểm:
(1) Sự phối hợp chặt chẽ, đa phương giữa doanh nghiệp, cộng đồng và các trường đại học.
(2) Khu đô thị được xây dựng trên cơ sở hạ tầng thông minh bao gồm hệ thống wifi phủ kín đô thị, kho dữ liệu mở (open data), hệ thống nhiệt năng hiện đại cùng với nhiều không gian triển lãm ngầm.
(3) 22 @Barcelona có sự liên kết cao giữa công nghệ và không gian đô thị. Các ứng dụng khoa học mới sẽ được ưu tiên áp dụng trong phạm vi đô thị trước khi chuyển hóa thành sản phẩm đem bán ra thị trường, mô hình này giúp các nhà đầu tư tránh được những rủi ro của sản phẩm mới, đồng thời giúp các nhà khoa học có được sự thử nghiệm chân thực và phản hồi từ thực tiễn. Các ý tưởng thiết kế và thành quả nghiên cứu giúp tăng cường chất lượng không gian trong thành phố, ví dụ như các sản phẩm chiếu sáng đô thị hay các công nghệ cảm ứng, hệ thống xe đạp điện được ứng dụng trực tiếp vào các không gian công cộng phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân.

3.Melbourne- quốc tế hóa, **đa dạng hóa nền kinh tế**

Những năm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21, sự phát triển của các thành phố lớn tại Australia chuyển hóa từ hướng công nghiệp chế tạo sang kinh tế tri thức.
Tại Melbourne, cùng với quá trình phát triển của không gian đô thị, lượng lao động tri thức tập trung chủ yếu ở lõi trung tâm thành phố. Từ những năm 1990,chính phủ đã nhận ra tiềm năng tri thức sẵn có này của Melbourne.
Thông qua quy hoạch đô thị(2010) và chiến lược phát triển vùng đô thị Melbourne (tầm nhìn 2030), chính quyền Melbourne thể hiện tham vọng trở thành một thành phố quốc tế hóa với nền hạ tầng kỹ thuật thông minh (ICT) nhằm thu hút nhân tài và những hạng mục đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó thành phố chú trọng phát triển chất lượng đời sống và nâng tầm hình ảnh đô thị thông qua việc nâng cấp chất lượng giáo dục và phát huy tính đa dạng trong văn hóa thành phố.
Yếu tố đầu tiên đem lại thành công cho thành phố tri thức Melbourne là việc xây dựng nên hệ thống các cụm kinh tế công nghiệp đa ngành, thu hút giới đầu tư toàn cầu. Chiến lược phát triển vùng kinh tế Melbourne(2030) chỉ ra rằng :cơ hội cạnh tranh được mở rộng cho các doanh nghiệp trên phạm vi quốc tế. Các ngành công nghiệp tập trung phát triển thành những cụm công nghiệp trọng điểm, chiếm diện tích lãnh thổ lớn và vị trí giao thông tiện lợi. Lõi trung tâm Melbourne được định hướng phát triển thành khu vực thương mại, giải trí với chất lượng sống cao.
Nhằm duy trì sự phồn thịnh và phát huy tính bền vững của nền kinh tế, chính phủ Melbourne đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển và quỹ trợ giúp dành cho những tập đoàn quốc tế có quy mô vừa và nhỏ (MCC,2003). Đến nay, Melbourne có được nền kinh tế tri thức với sự quy tụ của nhiều ngành công nghệ sản xuất tiên tiến và những viện nghiên cứu có chiều sâu bậc nhất khu vực kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương. Các ngành kinh tế và cơ sở nghiên cứu ở Melbourne bao gồm các lĩnh vực như công nghệ nano, công nghệ sinh học, tự động hóa, khoa học hàng không, hóa học, tài chính và thiết kế. Kinh tế tri thức được duy trì trên nền tảng của 8 trường đại học danh tiếng, đồng thời liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu sáng tạo với các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu như :Toyota, NEC,Ford,GE Money hay IBM...

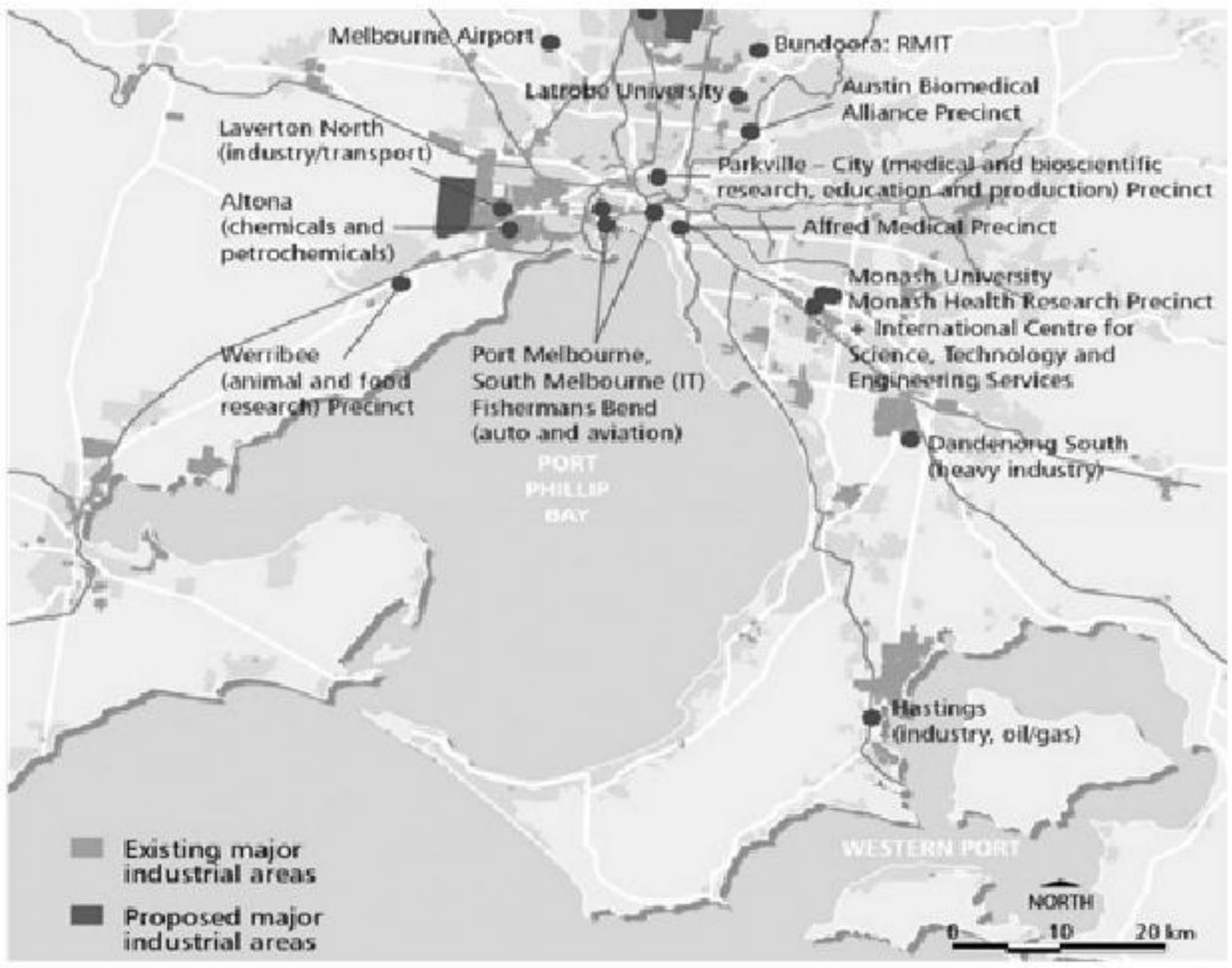

Bản đồ phân bố các cụm công nghiệp tại Melbourne, *nguồn: Victorian government*

4.Singapore- nâng cao hình ảnh thành phố từ các hạng mục tri thức

Singapore là thành phố không ngừng cải cách và sáng tạo trong khu vực Đông Nam Á. Năm 2001, quốc đảo này khởi công xây dựng khu đô thị1 One North với mục tiêu phát triển thành phố tri thức và nâng cao chất lượng sống của không gian đô thị. Dự án có tổng diện tích 200 hecta với thời hạn 20 năm được phân làm ba giai đoạn với định hướng xây dựng thành một đô thị giàu tính nhân văn, trong đó con người có đủ thời gian để suy ngẫm và học hỏi từ công việc và cuộc sống. Tại One North, mọi người có thể đi bộ đến nơi làm việc, không gian công cộng được tận dụng dành cho những buổi tụ tập bạn bè hay ăn trưa cùng đồng nghiệp, không gian trở thành nơi gắn kết con người, tạo nguồn cảm hứng cho giới lao động tri thức giao lưu, suy ngẫm và sáng tạo. Sự thành công của One North trong việc chuyển hóa thành đô thị tri thức được đúc rút bởi 3 điểm:

(1) Đô thị sinh thái- One North bao gồm nhiều trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm sinh học, đồng thời ứng dụng nghiên cứu đó cải tạo môi trường sống và trong các tòa kiến trúc xung quanh.

(2) Cơ sở hạ tầng thông minh (ICT) giúp One North có sự kết nối cao với những nguồn thông tin mở.

(3) Sự kết hợp hài hòa giữa quần thể các kiến trúc lịch sử được bảo tồn và các công trình mới đa công năng (mixed use) gồm kách sạn, căn hộ, văn phòng, giải trí, tạo nên không gian văn hóa đa dạng phong phú, đồng thời giữ gìn cảm nhận nơi chốn trong đô thị.

Khái niệm thiết kế của hạng mục này được những nhà quy hoạch khu đô thị biểu đạt bởi thuật ngữ "DOBE", viết tắt của "Doing- Being" nghĩa là công việc và cuộc sống, được thể hiện thông qua việc sử dụng đất phức hợp và những công trình kiến trúc đa năng. Ngoài những cơ sở hạ tầng dành cho công nghiệp, văn phòng và dân cư, One North còn bao gồm các câu lạc bộ, khu cà phê giải trí, đối tượng phục vụ là các nhà nghiên cứu, nhà nghệ thuật, giới kinh doanh và viên chức. .v..v. One North là một hạng mục đậm chất đô thị tri thức, nó thể hiện khao khát không ngừng sáng tạo, không ngừng phát triển và ước vọng cạnh tranh của một thành phố Đông Nam Á trên trường quốc tế.

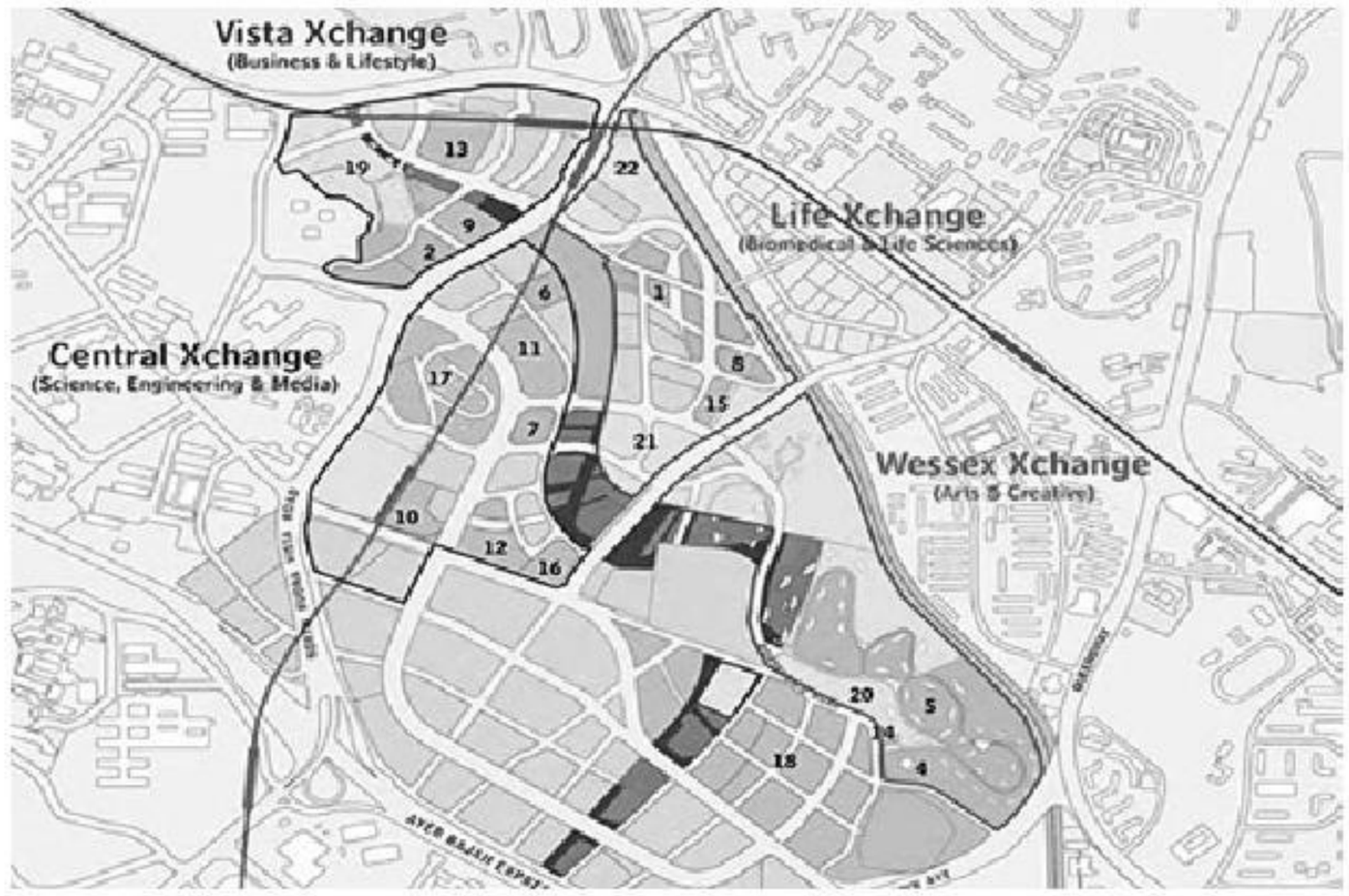

Bản đồ ý tưởng khu đô thị One North Singapore, *nguồn: singapore.digipen.edu*

Kết luận

Phát triển đô thị theo mô hình kinh tế tri thức là hướng đi đột phá và bền vững mà nhiều đô thị trên thế giới đã và đang áp dụng. Trong số đó, một số thành phố đã vượt lên trở thành những đô thị dẫn đầu với hình thành bản sắc riêng thông qua việc vận dụng linh hoạt lý luận kinh tế tri thức vào thực tiễn và phát huy những giá trị vốn có trong đô thị. Một thành phố tri thức cần được xây dựng trên cơ sở hài hòa mối tương quan giữa giữ gìn văn hóa truyền thống và nhu cầu phát triển. Cá tính riêng của thành phố được phản ánh thông qua hình ảnh không gian đô thị, chất lượng sống và tập quán sinh hoạt của người dân, cùng với đó là văn hóa lịch sử, sức sáng tạo và khả năng tương tác của đô thị với thế giới. Gây dựng thành phố tri thức có bản sắc là một quá trình lâu dài đòi hỏi sự định hướng đúng đắn, chiến lược phát triển dài hơi và sự tìm tòi những lối đi riêng trên một nền tảng lý luận chung. Thành phố tri thức cần được hình thành trên mô hình tiếp cận đa phương với những nguồn lực của thị trường, tham gia của công chúng, hỗ trợ của chính quyền, thiết kế không gian của giới kiến trúc quy hoạch và sự vận động của các tổ chức xã hội. Mô hình này nhấn mạnh sự hợp tác, trong đó mỗi nhân tố đều có lợi ích và trách nhiệm duy trì sự tuần hoàn của tri thức đô thị.Trong hệ thống tuần hoàn đó, chính quyền đô thị là mắt xích quan trọng đóng vai trò hoạch định chiến lược phát triển chung đồng thời tạo cầu nối để hỗ trợ sự tương tác của các nhân tố. Điều đó đòi hỏi chính quyền từ trung ương đến địa phương phải chủ động và linh hoạt, đồng thời có cơ chế thông thoáng nhằm kích thích thị trường và hỗ trợ doanh nghiệp, thay vì quản lý đơn phương theo chiều dọc mang nặng tính áp đặt. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

(1) Gert-Jan Hospers, 2003, Creative cities in Europe -urban competitiveness in the knowledge economy,urban area.
(2) Klaus R. Kunzmann,2010, Knowledge cities in Europe knowledge industries and urban development.
(3). Yigitcanlar, Tan A. (2007) The making of urban spaces for the knowledge economy, Knowledge cities: Future of cities in the knowledge economy, pagespp. 73-97, Malaysia.
(4) Tuba Bakıcı&Esteve Almirall&Jonathan Wareham 2012, A Smart City Initiative: the Case of Barcelona, Springer Science.
(5) Yigitcanlar, Tan A, 2008, The making of knowledgecities:Melbourne's knowledge-based urban development experience,Cities.
(6) Kęstutis Kriščiūnas, Rasa Daugėlienė, 2006, The assessment models of knowledge-based economy penetration, Engineering economics. 2006 No 5.

Đối thoại chính sách với chủ đề "Quyền có chỗ ở phù hợp: Vai trò của cộng đồng đô thị trong tiến trình phát triển nhà ở" vào ngày 13/5/2014, tại Hà Nội

Quyền Nhà ở

Chiến lược quy mô toàn thành phố về nâng cấp và nhà ở dựa vào cộng đồng

SOMSOOK BOONYABANCHA
Tổng Thư Ký Liên Minh Châu Á về quyền Nhà Ở

Quyền Nhà ở là một trong những hoạt động trọng tâm của Liên Minh Châu Á về Quyền Nhà Ở (viết tắt là ACHR) ngay từ thời gian đầu thành lập năm 1988 cho đến ngày hôm nay. Tất cả các cá nhân và các nhóm hình thành tổ chức liên minh đều khẳng định vấn đề then chốt này: Rằng, mọi người dân ở các thành phố châu Á không nên bị tước quyền được sống trong các căn nhà thích hợp, cần phải chấp nhận sự bình đẳng cho mọi công dân của thành phố sống tại các khu định cư được hỗ trợ, được tiếp cận các dịch vụ cơ bản và các tiện ích công cộng. Quyền nhà ở không chỉ là vấn đề có được một ngôi nhà thích hợp và an toàn. Nhà ở thích hợp và an toàn chính là rào cản lớn nhất đối của người nghèo,làm cho họ bị loại trừ ra khỏi mọi tầng lớp khác trong thành phố. Và đó cũng chính là cách mạnh mẽ nhất đảm bảo an toàn, nhân phẩm, tính hợp pháp của một người và quyền công dân của họ.

Trong hơn 25 năm qua, chúng tôi đã không ngừng hướng trọng tâm hoạt động của mình cho vấn đề này – mặc dù phương pháp mà chúng tôi thực hiện đã có nhiều thay đổi. Chiến lược nâng cấp quy mô toàn thành phố hiện đang thực hiện nhằm giúp cho người nghèo đô thị thực thi quyền nhà ở của mình – hoạt động này cũng đầy nhiệt huyết và sôi nổi không không kém hơn các hoạt động của liên minh trong giai đoạn trước đây - nhằm gây tiếng vang báo động các dự án trục xuất/ giải tỏa trong khu vực. Sẽ rất hữu ích để giải thích tính logic vì sao phương thức thực hiện tự lực của cộng đồng và quy mô toàn thành phố mà ACHR đang hỗ trợ thông qua việc xem xét các giai đoạn thực hiện hoạt động của liên minh và các bài học của mỗi thời kỳ, cũng là các lý do vì sao chúng tôi đang ủng hộ thực hiện phương thức này.

GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT : **Đấu tranh chống trục xuất/ giải tỏa.** Lần đầu tiên chúng tôi cùng nhau có mặt tại thành phố Seoul, Korea - như một liên minh khu vực gồm các cá nhân và các nhóm. Tại thời điểm này ở đây đang diễn ra các dự án giải tỏa lớn nhằm chuẩn bị đăng cai Olympics Mùa Đông năm 1988. Đây là giai đoạn thứ nhất, các hoạt động của ACHR trong giai đoạn này bao gồm việc tổ chức các chuyến thị sát thu thập dữ liệu, giám sát việc giải tỏa, vận động chống giải tỏa, vận động chính sách, tổ chức hội thảo nhằm nối kết các nhà hoạt động, các nhóm nghèo đô thị, bắt đầu tổ chức các nhóm cộng đồng nghèo và cố vấn cho họ về luật pháp có liên quan đến quyền nhà ở.

Giai đoạn thứ nhất

GIAI ĐOẠN THỨ HAI : **Khám phá các giải pháp (phòng ngừa) giải tỏa TRƯỚC KHI nó thực sự xảy ra.** Tuy nhiên chúng tôi đã nhanh chóng nhận ra cho dù cố gắng đến đâu để tranh đấu chống lại việc giải tỏa, chúng tôi không thể nào giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh rộng lớn này – và cũng không thể giành thắng lợi theo cách như vậy.

Đối với mỗi một cuộc trục xuất/giải tỏa, cách gây tiếng vang của chúng tôi chỉ giúp dừng lại hay làm trì hoãn nó, trong khi có đến hàng ngàn các khu ổ chuột, các khu định cư lấn chiếm, mà thời hạn bị giải tỏa của chúng đang đến gần, dù sớm hay muộn; hàng ngàn các kế hoạch phát triển thành phố đang

www.ashui.com

được soạn thảo, là nguyên nhân tạo ra những đợt sóng mới của giải tỏa/trục xuất; hàng ngàn các chính sách khác của nhà nướcliên quan đến giải tỏa các khu ổ chuột đã và đang được thảo luận cũng có nghĩa nó đang khơi đợt sóng mới cho sự đối đầu về quyền nhà ở.. Dường như tiến trình phát triển đô thị hoành tráng nhưng rất sai lệch này đã và đang chạy trước chúng ta, và cái chúng ta có thể làm chỉ là chạy theo sau nó; cố gắng nhặt nhạnh với những mong mỏi tốt đẹp của mình cho một vài trường hợp riêng lẻ nhưng cũng chẳng thể nào ngay lập tức làm giảm sự bất công mà chúng gây ra.

Giai đoạn thứ hai

Vì thế trong giai đoạn thứ hai, chúng tôi đã bắt đầu tìm kiếm một số phương thức khác nhau hướng tới giải quyết các mâu thuẫn về quyền nhà ở - trong vai trò một liên minh của khu vực – trước khi bất kỳ hành động trục xuất/ giải tỏa nào thực hiện. Sự khám phá này bao gồm khởi động hoạt động tại một vài quốc gia nơi tiến trình đô thị hóa vẫn đang còn non nớt (như Cam-pu-chia, Việt Nam, Lào PDR và Nepal), tổ chức các hội thảo, các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm giúp cho các nhóm cộng đồng và các tổ chức NGOs từ nhiều thành phố và nhiều quốc gia được chia sẻ kinh nghiệm – về nâng cấp các khu ổ chuột, tiếp cận tài chính nhà ở, hợp tác với các đối tác địa phương khác nhau, thực hiện khảo sát và lập thông tin về các khu định cư bất hợp pháp trong thành phố, xây dựng mạng lưới cộng đồng, và hoạt động tiết kiệm tín dụng cộng đồng.

Giai đoạn này là một cách để khai thác trí tuệ to lớn và kinh nghiệm đã tồn tại trong các nhóm liên minh ở châu Á và sử dụng tài sản đó tạo ra một kho tàng kiến thức chung của sự hiểu biết, các lựa chọn và tập hợp các chuyên gia, từ đó có thể giúp trao đổi và chuyển giao lẫn nhau. Đối với các nhóm phải đối mặt với những tình huống nghiêm trọng có thể tìm thấy những cách thức mới để đối phó một cách chủ động hơn với các vấn đề về quyền nhà ở. Giai đoạn này công việc của ACHR chú trọng việc chia sẻ kiến thức, củng cố mạng lưới, hợp tác và mở rộng sự hỗ trợ và tư vấn cho các nhóm trong khu vực – trước khi sự giải tỏa thực sự diễn ra. Chương trình Tư vấn và Huấn luyện (TAP) của ACHR đã được thực hiện trong giai đoạn này trở thành một trong những công cụ then chốt trong việc hỗ trợ và hiểu biết lẫn nhau. Đây là giai đoạn học hỏi và mở rộng các khả năng và là giai đoạn khởi động tìm kiếm một cơ chế rộng hơn các nguyên nhân dẫn đến giải tỏa từ ban đầu.

GIAI ĐOẠN THỨ BA: Chứng minh làm thế nào các cộng đồng nghèo có thể tự lực tìm ra các giải pháp. Một trong những bài học lớn nhất mà chúng tôi đã tìm thấy trong giai đoạn thứ hai các hoạt động của ACHR là các hệ thống cung cấp chính quy – nhà ở thuộc khu vực công ít ỏi với các dự án khác nhau của chính phủ và thị trường nhà ở của khu vực tư nhân – đều không đáp ứng đủ sự an toàn, khả năng tài chính và sự tiếp cận cho dù chỉ một bộ phận rất nhỏ của nhu cầu thực tế về nhà ở.. Bên cạnh đó, rất nhiều các nhà hoạt động chống lại giải tỏa luôn đòi hỏi chính phủ của họ - lại chính là những người thực hiện trục xuất/giải tỏa – phải tìm ra những giải pháp, phải thay đổi chính sách và cung cấp các lựa chọn ! Thực tế cho thấy

rằng chính phủ không thể cung cấp các lựa chọn/giải pháp, thành phần tư nhân cũng không thể cung cấp các lựa chọn và tất cả các hệ thống chính quy cung cấp các lựa chọn nhà ở cho người nghèo đều đang bò chậm chạp với tốc độ của những con ốc sên; so với tốc độ thay đổi rất nhanh của thực tế tại các thành phố châu Á và xã hội châu Á đã thức tỉnh chúng tôi. Đây cũng là thời điểm giá đất ở các thành phố trong khu vực bắt đầu tăng vọt, khi mà sự cách biệt giữa nhóm giàu và nhóm nghèo ngày càng mở rộng, khi mà hàng triệu người nghèo di dân đang đổ về các thành phố tìm kiếm cơ hội. Rất nhiều những thất bại của hệ thống chính quy không đáp ứng nhu cầu thực tế và không bắt kịp sự năng động của các thành phố Châu Á là do việc thực hiện do thiếu sự hiểu biết thật sự làm thế nào để giải quyết các vấn đề. Hầu hết các chính phủ ở châu Á đều không biết phải làm thế nào để giải quyết những vấn đề rất lớn của mình về nhà ở và đất đai, ngoài việc chạy theo những phương thức thực hiện cổ điển, những quan niệm cũ kỹ để nếm mùi thất bại thảm hại thêm một lần nữa. Kiểu như: chúng ta nên làm giống như Singapore xây dựng các cao ốc và các căn hộ cho tất cả mọi người. Hoặc là chúng ta nên thu gom tất cả người nghèo và chất lên xe tải chở họ trả về ngôi làng của họ.

Từ nhiều năm, chúng ta thường nghe những điều cũ kỹ: rằng chính phủ không có đất cho nhà ở cho người nghèo, họ không có tiền để cho người nghèo vay, người nghèo không có khả năng để làm bất cứ điều gì. Thật ra, các chính quyền thành phố đã thiếu hiểu biết về một sự thực đơn giản là người nghèo có khả năng thực hiện. Vì lẽ đó, vì sao chúng ta lại cần phải luôn theo lối mòn đi tìm các giải pháp, vì sao lại chỉ chờ đợi câu trả lời từ cái góc nhỏ mà ở đó luôn chỉ là sự xao nhãng và trì trệ? Bên cạnh đó, chúng ta vẫn luôn chứng kiến xung quanh ta, thậm chí không có đất, không có sự hỗ trợ, không có kinh phí và dù không có bất kỳ nguồn hỗ trợ nào khác, người nghèo tại các thành phố châu Á đang tự vận động để tồn tại, để tìm kiếm chỗ ở, để nuôi sống gia đình mình, dẫu cho tất cả sự sinh tồn kỳ diệu này đã và đang được diễn ra trong những điều kiện vô nhân đạo như vậy. Đây chính là điều thú vị nhất trong công việc của hầu hết các nhóm trong Liên minh ACHR – sự sáng tạo to lớn, nguồn năng lượng và năng lực dồi dào cho sự tồn tại của người nghèo đô thị. Và càng nhìn chúng ta càng thấy rõ hơn, chúng tôi bắt đầu nhận ra rằng tất cả những lộn xộn, hòa trộn sống còn đang diễn ra (mà chính quyền thường xem là hành vi bất hợp pháp và tìm cách trừng phạt) không còn là vấn đề nữa mà thực sự là một tiềm lực phát triển rất lớn, một lực lượng tiềm năng có thể được chuyển hướng để giải quyết những vấn đề này to lớn với quy mô thực tế.

Giai đoạn thứ ba

Vì vậy trong giai đoạn thứ ba, công việc của ACHR đã bắt đầu xem xét quy mô rộng lớn này của người dân như một giải pháp, chứ không phải là một vấn đề. Và bởi vì rõ ràng chúng ta đã không tìm thấy bất kỳ giải pháp nào được cung cấp bởi chính phủ, chúng tôi quyết định xem làm thế nào chúng ta có thể hỗ trợ các cộng đồng nghèo để cung cấp các giải pháp riêng của họ, và sau đó chứng minh các giải pháp của họ đến chính phủ cũng như xã hội

Giai đoạn thứ tư

bên ngoài. Rất nhiều các hoạt động của ACHR đã hỗ trợ trong giai đoạn này nhằm tăng cường năng lực của các cộng đồng nghèo phát triển các giải pháp bao gồm khuyến khích tiết kiệm và tín dụng cộng đồng (nhằm xây dựng các quỹ vốn tự lực của người dân và khả năng quản lý tài chính cùng nhau), xây dựng mạng lưới liên kết các cộng đồng nghèo trong các thành phố và trong các quốc gia (nhằm tăng cường mối quan hệ và sự học hỏi lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau; đồng thời xây dựng khả năng thương lượng tập thể của họ). Hỗ trợ một số các dự án đầu tiên theo phương thức nhà ở dựa vào cộng đồng và các hoạt động nâng cấp. Từ kết quả của tất cả các hoạt động này, một số dự án nhà ở và nâng cấp cộng đồng mang tính đột phá được thực hiện bởi chính cộng đồng nghèo ở các nước khác nhau, và các dự án bắt đầu cho thấy những khả năng mới và các loại giải pháp mới của chính người dân. Đây là những dự án thí điểm về tiến trình của người dân tuy vẫn còn khá phân tán, nhưng mối liên hệ ngày càng tăng giữa các nhóm và các quốc gia, qua đó ACHR tiếp tục tạo điều kiện, giúp cho việc học tập trao đổi từ các dự án phân tán này được nhân rộng một cách nhanh chóng và mạnh mẽ trong khu vực.

GIAI ĐOẠN THỨ TƯ : **Chuyển từ các dự án thí điểm phân tán đến Nâng cấp khu ổ chuột dựa vào cộng đồng với quy mô toàn thành phố.** Như thế chúng tôi bước vào giai đoạn thứ tư các hoạt động của ACHR, các dự án thí điểm phân tán được nhân rộng trên quy mô lớn hơn thông qua việc thúc đẩy xu hướng nâng cấp khu ổ chuột dựa vào cộng đồng có quy mô toàn thành phố tại Châu Á. Tiến trình nâng cấp các khu ổ chuột quy mô toàn thành phố đang được thực thi rất tốt và thực hiện trên quy mô rộng thực sự tại một số quốc gia – đặc biệt tại Thái Lan, Ấn Độ, Cam-pu-chia và một vài quốc gia khác. Trong tiến trình quy mô toàn thành phố, các cộng đồng nghèo được liên kết cùng nhau ở cấp thành phố, khảo sát toàn bộ các khu định cư nghèo/khu ổ chuột trong thành phố, thu thập thông tin trên quy mô toàn thành phố; xây dựng và quản lý quỹ tiết kiệm của họ ở cấp thành phố, thiết lập các kế hoạch nâng cấp tất cả các khu ổ chuột trên quy mô toàn thành phố, tiến hành thương lượng về đất đai và hạ tầng cơ sở trên quy mô toàn thành phố, phát triển các quy hoạch kế hoạch và thiết kế các loại nhà ở giá rẻ của họ với quy mô toàn thành phố. Hiện nay phương thức nâng cấp toàn thành phố này đã trở thành một khái niệm và một chiến lược thực hiện mới - đang được mở rộng sang nhiều nước châu Á khác, với sự hỗ trợ của Chương trình ACHR mới - Liên minh Châu Á vì hành động cộng đồng (ACCA), hỗ trợ các nhóm trong khoảng 225 thành phố ở 19 quốc gia tiến đến xây dựng tiến trình riêng của họ theo phương thức dựa vào cộng đồng và quy mô toàn thành phố có sự phối hợp hợp tác với chính quyền địa phương.

Phương thức mới nâng cấp khu ổ chuột quy mô toàn thành phố rất quan trọng đã làm cho các vấn đề quyền nhà ở trở thành một vấn đề thật sự thuộc về người nghèo - không chỉ thuộc một vài nhà hoạt động cao thượng hoặc các nhóm nhân quyền. Một khi các cộng đồng nghèo, những người chưa có quyền nhà ở trong một thành phố cùng tập hợp lại, cùng nhau khảo sát tất cả người nghèo trong thành phố của mình; cùng thảo luận về các vấn đề mà họ đang gặp phải, bắt đầu thiết lập các kế hoạch và thực hiện các dự án để giải quyết các vấn đề - chính là họ đang nắm quyền và sở hữu chủ một vấn đề - điều mà đã từ lâu họ không có. Thật tuyệt vời khi mà khái niệm **quyền nhà ở** được mở rộng hơn và thực chất hơn khi chính người nghèo thực hiện việc đo đếm. Tại nhiều thành phố châu Á, các khảo sát quy mô toàn thành phố bao gồm không chỉ các cộng đồng lấn chiếm hay các khu ổ chuột, mà còn cả nhóm vô gia cư, các nhóm lấn chiếm phân tán, nhóm thuê phòng trọ, chủ thuê đất và các hộ tạm cư sống chen chúc chia sẻ, những nhóm mà quyền nhà ở của họ mang rất nhiều sắc thái khác nhau và nhiều mức độ không chính thống hay bất hợp pháp. Một khi chính người nghèo thu thập số liệu và hiểu biết các thông tin này, với quy mô và chính họ là người thực hiện các cuộc khảo sát cùng với sự hợp tác của chính quyền địa phương và các tổ chức có liên quan (đangcó rất nhiều), chính là người nghèo đang tiến đến bước đầu tiên trong một sự thay đổi chính trị sâu sắc từ việc bị nhìn nhận như một vấn

đề của thành phố, họ trở thành là một phần của một đội quân và lần đầu tiên có được sự hiểu biết lẫn nhau về các vấn đề mang tính quy mô thực sự. Bước kế tiếp là bắt đầu cùng nhau giải quyết các vấn đề thông qua các dự án nâng cấp và nhà ở - có thể bắt đầu trước với các cộng đồng đã sẵn sàng thực hiện. Mặc dù đa số sẽ chưa có nguồn tài chính đủ để giải quyết ngay lập tức tất cả mọi vấn đề của thành phố (sự thiếu hụt tài chính luôn là một trở ngại chính) điều quan trọng là con mắt của tất cả mọi người cùng được mở rộng khắp thành phố. Đây là sự mở rộng quan trọng về khái niệm, từ các " dự án thí điểm " lẻ tẻ được thực hiện trong sự cô lập cùng với một nguồn hỗ trợ lớn, chuyển sang quan niệm rằng mục tiêu ngay từ ban đầu là nâng cấp tất cả các khu nhà ổ chuột trong thành phố, ***và mời gọi sự tham gia của tất cả các cộng đồng trong thành phố***. Một khi tất cả các cộng đồng nghèo và chính quyền địa phương cùng suy nghĩ theo chiến lược này, phương thức thực hiện sẽ thay đổi hoàn toàn, mở rộng thu thập thông tin toàn thành phố, liên kết mạng lưới các cộng đồng cấp thành phố, kế hoạch nâng cấp toàn thành phố, các mối quan hệ hợp tác quy mô thành phố, chiến lược cấp thành phố. Với sự tin tưởng mạnh mẽ rằng phương thức/tiến trình toàn thành phố này sẽ giúp cho tất cả các vấn đề quyền nhà ở trong thành phố có thể được giải quyết.

Trong chiến lược thực hiện mới này, người dân những người chưa có quyền nhà ở sẽ là những người thực thi tích cực và là người tạo ra các giải pháp. Với quy mô này, sẽ không còn chỉ có một vài nhà hoạt động hoặc vài báo cáo về quyền nhà ở (được viết bởi các chuyên gia ngồi nửa vòng bên kia thế giới), đang độc quyền về thông tin về tình hình quyền nhà ở tại các thành phố châu Á. Đây là một quy mô lớn, một tiến trình dân chủ, trong đó những người nghèo, cùng với nhiều nhân tố khác tại địa phương có thể chạm vào những vấn đề thực sự là, bởi vì thành phố là của họ, và họ sinh sống ở đó và họ là người trực tiếp bị ảnh hưởng và chịu đựng tất cả những vấn đề này một cách trực tiếp nhất. Với phương thức toàn thành phố, họ nhìn thấy thành phố của mình, họ lập kế hoạch và thực hiện theo giải pháp tốt nhất. Hơn nữa với các mối liên kết giữa các thành phố và các quốc gia mà ACHR đã và đang xây dựng và củng cố, các nhóm không thực hiện một cách cô lập mà cùng với sự hỗ trợ và tiếp cận các kiến thức chung trong khu vực, đa dạng kinh nghiệm và các lựa chọn khác nhau.

Đây cũng chính là sự thay đổi chuyển từ xu hướng phát triển dựa vào bên cung, dựa vào nhà nước và các tổ chức phát triển – họ là người quyết định các nhu cầu và là người thiết kế các giải pháp/lựa chọn; chuyển sang hướng phát triển dựa vào phía cầu. Trong xu hướng mới dựa vào phía cầu, người dân chính là người phải đối mặt với các vấn đề về quyền nhà ở, chính họ quyết định nhu cầu gì và thiết kế các giải pháp cho chính họ; cũng như cụ thể hơn hoạt động hỗ trợ nào mà họ cần để thực thi công việc. Sau nhiều thập kỷ với sự thất bại và sự vụng về của xu hướng phát triển dựa vào bên cung, cho thấy rằng phương pháp thực hiện này đã không thể đáp ứng được quy mô thực tế của nhu cầu, hoặc không thể theo kịp với tốc độ thay đổi thực tế. Chúng ta vẫn đang phải đương đầu với những vấn đề rất lớn về trục xuất/giải tỏa, vấn đề bất hợp pháp, về nhà ở dưới mức quy chuẩn và sự thiếu tiếp cận các dịch vụ. Tuy nhiên nếu kiến thức và quyền lực ra quyết định và thực hiện được chuyển giao vào tay của hàng triệu người nghèo – như nó đang được thực hiện – chúng ta đang bắt đầu tìm thấy các giải pháp. Chúng tôi đánh giá cao tầm quan trọng của Chương trình ACCA do Liên Minh ACHR thực hiện đã và đang cung cấp một bộ công cụ và một thể chế mới với hệ thống cung cấp của chính người dân; điều mà từ lâu đã bị bỏ qua. ■

QUYỀN NHÀ Ở VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CẦN CÓ SỰ SONG HÀNH. . .

Cuối cùng, tôi xin nhấn mạnh tầm quan trọng của phương thức mới và sự thay đổi lớn mà ACHR đang thực hiện nhằm giải quyết vấn đề quyền nhà ở tại Châu Á theo cách toàn diện và bền vững hơn. Không còn chỉ là sự đối phó với các dự án/trường hợp trục xuất/giải tỏa nóng như kiểu "chữa cháy". Trong thực tế, tất cả các khu ổ chuột và các khu định cư bất hợp pháp hay các khu vực nghèo rải rác trong thành phố đều trong tình trạng bị đe dọa giải tỏa/trục xuất, dù sớm hay muộn. Quyền Nhà ở của tất cả người dân sống trong các khu vực dễ bị tổn thương và điều kiện tồi tàn này đều đang bị đe dọa. Vì vậy, dù bất kỳ phương thức tiếp cận quyền nhà ở nào có giá trị bằng văn bản cần giải quyết các hành vi vi phạm này và cần phải tìm kiếm các giải pháp cho tất cả mọi hình thức khác nhau của sự tổn thương – không nên chỉ bằng sự đe dọa của xe ủi đất của thành phố như hiện nay. Tiến trình mới sử dụng thông tin cấp thành phố và nâng cấp nhà ở quy mô toàn thành phố do người dân thực hiện đảm bảo quyền nhà ở cho mọi cư dân đô thị đang khẳng định rằng Quyền Nhà ở và Phát triển Nhà ở là 2 mặt của một vấn đề - không nên có sự tách rời. Một tiến trình phát triển nhà ở phù hợp chính là cách tốt nhất để cung cấp quyền nhà ở cho người nghèo trên quy mô rộng.

www.ashui.com

Quảng trường
Trái tim của đô thị

LÊ HÀ PHONG
Sinh viên chuyên ngành quy hoạch đô thị - Viện Khoa học ứng dụng quốc gia Lyon - CH Pháp

Trong xã hội hiện đại, cuộc sống con người ngày càng phát triển kéo theo điều kiện sống và nhu cầu hưởng thụ ngày một tăng cao. Khái niệm «hưởng thụ» ở đây được hiểu là hưởng thụ về cả mặt vật chất lẫn tinh thần. Đô thị càng hiện đại, người dân càng có nhiều cơ hội tiếp cận với những hình thức giải trí mới mẻ, sinh động, càng có nhiều cơ hội trải nghiệm những tiến bộ khoa học công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí. Tuy nhiên, tất cả những bức tranh đẹp đẽ về một đô thị hài hòa, bền vững về mặt xã hội và hạ tầng chỉ có thể được vẽ nên một khi người dân cảm thấy thoải mái khi sống trong đô thị đó và sự tương tác giữa các cư dân thành phố được kích thích và phát triển một cách tích cực.

Một trong những phát minh vĩ đại nhất của nghệ thuật quy hoạch đô thị châu Âu nhằm thể hiện sự công bằng và thúc đẩy tương tác giữa con người và các hoạt động xã hội đó là những trung tâm thành phố, không gian thương mại trung tâm của một thành phố được thiết kế một cách có chủ ý, hay còn được gọi với tên quen thuộc ngày nay là quảng trường. Bài viết muốn đưa đến một cái nhìn hết sức tổng quát về lịch sử phát triển của quảng trường, lý do quảng trường trở thành một trong những không gian quan trọng nhất trong tổng thể đô thị, cũng như những yếu tố chính quyết định thành công của một không gian quảng trường qua việc phân tích một vài ví dụ tiêu biểu.

Quảng trường Ducale. *Nguồn : www.henri-iv.culture.fr*

Mặt bằng agora trong đô thị Hy Lạp cổ đại.
Nguồn : greeceathensaegeaninfo.com

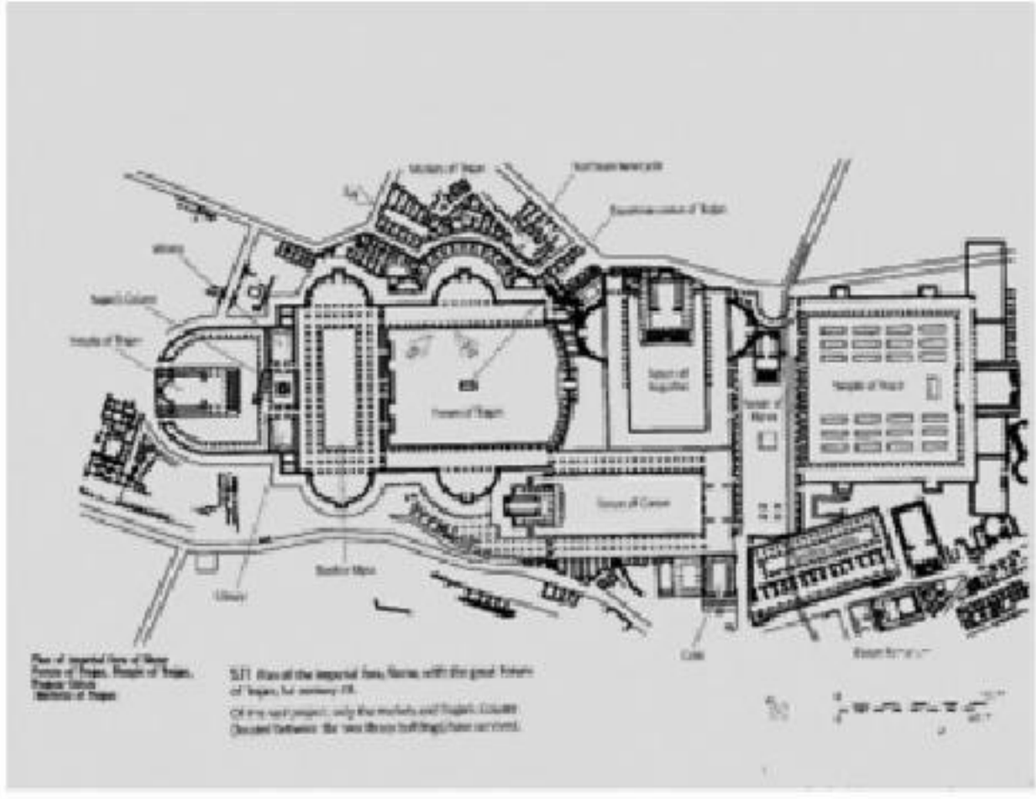

Mặt bằng quảng trường Trajan thành phố Roma vàothế kỷ thứ nhất.
Nguồn : www.studyblue.com

www.ashui.com

Tàn tích của quảng trường Trajan còn lại đến ngày nay - *nguồn : wikipedia*

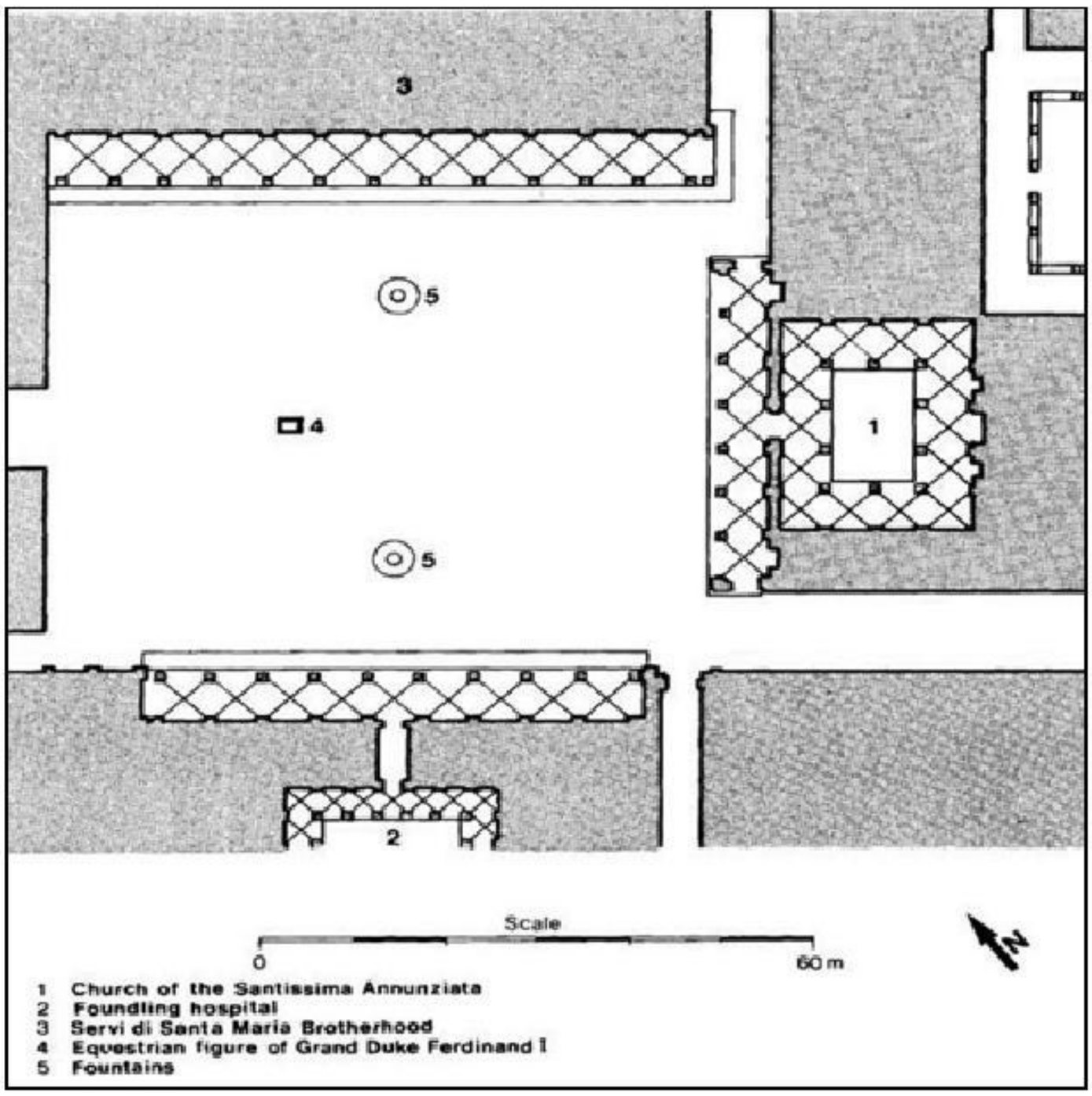

Mặt bằng quảng trường Santissima Annunziata thành phố Florence - *nguồn : Street & Square, tr.103, Cliff Moughtin*

Những khái niệm và quá trình phát triển của quảng trường từ thời kỳ cổ đại đến nửa đầu thế kỷ 20

Quảng trường là một điểm tập trung trong đô thị, cung cấp một không gian giúp cư dân đô thị trao đổi về cả mặt xã hội và kinh tế. Ý nghĩa của quảng trường thường khác với công viên và những không gian cảnh quan mềm trong đô thị. Nếu như vườn hoa và công viên là những không gian công cộng "đóng" về mặt cảnh quan, tương đối tách biệt với phần còn lại của đô thị về mặt vị trí và chỉ được sử dụng vào những thời điểm nhất định trong ngày thì quảng trường lại được coi là một thực thể cấu thành đô thị, gắn bó mật thiết với những yếu tố tạo thị khác như giao thông, kiến trúc, kinh tế, xã hội,... Quảng trường thường được sở hữu công cộng, có thể tiếp cận bởi tất cả mọi người. Đặc biệt, đối với các quốc gia châu Âu, sự phát triển và ra đời của quảng trường không chỉ mang ý nghĩa về mặt kiến trúc xây dựng hay thiết kế đô thị, mà còn là biểu tượng của sự phát triển về tính dân chủ và mức độ văn minh xã hội.

Những khái niệm đầu tiên về quảng trường xuất hiện cách đây hơn 6000 năm dưới thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, cùng với sự ra đời của những thể chế chính trị đầu tiên tại châu Âu. Quảng trường thời Hy Lạp cổ đại được biết đến với tên gọi Agora. Mặt bằng của những không gian này thường được quy hoạch hình chữ nhật hoặc hình vuông. Quảng trường thời kỳ này là những không gian ngoài trời thường được đặt tại trung tâm thành phố, là giao của những trục giao thông quan trọng, dễ dàng tiếp cận từ mọi hướng. Về mặt xã hội, ngay từ những khái niệm đầu tiên, Agora đã được coi là biểu tượng cho sự dân chủ của người Hy Lạp cổ đại. Tất cả các hoạt động chính trị, thể thao, văn nghệ quan trọng đều diễn ta tại đây và tất cả mọi tầng lớp dân cư đều có quyền tham gia. Kế thừa những giá trị đó, quảng trường thời La Mã, với tên gọi *forum*, cũng là nơi tụ họp dân chúng và diễn ra những hoạt động chính trị, văn hóa quan trọng của thành phố. Trên đà phát triển đó, đến thời kỳ trung đại vào khoảng thế kỷ 13, trên khắp châu Âu đã chứng kiến sự ra đời của hàng loạt quảng trường tại Anh, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan,. ..

Sau đó, thế kỷ 15-16, thời kỳ Phục Hưng đã mở ra một cuộc cách mạng về quảng trường với những phát kiến quan trọng của người Ý. Thiết kế quảng trường thời kỳ này đã được gắn chặt với quy hoạch và thiết kế đô thị, quảng trường trở thành một bộ phận then chốt không thể tách rời của đô thị. Với yếu tố con người là trung tâm, những quảng trường thời kỳ Phục hưng đã rất thành công trong việc thiết lập nền tảng cho những bản thiết kế quảng trường chú trọng đến yếu tố thẩm mỹ, tỷ lệ giữa con người và các công trình xung quanh cũng như việc kết hợp hệ thống dịch vụ công cộng với không gian nghỉ ngơi trong phạm vi quảng trường nhằm kích thích tối đa sự lưu lại và tương tác giữa con người. Một số quảng trường tiêu biểu thời kỳ này: quảng trường trung tâm del Campo (thành phố Sienna), quảng trường Santissima Annunziata (thành phố Florence), quảng trường St Marco (thành phố Venice),...

Thế kỷ 17-18, tư tưởng Phục Hưng tiếp tục được mở rộng và phát triển, cùng với đó là sự ra đời của phong cách kiến trúc Barocco tại các quốc gia Tây Âu, điển hình là Ý, Pháp, Đức, Tây Ban Nha,... Tại Pháp, từ cuối thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 18 chứng kiến sự ra đời của nhiều thành phố được quy hoạch theo các nguyên tắc Phục hưng, điển hình là các thành phố Nancy, Charleville, Paris,. .. Hệ thống quảng trường của các thành phố này do đó chịu nhiều ảnh hưởng từ phong cách Phục Hưng với mặt bằng kỷ hà cơ bản (hình chữ nhật, hình vuông) với chức năng là các quảng trường hạt nhân trung tâm thành phố, giao điểm của các trục giao thông quan trọng. Một số quảng trường tiêu biểu ở Pháp thời kỳ này là Place Stanislas (thành phố Nancy), Place Ducale (thành phố Charleville),... Trong khi đó tại Ý, thời gian này chứng kiến sự ra đời và phát triển của phong cách kiến trúc Barocco, phong cách kiến trúc vừa bố

Quảng trường Santissima Annunziata thành phố Florence - *ảnh: Tác giả*

Tượng trang trí ở quảng trường Santissima Annunziata thành phố Florence - *ảnh: Tác giả*

www.ashui.com

sung kế thừa những thành tựu của phong cách Phục hưng ở giai đoạn trước, vừa có những phát triển mang tính đặc trưng trong cách thể hiện và tư duy. Điều này được chứng minh rất rõ trong việc thiết kế các quảng trường. Nếu các quảng trường thời kỳ Phục hưng thường có mặt bằng đơn giản, chủ yếu là các hình dạng kỷ hà đối xứng đơn trục thì mặt bằng của quảng trường thời kỳ Barocco đa dạng hơn với cách bố trí đối xứng đa trục (mặt bằng hình tam giác, hình thang cân)..., cùng với đó là cách xử lý các chi tiết trang trí phức tạp hơn, nhiều màu sắc hơn, qua đó tạo cho đô thị một hình thái động đa dạng và linh hoạt hơn. Một số quảng trường có thể coi là tiêu biểu cho phong cách Barocco là quảng trường St Peter và quảng trường Tây Ban Nha (thành phố Roma), quảng trường Vosges (thành phố Paris),... Phong cách kiến trúc Barocco đã đánh dấu cho sự phát triển đến đỉnh cao của kiến trúc cổ điển phương Tây, trước khi cách mạng công nghiệp nổ ra, nơi mà tư duy kiến trúc và quy hoạch đô thị đã thay đổi hoàn toàn. Và các quảng trường cũng không phải ngoại lệ.

Quảng trường trong đô thị hiện đại và những yếu tố quyết định thành công của quảng trường

Vào thế kỷ 19, cuộc cách mạng công nghiệp đã mở màn cho một loạt thay đổi lớn trong thiết kế và quy hoạch đô thị. Sự xuất hiện của xe lửa và đầu máy hơi nước đã thúc đẩy sự giao thương giữa các thành phố, tạo nên những đại đô thị (megacities) với mật độ dân số lớn và nền kinh tế sôi động. Sự phát triển về kinh tế xã hội này đã gây những ảnh hưởng không nhỏ đến hình thái các đô thị. Việc dân cư đổ dồn về các thành phố lớn tạo nên hiện tượng bong bóng cho sự phát triển dân số của các thành phố. Sự phát triển này tạo ra nhu cầu lớn về nhà ở, dịch vụ, gây tác động lớn đến môi trường và tính liên kết cộng đồng. Như một hệ quả tất yếu, nửa đầu thế kỷ 20, sự tiếp diễn của các quá trình phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ cộng với sự ra đời của các phương tiện giao thông cá nhân như ô tô, mô tô đã tạo nên một sự thay đổi lớn trong việc sử dụng quảng trường trong các thành phố, tác động tiêu cực đến sự tương tác giữa cư dân đô thị trong các không gian công cộng. Một ví dụ điển hình chứng minh sự thay đổi tiêu cực này: nhiều quảng trường đã bị biến đổi chức năng từ một không gian công cộng, nơi diễn ra các hoạt động giải trí, nghỉ ngơi của dân cư trở thành một đảo giao thông thuần túy, mất đi nhiệm vụ và chức năng to lớn của nó trong đô thị. Những quảng trường ở Thổ Nhĩ Kỳ hay các nước thuộc địa châu Á là những ví dụ điển hình [1]. Chỉ đến khi những vấn đề môi trường và chất lượng sống của con người trở

Quảng trường St Peter thành phố Roma. *Ảnh: Tác giả*

Quảng trường Bellecour nhìn từ trên cao.

nên đáng lo ngại tại các thành phố lớn, chức năng của quảng trường mới được nhìn nhận lại một cách nghiêm túc. Bằng những cuộc cải cách trong tư tưởng quy hoạch chú trọng hơn đến môi trường và sự tương tác giữa con người và hình thái đô thị, quảng trường đã được định nghĩa lại và luôn được coi như hạt nhân của những đồ án quy hoạch đô thị từ quy hoạch chung tới quy hoạch chi tiết đơn vị ở hay nhóm ở.

Về mặt hình thái, đô thị hiện đại được coi là sự kết hợp của những khoảng đặc (công trình kiến trúc) và rỗng (đường giao thông, quảng trường, vườn hoa cây xanh,...). Số lượng và tỷ lệ của những khoảng đặc rỗng này quyết định hình thái và cấu trúc đô thị. Quảng trường, do đó, đảm nhận nhiệm vụ vô cùng quan trọng là tạo nên sự cân bằng cho hình thái đô thị với những khoảng hở cần thiết dành cho hoạt động xã hội của con người. Quảng trường trong

Quảng trường St Marco thành phố Venice nhìn từ trên cao. *Ảnh: Tác giả*

www.ashui.com

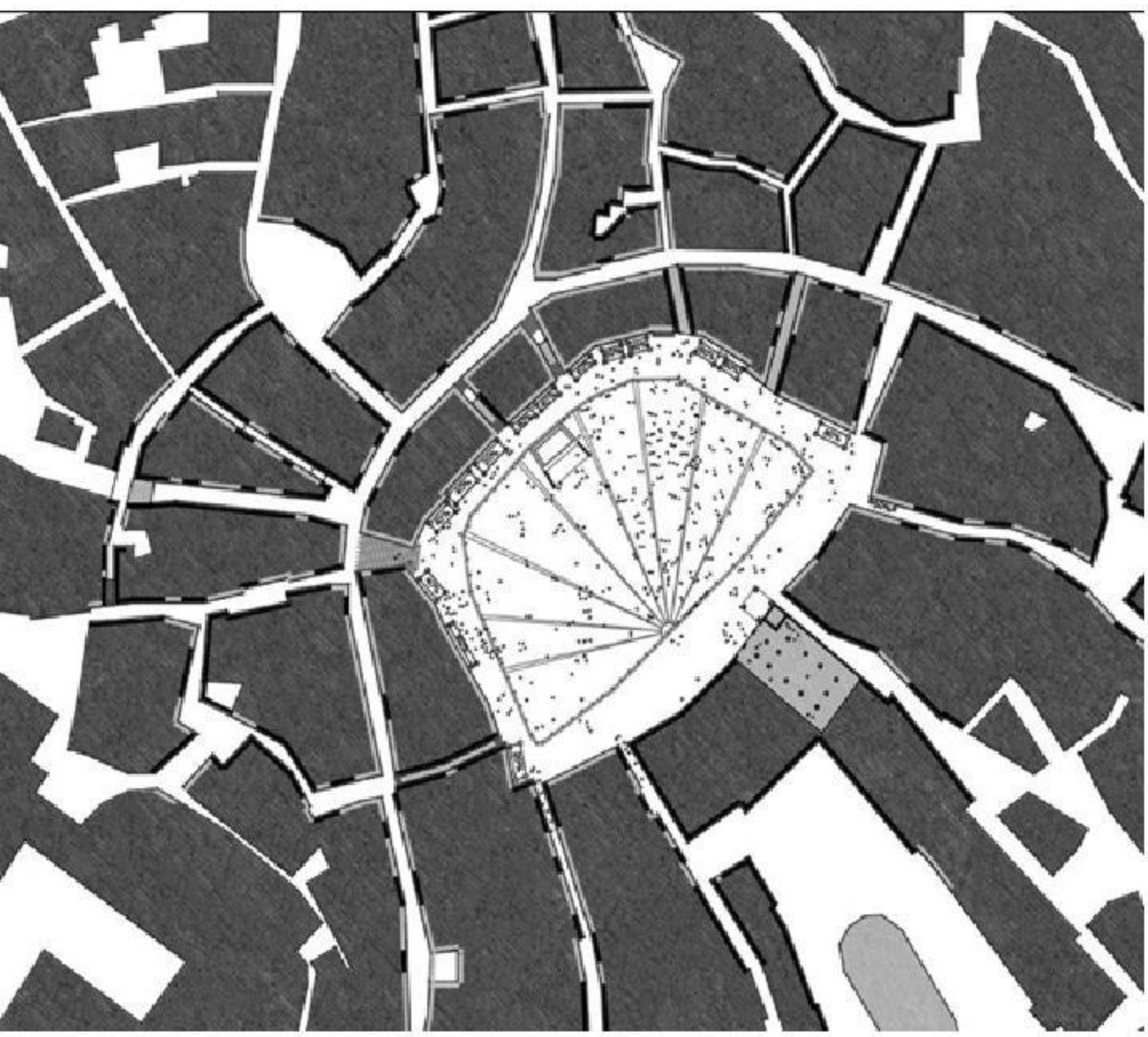

Mặt bằng quảng trường Campo thành phố Siena.
Nguồn : Outside the square, tr.12, Duncan Corrigal

đô thị hiện đại được định nghĩa là một không gian công cộng được bao quanh bởi những công trình kiến trúc đa chức năng, từ hành chính xã hội đến giải trí, thương mại, dịch vụ, được thiết kế hợp lý phục vụ cho việc nghỉ ngơi của con người và khuyến khích các hoạt động nghệ thuật đô thị.

Phân loại quảng trường

Có rất nhiều kiến trúc sư, nhà quy hoạch đô thị, trong các công trình nghiên cứu của mình đã cố gắng phân loại quảng trường, chủ yếu qua chức năng và hình thái của chúng. Theo Paul Zucker, quảng trường có thể chia thành 5 loại: *quảng trường đóng* (enclosure square) là những quảng trường được bao quanh bởi những công trình kiến trúc và dịch vụ; *quảng trường gắn với một công trình quan trọng của đô thị* (dominated square); *quảng trường được hình thành xung quanh trung tâm đô thị* (quảng trường hạt nhân - nuclear square); *quảng trường được tạo nên bằng sự liên kết của những thành tố không gian khác nhau* (grouped square);

Đường đi bộ nhỏ thú vị dẫn hướng vào quảng trường Campo.
Nguồn : commons.wikimedia.org

Vị trí hạt nhân của quảng trường Bellecour trong trung tâm thành phố Lyon. *Nguồn : openstreetmap*

quảng trường vô định hình (amorphous square). Còn theo Shalftoe (2008, p76), chỉ có 2 loại quảng trường là *quảng trường mở* (open square) và *quảng trường đóng*(enclosed square). Tuy nhiên, dù phân loại theo cách nào thì quảng trường vẫn đảm nhận nhiệm vụ quan trọng là thu hút và kích thích hoạt động xã hội của con người. Những cố gắng phân loại quảng trường đều nhằm đề cao tầm quan trọng và thái độ nghiêm túc trong việc tiếp cận và nghiên cứu một cách khoa học về không gian công cộng này.

Những yếu tố quyết định thành công của quảng trường

Ngày nay, sự thành công của một quảng trường có thể quyết định bằng những yếu tố sau:

- *Khả năng tiếp cận* (Yếu tố giao thông): Yếu tố giao thông đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định sự thành công của quảng trường. Một quảng trường chỉ có thể thu hút tối đa sự tiếp cận và lưu lại của người sử dụng một khi nó tọa lạc tại một vị trí dễ tiếp cận về mặt giao thông, đặc biệt là giao thông công cộng. Mặt khác, quảng trường cũng phải là điểm trung chuyển của các trục giao thông chính của thành phố, nơi mà từ đó người sử dụng có thể dễ dàng di chuyển đến các khu vực trung tâm khác trong thành phố. Quảng trường Bellecour (thành phố Lyon) có thể coi là một ví dụ điển hình cho thành công trong việc quy hoạch giao thông: Quảng trường Bellecour nằm ở vị trí trung tâm, là điểm trung chuyển lớn của thành phố, có thể dễ dàng tiếp cận bằng các phương tiện công cộng như tàu điện ngầm hay tàu điện. Mặt khác, từ Bellecour có thể di chuyển dễ dàng tới nhiều quảng trường khác, hai trung tâm khác của thành phố là khu phố cổ Lyon và quảng trường Tòa thị chính Lyon cũng không gian công cộng đặc sắc ven hai con sông Rhône và Saône trong khoảng chỉ 10 phút đi bộ. Quảng trường Bellecour do đó có thể coi là quảng trường hạt nhân, vừa đóng vai trò là không gian công cộng trung tâm, vừa đóng vai trò là điểm trung chuyển giao thông quan trọng kết nối các không gian đô thị.
- *Khả năng hấp dẫn và kích thích hoạt động và sự lưu lại của con người thông qua các biện pháp thiết kế đô thị, thiết kế và sắp đặt các* công trình kiến trúc xung quanh quảng trường và hệ thống thương mại dịch vụ: Một cách cụ thể, từ những yếu tố lớn như vị trí tương quan của quảng trường với thành phố, bán kính phục vụ lớn, đối tượng sử dụng quảng trường đa dạng, đến những yếu tố nhỏ cấu thành không gian cụ thể như cách thiết kế lối tiếp cận, ghế đá, đài phun nước, cách thiết kế và bài trí cây xanh,... đều góp phần tạo nên sự thành công của một quảng trường. Nếu như những yếu tố lớn thu hút người sử dụng đến với quảng trường thì những yếu tố nhỏ vừa nêu đóng góp hiệu quả vào việc níu giữ người sử dụng ở lại. Ngoài ra, một quảng trường thành công còn cần phải là nơi diễn ra những hoạt động đa dạng, từ nghỉ ngơi thuần túy đến những hoạt động có tính tương tác cao như biểu diễn âm nhạc, thể thao, nghệ thuật đường phố,... Xét những yếu tố này, quảng trường Campo [Piazza del Campo] (thành phố Siena, Italy) là một ví dụ điển hình cho việc thiết kế tinh tế và hợp lý nhằm thu hút số lượng tối đa người sử dụng. Quảng trường thời kỳ Phục hưng này đã được trang web *Projects for Public Spaces* bình chọn là một trong số những quảng trường đẹp nhất thế giới. Quảng trường có mặt bằng hình rẻ quạt, được tạo một độ dốc hợp

www.ashui.com

lý từ tây bắc đến đông nam với tác dụng hướng người sử dụng vào trung tâm là công trình Palazzo Pubblico. Những con đường đi bộ ngắn kết nối quảng trường với con đường song song phía tây bắc được tạo độ dốc lớn hơn độ dốc quảng trường với điểm thấp nhất là cốt sàn của quảng trường nhằm với mục đích định hướng người đi bộ vào trung tâm quảng trường. Mặt khác, cách sử dụng vật liệu và lát nền của khu vực trung tâm làm người sử dụng có cảm giác thân thiện và có thể ngồi ở mọi nơi. Các bục ngồi hình trụ đặt dọc theo chu vi của quảng trường có thể vừa làm ghế ngồi, vừa làm chỗ dựa lưng đồng thời có tác dụng về mặt định hướng và phân chia không gian. Không gian dịch vụ được bố trí hợp lý xung quanh quảng trường đóng góp không nhỏ vào việc níu giữ du khách ở lại đây.

- *Tỷ lệ tương quan của các yếu tố cấu thành quảng trường với con người:* Một quảng trường đảm bảo được những tỷ lệ hài hòa giữa các kích thước quảng trường, chiều cao và chiều rộng của các công trình xung quanh,... có thể tạo cho người sử dụng ấn tượng gần gũi và sự thoải mái khi lưu lại. Theo Shaftoe (2008, p.73), những quảng trường với diện tích quá lớn có thể gây cảm giác không thân thiện với con người, ngược lại, những quảng trường quá nhỏ có thể tạo nên cảm giác sợ không gian chật (*claustrophobic*) cho người sử dụng và hơn nữa chúng không đủ diện tích cho những hoạt động xã hội. Trên thực tế, có rất nhiều ý kiến của các kiến trúc sư và các nhà thiết kế đô thị về tỷ lệ lý tưởng cho một quảng trường. Ví dụ, nếu như kích thước trung bình của một quảng trường thời kỳ Phục hưng là 57x140m thì Jan Gehl, trong cuốn *Life between buildings* (Cuộc sống giữa những công trình kiến trúc – 1987) lại cho rằng kích thước lý tưởng cho một quảng trường trung bình là 70-100m, và khoảng cách tối đa để nhận biết các chi tiết kiến trúc trên mặt đứng của các công trình kiến trúc xung quanh quảng trường là 24m.

Qua những nét khái quát về nguồn gốc và quá trình phát triển cũng như những yếu tố cấu thành quảng trường, chúng ta có thể định hình rõ vai trò và chức năng của quảng trường trong không gian đô thị: Nếu coi một thành phố là một thực thể sống, thì những công viên cây xanh hay vườn hoa được nhìn nhận như là những lá phổi của cơ thể ấy còn quảng trường có thể coi là trái tim, củng cố và duy trì sức sống cho cơ thể đô thị.

Thay lời kết

Yếu tố xã hội của một đô thị phát triển bền vững được khẳng định bởi sức khỏe cộng đồng, thái độ tích cực của cư dân đô thị trong những hoạt động tương tác xã hội. Điều này chỉ có thể đạt được một khi chúng ta có thể tạo ra những không gian hấp dẫn, hay nói cách khác, tạo ra môi trường lành mạnh để kích thích những hoạt động đó. Quảng trường là một trong số những không gian như vậy. Nhìn lại các thành phố ở Việt Nam, đặc biệt là những thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, việc thiết kế và quy hoạch quảng trường trong không gian đô thị vẫn chưa được chú trọng và nhìn nhận một cách đúng mức. Những địa điểm được coi là lý tưởng cho các hoạt động của cư dân lại thiếu các công trình dịch vụ, trong khi những khu trung tâm dịch vụ giải trí thì không gian trống lại quá nhỏ về diện tích và manh mún, hời hợt về mặt thiết kế kiến trúc để được coi là quảng trường. Hơn nữa, hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đã trở nên báo động do sự gia tăng phương tiện giao thông cá nhân, khi mà tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, khu vực đô thị trung tâm trở nên ngày một nén, mật độ xây dựng tăng, con người cần nhiều hơn những không gian an toàn, hấp dẫn cho những hoạt động xã hội mà những không gian công cộng hiếm hoi hiện hữu không đủ tầm để giải quyết các nhu cầu đó. Từ thực trạng đó, chúng ta còn chờ gì nữa mà không bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc về việc quy hoạch và kiến tạo những quảng trường sinh động, hấp dẫn, những khoảng hở quý giá tạo nên sức sống đô thị ? ■

SIZE OF A SQUARE	NOTES	DIMENSIONS	REFERENCES
Small public spaces: Town squares/ plazas	-Pleasant human scale	12-24m 22m	Lynch , 1971 Alexander, 1977
Larger public spaces: spectator squares/plazas (for larger groups)	-Limit of successful historical enclosed squares -Maximum distance for following events	100m 70-100m	Lynch , 1971 Gehl , 1987
*	-Maximum distance for seeing facial expressions	25m	Gehl , 1987

Bảng tổng hợp những tỷ lệ đề xuất cho quảng trường - *nguồn : The human meaning of urban squares, tr.44, Basak Zeka*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- A.E.J. Morris, 1994, *History of urban form before the industrial revolution*, tr191 - tr207
- Basak Zeka, 2011, *The human meaning of urban squares*, 263tr
- Cliff Moughtin, 2003, *Street & Square*, tr87 - tr126
- *Development type - Urban squares*, www.healthyplaces.org.au
- *Duncan Corrigal, 2011, Outside the square*, 63tr
- *Great public spaces : Piazza del Campo*, www.pps.org
- Henry Shaftoe, 2008, *Convivial urban spaces : Creating effective public spaces*, tr73 - tr80
- Jan Gehl, 1987, *Life between buildings*, 216tr
- TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2000, *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương Tây*, tr231 - tr249

Chú thích

(1) Còn nhớ, tại Hà Nội năm 1911, người Pháp hoàn thành Nhà hát Lớn, một trong những công trình quy mô và quan trọng nhất trong tham vọng biến Hà Nội thành "Paris của Đông Dương". Nhà hát Lớn qua đó được xây dựng có nhiều nét tương đồng với nhà hát Garnier của Paris. Có lẽ người Pháp muốn biến quảng trường Nhà hát Lớn thành place de l'opéra (quảng trường nhà hát opéra) và phố Tràng Tiền trở thành avenue de l'opéra (đại lộ opéra) của Hà Nội. Tuy nhiên, quá trình phát triển đô thị chắp vá của Hà Nội, một phần do chiến tranh nhưng đồng thời cũng do sự thiếu kiểm soát về mặt xây dựng và thái độ hời hợt với những không gian công cộng đã khai tử quảng trường Nhà hát Lớn và hầu hết các quảng trường khác, để giờ đây Hà Nội hầu như không có một quảng trường theo đúng nghĩa (hoàn toàn dành cho người đi bộ, thích hợp để lưu lại trong thời gian dài, thuận lợi về mặt giao thông, đầy đủ về mặt dịch vụ và hấp dẫn về kiến trúc cảnh quan), tất cả những nơi mà người dân thủ đô quen gọi là quảng trường thực chất chỉ là những đảo giao thông khổng lồ!

KẾT QUẢ CUỘC THI THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XANH
FuturArc Prize 2014

Năm nay, FuturArc Prize (FAP) được tổ chức lần thứ 7, là cuộc thi thiết kế Công trình Xanh hàng đầu ở Châu Á, trao giải cho sáu người thắng giải trên khắp Châu Á – Thái Bình Dương có những sáng kiến ấn tượng. Đề tài cuộc thi năm nay kêu gọi một tầm nhìn mới về vấn đề nước trong thành phố. Trên phạm vi xây dựng, đề tài này có thể mang hình thức giải pháp mới để tìm nguồn cung ứng, lưu trữ và tái chế; hoặc nó có thể kêu gọi việc tính toán lại các giải pháp hiện có như nhà ở và văn phòng. Trên phạm vi đô thị, nó có thể tự biểu hiện thông qua các mạng lưới hoặc cơ sở hạ tầng mới có liên quan đến lưu lượng và vòng tuần hoàn. Ngoài mục tiêu là sự đầy đủ (để tồn tại); nó còn là chất lượng cuộc sống của các khu định cư và hệ sinh thái mà chúng ta phụ thuộc vào.

Một ban giám khảo độc lập gồm năm giám khảo quốc tế đã xem xét kỹ lưỡng và chọn ra tổng cộng 6 dự án thắng giải (3 giải Kiến trúc sư, 3 giải Sinh viên) và 5 giải khuyến khích. Cả ba người chiến thắng của giải Kiến trúc sư đều từ Việt Nam. Người đoạt giải Nhất là Đào Lê Hồng Mỹ với dự án Water Revitalization–Touching the Black River, một phương pháp tiếp cận mang tính hệ thống cao trong việc giải quyết các vấn đề về bảo tồn nguồn nước, sử dụng nước lãng phí, ô nhiễm nguồn nước, lũ lụt, và sự khan hiếm nước. Nhóm Bùi Xuân Dương và Trần Hoài Phương đoạt giải Nhì với dự án Blue Green Black: From Resistance to Resilience, nhằm cố gắng giải quyết vấn đề lũ lụt của đồng bằng sông Cửu Long. Đề án này là sự kết hợp của thiết kế, quy hoạch và thủy văn đô thị. Nhóm đoạt giải Ba gồm Vũ Tiến An, Phan Xuân Thiện và Lê Uyên Minh, với dự án The Day After Tomorrow, tầm nhìn về một thế giới can đảm, trong đó các công trình thu và trữ nước tạo ra những điểm mốc đô thị mới.

Nhóm của Trần Tấn Phúc, Đỗ Kim Chung và Đinh Trần Mẫn Tuyên cũng ở Việt Nam, chiếm Hạng Nhất giải Sinh viên. Dự án S.M.O.F - Saigon Markets on the Flow của họ nhằm khắc phục các vấn nạn về ô nhiễm, chất thải và an toàn thực phẩm bằng cách tái tạo chợ nổi. Nó đề cập đến sinh kế và cộng đồng như là những nền tảng của quy hoạch đô thị.

Tiến sĩ Nirmal Kishnani, Chủ tịch Hội đồng Giám khảo năm nay, nhận xét: *"Thật tuyệt vời khi mà Giải thưởng FuturArc trong những năm qua đã trở thành một nền tảng cho những người trẻ nói lên những vấn đề của quốc gia hoặc khu vực của họ, cũng như chia sẻ tầm nhìn của họ về tương lai. Điều chúng tôi nhận ra trong năm nay là xây dựng, cảnh quan và thủy văn đô thị cần phải được đồng bộ. Chúng tôi thấy khá nhiều bài dự thi đã xử lý được cả ba phạm vi này. Chúng tôi thấy (sự can thiệp) ở cấp độ của một tòa nhà - cách một tòa nhà quản lý nội lưu và ngoại lưu. Chúng tôi thấy điều này ở quy mô khu vực và chúng tôi thấy sự truyền đạt ở quy mô thành phố."*

Giám khảo Võ Trọng Nghĩa, nhận xét: *"Chủ đề của cuộc thi về nước, là một vấn đề thực sự lớn ở Châu Á, đặc biệt là ở Việt Nam. Vấn đề có thể về các nguồn nước nội bộ hoặc là lũ lụt ... Thật thú vị khi được thấy nhiều giải pháp cho vấn đề này trong các bài dự thi của giải thưởng FuturArc năm nay ... Sự hòa hợp của nước, tòa nhà và cảnh quan đã được thực hiện rất tốt. Những đề án này đã khuyến khích tôi làm nhiều hơn với trách nhiệm của một kiến trúc sư và nhà quy hoạch đô thị để giải quyết các vấn đề trong các thành phố và các tòa nhà."*

PROFESSIONAL CATEGORY | FIRST PLACE

awarded to

DAO LE HONG MY

Vietnam

After graduating from the University of Civil Engineering in Hanoi, I decided to delve further into sustainable architecture. I then continued my Masters in Environmental Design at the University of Nottingham, UK. I came to realise later that architecture is a large world with many things to explore. The more I studied, the smaller I felt. Architecture is a series of experiments and its users are the greatest operators. This project is my attempt to find a Green solution for my beloved city.

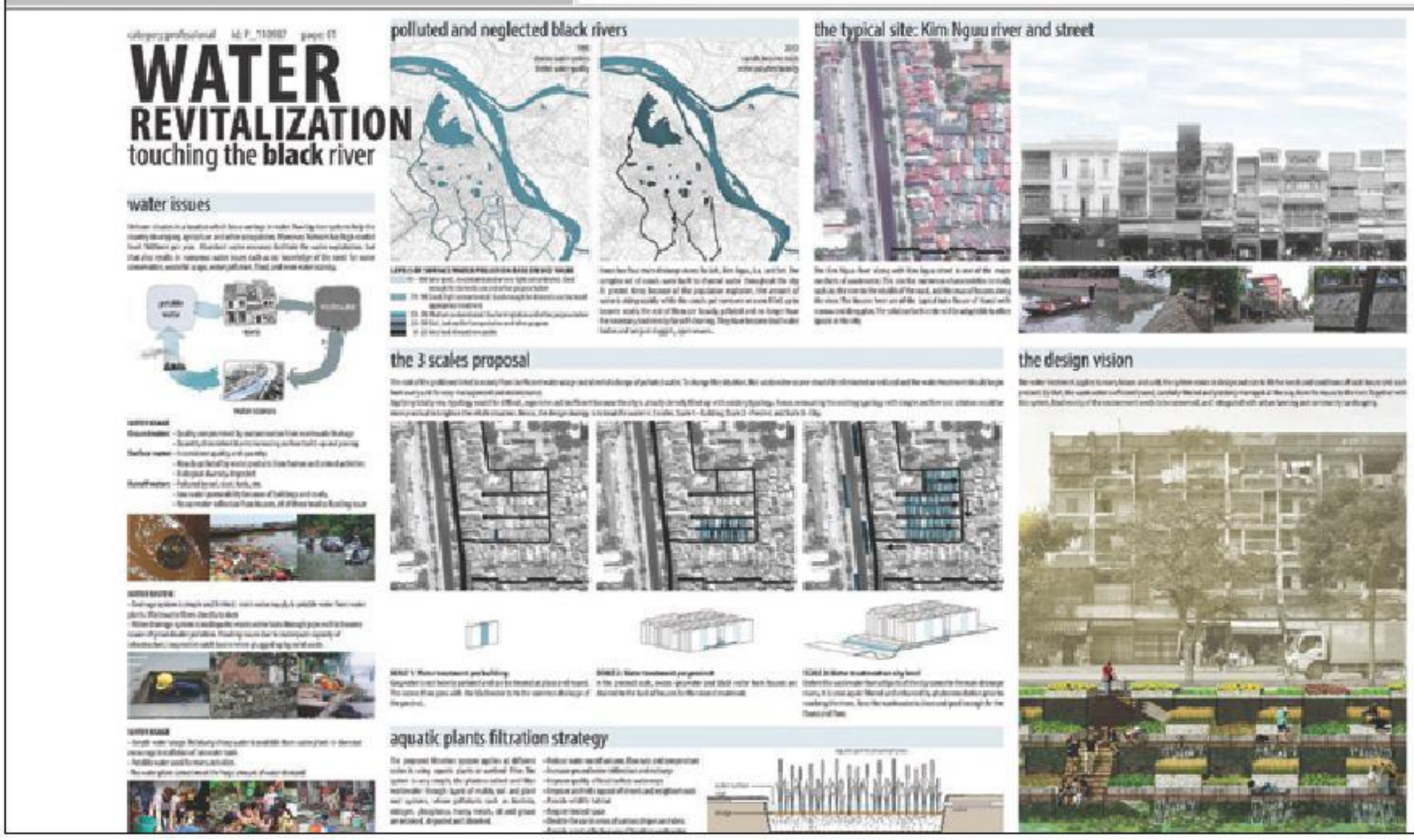

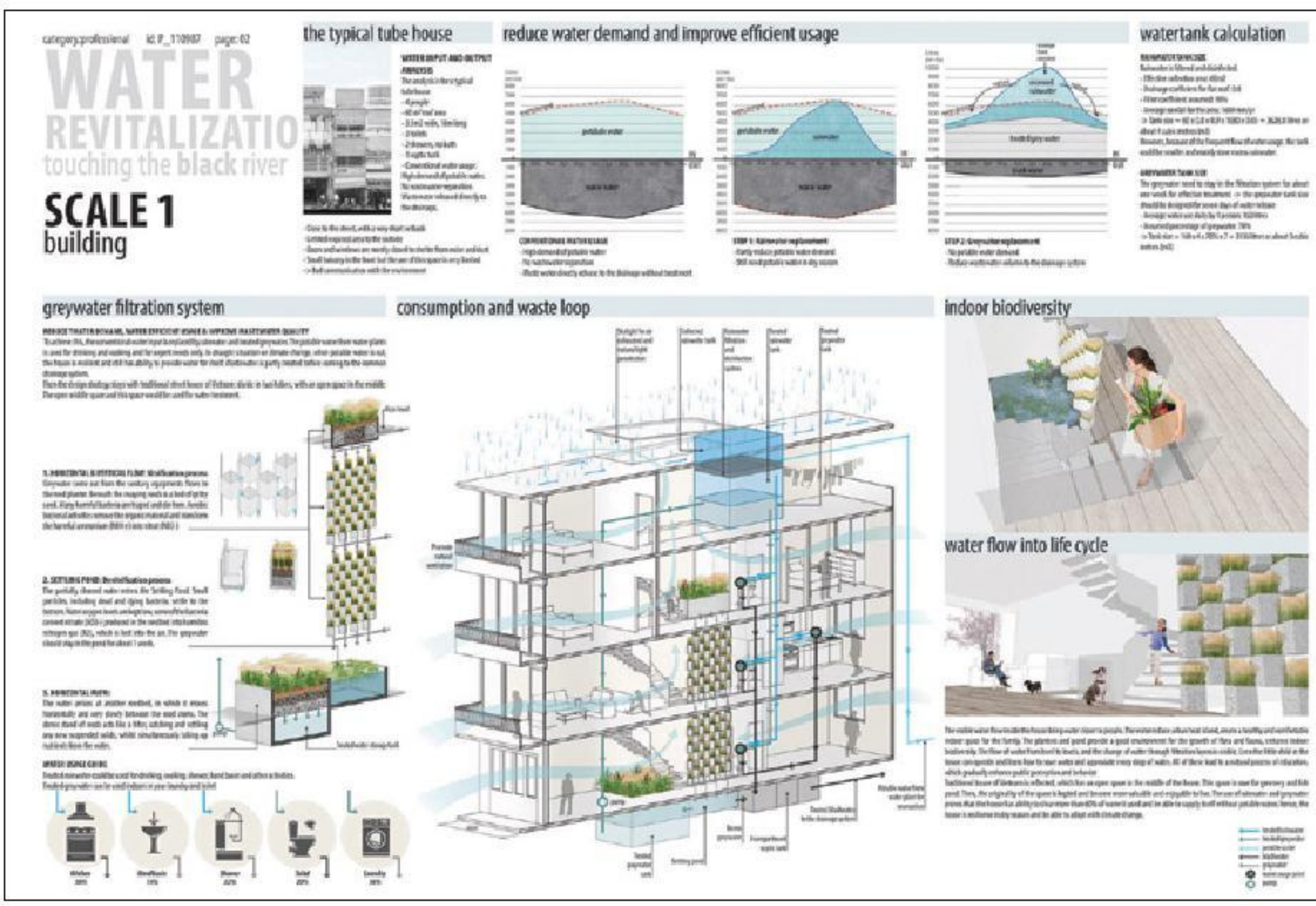

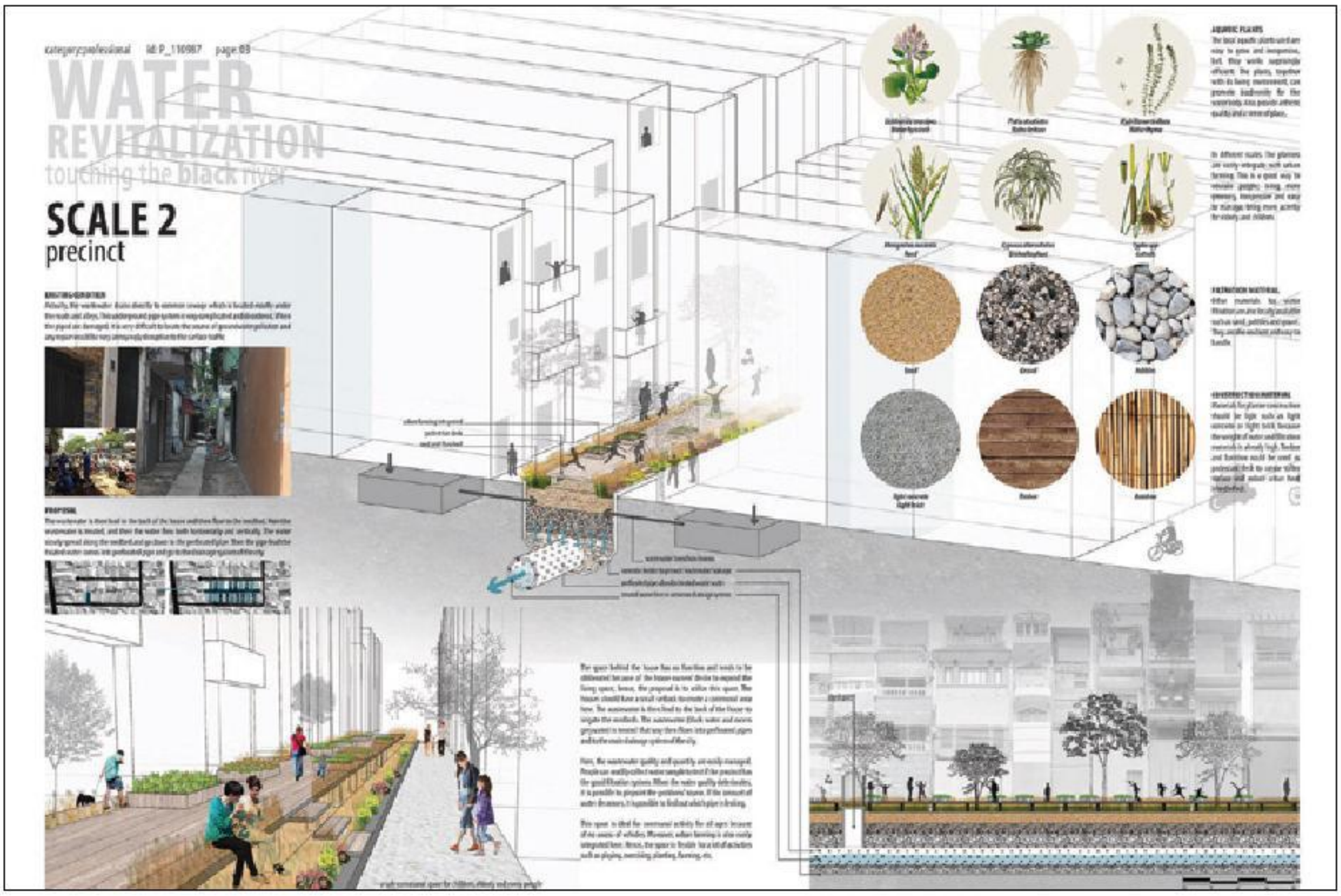
WATER
REVITALIZATION
touching the black river
SCALE 2
precinct

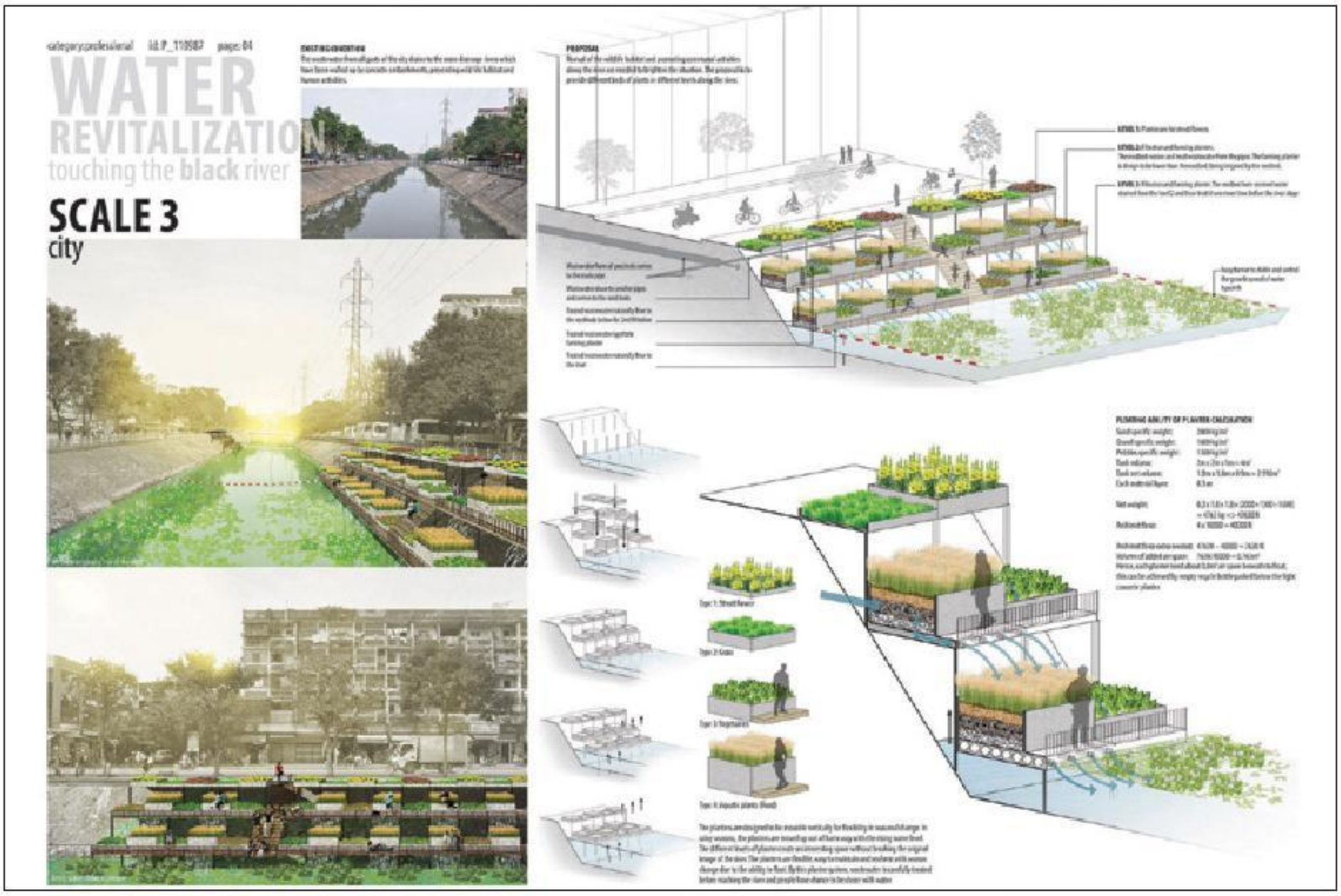
WATER
REVITALIZATION
touching the black river
SCALE 3
city

PROFESSIONAL CATEGORY | SECOND PLACE

awarded to

BUI DUONG AND TRAN PHUONG

Vietnam

We have Master's degrees from KU Leuven, Belgium, and are currently continuing our studies in architecture and urbanism in Germany. Having a diverse educational background—made possible from having studied in Vietnam and Europe—enables us to be involved in projects in different contexts and be exposed to a variety of architectural designs and urban planning paradigms. We take interest in theories and practices concerning resilient architecture and urbanism, site-responsiveness, and designing with natural elements. We also share the same aspiration to travel and learn from different urban realities.

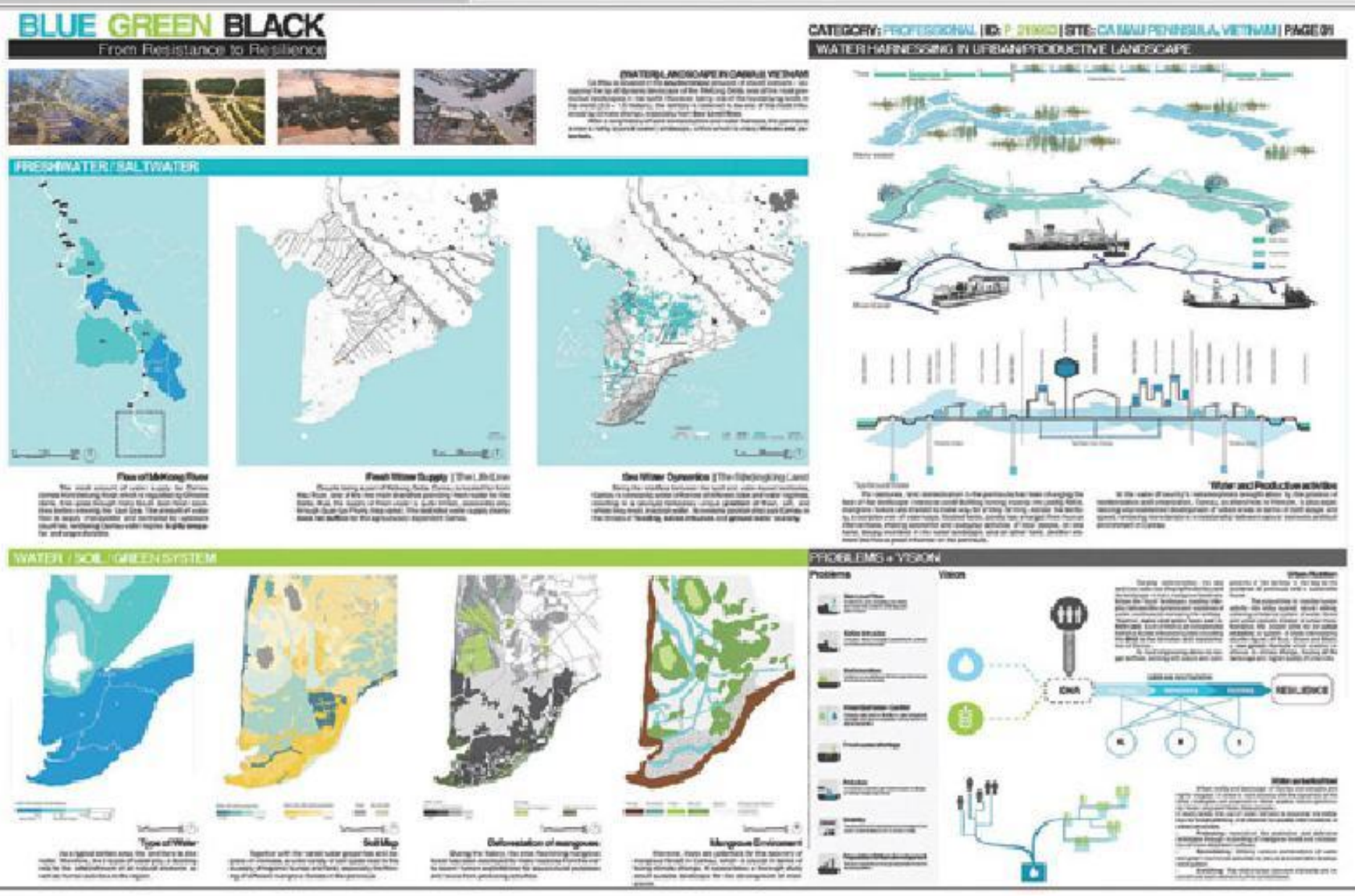

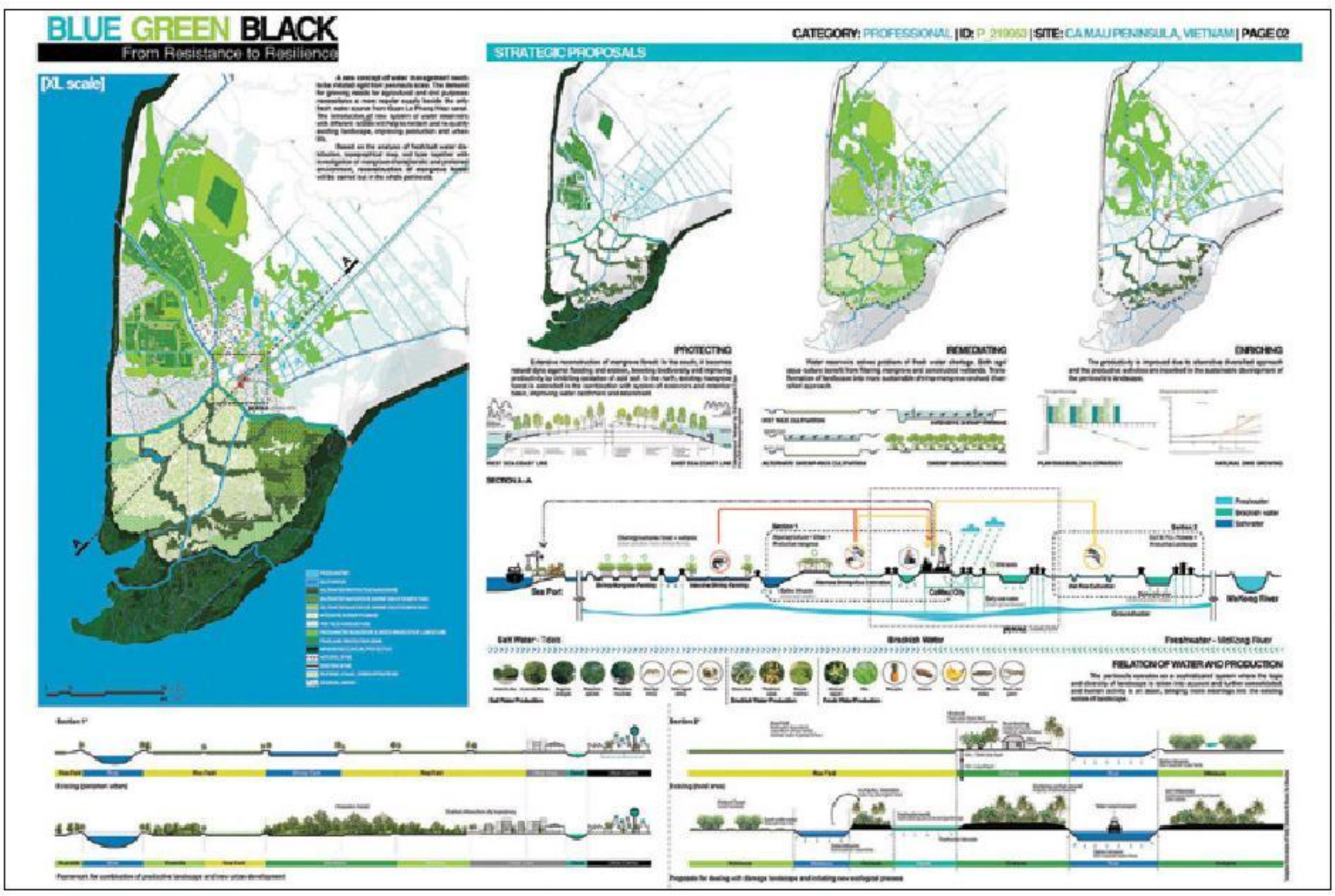

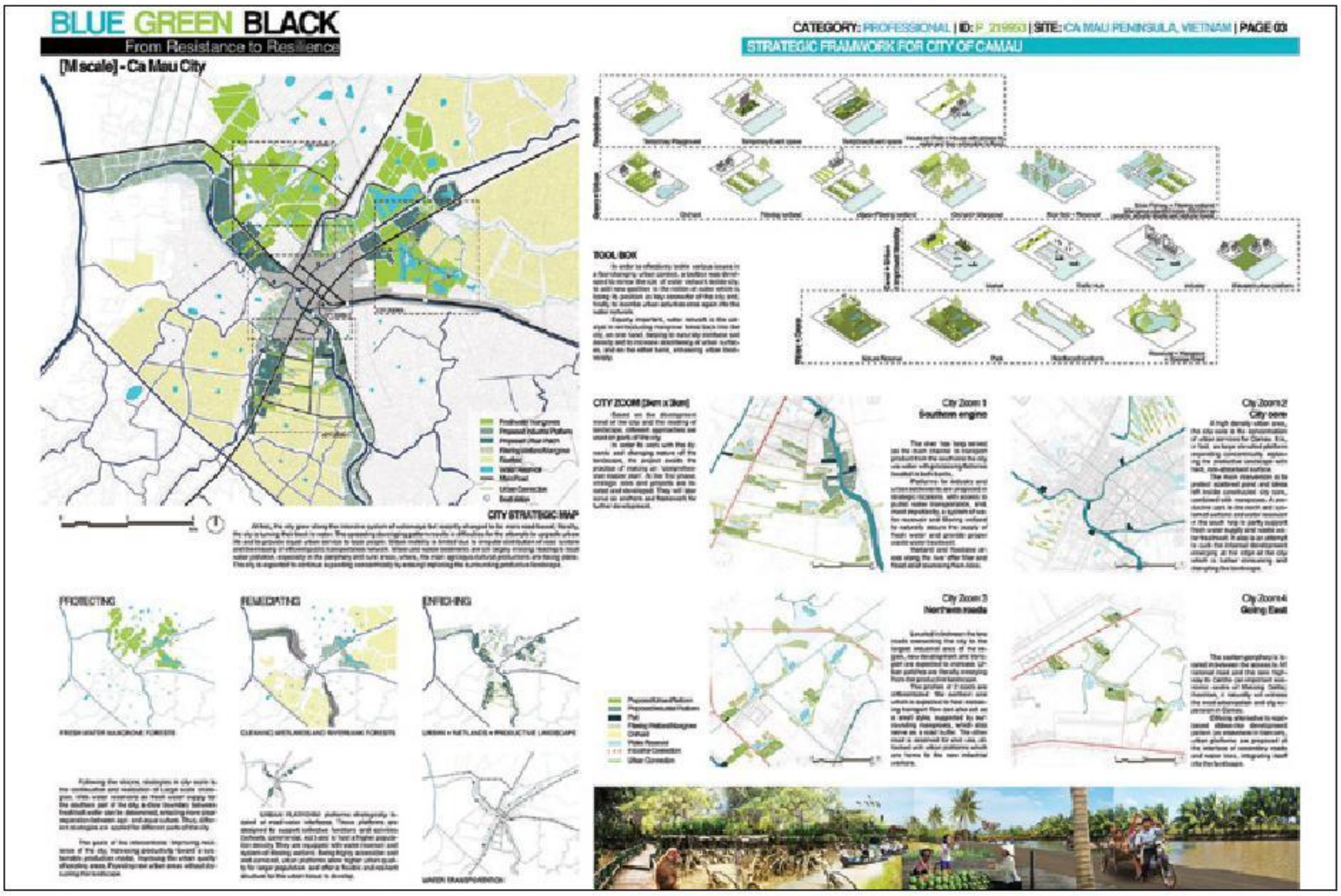
BLUE GREEN BLACK
From Resistance to Resilience
[M scale] - Ca Mau City
CATEGORY: PROFESSIONAL | ID: P 219993 | SITE: CA MAU PENINSULA, VIETNAM | PAGE 03
STRATEGIC FRAMWORK FOR CITY OF CAMAU
TOOL BOX
CITY ZOOM [3km x 3km]
City Zoom 1
Southern engine
City Zoom 2
City core
City Zoom 3
Northern roads
City Zoom 4
Going East
CITY STRATEGIC MAP
PROTECTING
REMEDIATING
ENRICHING

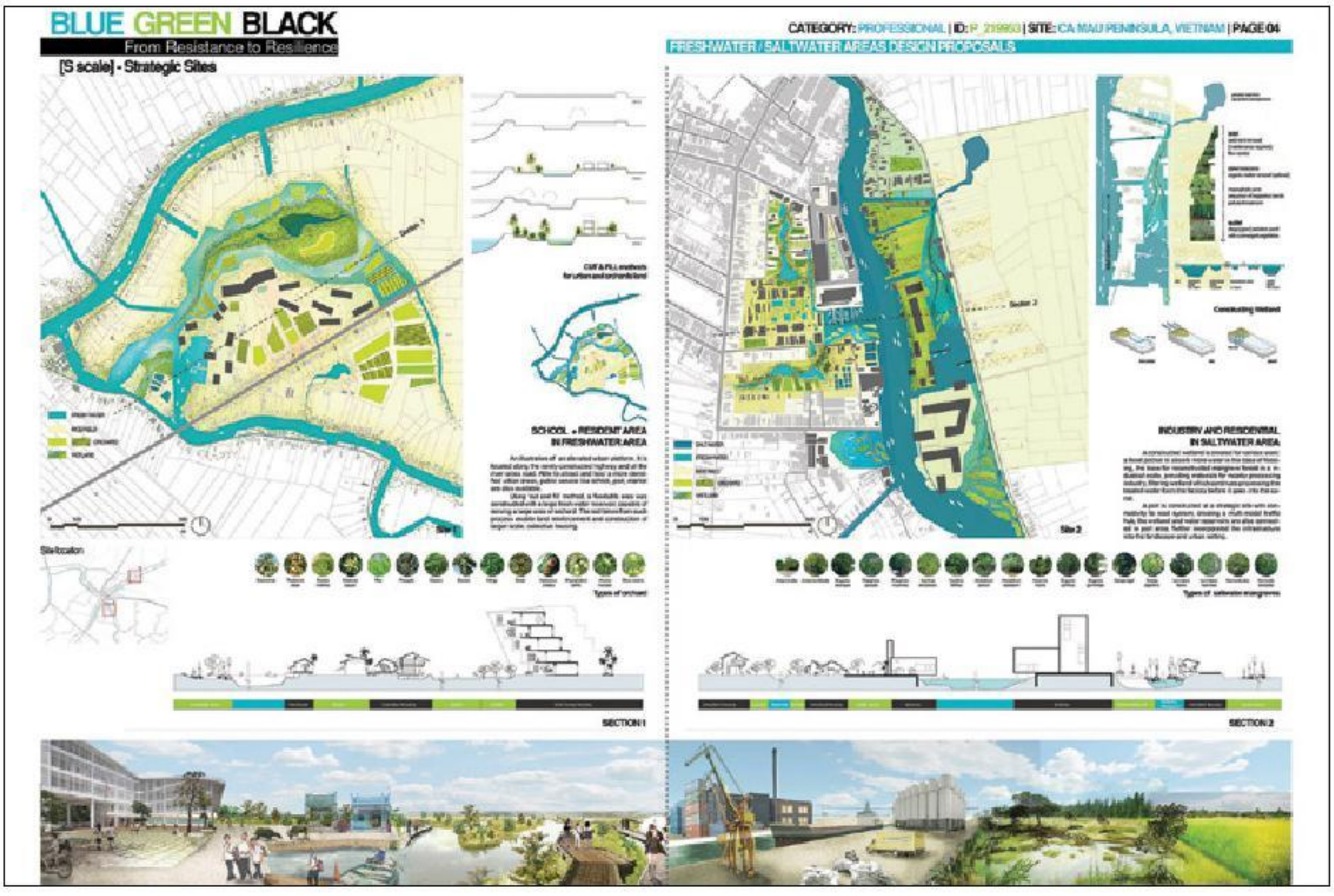
BLUE GREEN BLACK
From Resistance to Resilience
[S scale] - Strategic Sites
CATEGORY: PROFESSIONAL | ID: P 219993 | SITE: CA MAU PENINSULA, VIETNAM | PAGE 04
FRESHWATER / SALTWATER AREAS DESIGN PROPOSALS
SCHOOL + RESIDENT AREA IN FRESHWATER AREA
INDUSTRY AND RESIDENTIAL IN SALTWATER AREA
Site 1
Site 2
SECTION 1
SECTION 2

STUDENT CATEGORY | FIRST PLACE

awarded to

TRAN TAN PHUC AND TEAM
Vietnam

Tran Tan Phuc, **Do Kim Chung** and **Dinh Tran Man Tuyen** are first-year students at the University of Architecture in Ho Chi Minh City, Vietnam. Having worked on several academic and research projects in Vietnam's largest urban area, the group found that achieving a sustainable future for each city is not a distant reality—solutions can be considered from the city's history and people.

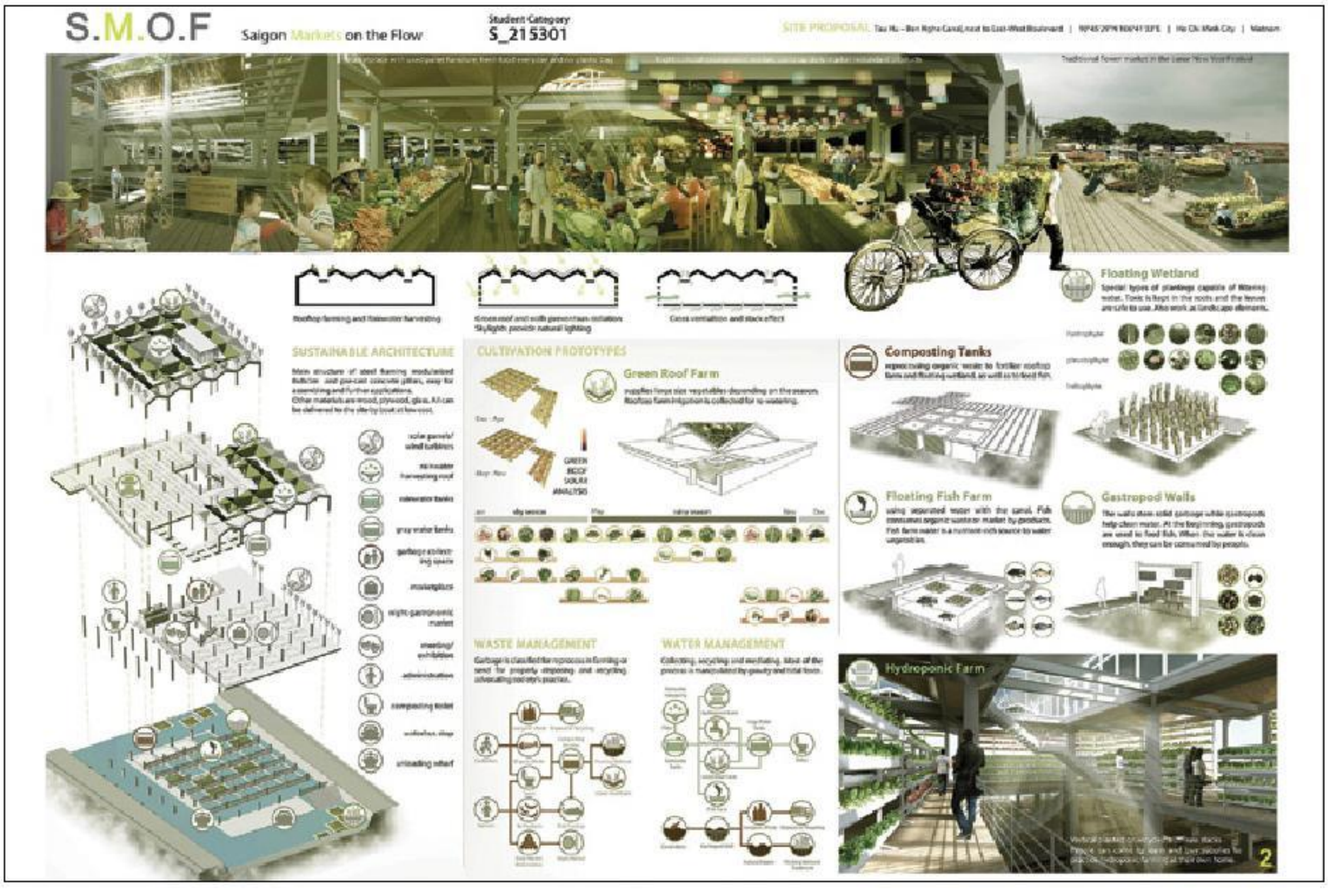

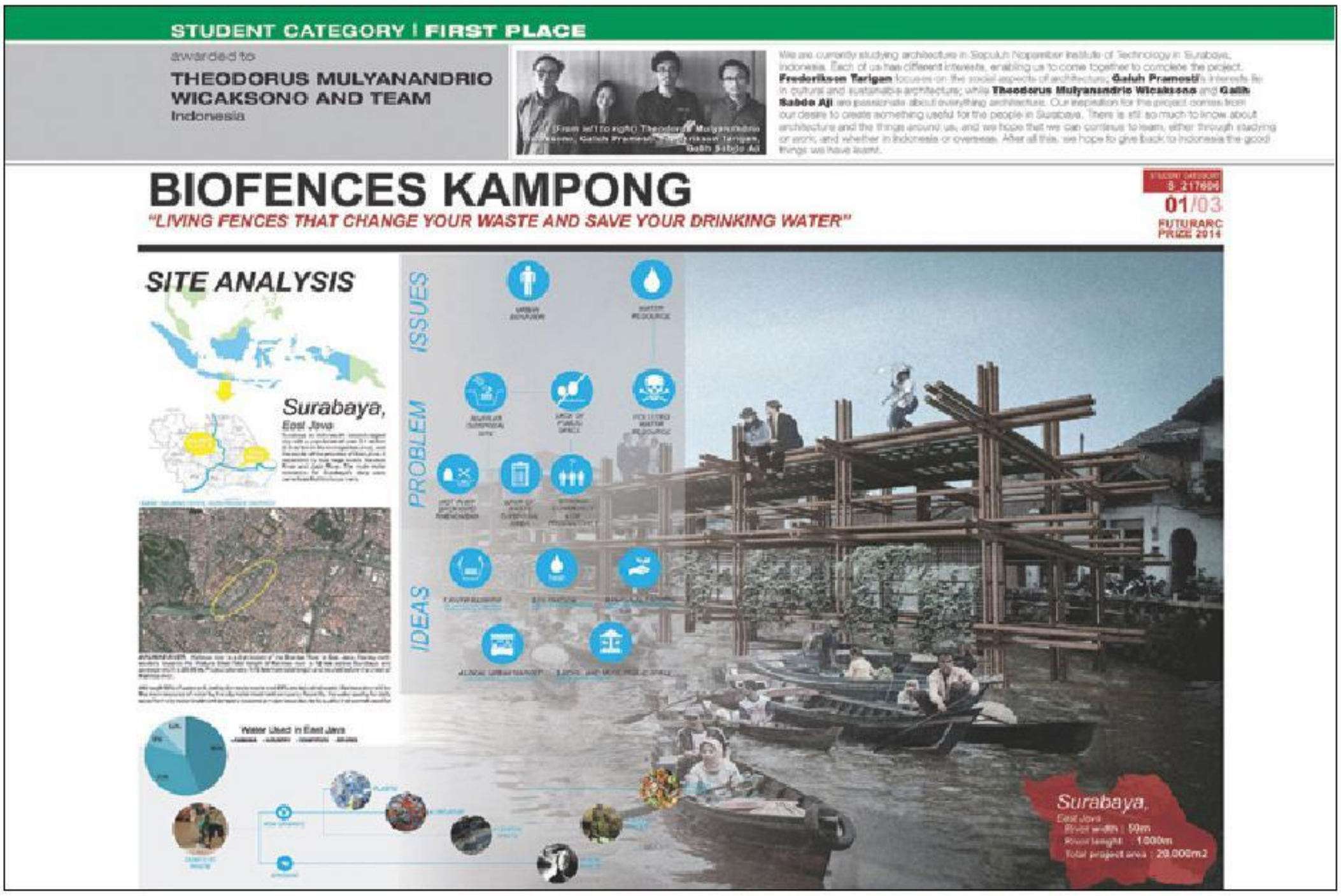
STUDENT CATEGORY | FIRST PLACE
awarded to
THEODORUS MULYANANDRIO WICAKSONO AND TEAM
Indonesia
BIOFENCES KAMPONG
"LIVING FENCES THAT CHANGE YOUR WASTE AND SAVE YOUR DRINKING WATER"
01/03
FUTURARC PRIZE 2014
SITE ANALYSIS
Surabaya,
East Java
ISSUES
PROBLEM
IDEAS
Water Used in East Java
Surabaya,

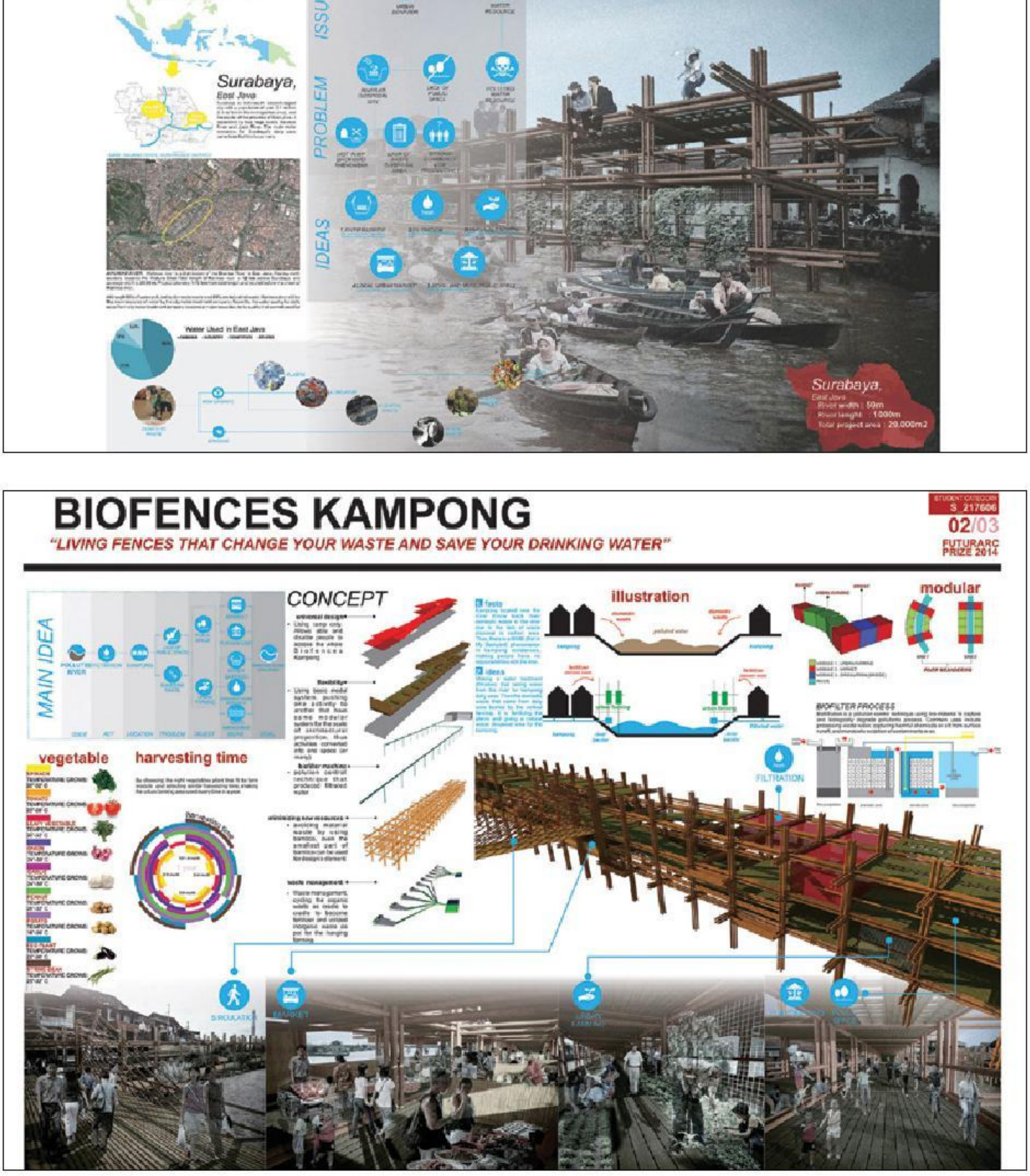
BIOFENCES KAMPONG
"LIVING FENCES THAT CHANGE YOUR WASTE AND SAVE YOUR DRINKING WATER"
02/03
FUTURARC PRIZE 2014
MAIN IDEA
CONCEPT
illustration
modular
vegetable
harvesting time
FILTRATION

KIẾN TRÚC SƯ SHIGERU BAN 56 TUỔI, SINH TẠI TOKYO, CÓ CÁC VĂN PHÒNG ĐẶT TẠI TOKYO, PARIS VÀ NEW YORK, LÀ MỘT TRƯỜNG HỢP HIẾM CÓ TRONG LĨNH VỰC KIẾN TRÚC. CÁC CÔNG TRÌNH DO ÔNG THIẾT KẾ MANG TÍNH SÁNG TẠO VÀ THANH LỊCH VỚI CÁC KHÁCH HÀNG TƯ NHÂN, VÀ SỬ DỤNG CÙNG PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ SÁNG TẠO CÓ TÀI XOAY XỞ CHO NHỮNG NỖ LỰC NHÂN ĐẠO SÂU RỘNG CỦA MÌNH. TRONG HAI MƯƠI NĂM, BAN ĐÃ ĐI ĐẾN HIỆN TRƯỜNG CỦA CÁC THẢM HỌA TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO TRÊN THẾ GIỚI, LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG, CÁC TÌNH NGUYỆN VIÊN VÀ SINH VIÊN, ĐỂ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHỮNG NƠI TẠM TRÚ VÀ NHÀ CỘNG ĐỒNG ĐƠN GIẢN, CÓ THỂ TÁI CHẾ, ĐÀNG HOÀNG, CHI PHÍ THẤP CHO CÁC NẠN NHÂN THIÊN TAI.

GIẢI THƯỞNG KIẾN TRÚC **PRITZKER 2014**

KIẾN TRÚC SƯ SHIGERU BAN

KTS. **TRÌNH HUY LONG** (dịch từ www.pritzkerprize.com)

Tại văn phòng ở Paris của mình, Shigeru Ban phát biểu cảm nghĩ, "nhận giải thưởng này là một vinh dự lớn, và cùng với nó, tôi phải thận trọng. Tôi phải tiếp tục lắng nghe những người mà tôi làm việc cho họ, trong công việc cứu trợ thiên tai và những nhiệm vụ cá nhân của tôi. Tôi thấy giải thưởng này như khuyến khích tôi tiếp tục làm những gì tôi đang làm, không thay đổi những gì tôi đang làm, nhưng để phát triển nó."

Trong tất cả công việc của mình, Ban tìm thấy một loạt các giải pháp thiết kế, thường dựa trên cấu trúc, vật liệu, hướng nhìn, thông gió tự nhiên và ánh sáng, và bằng sự nỗ lực của mình để tạo nên những nơi chốn thoải mái cho người sử dụng chúng. Từ các khu nhà ở tư nhân và trụ sở công ty, viện bảo tàng, phòng hòa nhạc cho đến các tòa nhà dân dụng khác, Ban được biết đến với tính độc đáo, kinh tế, và sự khéo léo trong tác phẩm của mình, mà không phụ thuộc vào các giải pháp công nghệ cao phổ biến hiện nay.

Công ty truyền thông Thụy Sĩ Tamedia yêu cầu Ban tạo nên những không gian dễ chịu cho nhân viên của họ. Ông giải quyết bằng cách thiết kế một trụ sở bảy tầng với hệ thống kết cấu chính hoàn toàn bằng gỗ. Các khóa liên dầm cũng bằng gỗ, không đòi hỏi mối hàn kim loại nào.

Đối với Trung tâm Pompidou-Metz ở Pháp, Ban thiết kế một hệ thống các dải gỗ thông thoáng, nhấp nhô để tạo nên hệ mái của công trình, nó bao che các khối bảo tàng phức tạp bên dưới và tạo ra một quảng trường công cộng mở và dễ tiếp cận.

Để xây dựng nơi trú ẩn cứu trợ thiên tai của mình, Ban thường sử dụng ống giấy các tông tái chế đối với các cột, tường và dầm, chúng có sẵn tại địa phương; không tốn kém; dễ dàng vận chuyển, lắp ráp và tháo dỡ; và chúng có thể chống được nước và lửa, và dễ dàng tái chế. Ông nói rằng người Nhật được giáo dục về tầm quan trọng của việc tiết kiệm tài nguyên.

Khi còn nhỏ, Shigeru Ban đã quan sát thợ mộc truyền thống Nhật Bản làm việc tại nhà của gia đình ông và đối với ông công cụ của họ, việc xây dựng, và mùi của gỗ là một điều kỳ diệu. Ông tiết kiệm những mảnh gỗ bị bỏ đi và xây nên những mô hình nhỏ từ chúng. Ông muốn trở thành một người thợ mộc. Nhưng vào lúc 11 tuổi, cô giáo của ông cho cả lớp thiết kế một ngôi nhà đơn giản và Ban đã được giải nhất. Kể từ đó, trở thành kiến trúc sư là ước mơ của ông.

Công việc nhân đạo mà Ban bắt đầu hưởng ứng là cuộc xung đột năm 1994 tại Rwanda, nó đã ném hàng triệu người vào điều kiện sống bi thảm. Ban đề nghị nơi trú ẩn bằng giấy ống cho Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Người tị nạn và họ đã thuê ông như một nhà tư vấn. Sau trận động đất năm 1995 tại Kobe, Nhật Bản, ông lại đóng góp thời gian và tài năng của mình. Ở đó, Ban phát triển "Ngôi nhà ống giấy," cho người Việt Nam tị nạn trong khu vực này, với thùng bia chứa đầy bao cát làm nền móng, ông xếp các ống giấy các tông theo chiều dọc, để tạo ra các bức tường của ngôi nhà. Ban cũng thiết kế "Nhà thờ giấy," như là một trung tâm cộng đồng bằng các ống giấy cho các nạn nhân của Kobe. Sau đó nó được tháo rời và gửi đến Đài Loan, và xây dựng lại ở đó, trong năm 2008.

Ban làm việc với các nạn nhân địa phương, học sinh và những tình nguyện viên khác để có thể xây dựng được những dự án giảm nhẹ thiên tai. Năm 1995, ông thành lập một tổ chức phi chính phủ (NGO) được gọi là VAN (Voluntary Architects'

Network. Với VAN, theo dõi các trận động đất, sóng thần, bão, và chiến tranh, ông đã tiến hành công việc kiến thiết tại Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Sri Lanka, Trung Quốc, Haiti, Ý, New Zealand, và hiện nay là Philippines.

Chủ tịch ban giám khảo giải thưởng Pritzker, Lord Palumbo, cho biết, "Shigeru Ban có được sức mạnh của tự nhiên, nó hoàn toàn phù hợp với công việc tình nguyện cho người vô gia cư và bị mất đi quyền sinh sống trong khu vực đã bị tàn phá bởi thiên tai. Nhưng ông cũng đánh dấu vào vài đặc điểm của Kiến trúc Pantheon – bằng sự hiểu biết sâu sắc về chủ đề của mình với sự nhấn mạnh đặc biệt về vật liệu và công nghệ tiên tiến; sự hiểu biết chung và cam kết; đổi mới vô tận; sự sáng suốt; cảm nhận sắc sảo - để đặt tên nhưng chỉ một ít."

Trích dẫn từ ban giám khảo giải thưởng Pritzker nhấn mạnh cách tiếp cận thực nghiệm của Ban đối với các vật liệu thông thường như ống giấy và container vận chuyển, sự đổi mới về kết cấu của ông ấy, và sử dụng một cách sáng tạo các vật liệu độc đáo như tre, vải, giấy, và những hợp chất của sợi giấy và nhựa tái chế.

Ban giám khảo giới thiệu công trình Naked House (2000) tại Saitama, Nhật Bản, trong đó Ban che phủ các bức tường bên ngoài bằng nhựa gợn sóng và các tấm acrylic màu trắng băng qua hệ khung gỗ. Các lớp của những tấm mờ này gợi nhớ đến hình ảnh của tấm bình phong truyền thống Shoji. Chủ đầu tư yêu cầu các thành viên trong gia đình không được tách rời nhau, vì vậy ngôi nhà bao gồm một không gian rộng lớn duy nhất, có hai tầng, trong đó bốn phòng cá nhân đặt trên bánh xe có thể di chuyển tự do.

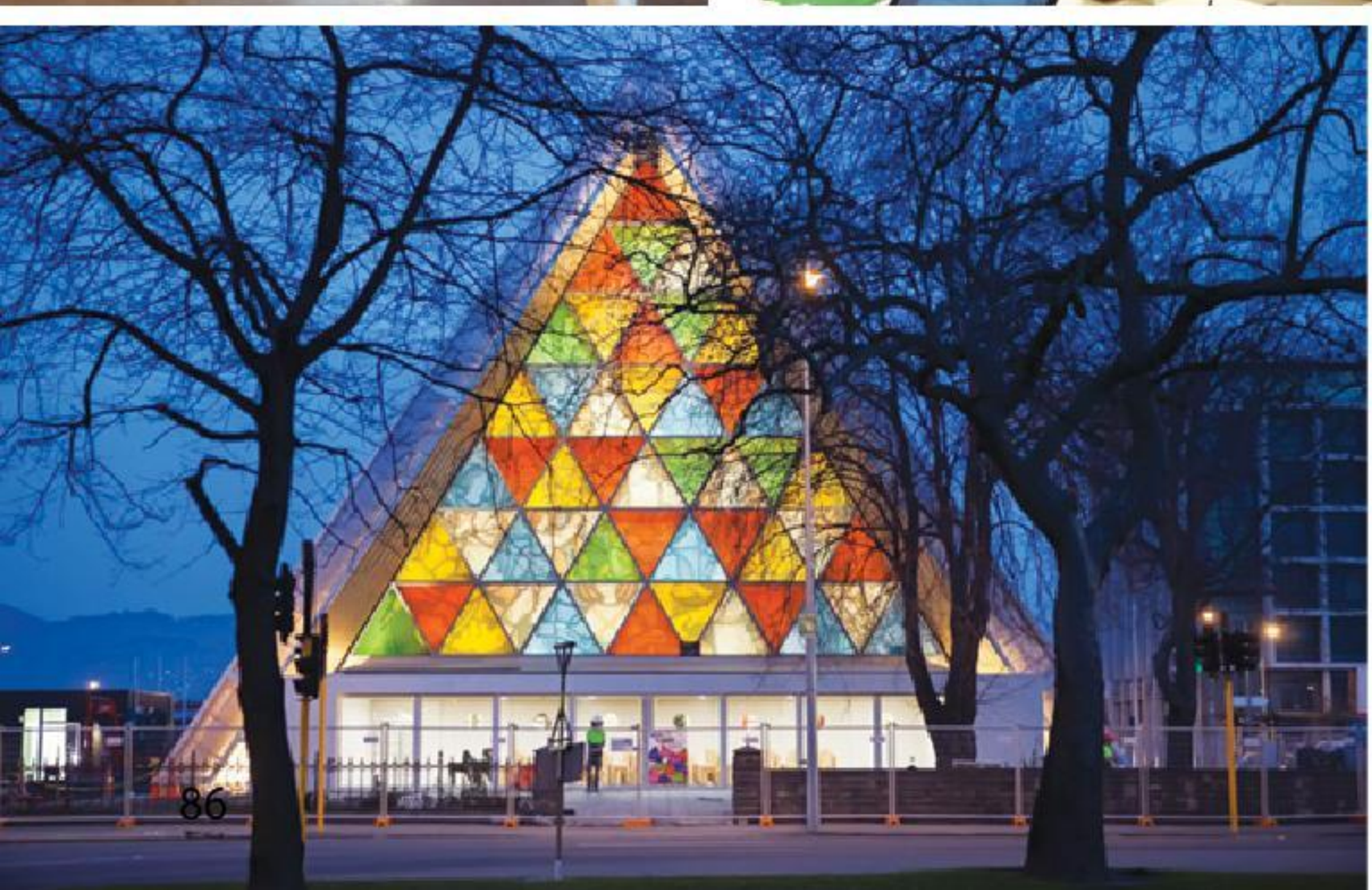

Với công trình Curtain Wall House (1995) tại Tokyo, những tấm rèm cửa màu trắng bao che cả hai tầng dọc theo chu vi của ngôi nhà có thể được mở để đón dòng chảy bên ngoài hoặc đóng cửa để mang đến một không gian như một tổ kén. Trung tâm Nicolas G. Hayek (2007) cũng ở Tokyo có các cửa chớp kính cao ở mặt trước và mặt sau và chúng có thể mở được hoàn toàn.
Ban sử dụng các container vận chuyển như các yếu tố sẵn sàng thực hiện để xây dựng Bảo tàng Nomadic (New York, 2005; Santa Monica, California, năm 2006; và Tokyo, 2007). Thiết kế của ông cho Bảo tàng Nghệ thuật Aspen dự kiến sẽ mở cửa vào tháng 8 năm 2014.
Kiến trúc của ông thường được gọi là "bền vững và thân thiện với môi trường", nhưng ông nói: "Khi tôi bắt đầu làm việc theo cách này, gần ba mươi năm trước, không ai nói về vấn đề môi trường. Nhưng cách làm việc này đến với tôi một cách tự nhiên. Tôi đã luôn luôn quan tâm đến chi phí thấp, tính địa phương và vật liệu tái sử dụng."

Trong bản công bố người đoạt giải năm nay, Tom Pritzker nói, "Sự cam kết của Shigeru Ban về tính nhân đạo thông qua công việc cứu trợ thiên tai của ông là một minh chứng cho tất cả. Đổi mới không giới hạn theo loại xây dựng và lòng từ bi không giới hạn bởi ngân sách, Shigeru đã làm cho thế giới của chúng ta tốt đẹp hơn. "
Shigeru Ban từng là thành viên của ban giám khảo giải thưởng Kiến trúc Pritzker từ năm 2006 đến 2009. Ông thuyết trình và giảng dạy tại nhiều trường kiến trúc trên thế giới và hiện là giáo sư tại Đại học Nghệ thuật và Thiết kế Kyoto.
Lễ trao giải vừa diễn ra vào ngày 13 tháng 6 năm 2014, tại bảo tàng Rijksmuseum ở Amsterdam, Hà Lan.

Thành phần Ban giám khảo được lựa chọn cho giải thưởng Kiến trúc Pritzker năm 2014 bao gồm Chủ tịch Lord Palumbo, người bảo trợ kiến trúc nổi tiếng thế giới của London, Chủ tịch danh dự của Trustees, Phòng Trưng Bày Serpentine, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật của Vương quốc Anh, nguyên Chủ tịch Quỹ trưng bày Tate; và theo thứ tự abc:

- Alejandro Aravena, kiến trúc sư và Giám đốc điều hành của Elemental tại Santiago, Chile
- Stephen Breyer, Tòa án Tư pháp tối cao Mỹ, Washington, DC
- Yung Ho Chang, kiến trúc sư và nhà giáo dục, Bắc Kinh, Trung Quốc
- Kristin Feireiss, người phụ trách mảng kiến trúc, nhà văn, và biên tập viên, Berlin, Đứ
- Glenn Murcutt, kiến trúc sư và chủ nhân của giải thưởng Kiến trúc Pritzker 2002, Sydney, Úc
- Juhani Pallasmaa, kiến trúc sư, giáo sư và nhà văn, Helsinki, Phần Lan
- Ratan N. Tata, Chủ tịch danh dự của Tata Sons, công ty mẹ của Tập đoàn Tata, Mumbai, Ấn Độ.
- Martha Thorne, phòng quan hệ đối ngoại của Associate Dean, Trường Kiến trúc & Thiết kế IE, Madrid, Tây Ban Nha, là Giám đốc điều hành của giải thưởng.

Tóm tắt tiểu sử

Shigeru Ban được sinh ra tại Tokyo vào ngày 05/8/1957. Cha ông là một doanh nhân tại Toyota, và mẹ của ông là nhà thiết kế thời trang cao cấp cho giới nữ. Khi Ban còn trẻ, ông bị thu hút bởi công việc truyền thống của những thợ mộc được thuê về cải tạo căn nhà bằng gỗ của gia đình, và ông thích chọn những mảnh gỗ thừa để xây dựng mọi thứ.

Ban xuất sắc trong các môn học nghệ thuật và thủ công trong trường tiểu học và trung học cơ sở. Sau đó, ông quyết định rằng ông muốn trở thành một kiến trúc sư. Song song với giấc mơ này là tình yêu của ông về bóng bầu dục. Ban hy vọng sẽ vào học tài trường Đại học Waseda để theo đuổi cả bóng bầu dục và kiến trúc.

Từ lớp 11, ông đã đi đến một trường học vẽ mỗi ngày sau khi tập luyện bóng bầu dục ở trường. Ban đã được chọn là một thành viên thường xuyên của đội bóng bầu dục của mình khi còn học lớp 11 và chơi trên các giải đấu quốc gia; Tuy nhiên, đội bóng của ông đã bị đánh bại ở vòng đầu tiên. Sau đó ông quyết định từ bỏ kế hoạch vào trường đại học Waseda của mình, và đi đến Đại học Nghệ thuật Tokyo tập trung vào nghiên cứu kiến trúc.

Từ lớp 12, Ban đã tham gia các lớp học buổi tối của một trường học chuẩn bị vào đại học. Ông đã học được mô hình cấu trúc sử dụng giấy, gỗ, tre lần đầu tiên, và với khả năng đặc biệt của mình, ông nhanh chóng chứng tỏ là người vô song trong lĩnh vực này.

Năm 1977, Ban đã đi đến California để học tiếng Anh. Vào thời điểm đó, ông phát hiện ra rằng Cooper Union đã không chấp nhận sinh viên nước ngoài và sinh viên chỉ được chấp nhận cho những người chuyển từ các trường khác tại Hoa Kỳ. Ban tìm kiếm một trường học mà từ đó ông có thể chuyển giao và quyết định tham gia Viện Kiến trúc Nam California (SCI-Arc), vừa được thành lập và sử dụng một nhà kho cũ để cải tạo làm trường học. Ban đã bị cuốn hút bởi các studio thú vị và môi trường trường học này.

Kiến trúc sư nổi tiếng và người sáng lập của SCI-Arc, Raymond Kappe, phỏng vấn ông, và mặc dù Ban không thể nói tiếng Anh tốt vào thời điểm đó, Kappe đã có ấn tượng với hồ sơ xin nhập học của Ban, và cho phép ông nhập học như là một sinh viên năm hai. Năm 1980, sau khi kết thúc năm thứ 4 tại SCI-Arc, Ban chuyển qua học tại Cooper Union. Vào cuối năm thứ tư, Ban vắng mặt một năm ở Cooper Union và làm việc tại văn phòng Arata Isozaki ở Tokyo.

Ban quay về Cooper Union và nhận bằng Cử nhân Kiến trúc năm 1984. Sau khi tốt nghiệp, Ban đồng hành cùng với nhiếp ảnh gia Yukio Fukagawa trên một chuyến du lịch đến châu Âu, ở đó lần đầu tiên ông đến thăm văn phòng kiến trúc Alvar Aalto ở Phần Lan trong. Ban đã choáng váng bởi phong cách kiến trúc của Aalto.

Năm 1985, Ban bắt đầu lập xưởng thực hành của mình ở Tokyo mà không có kinh nghiệm làm việc nào. Từ năm 1985 đến năm 1986, ông đã tổ chức và thiết kế thi công các buổi triển lãm của Emilio Ambasz, Alvar Aalto, cuộc triển lãm của Judith Turner, là người phụ trách Thư viện Axis ở Tokyo.

Trong khi phát triển các cấu trúc giấy ống mà ông thực hiện lần đầu tiên tại triển lãm Aalto, Ban đã thiết kế các công trình như "PC Pile House," "House of Double-Roof," "Furniture House," "Curtain Wall House," "2/5 House," "Wall-Less House," và "Naked House" như là một loạt các nghiên cứu của mình.

Vào năm 1995, việc phát triển cấu trúc ống giấy của Ban nhận được giấy chứng nhận kiến trúc vĩnh viễn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nhật Bản và ông đã hoàn thành công trình "Nhà giấy." Năm 2000, phối hợp với kiến trúc sư / kỹ sư kết cấu người Đức Frei Otto, Ban xây dựng một cấu trúc vỏ lưới bằng ống giấy khổng lồ cho Nhật Bản Pavilion tại Hội chợ triển lãm Hanover ở Đức. Cấu trúc này đã thu hút sự chú ý từ khắp nơi trên thế giới với kiến trúc có thể tái chế của nó.

Năm 1998, ông Nobutaka Higara trở thành đối tác của Ban tại văn phòng Tokyo.

Năm 2004, Ban hợp tác với Jean de Gastines (đối tác tại văn phòng Paris của mình kể từ năm 2004) và Philip Gumuchdjian, và giành thắng lợi tại cuộc thi thiết kế công trình Trung tâm Pompidou-Metz.

Năm 2001, Ban đã được phong giáo sư ở Khoa Môi trường và Nghiên cứu thông tin tại Đại học Keio. Sau khi ông giành được sự giải thưởng cuộc thi thiết kế Trung tâm Pompidou-Metz, ông thành lập một văn phòng tư ở Paris với đối tác của mình là Jean de Gastines. Năm 2008, ông từ chức ở Đại học Keio và năm 2010 ông làm việc như một giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Harvard và Đại học Cornell. Năm 2011, ông trở thành giáo sư tại Đại học Nghệ thuật và Thiết kế Kyoto.

Ban hiện đang làm công việc sáng tác kiến trúc, ông cũng là tình nguyện viên cứu trợ thiên tai, thuyết giảng rộng rãi, và giảng dạy. Ông tiếp tục phát triển vật liệu và hệ thống cấu trúc. Công việc này đã dẫn đến không chỉ là cấu trúc ống giấy, mà còn là vật liệu ép từ tre (Bamboo Furniture House, 2002), những hệ thống kết cấu được xây dựng từ các container vận chuyển (chuỗi Bảo tàng Nomadic, New York, năm 2005, Santa Monica năm 2006, Tokyo vào năm 2007; nhà ở bằng container tạm thời, Onagawa, 2011), và các cấu trúc bằng gỗ mà không cần kết nối kim loại (Trung tâm Pompidou-Metz, 2010; Haesley Nine Bridges Golf câu lạc bộ, năm 2010; Tamedia Cao ốc văn phòng mới, 2013; Bảo tàng Nghệ thuật Aspen, 2014). Ngoài ra, ông chế tạo đồ nội thất và kiến trúc được làm bằng sợi carbon (Ghế bằng sợi Carbon, năm 2009, và Nhà Bảo tàng Mùa hè Rietberg, 2013).

Nhận xét từ Ban giám khảo

"Shigeru Ban là một kiến trúc sư làm việc không biết mệt mỏi với niềm lạc quan vô tận. Nơi những người khác có thể nhìn thấy những trở ngại không thể vượt qua, Ban lại thấy ở đó sự chiến đấu. Nơi những người khác có thể lấy làm con đường thử nghiệm, ông thấy đó là cơ hội để đổi mới. Ông được giao trọng trách là một giáo viên không chỉ là hình mẫu mà còn là nguồn cảm hứng cho thế hệ trẻ." ■

NĂM NAY, GIẢI THƯỞNG EMPORIS SKYSCRAPER 2013 ĐÃ ĐƯỢC TRAO CHO TÒA NHÀ CAO NHẤT TÂY ÂU, THE SHARD Ở LONDON, ANH. CÔNG TRÌNH GIÀNH GIẢI THƯỞNG ĐƯỢC LỰA CHỌN BỞI MỘT ỦY BAN QUỐC TẾ GỒM CÁC CHUYÊN GIA TỪ HƠN 300 TÒA NHÀ CHỌC TRỜI VỚI CHIỀU CAO ÍT NHẤT LÀ 100 MÉT VÀ ĐƯỢC HOÀN THÀNH TRONG NĂM DƯƠNG LỊCH TRƯỚC ĐÓ. GIẢI THƯỞNG LẦN NÀY, DO EMPORIS TỔ CHỨC, LÀ LẦN TRAO GIẢI THỨ 14 KỂ TỪ NĂM 2000.

Giải thưởng Tòa nhà cao tầng EMPORIS SKYSCRAPER AWARD 2013

1. The Shard (Vương quốc Anh)

Chiều cao: 306.00 m
Số tầng: 73
Địa điểm: London
Thiết kế kiến trúc: Renzo Piano Building Workshop S.r.l.
Công trình cao 306m, được thiết kế bởi kiến trúc sư Renzo Piano, đã thuyết phục ban giám khảo nhờ hình thức được ghép từ các mảnh kính độc đáo và thiết kế kiến trúc tinh vi của nó. "Việc xây dựng tháp The Shard rất phức tạp bởi vị trí xây dựng khá chặt chẽ và do đó cần phải thiết lập một kế hoạch sáng tạo. Điều này làm nên kết quả ấn tượng: một tòa nhà chọc trời được công nhận ngay và nó đã được coi là biểu tượng mới của London," tuyên bố của ban giám khảo để giải thích quyết định trao giải của mình.

2. DC Tower 1 (Cộng hòa Áo)

Chiều cao: 250.00 m
Số tầng: 60
Địa điểm: Vienna
Thiết kế kiến trúc: Dominique Perrault Architecture
Vị trí thứ hai trong cuộc bầu chọn này là tòa nhà DC Tower 1 được thiết kế bởi Dominique Perrault Architecture. Tòa nhà chọc trời ở Vienna cao 250m đặc biệt nổi bật với phong cách tương phản, trong đó mặt tiền của nó được xử lý với ba mặt gương phẳng bị phá vỡ bởi mặt đứng chính cheo leo, lởm chởm mang đến cho công trình sức mạnh của việc biểu đạt và cảm nhận vững chắc, mặc dù hình dáng của nó mỏng manh. Tòa nhà chọc trời cũng gây ấn tượng do ý tưởng phát triển bền vững toàn diện của nó, bao gồm cả pin quang điện để tạo ra năng lượng, các loại cây cối địa phương với nhu cầu nước thấp tạo nên những mảng xanh quanh tòa nhà, và các trạm sạc điện cho xe hơi để giảm lượng khí thải CO_2.

3. Sheraton Huzhou Hot Spring Resort (Trung Quốc)

Chiều cao: 102.20 m
Số tầng: 27
Địa điểm: Huzhou
Thiết kế kiến trúc: MAD, Ltd.
Dự án xếp thứ ba cũng phá vỡ các tiêu chuẩn kiến trúc cao tầng thông thường và do đó làm tăng thêm sự đa dạng về hình thức và hình dạng đặc trưng cho giải thưởng Emporis Skyscraper 2013. Nằm trên Thái Hồ, Sheraton Hồ Châu Hot Spring Resort, được thiết kế bởi các kiến trúc sư MAD, là một khách sạn cao 102m có hình dạng gợi lên một chiếc nhẫn khổng lồ. Thiết kế táo bạo của nó được nhấn mạnh bởi ánh sáng của nó vào ban đêm, tạo ra hình ảnh phản xạ hùng vĩ của tòa nhà lên mặt hồ.

www.ashui.com

4. Cayan Tower
(Các tiểu vương quốc Ả rập)

Chiều cao: 307.30m
Số tầng: 73
Địa điểm: Dubai
Thiết kế kiến trúc: Skidmore, Owings & Merrill LLP

5. One Central Park East
(Australia)

Chiều cao: 117.00m
Số tầng: 34
Địa điểm: Sydney
Thiết kế kiến trúc: Ateliers Jean Nouvel, PTW Architects Pty. Ltd.

6. Flame Towers
(Azerbaijan)

Chiều cao: 190m
Địa điểm: Baku
Thiết kế kiến trúc: HOK

7. Mercury City
(Nga)

Chiều cao: 338.82m
Số tầng: 75
Địa điểm: Moscow
Thiết kế kiến trúc: : Frank Williams & Partners, M.M.Posokhin, G.L. Sirota

Chiều cao: 135.70m
Số tầng: 36
Địa điểm: Singapore
Thiết kế kiến trúc: UNStudio

8. Ardmore Residence (Singapore)

9. AZ Tower
(Cộng hòa Séc)

Chiều cao: 111.00m
Số tầng: 30
Địa điểm: Brno
Thiết kế kiến trúc: Architektonická kancelář Burian-Křivinka

10. Nanfung
(Trung Quốc)

Địa điểm: Guangzhou
Thiết kế kiến trúc: Aedas

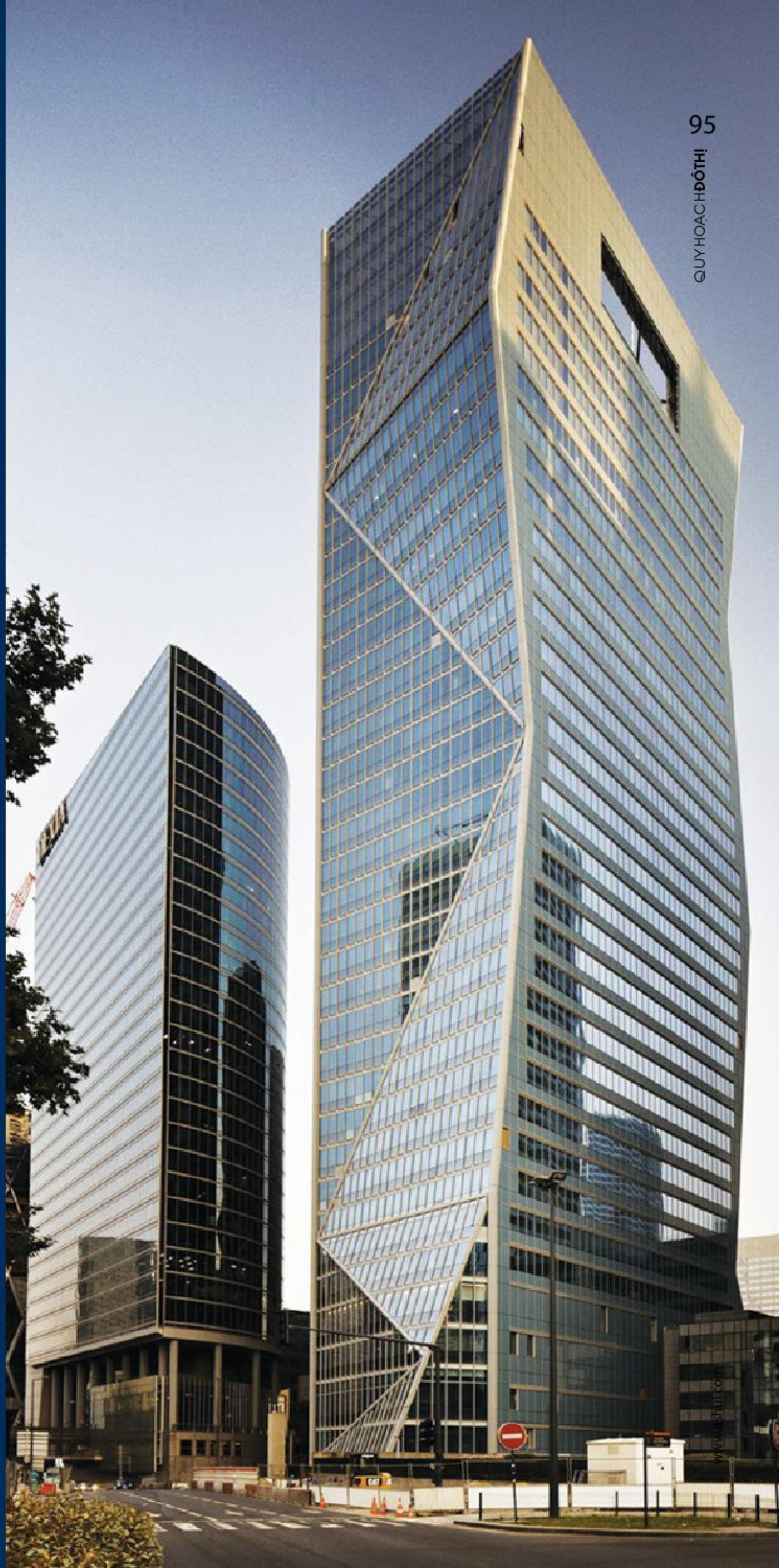

10. Tour Carpe Diem
(Pháp)

Chiều cao: 162.00m
Số tầng: 38
Địa điểm: Courbevoie
Thiết kế kiến trúc: Robert A.M. Stern Architects, LLP

Hiệu quả của dự án
"XÂY DỰNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TẠI 10 QUẬN NỘI THÀNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI"

DỰ ÁN HỢP TÁC GIỮA HỘI QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM VÀ VIỆN ODA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GACHON HÀN QUỐC, ĐƯỢC TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ HÀN QUỐC (KOICA) TÀI TRỢ, THỜI GIAN 01 NĂM TỪ THÁNG 3/2013 ĐẾN 3/2014.

1- Tóm tắt dự án

- Tên dự án: **"Xây dựng năng lực quản lý đô thị tại 10 quận nội thành Thành phố Hà Nội"**
- Cơ quan thực hiện: Viện ODA trường Đại học GACHON Hàn quốc và Hội Quy hoạch pát triển đô thị Việt Nam (VUPDA).
- Cơ quan tài trợ : Tổ chức hợp tác quốc tế Hàn quốc (KOICA)
- Thời gian thực hiện: từ tháng 3/2013 đến 3/2014.

- Mục tiêu của dự án:

Đối với cán bộ công chức thành phố Hà Nội:

- Nâng cao năng lực quản lý đô thị cho đội ngũ cán bộ công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân các Quận, Phường thuộc thành phố Hà Nội;
- Cải thiện công tác thực thi quản lý đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội ngày càng chất lượng, minh bạch và hiệu quả.

Đối với các nhà chuyên môn, giảng viên, sinh viên các trường đại học:

- Nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế về quy hoạch. quản lý đô thị và hành chính đô thị;
- Phối hợp giữa lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trong quá trình đô thị hóa.

Đối với người dân:

- Nâng cao nhận thức của người dân về các thủ tục và quy trình quản lý hành chính đô thị của thành phố Hà Nội;
- Nâng cao trách nhiệm của người dân đối với việc tham gia vào quá trình lập quy hoạch và phát triển đô thị.

2- Hoạt động của dự án

- Điều tra khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ cán bộ công chức đang công tác tại UBND 10 quận nội thành thành phố Hà Nội;
- Điều tra khảo sát nhu cầu đào tạo của cán bộ chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên đang công tác và học tập tại các trường đại học, Viện nghiên cứu;
- Điiều tra khảo sát về trình độ hiểu biết của người dân trong lĩnh vực hành chính công và các dịch vụ cơ bản của đô thị; nhu cầu và nguyện vọng của người dân trong tổ chức các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ đô thị;
- Điều tra đánh giá kết quả sau các khóa đào tạo;
- Tổ chức các khóa tập huấn "Quản lý nhà nước về đô thị" cho đội ngũ cán bộ công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân 10 quận nội thành Hà Nội;
- Tổ chức khóa khóa đào tạo "Quy hoạch cho lãnh đạo thành phố Hà Nội";
- Tổ chức các lớp tập huấn "Nâng cao kiến thức hành chính và quản lý đô thị" cho cộng đồng dân cư tại các phường của 10 Quận nội thành Hà Nội;
- Tổ chức các khóa đào tạo về "Quy hoạch và quản lý đô thị" cho nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên trường đại học Kiến trúc Hà Nội, trường đại học Xây dựng Hà Nội và cán bộ chuyên môn của các Viện nghiên cứu;
- Biên soạn tài liệu "Quản lý nhà nước về đô thị" cho khóa tập huấn cán bộ công chức 10 quận nội thành Hà Nội;
- Biên soạn tài liệu "Quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trong quá trình đô thị hóa" cho khóa đào tạo cán bộ chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên chuyên ngành quy hoạch và quản lý đô thị;
- Biên soạn tài liệu "Một số quy định hiện hành và thủ tục cơ bản về hành chính đô thị và hướng dẫn cồng đồng dân cư tham gia vào quy hoạch xây dựng đô thị" cho lớp tập huấn cộng đồng dân cư tại các phường của 10 Quận nội thành Hà Nội;
- Biên soạn tờ rơi giới thiệu dự án và nội dung, chương trình các khóa đào tạo ngắn hạn;
- Tổ chức Hội thảo quốc tế "Xây dựng năng lực quản lý hành chính công đô thị";
- Tổ chức Hội thảo quốc tế "Nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương trong lĩnh vực lập quy hoạch".
- Cấp chứng chỉ quốc tế cho các học viên hoàn thành khóa học.

3- Kết quả của dự án

3.1. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức đang công tác tại 10 quận nội thành Hà Nội về quản lý đô thị.

a) Công tác tổ chức:

Từ ngày 30/9/2013 đến ngày 20/12/2013, VUPDA đã tổ chức 22 khóa tập huấn cho cán bộ công chức 10 Quận và 01 lớp cho lãnh đạo thành phố Hà Nội. Nội dung tập huấn gồm 24 chuyên đề thuộc 6 lĩnh vực :

- Quản lý nhà nước về kinh tế đô thị;
- Quản lý nhà nước về môi trường đô thị;
- Quản lý nhà nước về giao thông đô thị;
- Quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị;
- Quản lý nhà nước về xã hội đô thị;
- Quản lý nhà nước về văn hóa đô thị.

Lễ trao chứng chỉ cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo

b) Tác động tích cực của dự án:

- Các học viên được tiếp cận một cách đầy đủ và đánh giá một toàn diện về các nội dung và các yếu tố tích cực và hạn chế làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về đô thị từ các lĩnh vực giao thông, quy hoạch, môi trường, kinh tế, văn hóa và xã hội.
- Các học viên tham gia được chia sẻ và trao đổi các kinh nghiệm trong công tác quản lý đô thị khi đề xuất các giải pháp giải quyết công việc trong lĩnh vực công tác của mình.
- Nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền đô thị trong việc kiểm soát sự phát triển đô thị.

3.2. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên trong lĩnh vực quản lý đô thị.

a) Công tác tổ chức:

Từ tháng 1/2014 đến tháng 2/2014, VUPDA đã tổ chức 05 khóa đào tạo cho cán bộ chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên. Nội dung tập huấn bao gồm 8 chuyên đề thuộc lĩnh vực "Quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trong quá trình đô thị hóa".

b) Tác động tích cực của dự án:

- Tăng cường sự hiểu biết của sinh viên, học viên cao học với các vấn đề liên quan đến công tác quy hoach và quản lý đô thị hiện nay.
- Nâng cao nhận thức giữa lý luận và thực tiễn nhằm giải quyết tốt những vấn đề của thực tiễn đặt ra.
- Được cập nhật các thông tin mới tác động hoặc có liên quan đến công tác quy hoạch, quản lý đô thị như biến đổi khí hậu& nước biển dâng, tiết kiệm năng lượng, công trình xanh, kiến trúc xanh...
- Tạo cơ hội được tham gia ý kiến, trình bày những vấn đề và nhận thức trước những yêu cầu thực tiễn đặt ra cho các đô thị hiện nay.
- Gợi mở cho các sinh viên năm cuối lựa chọn hướng nghiên cứu trong các đồ án tốt nghiệp và các đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp của nghiên cứu sinh, học viên cao học.

3.3. Tăng cường sự hiểu biết của người dân về thủ tục hành chính đô thị và hướng dẫn người dân tham gia vào công tác quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị.

a) Công tác tổ chức:

Từ tháng 1/2014 đến tháng 10/4/2014, VUPDA đã tổ chức 10 khóa tập huấn cho người dân và cán bộ đô thị của các phường thuộc 10 quận nội thành thành phố Hà Nội. Nội dung tập huấn bao gồm các bài giảng về một số quy định hiện hành và thủ tục cơ bản về hành chính đô thị, uy hoạch đô thị và các bài học kinh nghiệm hướng dẫn cộng đồng dân cư tham gia vào quy hoạch xây dựng đô thị.

b) Tác động tích cực của dự án:

- Nâng cao trình độ hiểu biết của người dân trong lĩnh vực hành chính công và các dịch vụ cơ bản của đô thị.
- Tạo sự thay đổi theo hướng tích cực trong giao tiếp giữa chính quyền và người dân trên cơ sở cải cách các thủ tục hành chính và dân chủ cơ sở.
- Giúp cộng đồng dân cư thấy rõ được quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong sự tham gia vào quy hoạch và xây dựng đô thị .
- Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc xây dựng, giám sát và thực thi các đồ án quy hoạch, mang lại những lợi ích thiết thực cho công tác quy hoạch, quản lý đô thị, sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả.
- Nâng cao năng lực và niềm tin của cộng đồng đối với chính quyền đô thị.

4- Kết luận

Dự án ***"Xây dựng năng lực quản lý hành chính đô thị tại 10 quận nội thành Hà Nội"*** là dự án góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực quản lý đô thị cho đội ngũ cán bộ công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân các Quận, Phường, các Sở Ban ngành thuộc thành phố Hà Nội.

Dự án cũng đã giúp cho cộng đồng dân cư ở các phường trên địa bàn thành phố Hà Nội có được những thông tin cơ bản và hướng dẫn cụ thể trong việc tiếp cận với các quy định và quy trình thực hiện các thủ tục hành chính trên địa bàn phường. Giúp người dân hiểu được vai trò và trách nhiệm trong việc tham gia vào các hoạt động xây dựng và quản lý đô thị. Đồng thời đưa các vấn đề nghiên cứu, lý luận vào thực tiễn một cách hài hòa, hiệu quả.

Qua kết quả khảo sát cho thấy cần tiếp tục xây dựng các dự án tập huấn, đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính trong đội ngũ cán bộ công chức, cộng đồng dân cư trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị trong thời gian tới. Một nhiệm vụ mà sự thành công của dự án sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội và sẽ là những bài học kinh nghiệm và mô hình hoạt động có hiệu quả có thể ứng dụng cho các đô thị khác trên cả nước. ■

www.ashui.com

THÔNG BÁO CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Ngày 27/5/2014, Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam đã tổ chức hội nghị Đoàn Chủ tịch bàn công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ IV và Hội thảo Quốc tế với chủ đề "*Triển vọng quy hoạch vùng các thành phố lớn*" với sự tham gia của các chuyên gia quy hoạch bốn nước Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam. Đến tham gia hội nghị có các ủy viên Đoàn Chủ tịch và nguyên bộ trưởng Xây dựng Nguyễn Hồng Quân – cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Hội. Hội nghị do ông Trần Ngọc Chính – Chủ tịch Hội chủ trì.

Kết luận của Hội nghị:

1. Đại hội Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam lần thứ IV là đại hội có tầm quan trọng đặc biệt. Đại hội nhằm đánh giá nhiệm vụ đã đạt được trong nhiệm kỳ qua (2009-2014) và bàn về nhiệm vụ chiến lược trong những năm tiếp theo nhằm đổi mới và đáp ứng tốt nhất nhiệm vụ phản biện xã hội.

2. Ban Văn kiện Đại hội khẩn trương dự thảo Văn kiện Đại hội Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam lần thứ IV gửi các Hội cơ sở, Chi hội và Hội viên tập thể lấy ý kiến đóng góp trước ngày 30/6/2014.

3. Đề nghị các Hội cơ sở, chi hội trực thuộc tiến hành tổ chức đại hội trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2014; đóng góp ý kiến cho Văn kiện Đại hội và giới thiệu nhân sự cho Ban chấp hành Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam khóa IV.

4. Thời gian tổ chức Đại hội Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam lần thứ IV: ngày 8/11/2014, buổi sáng sẽ tiến hành họp Ban Chấp hành Trương ương Hội lần thứ 5 khóa III, buổi chiều họp phiên trù bị Đại hội; sáng 9/11/2014 tiến hành Đại hội.

5. Ban Tài chính của Hội có chương trình và nội dung chi tiết về kế hoạch chuẩn bị kinh phí cho Đại hội lần thứ IV, cuối tháng 6/2014 báo cáo thường trực Hội.

6. Về Hội thảo khoa học quốc tế "*Triển vọng Quy hoạch vùng các thành phố lớn*", đây là lần đầu tiên Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đăng cai tổ chức sau khi Hội gia nhập Nhóm các hội quy hoạch đô thị của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam (vào năm 2012).
Thời gian Hội thảo:
- Tối ngày 6/11/2014: Đón tiếp đại biểu
- Ngày 7/11/2014: Hội thảo phiên toàn thể và các tiểu ban.
- Ngày 8/11/2014: Khảo sát tham quan vùng Thủ đô Hà Nội (các đại biểu Quốc tế và đại biểu Việt Nam có yêu cầu)

7. Các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức, Ban Văn kiện Đại hội, Ban Hậu cần, Ban Tài chính, Ban Thông tin - Truyền thông đã được thành lập và giao nhiệm vụ, sớm tổ chức họp phân công công việc cụ thể đến các thành viên trong Ban để chủ động triển khai theo đúng yêu cầu.

8. Trong tháng 6/2014, Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam sẽ tiến hành Đại hội thành lập. Các tỉnh Thái Bình, Điện Biên, Bình Dương và thành phố Cần Thơ đang khẩn trương tiến hành công tác thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị, đề nghị Thường trực Hội có kế hoạch làm việc với các địa phương để hướng dẫn cụ thể.

BỘ XÂY DỰNG

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG MIỀN NAM (SISP)

65 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp.HCM - Việt Nam * Tel: 08.38235714 * Fax: 08.38220090 - Email: pvqh-bxd@vnn.vn

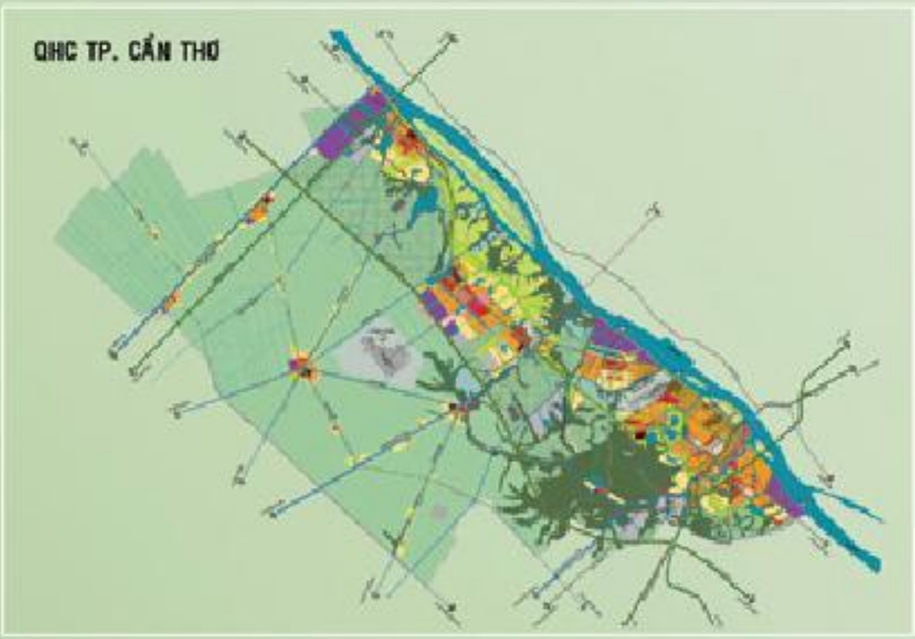

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

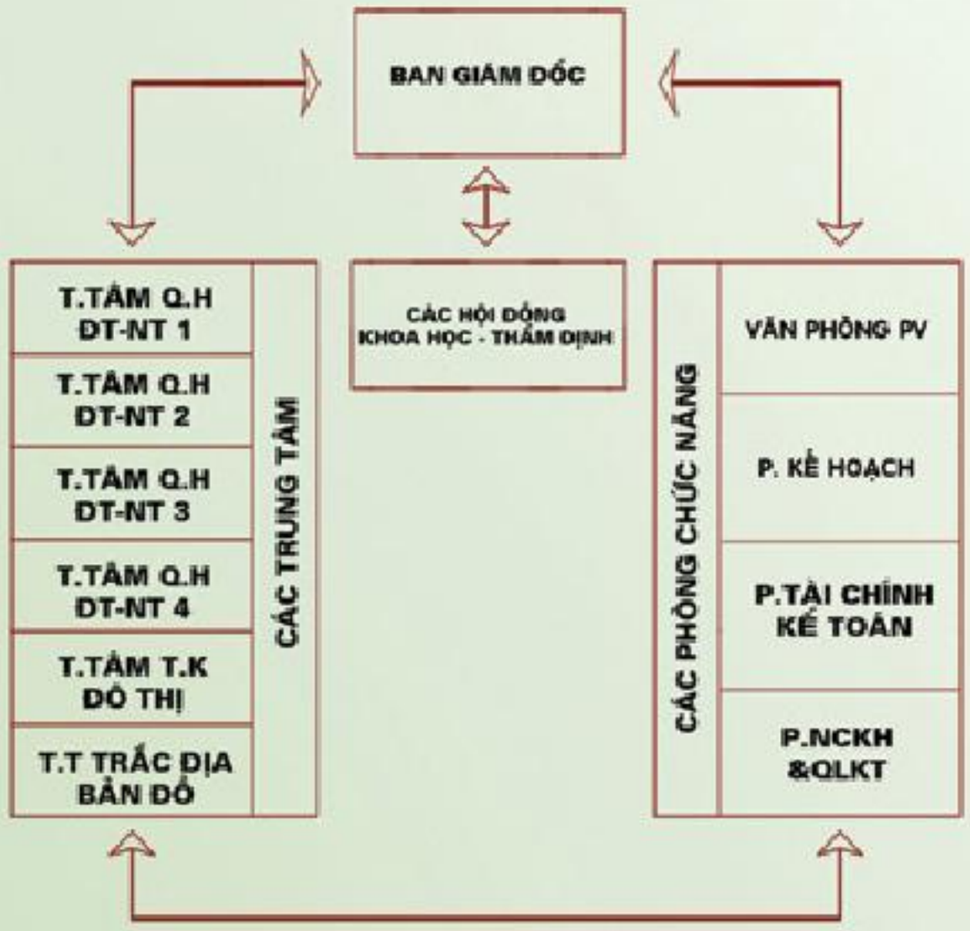

CHỨC NĂNG

- Nghiên cứu và lập các đồ án kiến trúc,quy hoạch xây dựng, quy hoạch môi trường và kiến trúc cảnh quan các vùng kinh tế trọng điểm, các khu đô thị, các khu công nghiệp, các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các tỉnh, thành phố khu vực Nam Trung Bộ,Nam bộ và TP Hồ Chí Minh

NHIỆM VỤ

- Tham gia thực hiện công tác quản lý Nhà Nước
- Tổ chức nghiên cứu phát triển định hướng các loại hình kiến trúc, quy hoạch xây dựng,hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan
- Nghiên cứu ,điều tra ,khảo sát thu thập,tổng hợp quản lý lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu trong các lĩnh vực liên quan.
- Tham gia tổ chức đào tạo, hợp tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Thực hiện hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước về các lĩnh vực hoạt động của Phân Viện và phân cấp của Viện.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn trong lĩnh vực kiến trúc công trình, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

-Quy hoạch xây dựng vùng TP Hồ Chí Minh (2007)
-Quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL (2007)
-Quy hoạch XD vùng biên giới Việt Nam- Campuchia (2007)
-Quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh (2008)
-Quy hoạch chung TP Cần Thơ (2009)
-Quy hoạch chung xây dựng TP Phan Thiết (2009)
-Quy hoạch chung xây dựng thị xã Buôn Hồ- tỉnh Đắk Lắk (2009)
-Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc (2010)
-Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (2010)
- Quy hoạch chung khu kinh tế Năm Căn - tỉnh Cà Mau
- Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp
- Quy hoạch chung thị xã Đồng Xoài (đang TH)
-Quy hoạch chung thành phố Mỹ Tho (đang TH)
-Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Bạc Liêu (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Tân An (đang TH)
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng

JUNGDO UIT

THAY ĐỔI MỚI, THỬ THÁCH MỚI, CƠ HỘI MỚI

Với phương châm "thành công của khách hàng là giá trị của doanh nghiệp",
JUNGDO UIT vận hành hoạt động với sự sáng tạo
công nghệ cao dựa trên bề dày kinh nghiệm tích lũy cho
các dự án đã được kiểm định chất lượng trong lĩnh vực phát triển
quy hoạch đô thị và thông tin địa không gian.
Mục tiêu của chúng tôi
là hướng tới trở thành một công ty hàng đầu về
phát triển đô thị xanh và thân thiện môi trường.

Smart Green City

Quy hoạch
Smart Green city

Xây dựng hệ thống &
Quy hoạch đô thị ít lượng khí thải

Quy hoạch đô thị

Quy hoạch cơ bản đô thị
& Quy hoạch quản trị

Quy hoạch cho
các đơn vị quận huyện

Dự án phát triển đô thị

Tổ hợp công nghiệp

Quy hoạch thu hút
khách du lịch

Thông tin đô thị

Hệ thống thông tin đất đai
(LIS)

Hệ thống thông tin
quy hoạch đô thị(UPIS)

Hệ thống đánh giá
sự thích hợp đất đai(LSA)

Không gian địa lý (GeoNURIS)

Electric Package

GIS cho
phân phối Electricity

Hệ thống
quản lý GAS & Utilities

G-CRM

JUNGDO UIT
www.uitgis.com
Ivon Bldg 5th Floor 721-4 Yeoksam-dong,Gangnam-gu, Seoul, Korea T. +82- 2-561-7117 F. +82- 2-561-9792
Gyeongbuk Technopark 5th Floor Sampung-dong 300, Gyeongsan-City, Gyeongbuk T. +82-53-817-9977 F. +82-53-817-9987
www.uitgis.com E-mail : nsk@uitgis.com

GIS(Geo) Software certification · INNOBIZ Innovative Technology Small and Medium Business · Grand prize from Digital Innovation Awards · Trademark registration · Venture Business registration · R&D Center · Program registration